

tủ sách

7.28

Bạn
muốn thành
gián điệp?

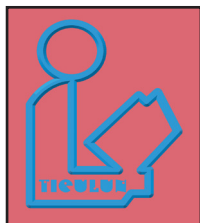


NGƯỜI THỨ TÁM

tài liệu gián điệp

**BẠN MUỐN THÀNH
GIÁN ĐIỆNP ?**

NGƯỜI THỨ TÁM



MỤC LỤC

Phần Thứ Nhất

Gián điệp, Bạn Là Ai ? 8

1)	9
2) Những Con Số Kinh Khủng	13
3) Bệnh Gián điệp	15
4) Dụng Cụ Gián điệp	20
5) Gián điệp Điện Tử	24
6) Ngược Giọng Lịch Sử	28
7) Từ Lê Đại Hành Đến Quang Trung	31
8) Gián điệp, Bạn Là Ai ?	36
9) Tôi Làm Gián điệp Cho CIA	38
10) Tôi Làm Gián điệp Cho Cộng Sản	49
11) Bí Mật CIA	63
12) Bí Mật GRU - KGB	67
13) DIA Là Gì ?	70
14) INR Là Gì ?	72
15) MI Là Gì ?	74
16) Lỗ Bình Sơn Phiêu Lưu Ký	77
17) Nghề Gián điệp :	
Thiên Đường Hay Địa Ngục	81
18) Nghề điệp Báo : Con Đường Ngắn Nhất	
Vào Nhà Thương Diên ?	88
19) Tất Cả Đều... Diên	93

20) Bệnh Điên Của Ông Vua Không Ngại Á Rập	98
21) Hồ Sơ Tối Mật : Yếu Nhân Tình Báo Sô Viết	101
22) ... Từ OSS... Đến CIA...	104
23) Im Lặng Là Vàng	115
24) Hồ Sơ Tối Mật : Vịnh Con Heo	120
25) CIA Làm Gì ?	131
26) Trắng, Đen, Và Xám...	136
27) Kế Hoạch Bó Đuộc	145
28) Kế Hoạch Ruth : Gián Điệp Thủ Tướng	149
29) Đạo Tặc Trở Thành Anh Hùng Giản Điệp	156
30) Gián Điệp Tu Sĩ	164
31) Gián Điệp Bồi Phòng	168

Phần thứ hai

Gián điệp, bạn làm gì ?	176
--------------------------------	------------

1)	177
2) Gián Điệp Nhập Môn	179
3) Kỹ Thuật Lấy Tin	184
4) Trà Trộn : Kinh Nghiệm Đau Đớn Của Franklin	189
5) Vinh Và Nhục	195
6) Một Hình Thức Gián Điệp Tân Tiến	202
7) Con Ó Thụy Điển Và Đại Tá Penkovskiy	206

8) Gián Điệp Ân Tế	211
9) Gián Điệp Tài Tử	217
10) Cái Chết Ngậm Ngùi Của Nữ Quang...	222
11) Con Thỏ Trắng Anh Dững	225
12) Bài Học Trân Châu Cảng	233
13) Bước Đầu Quyết Định	237
14) Đáy Biển Mò Kim	240
15) Tiến Vào Lưới Nhện	250
16) Gián Điệp : Diễn Viên Thương Thặng	254
17) Điệp Viên Và Đảng Viên	259
18) Bài Học Đau Đớn Của Gián Điệp Đức	265
19) 2 Điệp Viên Lạ Lùng	268
20) Hoạt Động Trong Lòng Dịch :	
Kỹ Thuật Gặp Gỡ	270
21) Nguyên Tắc Giao Liên Và Truyền Tin	285
22) Bức Điện Lạ Lùng	287
23) Bức Thư Lạ Lùng Của Thê Chiến Thứ Nhất	290
24) Tội Mật : Cách Chế Tạo Và Khám Phá	
Mực Bí Mật	293
25) Tội Mật : Cách Mở Trộm Thư Gắn Xi	299
26) Tội Mật : Cách Đọc Tài Liệu	
Bị Cháy Thành Than	301
27) Phương Pháp Của Trùm Gián Điệp Abel	304

28) Phương Pháp Giao Liên Của Đại Tá Wennerstrom	307
29) Phương Pháp Giao Liên Của Đại Tá Penkovskiy	311
30) ... Và Cửa Giới Lầu Xanh Đông Kinh	315
31) Hộp Thư Chết : Một Phương Pháp An Toàn	318
32) Liên Lạc Bí Mật Bằng Phi Cơ	322
33) Tội Mật : Cách Làm Phim Vi Ti	324
34) Tội Mật : Kỹ Thuật Mật Mã Và Mật Tự	328
35) Bảng Mật Mã	337
36) 7 Kỳ Quan Của Mật Mã RU	339
37) Tội Mật : Một Bộ Mật Tự Kinh Khủng	343
38) Mật Tự Calloway	345
39) Tội Mật : Liên Lạc Điện Đài	347
40) Kế Hoạch Otarie	350
41) Vấn Đề Xử Dụng Tin Tức Tình Báo	353
42) Vấn Đề Định Giá Tin Tức Tình Báo	358
 Kính Mời Các Bạn...	 360
Tại Sao Có Cuốn Sách Này ?	361

Phần Thứ Nhất
Gián Điệp, Bạn Là Ai ?

1)

Một hôm, thu thập tài liệu để viết truyện gián điệp, nhà văn Hugh Greene, bước vào một tiệm sách cũ ở Luân đôn, chuyên bán tiểu thuyết trinh thám. Nghe Greene hỏi mua sách gián điệp, cô hàng mở rộng đôi mắt đen láy, pha lẫn ngạc nhiên và ngờ vực :

- Thưa, ông thay mặt cho chính phủ nào ?

Đến lượt Greene ngạc nhiên. Sở dĩ cô hàng đặt ra câu hỏi lạ lùng vì trước Greene, đã có người đại diện một chính phủ ngoại quốc đến mua tất cả sách vở liên quan tới tài liệu và tiểu thuyết do thám. Nghe cô hàng giải thích, Greene gật gù :

- Mua được nhiều như vậy chắc Mạc tư khoa thích lắm.

Cô hàng lắc đầu :

- Thưa ông, không phải người Nga mà là người Đức mua sách,

Mẫu chuyện dí dỏm này được Hugh Greene thuật lại trong cuốn «Sách gối đầu giường của gián điệp» ¹, một

1 The Spy's Bedside Book, gồm 73 giai thoại gián điệp, Reper! Hart-Davis xuất bản tại Luân đôn, Anh quốc.

tác phẩm nổi tiếng. Trên thực tế, các cơ quan điệp báo trên thế giới đều lập thư viện riêng, chứa hàng vạn cuốn sách liên quan đến hoạt động nghề nghiệp.

Trước đại chiến thứ hai, đô đốc Canaris, huy Phòng Nhì ², và Heydrich, trùm mật vụ Đức ³, ra lệnh cho nhân viên ở hải ngoại vơ vét mọi cuốn sách gián điệp, bất luận hay dở, bất luận Xuất bản ở đâu. Số sách này được tập trung tại Bá Linh, nhân viên mọi cấp phải đọc để rút tỉa kinh nghiệm.

LC. Mogzisch, chỉ huy do thám quốc xã trong sứ quán Đức ở Thổ Nhĩ Kỳ, kể lại trong hồi ký rằng sau khi ông bắt liên lạc với Ciceron ⁴, Bá Linh gửi bằng phương tiện giao liên đặc biệt tới sứ quán một gói đồ công kênh. Mở ra, toàn là sách gián điệp.

Moyzisch viết như sau :

«Đó là một tập sách kếp sử, gồm hầu hết tác phẩm liên quan đến các vụ gián điệp nổi tiếng trong thế kỷ

2 Phòng Nhì quân đội Đức là Abuehr.

3 Mật vụ Đức là Sicherheitsdiensi của Heydrich và Himmler.

4 Ciceron là bí hiệu người bởi phòng của ông đại sứ Anh quốc tại Ankara, Ciceron chụp tài liệu mật trong tòa đại sứ, bán cho Mogzisch, và bị Đức trả bằng bạc giả. Sau này, cả Moyzisch và Ciceron đều viết hồi ký. Xin đọc «Gián điệp Quốc tế», cùng một tác giả, đã xuất bản.

20. Trong đó, có bạch thư, phúc trình chính thức, và tiểu thuyết. Tôi không yêu cầu Bá Linh gửi sách, tôi lại không có thời giờ, và không thích đọc. Kèm theo là một công văn cắt nghĩa rằng những cuốn sách này sẽ giúp tôi thành công trong vụ Cicéron...»

Tật sau thế chiến thứ hai, thư viện RU và KGB ở Mạc tư khoa được gia tăng. Các tác phẩm của Ian Fleming, Jean Bruce, John Le Carré ⁵ đều được mua đọc. Trung ương Tình báo CIA cũng có thư viện khổng lồ đặt tại tầng hành doanh Langley ⁶. CIA còn có một ban đặc biệt, chuyên đọc tiểu thuyết gián điệp. Hầu hết thủ đoạn, chiến thuật và dụng cụ điện tử của giới gián điệp quốc tế đều bị tiểu thuyết tiết lộ. Sự theo dõi sách báo này giúp cho CIA nắm vững tình hình. Ban đặc biệt của CIA còn đọc truyện để thu thập và nghiên cứu những sáng kiến mới lạ do các nhà văn gián điệp đưa ra để lôi cuốn độc giả.

Thư viện CIA gồm 2 bộ phận : bộ phận thường xuyên gồm tài liệu và tiểu thuyết ; và bộ phận đặc biệt gồm hồ sơ cá nhân. Ngoài ra, thư viện CIA còn có một Trung

⁵ John Le Carré (tên thật David Cornwell) nổi tiếng trong làng tiểu thuyết gián điệp nhờ bộ truyện The Spy Who Came in the Cold. Đặc điểm của bộ truyện này là không có các cuộc đấu đá giết chóc mà vẫn lôi cuốn được người đọc.

⁶ xin đọc Gián điệp Quốc tế đã xuất bản.

tâm Tài liệu và một Bộ Óc điện tử kỳ lạ.

Bộ óc này gọi là Walnut do công ty cơ khí IBM chế tạo riêng cho CIA. Cũng như người, Walnut có con mắt điện tử để «nhìn» gọi là Intellofax. Tài liệu đặt trước mắt điện tử lập tức được thu hình và «nhớ» trong óc. Mắt người có thể nhìn sai, óc người có thể nhớ lộn, song mắt điện tử và óc điện tử của CIA không bao giờ lầm lẫn.

Khi cần lấy một tài liệu, hoặc một tin tức gì, chẳng hạn bài diễn văn mật của Chu ân Lai, hoặc tin tức liên quan đến bộ máy điệp báo Bắc Việt, nhân viên CIA không phải mất thì giờ rên rang như trước. Trong vòng 5 giây đồng hồ - vâng, đúng 5 giây đồng hồ - óc điện tử tìm ra mẫu phim vi ti cần tới chụp lại bằng ánh sáng cực tím⁷ rồi chiếu lên một màn ảnh nhỏ. Hiện nay CIA thí nghiệm một bộ óc mới, tối tân hơn, mệnh danh là Minicard, do công ty phim ảnh Eastman Kodak chế tạo cho không quân Hoa kỳ.

⁷ rayon ultra-violet.

2) Những Con Số Kinh Khủng

Có tiền mua tiên cũng được, nhờ thế lực đô la, điệp báo CIA của Mỹ và RU⁸ Xô Viết đã thiết lập một bộ máy ghê gớm, không nước nào sánh kịp. Mỗi tháng, CIA thu thập trên 200.000 sách báo trên thế giới. Tin tức lọc được trong sách báo được ghi trên 40 triệu tấm phiếu điện tử. Riêng về phòng thí nghiệm chuyên nghiên cứu, và phát minh khi giới nhỏ xíu bí mật, mực bí mật, chất nổ đặc biệt... CIA đã chi tiền 200.000 đô la. Số tiền khổng lồ 46 triệu đô la⁹ dùng vào việc xây cất tổng hành doanh CIA ở Langley còn là đề tài làm chảy nhiều mực trên thế giới. Thoạt tiên, tướng Bedell Smith, tổng giám đốc, xin Quốc Hội cấp 30 triệu, song sợ lộ bí mật nên giấu vào mục khác. Vì vậy, Quốc Hội thẳng tay bác bỏ. Mãi đến tháng 7-1955, dưới quyền ông Allen Dulles, CIA mới xin được tiền. Hồi ấy, trung ương CIA đặt văn phòng trong 34 tòa nhà rải rác khắp Hoa thịnh đốn. Với trụ sở mới, CIA tiết kiệm hàng năm được 600.000 đô la về tiền vận chuyển và bảo mật. Mùa thu 1961, CIA dọn về Langley với gần 10.000 nhân viên.

8 RU Xô viết phải chi tiền bằng đô la Mỹ, vì tiền rúp không có giá trị trên thế giới,

9 Những con số này được chính phủ Hoa Kỳ giữ kín. Đây là con số phỏng đoán do báo chí tiết lộ,

Trụ sở CIA được trang bị như một pháo đài, toàn bằng bê tông cốt sắt. Hệ thống phát tin và truyền tin trên mái trị giá 50.000 đô la. Riêng tiền mua máy đốt tài liệu đã tới 105.000 đô la.

3) Bệnh Gián Điệp

Thế chiến thứ hai đã để ra nhiều hiện tượng lạ lùng. Nhạc ồn ào, rền rĩ, cuồng loạn đột nhiên lan tràn khắp nơi, với những đoàn thanh niên tóc dài, mặc áo da, quần dán chặt đùi, phóng mô tô như muốn tự tử. Hàng triệu thính giả mê say Johnny Hallyday, Barry McGuire bán mỗi ngày trên 10.000 đĩa hát ở Hoa kỳ, đĩa hát mà người trên 30 không tài nào nghe nói và hiểu nổi. Cũng không ai hiểu nổi lại sao Françoise Hardy bán tới 400.000 đĩa hát trong 2 tháng, ảnh đăng trong mọi tạp chí ở Pháp.

Ngọn gió lạ lùng này đã thổi tới Anh quốc, được coi là thành trì của tập quán cổ xưa. Thiếu nữ Anh đua nhau hút ống tẩu, tứ quái tóc dài Bít-tơn vỗ ngực tự xưng là nổi tiếng hơn đức Giáo Hoàng. Thậm chí Nữ hoàng Anh còn gấn huy chương danh dự cho tứ quái, trong khi hai ngàn người mộ điệu đánh nhau, la hò dữ dội để nhìn mặt trước hoàng cung. Từ ngày ra đời năm 1785 tờ Thời báo Luân đôn luôn luôn giữ bộ mặt đạo mạo, kênh kiệu, trang nhất chỉ đăng rao vặt. Năm 1966, gần hai thế kỷ sau, tờ Thời báo phải đổi cách trình bày trang nhất.

Đang mặc váy dài, phụ nữ với vàng thay váy ngắn. Váy để lộ đùi cũng chưa đủ, phải yếu còn mặc váy hở hông¹⁰, kêu gọi hơn khoa thân, sau khi công khai mặc áo hở nhũ hoa trên bãi biển và trong dạ tiệc.

Tại sao ? Hàng trăm nhà luân lý đã nêu ra câu hỏi, song vẫn chưa thể trả lời dứt khoát. Có lẽ vì chiến tranh làm nhiều người chết đã thay đổi tâm tính con người, khiến con người thích sống vội, thích phiêu lưu. Tâm trạng khác thường này đã được bộc lộ rõ rệt trong sự thành công vô tiền khoáng hậu của tiểu thuyết và phim ảnh gián điệp...

Cuối năm 1965, khi bộ tiểu thuyết đầu tiên của Người Thứ Tám, Một vụ đánh cắp tài liệu nguyên tử, được phát hành, tổng cộng các tác phẩm của văn sĩ gián điệp Pháp, Jean Bruce thiệt mạng trong một tai nạn xe hơi - là 28 triệu cuốn, trong 12 năm. Cuối năm 1966, khi cuốn sách này ra đời, Bruce đã bán tới 38 triệu cuốn.

28 triệu trong 12 năm là một kỷ lục kinh hoàng. Song 10 triệu một năm còn là kỷ lục kinh hoàng hơn nữa. Cuốn Thánh kinh, từng được dịch ra 1.136 thứ tiếng, được coi là bán kỷ lục, mà chỉ bán được 7 triệu một năm. Cuốn sách dạy cách nuôi trẻ của bác sĩ Benjamin

10 Gọi là váy mini-jupe, hiện bị cấm tại nhiều quốc gia trên thế giới, như Tuy-ni-di.

Spock ¹¹, xuất bản năm 1946 ở Nữu ước, chiếm khôi nguyên về bán chạy, mới được 15 triệu cuốn. Cuốn tự vị La-Rút, gia đình nào biết tiếng Pháp cũng cần, chỉ trèo tới con số 20 triệu. Cuốn truyện phá kỷ lục về bán, tựa đề Peyton-Place ¹² chỉ bán nổi 11 triệu, trong thời gian từ năm 1956 đến 1962.

Những con số vĩ đại này chứng tỏ rằng loài người đã mắc một bệnh mới, tạm gọi là bệnh gián điệp. Căn bệnh gián điệp từ địa hạt tiểu thuyết đã xâm lược lãnh vực điện ảnh, mạnh như vũ bão. Trong 4 tháng đầu năm 1966, khán giả Mỹ đã coi 23 phim dài, và 10 phim ngắn vô tuyến truyền hình về do thám.

Trong năm 1966, thị trường Việt nam bắt đầu tràn ngập sách báo và phim ảnh gián điệp. Mỗi khi chiếu phim OSS. 117, rạp xi-nê đầy ứ người xem, cả tuần vẫn đông nghẹt. Hãng FOX - công ty sản xuất nổi tiếng - không dằn lòng được trước cao trào phim gián điệp, đã phải thuê một tài tử hữu danh để giới thiệu điệp viên

11 Nguyên bản là The Common Sense Book of Baby and Child Care.

12 Tác giả Peyton Place là Grace Metalious (sinh năm 1903). Tại Sài gòn đã có bản Peyton Place, nguyên bản Anh văn.

Flint, cạnh tranh với 007 và OSS. 117¹³. Gần đây, công ty Columbia đã nhảy vào vòng chiến. Điện ảnh Ý đại loại đã bỏ khuynh hướng xã hội và hốt hoảng bước vào đề tài gián điệp, với những phim 007, và giả mạo 007¹⁴.

Phong trào «mạo hóa» này đang lên tới cao độ. Hết 007, người ta đặt ra 077. Không mua được bản quyền DSS. 117, người ta quay phim OSS. 118. Tác phẩm của Ian Fleming bị in giả khắp nơi. Một nhà in ở Đài Loan chuyên in giả các tác phẩm của Fleming, bày bán khắp Á châu. Jean Bruce chết, vợ ông là Josette (không rõ là vợ, hay là nhà xuất bản mượn tên) tiếp tục viết loại truyện OSS.117. Tại Sài gòn, bên cạnh Người Thứ Tám, đã xuất hiện những Người Thứ Hai, Người Thứ Tư. Z.28 là của Người Thứ Tám, người ta vội đặt ra Z.33. Người Thứ Tám có bộ truyện Gián điệp Siêu hình và Tia Sáng giết người thì một nhà văn cũng viết Gián điệp Siêu hình, với Z33 và Chống Tia Sáng giết người...

13 Diễn viên này là James Coburn. Cuốn phim của Coburn tựa đề «Nhân viên Flint». Hãng Columbia sản xuất phim «Con người thâm lặng». Tuy nhiên, các diễn viên này chưa được biết tiếng bằng Sean Connery, thủ vai James Bond, 007, của Ian Fleming...

14 Với những phim như 007, Hôn trên đất Pháp ; 002, Điệp viên tối mật ; 077, hôn ở Viễn đông ; Hãy hôn điệp viên 088 ; 077, chiến dịch Hoa Sen xanh; điệp viên 3-S-3 : thông hành xuống âm phủ...

Bệnh gián điệp đã lây sang phụ nữ, vì sau nam điệp viên James Bond, người ta đã thấy nữ điệp viên ¹⁵, với những khi giới lạ lùng như thổi son đựng hơi cay và thuốc độc, cái quạt máy biến thành súng phun lửa, cái lược dùng làm con dao nhọn, búi tóc để xiết cổ đối phương, bình phun nước hoa là súng bắn hỏa pháo, móng tay giấu dao nhọn, đế giày giấu lựu đạn và...cốt mìn...

Nữ điệp viên còn sử dụng khí giới ghê gớm hơn nữa : khi gặp đối phương hung dữ, nàng chỉ cần cởi hết quần áo. Một nữ điệp viên khác ¹⁶ giết người trong phòng triển lãm họa phẩm bằng cái xú chiêng - tiêu liên, hoặc bằng giày đựng mìn.

Tại sao ?

15 Modesty Blaise

16 Ursula Andress, trong phim Nạn nhân thứ 10 của Elio Pietri.

4) Dụng Cụ Gián điệp

Óc tượng tượng của các nhà văn và sản xuất điện ảnh không phải là hoang đường. Vì trên thực tế, CIA và RU còn dùng nhiều dụng cụ hoang đường hơn nữa.

Tại Hoa kỳ, Đức và Nhật, kỹ nghệ tư nhân đã dành phần lớn tiền bạc và thời giờ vào công cuộc chế tạo dụng cụ. Tờ Thời báo Nữ ớc ¹⁷ viết không úp mở rằng «gián điệp kỹ nghệ hiện nay là phần căn bản của chiến lược kinh doanh».

Cửa hàng ở Mỹ bán tự do những máy ghi âm nhỏ xíu như bút máy, khuy áo măng xét, kim cào vạt và khóa thắt lưng. Lại còn súng-ghi-âm, bề ngoài như khẩu súng, có thể thu thanh trong đường kính trăm thước. Loại máy ghi âm nhỏ có thể bỏ gọn trong trái ô-liu, hoặc trong viên đường. Máy truyền tin - nghĩa là thu thanh rồi chuyển cho máy nhận ở bên ngoài - thì có máy 006 bỏ túi, nhỏ hơn con tem bưu điện, giá tiền 125 đô la, đủ sức nghe tiếng thì thầm trong gian phòng lớn. Theo quảng cáo, máy ghi âm bút máy có thể thu được tiếng con cua bò cách 50 thước (giá tiền 25 đô la). Máy ghi âm nhỏ

17 The New York Times, ngày 28-11-1965.

nhất thế giới có thể nằm trong cái răng rồng ¹⁸...

Với 215 đô la, người ta mua được một bức tranh, máy ghi âm được giấu trong giấy, không thể tìm ra ở đâu ¹⁹. Hàng ngàn người Mỹ bỏ máy ghi âm trong bút máy, và điều thuốc lá ở túi áo trên, một phần vì họ là nhân viên tình báo, phần khác, vì họ thích dùng vật lạ. Trong một cuộc điều trần tại Thượng viện Mỹ về dụng cụ ghi âm lén lút, người ta đã nhắc đến máy ghi âm tí hon giấu trong trái ô-liu bỏ vào ly rượu mạc-ti-ni. Giá tiền trái ô-liu này hơi cao, 200 đô la, tầm xa được 12 thước, phải cần người núp phòng bên thu lại. Muốn ngồi phòng này nghe lỏm cuộc đối thoại ở phòng kia, chỉ cần tốn 100 đô la mua cái máy hết như ống khám bệnh của y sĩ, áp vào tường. Lại có máy ghi âm giống đèn pha xe hơi, gọi là đèn Doppler. Bạn tình tự với người yêu trong phòng... cách xa mấy cây số, một xe hơi đậu lại, chĩa đèn Doppler (không sáng) về phía cửa sổ. Xa hàng chục

18 Sản xuất các loại máy này là công ty điện thoại Continental Telephone Supply Cou pang, tọa lạc số 17, đường West-46, Manhattan, Nữu ước, giám đốc là Ben Jamil trên 30 tuổi. Công ty có trụ sở tại Libăng. Rio và Luân đôn, và 11 cửa hàng trên đất Mỹ. Công ty ra đời cách đây 5 năm, với số vốn còn con, ngày nay hàng năm bán trên 4.500.000 đô la dụng cụ.

19 Bức tranh ghi âm này do hãng Mosler Research. Products, Inc. ở Danbury, Connecticut, Hoa kỳ, sáng chế. Chỉ chính phủ và hãng trinh thám tư được mua.

cây số cũng được, miễn hồ nhìn thấy cửa sổ. Mọi lời ní non đều lọt vào tai người ngồi trong xe. Máy Morgan Geo-Phase còn nghe xa được trong đường kính 300 thước, giữa đường phố ồn ào... Súng-ghi-âm lại nghe xa hơn nữa : trong vòng kính 15 cây số.

Bạn nghi vợ ngoại tình ư ? Chỉ cần mua bộ máy 500 đô la. Bạn đập máy bay lên Đà Lạt nghỉ mát. Mọi âm thanh trong nhà bạn đều được ghi lại. Bạn có thể bắt quả tang vợ bạn ngoại tình khỏi phải rình ngoài cửa, và mang thừa phát lại đi theo. Tuy nhiên, máy ghi âm kỳ lạ và mạnh mẽ nhất được bán trên thị trường là cái «khẩu cầm nghe trộm»²⁰, giá 400 đô la, Máy này có thể nghe trộm cách xa 5.000 cây số. bằng đường điện thoại. Gồm trên 200 mối hàn bằng tay, khẩu cầm tí hon này được gắn trong máy điện thoại. Chuyên viên chỉ gắn trong 2 phút là xong.

Cách dùng khẩu cầm nghe trộm rất giản dị. Bạn muốn nghe mọi tiếng động trong phòng đối phương ư ? Bạn chỉ cần gắn khẩu cầm vào điện thoại của đối phương. Khi nào cần nghe, bạn quay số điện thoại đối phương, song trước khi chuông reo bạn thổi nhẹ vào máy, khẩu cầm ở đầu giây bên kia sẽ bắt đầu ghi âm. Dầu điện 20 Khẩu cầm nghe trộm là «harmonica bug». Việc sử dụng bị hạn chế. Ngay cả trình thám tư cũng dùng một cách thận trọng, vì có thể bị phạt tù.

thoại của đôi phương được gác trên giá, hạn vẫn nghe rõ tiếng nói trong phòng, trong đường kính 12 thước. Ngược lại, kỹ nghệ Mỹ đã chế ra nhiều dụng cụ chống-nghe-trộm²¹. Gần đây, công ty Continental quảng cáo 4 dụng cụ đặc biệt ai cũng được quyền mua. Dụng cụ thứ nhất²², giá 250 đô la, được dùng để ngăn chặn sự nghe trộm điện tử trong đường kính 25 thước. Khi dùng, chỉ cần cắm điện. Dụng cụ thứ hai, tối tân hơn và công kênh hơn, giá 350 đô la²³, vừa ngăn chặn sự nghe trộm, vừa khám phá ra máy nghe trộm đặt ở đâu. Dụng cụ thứ ba, giá 250 đô la²⁴, gắn vào điện thoại, có thể ngăn chặn sự nghe trộm điện thoại. Nó gồm một cái đồng hồ, hễ điện thoại bị nghe trộm thì cây kim nhảy loạn xạ. Dụng cụ thứ tư, giá 250 đô la, chỉ nhỏ bằng gói thuốc lá. Cất trong túi, nó phát ra một tín hiệu riêng, làm cho máy điện tử nghe trộm bắt lực²⁵.

21 Công ty Continental gọi các dụng cụ này là anti-invasion-of-privacy-devices, hoặc Privacy Protectors (máy bảo mật tư gia).

22 FM Signal Surveillance Eliminator.

23 Professional «Bug» Locator (máy khám phá sự nghe trộm chuyên nghiệp).

24 Telephone «Tap» Delector «101» (máy 101 khám phá nghe trộm điện thoại).

25 Portable «Bug» Eliminator (máy chống nghe trộm cầm tay).

5) Giám Điệp Điện Tử

Nếu kỹ nghệ tư nhân đã phát minh hàng chục dụng cụ nghe trộm, chụp trộm, thì dư luận sẽ không ngạc nhiên khi thấy CIA và RU và các cơ quan điệp báo trên thế giới áp dụng kỹ thuật điện tử tân tiến vào hoạt động do thám. Tháng 12-1962, Tổng thống Kennedy tuyên bố trên đài vô tuyến truyền hình rằng máy chụp ảnh sẽ là nhân viên kiểm tra đặc lực nhất của Hoa kỳ. Thủ tướng Sô viết Cút Sếp cũng nói trong tháng 7-1963 rằng nhiệm vụ thanh sát ngày nay đã được giao cho vệ tinh nhân tạo.

Việc dùng vệ tinh do thám bí mật được coi là bí mật nhất trong cuộc chiến tranh lạnh Đông Tây. Từ năm 1961, Hoa kỳ đã phóng vệ tinh gián điệp Samot qua vùng trời Sô viết. Cũng từ năm 1961, Nga sô đã thiết lập một hệ thống điện tử chống lại con mắt thông thiên của vệ tinh Samot. Hoa kỳ đã chuẩn bị phòng thủ cần mật khi những vệ tinh do thám Sô viết bay trên lãnh thổ Mỹ năm 1962. ²⁶ 200 triệu đô la được Hoa kỳ dành hàng năm cho công cuộc phát triển vệ tinh Samot. Vệ tinh do thám này nặng trên 2 tấn, chứa đựng từ 150 đến 200 kilô dụng cụ điện tử. Nguồn tin thông thạo cho biết 26 Vệ tinh Samos là chữ viết tắt của Satellite and Missile Observation System (Hệ thống quan sát vệ tinh và hỏa tiễn)

mỗi ngày Samôt bay qua Nga sô từ 8 đến 12 lần, và qua Trung Cộng từ 2 đến 4 lần. Từ trên quỹ đạo, Samôt có thể chụp được mọi vật trên trái đất. Tuy Nga sô đã có hỏa tiễn chống vệ tinh, Samôt vẫn bay nhớn nhor trên trời, nghe và chụp hết bí mật. Giả sử Samôt bị trúng hỏa tiễn nó sẽ tan thành bụi khi trở về gần trái đất, do đó Nga sô không thể nắm được chứng cứ để buộc tội. Vả lại, Samôt được trang bị một động cơ riêng, nhận lệnh từ dưới đất, khiến cho vệ tinh có thể tránh né. Đề phòng Nga sô gắn dụng cụ tránh né vào vệ tinh do thám, không quân Hoa kỳ bắt tay từ năm 1960 vào chương trình «vây bắt» vệ tinh, mệnh danh là Saint ²⁷. Trong khuôn khổ của chương trình này, một vệ tinh sẽ đeo vào vệ tinh địch, xử dụng máy móc riêng để kiểm soát xem vệ tinh địch có do thám hay không, sau đó có thể làm vệ tinh địch bất lực hoặc tan nát. Chương trình Saint sẽ được hoàn thành trong năm 1967.

Hoa kỳ còn thiết lập một hệ thống tình báo điện tử khác gọi là Mi-đất ²⁸ dùng tia hồng ngoại để khám phá các vụ phóng hỏa tiễn. Vệ tinh Mi-đất cũng bằng kích thước với vệ tinh Samôt. Nhờ Mi-đất, Hoa kỳ sẽ biết 30 phút trước khi hỏa tiễn địch rớt xuống đất Mỹ. Được

27 Viết tắt của Satellite intercept (đón bắt vệ tinh).

28 Midas. Viết tắt của Missile Defense Alarm System (Hệ thống báo động phòng thủ hỏa tiễn).

trang bị máy móc tối tân, Mi-đất có thể «nhìn» thấy điều thuộc lá cháy trong đường kính 13 cây số. Vệ tinh Mi-đất đã có mặt trong không gian từ năm 1963.

Ngoài ra, Hoa kỳ lại thiết lập một hàng rào điện tử vây quanh thế giới cộng sản gọi là Spadats²⁹. Hàng rào tình báo này có thể nghe trộm trong đường kính 5.000 cây số,

Kỹ nghệ tình báo điện tử của CIA đã lên tới cao độ. Thượng nghị sĩ Barry Goldwater, thiếu tướng trừ bị không quân, cho biết là phi cơ Mỹ bay trên không phận Cuba được trang bị một vành tai điện tử có thể nghe rõ và phân biệt một tiếng động cơ dưới đất.

Một tờ báo tây phương đăng tải bức hình chụp thành phố Mạc từ khoa bằng vệ tinh từ độ cao 750 cây số. Trong ảnh, người ta có thể nhìn thấy báo quan của báo Sự Thật. Alexei Adzhubei, hồi ấy là chủ bút báo Sự Thật, con rể của Cút Sếp, tuyên bố ngày 2-9-1963 tại Phần Lan, vệ tinh Sô viết đã chụp được những tấm ảnh tương tự khi bay qua đất Mỹ, tuy nhiên Nga sô không muốn công lộ, Lời nói của Adzhubei đánh dấu một sự thật quan trọng : đó là hai cường quốc Mỹ - Nga (hoặc nói rõ hơn, các cơ quan CIA RU đang chạy đua trong 29 Viết tắt của Space Detection and Tracing System (Hệ thống khám phá và theo dõi Không gian).

chiến dịch nghe trộm, nhìn trộm lẫn nhau. Trên thực tế, cuộc vật lộn trong bóng tối đang tiếp diễn ráo riết, ác liệt hơn bao giờ hết, và bên cạnh các hỏa tiễn nguyên tử và khinh khí, còn một loại hỏa tiễn khác, không kém nguy hiểm : hỏa tiễn gián điệp.

6) Ngược Giống Lịch Sử

Tình báo và gián điệp không phải là phát minh của thế kỷ 20. Máy móc điện tử được chế tạo từ 50 năm nay (và lên tới mức tối tân kinh khủng từ sau đại chiến thứ hai), song kỹ thuật điệp báo đã ra đời trước Tây lịch kỷ nguyên. Tôn Tử - 400 năm trước Thiên Chúa giáng sinh - được coi là lý thuyết gia điệp báo đầu tiên của loài người. Ngày nay, binh pháp Tôn Tử, đặc biệt là phần liên quan đến tình báo và gián điệp, đã được phiên dịch ra ngoại ngữ và cất trong thư viện CIA-RU. Tuy nhiên, Tôn Tử chưa phải là cha đẻ của gián điệp. Lịch sử Ai Cập đã xác nhận là loài người đã làm gián điệp từ 3.600 đến 3.400 năm trước Tây lịch.

Hồi ấy, một tướng lĩnh tên là Thule giấu 200 binh sĩ trong bao bột và chở tàu tới một thành phố bị quốc vương Ai Cập vây khốn. Nhờ nội tuyến, Thule đã đưa lại 200 giáp sĩ thân tin vào thành. Ngày nay, trong trận chiến tranh du kích, người Việt thường nghe nói đến hiểm họa nội tuyến. Trên thực tế, kỹ thuật nội tuyến đã được áp dụng từ hơn 3.000 năm nay. Trong trận đánh ở Kadesh, hai địch quân đầu hàng quốc vương Ai Cập Ramsès. Dựa vào lời khai của hai địch quân, nhà vua đặt kế hoạch tấn công. Quân đội Ai Cập lọt vào một

cuộc phục kích, và tổn thất nặng nề vì hai hàng binh là nhân viên tình báo của địch. Thánh kinh đã thuật lại một vụ gián điệp quan trọng. Năm 1490 trước Tây lịch, Moise ra lệnh cho 12 điệp viên vượt qua phòng tuyến để do thám lực lượng của địch quân. Sau 40 ngày ở hậu tuyến địch, 12 điệp viên trở về với đầy đủ tin tức.

Ngày nay, sĩ quan tình báo thường gặp nhân viên trong những nhà riêng để bảo vệ bí mật, danh từ chuyên môn gọi là «nhà an ninh»³⁰ 1.450 năm trước Thiên Chúa Giáng sinh trưởng Josué cử 2 điệp viên lên vào thị trấn Jérico của địch. Hai điệp viên này núp trong «nhà an ninh» của một gái làng chơi tên là Rahab.

Trong thời nước Pháp bị Đức quốc xã chiếm đóng, dân chúng hợp tác với tình báo đồng minh được cấp một chứng minh thư riêng, giúp họ khỏi bị coi là tay sai của địch sau ngày đồng minh thắng trận. 3.000 năm trước Rahab đã yêu cầu hai điệp viên của Josué bảo toàn tính mạng và trọng thưởng sau ngày Jérico thất thủ.

Kỹ thuật điệp báo giữ vai trò quyết định trong Cuộc đời vạn thắng của Thành cát Tư hãn. Từ năm 1177, năm lên 15 tuổi, đến 1227 từ trần, Thành cát Tư hãn không ngừng đánh đông. dẹp bắc, mở rộng giang sơn Mông 30 Danh từ chuyên môn là, «an thất», tiếng Anh là safe

Cổ từ Á sang Âu, từ bờ biển Trung hoa tới Hắc hải.

Thành cát Tư hãn thành công một phần nhờ biết tổ chức điệp báo. Điệp viên đều là khách thương, thâm nhập vào lòng địch, dọn đường cho binh sĩ Mông Cổ tiến tới. Hai danh tướng của Thành cát Tư hãn là Souboutai và Nogon, xuất thân làm điệp viên. Souboutai từng trá hàng để cung cấp tin tức sai lầm cho địch quân. Noyon giả vờ mang một đạo khinh binh sang giúp vua Tàu, kỳ thật là thu thập tin tức. Sau khi Novon trở về Thành cát Tư hãn xua quân xâm lược Trung quốc. Thành cát Tư hãn có thể được coi là tướng lãnh bách thắng đầu tiên trên thế giới biết kết hợp hoạt động quân sự với hoạt động điệp báo.

7) Từ Lê Đại Hành Đến Quang Trung

Đối với chúng ta, điệp báo không phải là món hàng xa lạ từ nước ngoài mang tới. Bằng chứng là những trận thắng vẻ vang của Triệu quang Phục, Lý thường Kiệt và Trần khát Chân.

Năm 544, Lý Bôn lên ngôi vua, xưng là Tiên Lý Nam đế, sau khi đuổi thứ sử Giao châu, là Tiên Tư về Tàu. Năm sau, nhà Lương sai Dương Phiên làm thứ sử Giao châu, và Trần bá Tiên thống lĩnh quân đội sang đánh vua Lý. Nhà vua giao binh quyền cho tả tướng Triệu quang Phục. Trước uy thế của quân Tàu, Triệu rút về cố thủ ở Dạ Trạch (ngày nay là phủ Khoái châu, tỉnh Hưng yên), áp dụng chiến thuật du kích và tình báo nhân dân cầm cự với địch. Năm 548, Lý Nam đế băng hà, Triệu quang Phục lên ngôi, xưng là Triệu Việt Vương. Nhờ giỏi du kích và tình báo, vua Triệu đánh đuổi được quân xâm lược, khôi phục lại bờ cõi.

Tuy giỏi tình báo, vua Triệu lại thua mưu kế tình báo của Lý Phật tử, anh họ Lý nam Đế. Lý Phật tử từ Lào kéo quân đánh vua Triệu. Lý bị thua, vua Triệu nghỉ tình nhà Lý bèn cắt đất chia, và nhận làm rể. Năm 571, Lý đột ngột chiếm thành Long biên, vua Triệu chạy về huyện Đại an, Nam định, nhảy xuống sông Đà nhá tự

trâm. Kế trá hàng của Lý Phật tử là một thủ đoạn tình báo ngày nay còn được áp dụng, chỉ tiếc là Lý đánh lừa vua Triệu để rồi đầu hàng quân nhà Tùy, đưa non sông vào vòng Bắc thuộc.

Vào thế kỷ II, đời vua Lý nhân Tôn, Lý thường Kiệt mang quân nhiều lần dẹp loạn trong ba châu Địa lý, Ma Linh và Bố chính (tức là Quảng bình, Quảng trị ngày nay) do vua Chiêm thành dâng nộp, song tình thế vẫn không ổn định. Lý thường Kiệt bèn sai người đi khắp ba châu, thu lượm tin tức và vẽ địa đồ, trước khi cho dân Việt đến lập nghiệp. Hành động này là hành động tình báo : trước khi gây chiến ở Thái bình dương, Nhật bản đã tung điệp viên khắp Đông nam á, đặc biệt là ở Đông Dương và Nam Dương,

Năm 1470, dưới triều Lê thành Tôn, vua Chiêm thành là Trà Toàn quấy phá đất Hoa châu, và sai sứ sang Tàu cầu viện nhà Minh. Vua Lê đích thân điều khiển 200.000 quân vào Nam hỏi tội Trà Toàn. Trước khi vào đất Chiêm, vua Lê cử một đạo tiên sát lên vào Đồ bàn, kinh đô Chiêm thành để vẽ địa đồ, và làm nội ứng. Sau đó, Đồ bàn bị thất thủ, Trà Toàn bị bắt.

Tuy nhiên, qua hai ngàn năm lịch sử, Lê Hoàn và Nguyễn Huệ mới là kiện tướng tình báo.

Sau hai thế kỷ Trịnh-Nguyễn phân tranh, sơn hà bị chia làm đôi mảnh Bắc-Nam, ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ phát cờ khởi nghĩa ở ấp Tây sơn (nay thuộc An Khê, tỉnh Pleiku). Năm 1774, chúa Trịnh Sâm sai tướng Hoàng Ngũ Phúc mang 30.000 quân thủy bộ vào Nam diệt Tây sơn.

Tây sơn giả vờ đầu hàng chúa Trịnh để được rảnh tay đánh chúa Nguyễn do Trương phúc Loan chuyên quyền. Áp dụng kỹ thuật tình báo, Nguyễn Nhạc mang vàng bạc đút lót Hoàng Ngũ Phúc. Họ Hoàng xin chúa Trịnh phong Nhạc làm tiên phong tướng quân. Tam yên về phía bắc, Tây sơn đem quân lấy thành Gia định, rồi năm 1778 lên ngôi hoàng đế.

Chu văn Tiếp, chương cơ của Nguyễn Vương (tức là vua Gia Long sau này) sang Tiêm La cầu viện. 20.000 binh sĩ và 300 chiến thuyền của Tiêm La đến đầu thành quách thất thủ đến đây. Song Nguyễn Huệ nắm được địch tình nhờ tổ chức tình báo. Lừa quân Tiêm vào ổ phục kích gần Rạch Gầm và Xoài mút gần Mỹ Tho, Nguyễn Huệ xua binh quét sạch. Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế, xưng là Quang Trung. Thành tích tình báo oanh liệt nhất của vua Quang Trung là kế hoạch đánh lừa nhà Thanh. Năm 1788, lợi dụng sự cầu viện của vua Lê Chiêu Thống, nhà Thanh sai Tôn Sĩ Nghị, tổng đốc

Lưỡng Quảng, gom góp quân đội 4 tỉnh Quảng đông. Quảng tây, Quý châu và Vân nam sang đánh. Vua Quang Trung cấp tốc kéo quân ra Bắc, phá tan địch quân tại Gò Đống Đa gần Hà nội. Đại quân nhà Thanh bị rượt theo đến biên giới. Được tin Tôn sĩ Nghị bại trận, vua Thanh cử Phúc Khang An mang binh mã 9 tỉnh sang phục thù.

Vua Quang Trung bèn mua chuộc Phúc Khang An và bọn cận thần vua Thanh bằng vàng bạc châu báu. Vua Thanh phong cho Quang Trung làm An nam quốc vương, và giáng chỉ bắt về châu. Quang Trung chọn Phạm công Trĩ thay thế, rồi cử phái đoàn gồm Ngô văn Sở, Phan Huy Ích, Võ Huy Tấn tháp tùng qua Yên kinh, vào châu vua Càn Long. Lê đại Hành cũng lập được thành tích tình báo vẻ vang không kém, có lẽ còn hơn thành tích của Quang Trung. Lên ngôi năm 980, Lê đại Hành sai sứ sang Tàu, giả vờ xin nhà Tống phong vương, kỳ thật là đình hoãn việc Bắc quân sửa soạn nam tiến. Vua Tống đuổi sứ ta, và hạ lệnh cho ba danh tướng động binh. Quân bộ nhà Tống kéo đến Chi lăng (thuộc Lạng sơn) Lê đại Hành sai người trá hàng dụ tướng Hầu nhân Bảo vào tử lộ. Hầu bị giết, quân Tống chạy tán loạn.

Vua Tống đành chịu hòa. Lê đại Hành triệt để áp dụng chiến tranh tâm lý - một ngành của điệp báo - để phỉnh

phờ nhà Tống. Năm 987, sứ Tống đến thăm chùa Nam Sách, vua Lê sai sư Thuận, một danh sĩ, giả làm lái đò. Năm 990, sứ Tống dâng sớ lên vua Tống gồm những điểm như sau :

- khi đến kinh đô, sứ Tống thấy chiến thuyền la liệt, cờ xí rợp trời, binh hùng, tướng mạnh. Vua Lê mang toàn thể chiến thuyền ra giàn bày để huy trương thanh thế, nhân dân mặc áo quần sắc sỡ, chèo thuyền, đánh trống để cổ vũ.

- vua Lê viện cử ngựa ngửa, bị thương ở chân, nên nhận chiếu chỉ của vua Tống, không thềm lạy.

- trong bữa tiệc, lính tráng mang đến một con rắn lớn và hai con hổ để áp đảo tinh thần.

8) Gián điệp, Bạn Là Ai ?

Đọc tiểu thuyết, chúng ta tưởng rằng nhân viên gián điệp đều võ nghệ siêu quần, đa mưu túc kế, thay hình đổi dạng như thần, hành tung kín đáo, luôn luôn cạ sát với tử thần. Hubert, tức DSS. 117 của văn sĩ Jean Bruce, luôn luôn đâm đá, luôn luôn lái xe đua, luôn luôn gần gái đẹp. James Bond 007 của Ian Fleming diễm đam hơn, sâu sắc hơn, song vẫn sống trong bầu không khí súng đạn và chết chóc.

Đến khi đọc tài liệu, chúng ta lại giật mình. Rudolf Roessler, một con người tầm thường, không có nụ cười quyến rũ đàn bà, không bắn một phát súng, đã giữ vai trò quan trọng trong việc quật ngã Đức quốc xã, giữ cho Thụy sĩ ở ngoài đại chiến thứ hai. Trong thời gian hoạt động gián điệp tại Nhật bản, Richard Sorge cũng không phải bẻ khóa, không phải giết người mà Nga sô vẫn nhận được những tin tức phi thường, phi thường đến nỗi ngày nay Sorge được coi là điệp viên cứu sống Sít ta Lin và chế độ cộng sản Sô viết. Đại tá Thụy điển Stig Wennerstrom là sĩ quan cao cấp gương mẫu không cần tiền, không rượu chè, không trác táng. Tuy nhiên, trong vòng 15 năm, sĩ quan khải kính ấy đã bản tài liệu quốc phòng của Thụy điển và Tây phương cho RU Sô viết.

Đại tá Sô viết Oleg Penkovskiy cũng là dẫn chứng điển hình của nghề tình báo thâm lặng. Nhân viên cao cấp RU, được chế độ Sô viết tin cậy, Penkovskiy lại cung cấp tin tức mật cho tình báo Anh-Mỹ. Penkovskiy là người cha, người chồng tốt. Penkovskiy không phải là người bê tha. Thế mà Penkovskiy đã làm Mạc tư khoa điên đảo. Từ tiểu thuyết đến thực tế, gián điệp là người thế nào ? Câu hỏi này khó thể trả lời dứt khoát. Vì nếu có những điệp viên thâm lặng như Roessler, Sorge, Wennerstrom, Penkovskiy, thì cũng có người đàn bà mang chân gỗ phục vụ trong kháng chiến Pháp, ngày đêm cọ sát với thần chết, cũng có những điệp viên đổ bộ bằng tàu ngầm lên đất Anh, đất Mỹ sống trong bầu không khí ngột thở. Gián điệp là một nghề lạ lùng. Nó là nghề rất khó, và cũng là nghề rất dễ. Gián điệp phải biết bắn súng, và giỏi nhu đạo. Song cũng có gián điệp không cần bắn súng, và giỏi nhu đạo. Gián điệp có thể là con người, hoặc có thể là máy điện tử. Ai cũng có thể là gián điệp. Lịch sử hai trận thế chiến đã xác nhận rằng gián điệp là nghề thượng vàng, hạ cám. Chúng ta sẽ thấy những thủ tướng, nhà tu làm gián điệp. Chúng ta sẽ thấy một tay trèo tường khoét vách, bị xã hội và luật pháp phỉ nhổ trở thành anh hùng gián điệp. Nhưng trước khi đi sâu vào chi tiết éo le, hi hiếm, chúng ta hãy nghe lời tâm sự của một nhân viên CIA.

9) Tôi Làm Gián điệp Cho Cia

Từ ít lâu nay, dư luận nói nhiều về CIA. Có lẽ vì tiểu thuyết và phim ảnh gián điệp tràn ngập thị trường đều lấy CIA và RU làm đề tài. Trong khung cảnh tranh tối, tranh sáng này, thấy việc nào quan trọng và bí mật, dư luận thường gán cho CIA. Thậm chí thấy ai giao thiệp với người ngoại quốc, dư luận vội nói : ầy, nó làm cho CIA. Kết luận như vậy thật quá đơn giản và dễ dàng.

Mặc dầu Hoa kỳ là nước tự do, báo chí tự do, tranh luận tự do, nhiều người Mỹ hiện nay chưa hiểu rõ CIA, tuy CIA ra đời gần hai chục năm nay. Lần thứ nhất, một nhân viên CIA viết báo thuật lại một phần sự thật dưới tựa đề «Tôi làm gián điệp cho CIA»³¹. Bài báo khá dài, tác giả chỉ xin đăng tải những đoạn đáng chú ý. Nhân viên CIA này viết như sau : «Cách tuyển dụng nhân viên của Trung ương Tình báo CIA gần giống các cơ quan chính phủ Mỹ. Trong điện thoại niên giám, có sổ của CIA³²...

31 I Spy for the CIA, đăng trong tạp chí Mỹ Esquire, tháng 5-1966

32 Điều này không đúng hẳn. Từ năm 1964, điện thoại niên giám Hoa thịnh đồn ghi số điện thoại của «Phòng Tuyển dụng» CIA, song các sổ khác đều không ghi. Lệ thường cơ quan chính

...Trường đại học đầy rẫy nhân viên CIA có nhiệm vụ tuyển dụng mầm non ³³. Sau khi được tuyển dụng, bạn có thể làm việc ngay, song chưa được làm việc tình báo. Vì CIA cần điều tra về bạn, ít nhất là 2 tháng, hoặc có thể 5, 6 tháng. Trong thời gian chờ đợi, bạn được lãnh lương. nhưng chẳng phải làm gì. Bạn chỉ phải đến tổng hành doanh Langley hoặc một địa chỉ nào khác để xem xi-nê huấn luyện mỗi ngày. Hai cuốn phim được chiếu nhiều nhất là «Đi về phía đông theo ngọn lửa dẫn đường» ³⁴, và «Căn nhà ở đường 92» ³⁵. Thường lệ, điệp viên phải qua một khóa huấn luyện. Bạn sẽ được gởi tới Fort Benning học cơ bản quân sự, và nếu cần học nhảy dù. Học cận vệ chiến. Học tỉ mỉ về kỹ thuật nhiếp ảnh, kỹ thuật ghi âm và theo dõi bằng mắt. Rồi bạn còn học

phủ thường xưng tên trong điện thoại, như «Bộ Tài chính, tôi nghe đây», «tổng đài Cảnh sát, tôi nghe đây», nhưng khi ta gọi số trung ương CIA, 351-1100, thì nữ điện thoại viên lại đáp «số 351-1100, tôi nghe đây». Niên giám điện thoại 1963 ghi nhiều số CIA trên khắp Hoa kỳ, song không ghi rõ là CIA, mà chỉ lờ mờ là cơ quan chính phủ, như Nữ ước : Mu 65517, Cựu kim sơn : Yu 06145, vân vân... tại Miami, đóng trụ sở trong công ty Zenith Technical Enterprises (Doanh nghiệp Kỹ thuật Zenith).

33 Điều này đã được cựu tổng giám đốc CIA, Allen Dulles xác nhận trong cuốn *The Craft of Intelligence* (Nghề tình báo).

34 Walk East on Beacon.

35 The House on 92nd Street.

kỹ thuật «thâm nhập»³⁶.

«Sau lớp học thâm nhập, điệp viên tập sự phải thực tập. Huấn luyện viên sẽ trao cho bạn một bộ đồ nghề đầy đủ để mở khóa, và ra lệnh cho bạn đột nhập nhà máy hoặc cửa tiệm để chụp trộm tài liệu.

«Điệp viên tập sự phải hoạt động một mình, huấn luyện viên không báo trước cho cánh sát hoặc cho chủ nhân. Nghĩa là bạn có thể bị tóm. Điệp viên còn phải thực tập phương pháp bỏ trống hoặc phương pháp đóng kịch ngu si hưởng thái hình để khỏi bị bắt. Thất bại, bạn sẽ vào tù, vì bạn không được mang giấy tờ nào chứng nhận bạn là nhân viên CIA, và bạn cũng không thể khai bạn là nhân viên CIA.

«Sau khi bị bắt, bạn sẽ xin phép gọi điện thoại cho luật sư». Và CIA sẽ vận động cho bạn được trả tự do. Một số cảnh sát trưởng nổi cơn thịnh nộ khi biết bạn là điệp viên CIA tập sự, nhưng tại một số thị trấn họ sẽ

36 Tiếng Anh là penetration. Penetration, theo từ điển điệp báo, có hai nghĩa. Nghĩa thứ nhất là thâm nhập hàng ngũ đối phương, như cài người trong tổ chức C.S để lấy tin tức. Kỹ thuật thâm nhập này được áp dụng trong một thời gian, có khi đến 10, 15 năm, nhân viên nhì trùng mới bại lộ. Nghĩa thứ hai của danh từ penetration - và là nghĩa được dùng trong bài - là hoạt động đạo chích, bẻ khóa lén vào để ăn trộm.

cho bạn về êm thấm. «Khóa huấn luyện kéo dài độ một năm. phần lớn thời giờ dành cho học tập ngoại ngữ. Đối với nhân viên CIA, nhu cầu ngoại ngữ quan trọng hơn nhân viên ngoại giao. Nhân viên ngoại giao thường giao dịch với viên chức địa phương biết tiếng Anh, không am tường ngôn ngữ bản xứ cũng chẳng sao. Trong khi đó, nhân viên CIA phải tiếp xúc với người địa phương mít đặc tiếng Anh.

«Điều mà dư luận chưa hiểu rõ là CIA cũng là cơ quan của chính phủ Mỹ, như mọi cơ quan khác. Nghĩa là cũng có sự thâm niên và thăng trật. Và cũng có những phụ nữ tóc muối tiêu kiểm soát tài chính. Bất cứ cái gì cũng đòi hóa đơn. Nhân viên kiểm soát sẽ hạch hỏi nếu bạn buộc boia cho tài xế tắc xi 15 xu thay vì 10 xu như thường lệ. Theo tôi, ngân sách bí mật của CIA được kiểm soát chặt chẽ hơn ngân sách của các cơ quan khác. Sự phung phí của James Bond làm tôi ngạc nhiên. Bond xoay xở cách nào để được Sở trả tiền những bữa ăn thịnh soạn gồm rượu sâm banh và của thượng hạng ?

«Ở nước ngoài, bạn phục vụ trong 2 năm. Bạn được thừa hưởng những điệp viên do người trước để lại. CIA thường dùng nhân viên an ninh địa phương. Họ không giúp được nhiều trên phương diện lấy tin thuần túy, song có thể báo cáo cho CIA biết tên tuổi những người

bị bắt giam... Cảnh sát địa phương thường hợp tác với CIA vì cùng chung lý tưởng. Với 50 đô la một tháng, lương một trung úy cảnh sát có thể bằng lương đại tá. Chính quyền sở tại thường biết CIA giao dịch với ai trong cơ quan an ninh, đôi khi lại cử nhân viên làm liên lạc, và giả vờ không để ý đến số tiền hàng tháng mà CIA trả riêng. Đôi khi, chính phủ địa phương biết rõ danh sách điệp viên CIA, song họ không quan tâm, và CIA cũng không quan tâm. Bởi vì nỗ lực chính của CIA ở hải ngoại là thu thập tin tức tình báo liên quan đến Nga xô và Trung cộng.

Nhiều khi cảnh sát địa phương mù mịt một cách ngây thơ, về CIA. Tại Nam-Mỹ một số điệp viên CIA trong cảnh sát định ninh là họ cộng tác với ông Edgar Hoover vì cảnh sát FBI phụ trách Nam-Mỹ trước đại chiến thứ hai. Một điệp viên cảnh sát đã tâm sự với tôi như vậy. Y giúp CIA đặc lực trong việc thẩm vấn một tên phiến động do Cuba huấn luyện. Viên trạm trưởng ³⁷ CIA bèn tặng y một cái đồng hồ đắt tiền, trong một bữa ăn thịnh soạn, và thịnh trọng nói rằng «đây là lặng vật riêng của ông Hoover». Sự thật là ông Hoover đã nhường địa khu Nam-Mỹ lại cho CIA từ sau thế chiến thứ hai.

37 Chỉ huy CIA ở một nước là trạm trưởng, stationa chief. Chẳng hạn trạm trưởng Việt nam.

Tình báo Cộng sản ở hải ngoại thường hoạt động qua các tổ chức sinh viên. Ngược lại, CIA giao dịch với cảnh sát, quân đội và thành phần thượng lưu địa phương. Tôi không dám bình luận hay dờ, tuy nhiên tôi cho rằng sự giao dịch của CIA được đặt trên nguyên tắc an ninh. Nhân viên cảnh sát sẽ không bị lôi thôi nếu người ta biết y lãnh lương CIA, song một thủ lãnh sinh viên khuynh tả có thể nguy tính mạng nếu bạn bè y khám phá ra y liên lạc với CIA.

Dư luận thường chê trách CLA thích liên lạc với phát xít, quân đội và cảnh sát nước ngoài, phàn nàn này đúng phần nào, song đó không phải lỗi của CIA. Trên nguyên tắc, thành phần kể trên thường có cảm tình với mục đích của CIA, trong khi sinh viên cấp tiến, khuynh tả thường ít nhiều chống Mỹ. Tuy nhiên, chê trách như vậy là sai. CIA không tạo ra thế giới, CIA chỉ tìm cách hoạt động trong thế giới đã có. Trên thực tế, tôi đã được huấn luyện trong bầu không khí cấp tiến, và được hoạt động với những nhân viên cấp tiến.

Kỹ thuật hành nghề của các cơ quan điệp báo đều giống nhau. Giả sử bạn là nhân viên gián điệp trong sứ quán Sô viết tại Hoa thịnh đốn. Bạn có nhiệm vụ tiếp xúc với điệp viên. Sự tiếp xúc này diễn ra hết như trong phim ảnh gián điệp. Nghĩa là dùng hộp thư. Dùng

nhà an ninh. Khi cần diện kiến thì hẹn về vùng quê, hoặc trong công viên. Trước giờ tới chỗ hẹn, phải bỏ rơi nhân viên Phản gián theo sau. Phương pháp tuyệt hảo là dùng xe điện, xe buýt công cộng. Đổi xe vài ba lần, và trước phút xe chạy thì nhảy xuống hoặc trèo lên, Phương pháp khác là lái xe vào một bin-đỉnh lớn có ga-ra riêng. Bận đậu xe, biến vào thang máy, và chuồn ra cửa khác. Bộ ngoại giao Mỹ đã «thành công» trong việc đặt trụ sở Liên hiệp quốc ra ngoài phạm vi kiểm soát của cảnh sát FBI. Kết quả là các nhà ngoại giao Cộng sản có thể lái xe vào, và dàng hoàng đi ra bằng cửa hông, nhân viên FBI phải khoanh tay bất lực.³⁸

Nhân viên CIA phải xin phép trung ương mới được kết hôn. Nhân viên nào lấy phụ nữ ngoại quốc làm vợ sẽ bị đưa lên phi cơ lập tức, và bị trục xuất khỏi Sở khi về đến Hoa thịnh đôn. Cho nên nhiều nhân viên CIA kết hôn với nữ đồng nghiệp.

Nhân viên CIA trong tòaa đại sứ phải giao du rộng rãi, không phải để tuyển nạp mật báo viên mà là để hoạt động dễ dàng, khi cần tới việc gì thì có người quen giúp đỡ. Nhân viên phải gọi CIA là «công ty», «hãng», hoặc 38 điệp viên Sô viết được huấn luyện kỹ càng về phương pháp chống phản gián Mỹ. Tài liệu huấn luyện căn bản, gọi là cẩm nang Prikhodko đã được phiên dịch trong Chiến sĩ Điệp báo Penkovskiy đã xuất bản.

«sở»³⁹. Không bao giờ được gọi tên CIA, ngay giữa nhân viên với nhau.

Theo lệnh của Tổng thống Kennedy, CIA phải trực thuộc ông đại sứ. Song trên thực tế, lệnh này được áp dụng co dãn, tùy theo sứ quán.

Một tân đại sứ tới nhậm chức. Nếu ông gọi trạm trưởng CIA lên báo cáo tình hình, trạm trưởng chỉ nói tổng quát về những điều ông hỏi. Đảo chính xảy ra, ông tân đại sứ mời trạm trưởng CIA tới khiển trách, thì được trả lời như sau :

- Thưa ông đại sứ, tôi tưởng ông quan tâm đến những nét chính của hoạt động CIA. Tôi không dám làm ông phí thời giờ vô ích với những vụ nhỏ mọn như biến cố tuần qua.

Muốn nắm vững tình hình CIA, ông tân đại sứ chờ một thời gian 6 tuần rồi mới gọi trạm trưởng đến. Tốt nhất là ông đại sứ đến nhà riêng của trạm trưởng vào những giờ tréo căng ngồng như 9 giờ tối, hẹn trạm trưởng tới sứ quán sáng mai, cũng vào giờ tréo căng ngồng khác, chẳng hạn 7 rưỡi, khi sứ quán còn đóng cửa. Phương pháp này làm trạm trưởng đổ mồ hôi hột suốt đêm, sáng

³⁹ Đôi khi nhân viên CIA còn gọi CIA là «tổ chức» (organization), thay vì công ty (company), hãng (firm), và sở (office).

hôm sau một nhòai. Gặp trạm trưởng, ông đại sứ sẽ nói:

- Thế nào, ông báo cáo tất cả cho tôi biết.

Trạm trưởng phải phun ra hết.

Trong cuốn phim Ipcress File ⁴⁰, nhân viên CIA là người da màu. Trên thực tế, CIA đã dùng nhân viên da đen. Trong CIA không có kỳ thị chủng tộc. Nếu có, chỉ là kỳ thị đàn bà. Nhiều phụ nữ làm CIA, nhưng phần đông là nhân viên chuyên môn hoặc hành chính, hoặc khảo cứu, và phần đông ở Hoa thịnh đốn. Những điều nói về nữ điệp viên diêm lệ, dùng thân thể để phụng sự tổ quốc chỉ là lão khoét. Khi cần nữ điệp viên, CIA thường tuyển dụng ở địa phương.

CIA bành trướng mạnh mẽ từ 1948 đến 1953. Sau đó, CIA giảm bớt nhân viên, và ngày nay chỉ tuyển dụng những công dân đã làm tròn nhiệm vụ quân dịch. Các bạn đã chứng kiến cái cảnh thượng nghị sĩ nói với nhau trong Quốc Hội chưa ? Họ lấy một tay che miệng, trông như nói thầm. Thật ra, họ đề phòng bị đọc trộm bằng môi ⁴¹. Ngày nay các cơ quan tình báo thường

40 Phim gián điệp rút trong tiểu thuyết nổi tiếng The Ipcress File của Yen Deighton.

41 Kỹ thuật đọc bằng môi là lip-reading, người đọc Bằng môi, lip-reader. Lip-reading là phương pháp nhìn môi mấp máy là hiểu được lời nói

đứng xa dùng máy ảnh riêng, quay phim hai người nói chuyện, rồi chiếu lại cho chuyên viên đọc môi nghiên cứu. Chuyên viên này có thể khám phá ra 85% của cuộc đối thoại.

Nhân viên CIA được huấn luyện về phương pháp đọc môi nên, kinh cung chi điều, rất thận trọng trong khi trò chuyện. Trong tiệm ăn, mỗi khi cất tiếng, họ thường lấy tay che miệng. Hoặc kín đáo hơn, họ giả vờ che miệng bằng cái tẩu hoặc điều thuốc lá. Tôi được biết một nhân viên CIA tập luyện đến trình độ phi thường : khi y nói, môi y không mấp máy.

Nhân viên CIA còn phải thận trọng khi ngồi xuống ghế, vì có thể đối phương gắn máy ghi âm, nghe trộm.

Nhân viên CIA được chia làm 3 loại. Thứ nhất là nhân viên hành chính tại Hoa thịnh đốn. Thứ hai là nhân viên tại các sứ quán độ 5 hoặc 6 người ngoại trừ những thủ phủ quan trọng. Theo thông lệ, số nhân viên này được chuyển về Trung ương và được thăng chức.

Loại nhân viên thứ ba không bao giờ được thăng chức. Phần lớn họ hoạt động ở hải ngoại, và chỉ được thưởng mỗi khi thành công đặc biệt. Họ là điệp viên chìm ⁴². Điệp viên chìm thường bé nhỏ, gan dạ,

42 Tiếng Anh là Undercover agent hoặc deep cover

khỏe mạnh, da hơi ngăm ngăm trong như Li-băng. Mẽ tây cơ hoặc Ý, song chính thật là người Mỹ. Vì điều kiện an ninh, nhân viên CIA trong sứ quán không liên lạc thường xuyên với họ. Họ vẫn liên lạc với trạm trưởng CIA, song trạm trưởng để họ tự do hoạt động. Họ thường hồi hương sau một công tác quan trọng như tuyên cử, viếng thăm chính thức, đảo chính, vân vân...

Họ thường đội lột sinh viên. Tại nhiều quốc gia, người lớn tuổi còn đi học là thường, nên họ không sợ bị ngờ vực. Họ có nhiệm vụ thâm nhập vào các tổ chức sinh viên, và giữ chức vụ nòng cốt.

10) Tôi Làm Gián Điệp Cho Cộng Sản

Cộng sản và Tây phương là hai xã hội khác nhau. Khác nhau từ cách ăn mặc, sinh sống đến tư tưởng chính trị. Tuy nhiên, kỹ thuật thuần túy điệp báo lại giống nhau. Mặc dầu Cộng sản muốn đặt ra một nền điệp báo riêng mệnh danh điệp báo nhân dân.

Cuốn hồi ký của đại tá Powel Monat là một bằng chứng điển hình ⁴³. Monat là đại tá Z-2, cơ quan tình báo Ba Lan, đặt dưới quyền kiểm soát của RU Sô viết. Đội lột tùy viên quân sự tại tòa đại sứ Ba Lan, ở Hoa thịnh đôn, Monat từ chức màng lưới gián điệp cho Nga sô trên đất Mỹ. Trở về nước, Monat được cử làm giám đốc tùy viên quân sự, nghĩa là điều khiển các tùy viên quân sự Ba Lan trên toàn thế giới. Song Monat đã cùng gia đình trốn qua Áo quốc, rồi tá túc chính trị tại Hoa kỳ.

Tùy viên sứ quán, đặc biệt là tùy viên quân sự, là tâm bình phong gián điệp của mọi quốc gia. Được hưởng quyền bất khả xâm phạm ngoại giao, họ tha hồ hoạt động, tha hồ dùng va-ly ngoại giao để gửi tin tức bí

43 Đó là cuốn «Gián điệp ở Mỹ» (Spy in the US) của Powel Monat (John Dill nhận chính, do Harper and Row xuất bản, Nữu ước 1962).

mật, nếu bị bắt quả tang thì bị trục xuất về nước là cùng. Từ sau thế chiến, hàng chục nhà ngoại giao Nga-Mỹ bị trục xuất Hoa kỳ cũng như Nga sô đã công bố những bạch thư và tài liệu nói về việc tùy viên sứ quán làm gián điệp ⁴⁴. Tháng 8-1960 đại tá Carl Walkins Miller tùy viên quân sự Hoa kỳ tại Hung gia lợi bị trục xuất. Tháng 10-1960, thiếu tá Irving R. McDonald, phụ tá tùy viên không quân Mỹ phải rời Mạc tư khoa trong vòng 48 giờ đồng hồ. Ngoại trừ vụ Penkovskiy, hầu hết các vụ trục xuất tùy viên sứ quán Mỹ đều mang tính chất độc đoán và trả thù.

Vụ Penkovskiy xảy ra năm 1963 có thể được coi là vụ trục xuất quan trọng nhất. 5 nhà ngoại giao Mỹ và Anh phải rời Mạc tư khoa. Đại tá Sô viết Penkovskiy lãnh án tử hình sau khi chuyển giao 5.000 tài liệu quốc phòng cho Anh-Mỹ. ⁴⁵

Ngược lại, tùy viên sứ quán Sô viết tại Mỹ chỉ bị trục xuất sau khi bị bắt quả tang ; hành nghề do thám. Valentin Gubitcher nhân viên phái đoàn Sô viết tại Liên hiệp

44 Cảnh sát Mỹ FBI xuất bản cuốn Lược trình về Gián điệp Sô viết (Exposé of Soviet Espionage 1960). Năm 1959. Hạ nghị viện Mỹ công bố bạch thư «Lề lối gián điệp Sô viết» (Patterns of Communist Espionage).

45 Vụ này đã được tường thuật đầy đủ trong cuốn «Chiến sĩ điệp báo Penkovskiy», đã xuất bản, cùng một tác giả.

quốc bị chụp hình trong lúc nhận tài liệu của thiếu phụ Mỹ Judith Coplon. Tháng 10-1960, Igor Melekh, nhân viên Sô viết tại Liên hiệp quốc, cũng bị cảnh sát Mỹ bắt quả tang. Nhiều nhân viên ngoại giao cộng sản khác đã phải đáp máy bay hồi hương cấp tốc như Gubitchev và Melekh.

Cuốn bách thư Sô viết về nhân viên CIA trong sứ quán Hoa kỳ viết như sau :

« ... Tùy viên sứ quán đi khắp lãnh thổ Sô viết để thu lượm tin tức tình báo... bí mật chụp hình các cơ sở quốc phòng... tìm cách xâm nhập các khu vực quân sự và xí nghiệp đạn dược và còn xử dụng máy ảnh do thám đặc biệt...» Ngược lại, Frank Tisler tùy viên quân sự Tiệp khắc, trốn sang Tây phương năm 1959, khai trước ủy ban điều tra Quốc hội Mỹ như sau : « ... Chức vụ tùy viên quân sự của tôi giúp tôi hoạt động tình báo, kết nạp công dân Mỹ làm điệp viên...)

Cụ thể hơn nữa, đại tá Pawel Monat đã viết một cuốn hồi ký 200 trang khổ lớn, thuật lại hoạt động do thám của các sứ quán Cộng sản tại Mỹ. Monat thuật lại cuộc hội kiến với tướng Bordzilowski, tham mưu trưởng Ba Lan, trước ngày sang Mỹ như sau :

«Bodzilowski nói chuyện với tôi bằng tiếng Nga, vì ông là công dân Sô viết, mặc dầu ông là tham mưu trưởng quân đội Ba Lan. Ông ra lệnh cho tôi :

- Sự bang giao giữa Hoa kỳ và Liên xô không được khả quan. Hoa kỳ không cho phép tùy viên Sô viết tự do đi lại, song tùy viên Ba Lan lại được tự do. Vì vậy, đồng chí phải đi khắp nước Mỹ. Đồng chí phải lắng tai nghe, và khám phá mọi bí mật. Nếu cần, phải đánh cắp tài liệu mật. Phải hoàn thành sứ mạng với bất cứ giá nào. Về tình báo, nước lớn cũng như nước nhỏ, ai giỏi lấy tin tức là hơn. Hoa kỳ là mục tiêu tình báo của chúng ta».

3 tuần lễ đầu tiên ở Mỹ, Monat ngồi suốt ngày trên xe hơi, dạo khắp thủ đô Hoa thịnh đốn, để làm quen với phố xá, chọn trước những con đường hẻm, và tinh giờ từng quãng, sửa soạn cho công tác gián điệp. Một ngày kia, ông đang ăn sáng thì chuông điện thoại reo. Người đối thoại là nhân viên mật mã của sứ quán Ba Lan, vì điện thoại bị Phán gián nghe nên y dùng ám ngữ.

- Thừa đại tá, tôi vừa đọc xong cuốn sách mà đại tá muốn mượn. Cuốn sách dày quá nên tôi đọc hơi lâu.

«Ám ngữ này - lời Monal - có nghĩa là y nhận được một mật điện dài từ Varsovie gửi tới và y đang dịch. Mật điện tình báo từ Varsovie gửi tới đều dùng 2 mật

mã. Nghĩa là Z-2 (sở gián điệp Ba Lan) dịch sang mật mã lần đầu, rồi chuyển qua hộ Ngoại giao. Bộ này dịch sang mật mã lần thứ hai trước khi gửi đi. Bằng phương pháp này, phòng mật mã bộ Ngoại giao không hiểu nội dung của bức điện, nhân viên mật mã trong sứ quán Ba Lan tại Hoa thịnh đôn cũng không hiểu gì hết. Chỉ một mình tôi biết cách dịch ra, ông đại sứ không biết. Bức điện này ra lệnh cho tôi thu thập tin tức về một cuộc thực tập hải quân tại tiểu bang North Carolina.

«Theo thủ tục, tôi phải thông báo cho Ngũ giác Đài biết là tôi sắp lái xe tới tiểu bang North Carolina để ngoạn cảnh. Và Ngũ giác đài sẽ mật báo cho FBI theo dõi tôi ngày đêm. Tôi mang đại úy Golach, một sĩ quan tình báo đi theo. Golach đội lót thư ký thường trong sứ quán nên được tự do đi lại. FBI chỉ bám sát tôi mà lơ lửng Golach.

«Đến một khách sạn, tôi đánh cắp một số giấy tờ, và cất vào túi. Đó là giấy tờ khai trợ mà khách sạn nào cũng có. Tôi lại lấy một xấp giấy in tiêu đề của khách sạn. Những giấy tờ này sẽ được gửi về Varsovie. Trung ương Z-2 có một ban riêng, thu thập mọi giấy tờ liên quan đến khách sạn trên toàn thế giới, để tiện dụng sau này cho hoạt động do thám.

Monat đánh lừa nhân viên FBI như sau :

«Trước khi đi ngủ, tôi dặn nhân viên khách sạn đánh thức sáng hôm sau, đúng 7 rưỡi. Về phòng, tôi lại gọi giầy nói cho nữ điện thoại viên kêu cho tôi đúng 7 rưỡi. Rồi Golach và tôi bàn bạc về một cuộc hẹn sẽ diễn ra hai ngày sau. Mục đích của chúng tôi là ru ngủ nhân viên FBI ở dưới nhà.

«Sáng hôm sau, đúng 5 rưỡi, nghĩa là trước 2 giờ, chúng tôi nhóm dậy, mặc quần áo cấp tốc, rồi rón rén ra ngoài. Không gặp ai, ngoại trừ một nhân viên ngủ gà ngủ gật sau bàn. Tôi lay hấn dậy, trả tiền, vụt ra đường, trèo lên xe, song không đóng cửa xe, sợ gây tiếng động. Chúng tôi lái xe đi thẳng. Thoát nạn.

Trong thùng xe, tôi có đủ dụng cụ nhiếp ảnh do thám».

Một lần khác, Monat tới tiểu bang Floride để quan sát hai căn cứ quân sự và chọn địa điểm tương lai cho điệp viên. Monat không biết những điệp viên này là ai, có thể là của UB (mật vụ Ba Lan), hoặc của RU Sô viết. Để lừa FBI, tôi mang gia đình đi theo. Khi tôi bắt đầu khởi hành, xe FBI đã nổ phía sau. Chúng tôi phóng nhanh, và bỏ rơi được xe FBI. Nhưng một cảnh sát viên đã chặn lại, và nói :

- Các ông lái quá nhanh, vi phạm luật giao thông. Phiên các ông cho tôi xem giấy tờ.

«Tôi đáp :

- Tôi vẫn giữ đúng tốc độ theo luật. Vả lại, tôi là nhà ngoại giao.

- Ông phải xuất trình giấy tờ, tôi mới biết ông là nhân viên ngoại giao được.

«Tôi đành phải rút ví lấy chứng minh thư. Viên cảnh sát khệnh khạng đọc rất lâu. Sau đó, y cho phép tôi nổ máy. Xe chạy được một quãng, tôi nhìn kính chiếu hậu thấy người cảnh sát vẫy một đoàn xe vừa tới. Thì ra xe FBI đã gọi vô tuyến cho viên cảnh sát lập kế giữ chúng tôi lại.

«Đêm ấy, chúng tôi nghỉ lại gần đồn Bragg, nơi đồn trú của sư đoàn không vận 82 hữu danh của Mỹ. Chúng tôi vào tiệm mua đủ loại phù hiệu quân sự để gửi về nước cho Ban Y phục của Z.2. Ngoài ra, tôi còn mua mọi thứ báo, cũng để gửi về.

«Trung ương Z-2 có một thư khó khổng lồ ⁴⁶ ở

46 Thư khó đặc biệt này là Kartoteka Personalna, nghĩa là tập phiếu cá nhân. Trung ương RU cũng có một thư khó tương tự, gọi là Zapitki. Thư khó của CIA lớn không kém Zapitki của

Varsovie. Thư khố này chứa đựng tài liệu, hình ảnh của nhiều sĩ quan Mỹ từ cấp đại tá trở lên. Mỗi sĩ quan có một hồ sơ riêng, nói rõ về binh nghiệp, tính tình, tướng mạo, và gia đình. Thư khố này còn đựng hồ sơ về nữ chiêu đãi viên trong các câu lạc bộ sĩ quan, về gia nhân trong khu nhà ở của sĩ quan. Sau này, khi cần, Z-2 sẽ kết nạp họ vào guồng máy do thám.

«Tối hôm ấy, chúng tôi ở trong một lữ quán xa lộ. Lữ quán chỉ còn 2 phòng nên nhân viên FBI đi theo phải ở nơi khác. Lợi dụng tình trạng này, chúng tôi dậy thật sớm để lên đường. Song FBI tỏ ra khôn ngoan hơn, vì 2 bánh xe của tôi bị xì hơi bẹp dí. Vì chúng tôi chỉ có một bánh xơ-cua, nên đành chờ đến 8 giờ, ga-ra mở cửa mang xe lại vá. Thành ra 9 giờ chúng tôi mới lên đường được, và cố nhiên phía sau đã có nhân viên FBI.

«Qua căn cứ quân sự, tôi rút máy ảnh ra chụp trộm, và ghi những điều cần nhớ vào sổ tay. Nhà chức trách Mỹ biết tôi do thám, song họ không có quyền cấm tôi ngoạn cảnh. Trừ phi họ bắt được tôi quả tang ghi chép những điều quan sát vào sổ tay, họ mới đuổi nổi tôi. Tôi đặt ra một lối tốc ký riêng, chỉ riêng tôi đọc được. Tôi lại đặt ra mặt mã riêng, mỗi lúc viết một khác. Tiểu bang Floride nổi tiếng về cá và trái cây ngon, nên tôi dùng

chữ «dưa chuột» để chỉ «hỏa tiễn Nike», «vườn» để chỉ «quân trại», «ruộng» để chỉ «căn cứ không quân», «trái bom» để chỉ «lính gác», «cá đuối» để chỉ «chiến hạm», «bể bơi» để chỉ «căn cứ hải quân»... ⁴⁷»

Trong chuyến đi này, Monat còn bị xếp bánh một lần nữa. Ngoài phương pháp xì lốp, FBI còn áp dụng phương pháp sau đây :

«Chúng tôi dậy từ rạng đông, sửa soạn khởi hành trước nhân viên FBI. Bánh xe còn tốt nguyên. Song một cái xe lại đậu sát xe chúng tôi, và khóa hết cửa, khiến chúng tôi không thể nào lái ra được. Tôi bèn yêu cầu chủ khách sạn tìm chủ xe. Nửa giờ sau, chủ xe mới xuống. Y là người mà chúng tôi quen mặt từ lâu».

Ngày cũng như đêm, trong khi ngoạn cảnh cũng như trong giờ làm việc tại sứ quán, Monat phải đánh lừa

47 Sinh viên Mỹ, 22 tuổi Marvin William Makinen bị bắt năm 1961 và kết án 8 năm tù tại Nga xô. Makinen cũng ghi chép theo mật mã riêng, «nông dân» là binh sĩ, «trời mưa» là quân trại, «dân cư đông đảo», là quân xa. Ủy viên công tố G.Z. Klemov nói trước tòa rằng sinh viên Makinen, thuộc trường đại học Pennsylvania, đã được CIA huấn luyện 6 tuần lễ về cách chụp hình, vẽ họa đồ và dùng mật mã. Năm 1963, Makinen được Nga xô trả tự do (cùng linh mục Walter Ciszek bị giam trong 23 năm) đổi lấy 2 nhân viên do thám Xô Viết, Ivan D. Egorov, đội lốt nhân viên LHQ và vợ là Aleksandra.

FBI :

«Giờ làm việc ở sứ quán là từ 9 giờ sáng đến 4 giờ chiều. Đáng lẽ cho nhân viên đến sở đúng 9 giờ - như vậy FBI sẽ kiểm soát được dễ dàng - tôi đặt ra giờ giấc riêng, luôn luôn thay đổi khiến FBI bở hơi tai. Chẳng hạn tôi đến đúng 9 giờ. Một phụ tá đến 9 rưỡi. Người khác đến lúc 10g15. Người thứ ba lúc 10g45. Ngày hôm sau giờ giấc lại đổi khác. Đôi khi, tôi dặn một nhân viên phụ tá mang hồ sơ về làm, và ở nhà luôn một ngày, không trả lời điện thoại. FBI thường dùng điện thoại để kiểm soát xem nhân viên ngoại giao ở nhà hay đi vắng. Vợ nhân viên này sẽ trả lời người gọi điện thoại rằng chồng đi vắng, và không biết đi đâu. Chúng tôi hy vọng là FBI sẽ cuống cuống, đổ xô đi tìm, khiến cho số nhân viên canh chừng sứ quán phải giảm bớt.

«FBI cũng thay đổi giờ giấc như vậy. Họ giả vờ quên chúng tôi trong một, hai ngày. Và chúng tôi không thể biết trước ngày nào họ giả vờ quên.

«Văn phòng của tôi có lò sưởi, đầu lưng vào một ngôi nhà kế cận. Tôi nghi FBI đặt máy ghi âm lén trong tường. Ngôi nhà kế cận lại rất bí mật, cửa đóng chặt, rèm cửa kín mít. Tôi nghi FBI núp trong nhà này để quan sát chúng tôi.

«Tủ sắt của sứ quán được mua tại Mỹ, song được lắp khóa riêng, từ Ba Lan gửi tới bằng va li ngoại giao. Mọi ổ khóa trong sứ quán đều được mang từ Ba Lan tới, và thỉnh thoảng gửi về thay...

«Phòng người gác được gắn đèn và chuông báo động. Hễ người ta mở cửa, hoặc đến gần tủ sắt đựng tài liệu là đèn đỏ bật lên, chuông reo inh ỏi... Chúng tôi còn có điện đài sóng ngắn có thể liên lạc với Varsovie. Theo quy chế ngoại giao, chúng tôi không được quyền truyền tin. Song không ai cấm, và cũng không ai biết chúng tôi nhận tin. Năm 1958, trở về Varsovie, tôi được biết Z-2 đang chế tạo một điện đài xách tay lưu động, đặt trên xe hơi hoặc ca-nô đang chạy, phản gián khó thể tìm ra. Theo kế hoạch, các trạm vô tuyến Sô Viết ở Bắc băng dương, hoặc trên đoàn «tàu đánh cá » ngoài duyên hải Hoa kỳ sẽ tiếp vận những mật điện này về Ba Lan cho Z-2.

«Nhân viên mật điện ở luôn trong sứ quán với lính gác, để tránh sự bắt cóc, hoặc âm mưu lôi kéo ⁴⁸. Tháng một lần, hoặc khi có việc cần, hai nhân viên giao liên đặc biệt mang va-li ngoại giao từ Varsovie tới Hoa thịnh đến bằng đường hàng không. Theo chỉ thị, họ phải đi 48 Biện pháp an ninh này được áp dụng từ sau ngày Igor Gouzenko, nhân viên mật mã của sứ quán Sô Viết, chọn tự do tại Gia nã đại (1945) làm hệ thống gián điệp Cộng sản bị vỡ lở.

từng đôi, để bảo vệ an ninh. Hành lý của họ chỉ gồm một, hoặc hai cái túi lớn, và một cái cặp nặng, đựng giấy tờ quan trọng. Tất cả đều được niêm phong và khóa kín trước khi nhân viên giao liên rời Varsovie, và chỉ được mở ra trong sứ quán. Nhân viên giao liên đều ăn lương mật vụ UB.

«... Trong phòng làm việc, chúng tôi để sẵn diêm quẹt và bình xăng, để khi cần có thể thiêu hủy tài liệu mật. Nhiều giấy tờ từ gởi Varsovie tới đều mang tiêu đề «hủy sau khi đọc»⁴⁹. Những giấy tờ này được đốt trong một cái lò riêng.

«Nhân viên gắn khóa, và dụng cụ an ninh đều từ Ba Lan tới. Họ đều làm việc ban đêm để nhân viên sứ quán khỏi biết. Khóa két của tôi phải mở bằng hai chìa riêng do Varsovie chế. Tôi giữ một bộ, còn bộ phòng hờ, tôi bỏ vào phong bì, mỗi bì một chìa khóa, niêm kín, và đưa cho nhân viên mật mã và ông đại sứ, mỗi người giữ một bì, song không ai biết là chìa thứ nhất hay chìa thứ nhì.

«Trong sứ quán, mỗi khi bàn chuyện kín, chúng tôi mở máy thu thanh âm ỹ, hoặc gõ đầu bút chì xuống bản. Những tiếng động này sẽ ngăn chặn sự ghi âm lén lút. Văn phòng tôi chỉ có một điện thoại, để ngoài hành

49 Tiếng Ba Lan là Zniszczgc-po zapoznaniu sir.

lang, xa bàn giấy. Như vậy, để người ngoài không nghe lỏm được những tiếng nói trong bàn giấy trong khi điện đàm. Điện thoại ở sứ quán và nhà riêng bị FBI ghi âm, nên mỗi khi nhân viên của tôi lên ra phố công tác, tôi nhờ vợ một nhân viên khác gọi điện thoại mời gia đình đến ăn cơm. Và trong bữa ăn, nhân viên này ra ngoài bằng lối riêng.

«Mỗi đêm trước khi về nhà, mỗi nhân viên có trách nhiệm khóa cửa phòng, cửa tủ sắt, và niêm lại bằng sập. Ngày nghỉ, nhân viên canh phòng trong sứ quán được tăng gấp đôi, sợ FBI sai người len vào. Sở dĩ chúng tôi cẩn thận trọng vì năm 1957, phái bộ quân sự Ba Lan tại Tây Bá Linh bị tình báo đồng minh nghe lén điện thoại trong 2 năm, tuy đã bố trí phương tiện an ninh đầy đủ.⁵⁰ Tình báo Ba Lan đã tìm cách đặt dụng cụ ghi âm trong sứ quán Hoa kỳ tại Varsovie năm 1950, và 1951. Năm 1957, hoặc 1958, tình báo Ba Lan lại tìm cách nghe lén lần nữa.

«Tuy nhiên, sứ quán Sô Viết còn thận trọng hơn chúng tôi nhiều. Nhân viên Sô Viết không trừ sẵn diêm quẹt như chúng tôi để đốt tài liệu trong trường hợp khẩn cấp, mà là dùng hóa chất đặc biệt, có thể tiêu hủy một đồng 50 CIA đào đường hầm ăn thông sang Đông Bá Linh, cuối năm 1954, đặt 432 máy ghi âm để nghe đường điện thoại của Nga sô. Mãi ngày 22-4-1956, Nga sô mới khám phá ra.

tài liệu trong chớp mắt. Tùy viên quân sự Sô Viết cũng có một máy điện thoại như chúng tôi. Song họ không cần mở máy thu thanh âm ỹ và đập ngòi bút chì như chúng tôi để che lấp tiếng nói. Họ đã xây 3 căn phòng đặc biệt trong sứ quán, ở trong la hét rất cổ bên ngoài cũng không nghe. Tôi từng trò chuyện bí mật với nhân viên do thám Sô viết trong những căn phòng này. Phiên một nỗi không được thoáng khí, khiến mồ hôi đổ như tắm, và nghẹt thở sau mấy phút trò chuyện.

Sứ quán Sô viết còn thận trọng hơn nhiều về va-li ngoại giao. Bản chính tài liệu quan trọng được giữ trong két sắt của sứ quán, họ chỉ chụp lại và gửi về. Những cuộn phim nhỏ này chỉ được rửa thành ảnh ở Mạc tư khoa. Nếu va-li ngoại giao rơi vào tay người lạ, cuộn phim sẽ hư hỏng. Vì cuộn phim được bỏ trong hộp riêng, chung với một chất cường toàn cực mạnh. Người lạ không biết cách mở hộp, át-xít sẽ trào ra, phá hỏng cuộn phim trong vòng một đến hai giây đồng hồ. Văn phòng tùy viên quân sự Sô viết Hoa thịnh đồn gần 40 nhân viên. Đôi khi, Mạc tư khoa còn gửi thêm nhân viên trợ lực. Năm 1957 trước ngày Quân lực ở Hoa thịnh đồn, 3 sĩ quan cao cấp Sô viết đội lột nhân viên ngoại giao tới Mỹ. Thật ra họ là chuyên viên võ khí, lợi dụng ngày Quân lực để quan sát võ khí mới của Mỹ.

11) Bí Mật CIA

Bí mật là nguyên tắc sống còn của một cơ quan gián điệp. Nhờ nguyên tắc bảo mật, Trung ương Tình báo CIA đã thu hoạch được nhiều kết quả quan trọng.

Mục đích của CIA khi xây cất trụ sở Langley là đẩy mạnh công tác bảo mật. Tuy nhiên, lễ đặt viên gạch đầu tiên lại được tổ chức rầm rộ với đông đủ quan khách tham dự. Năm 1953, ông Allen Dulles được cử làm tổng giám đốc. Hồi ấy, CIA đặt trụ sở tại số 2430, đường E. Để giữ bí mật, bên ngoài được gắn bảng «Sở Ấn Loát của Chính phủ». Có lần Tổng thống Eisenhower và em là Milton đến thăm ông Dulles, nhưng không tìm ra địa điểm. Trong khi đó, nhân viên các hãng du lịch, dẫn khách đi ngoạn cảnh, đều biết nhà in của chính phủ là trụ sở CIA. Ông Allen Dulles bèn ra lệnh gỡ bảng nhà in và treo bảng «Trung ương Tình báo». Năm 1961. CIA dọn về trụ sở mới ở Langley trong bầu không khí hoàn toàn bí mật. Thật ra, bí mật đã thành bật mí. Nhân viên do thám địch chỉ cần mua bản đồ Hoa thịnh đôn là tìm ra trụ sở CIA. Từ trung tâm Hoa thịnh đôn đến CIA, phải trả 4,50 đô la tắc xi, hoặc muốn tiết kiệm thì dùng xe buýt công cộng 40 xu. Hàng trăm nhân viên

CIA đi làm bằng xe buýt. Một số vượt sông Potomac bằng canô.

Muốn tới tổng hành doanh CIA ư ? Xe buýt chạy đúng 7g12p, 7g46p, và 8g16p buổi sáng, và đến nơi trong vòng 34 phút. Buổi chiều, xe buýt về lúc 4g38p, 5g08p, và 5g40. Năm 1963, báo Washington Post còn đăng quảng cáo cho nhân viên CIA thuê nhà. Chủ nhân quảng cáo là căn nhà nào cũng có tủ lạnh và phòng tắm lót gạch bông, và nhất là «tiện lợi cho nhân viên CIA»... Dưới cái quảng cáo to lớn, còn có một bản đồ, với những mũi tên chỉ đường đi từ khu nhà cho thuê tới tổng hành doanh CIA. Chung quanh tổng hành doanh, tường cao gần ba thước. Nhiều tấm bảng được dựng lên, song không bảng nào mang chữ CIA. Người ta chỉ đọc thấy : «Tài sản của Chính phủ Hoa kỳ chỉ được dùng vào công vụ», «Cấm chụp hình», và «Cấm vượt qua».

Nhân viên CIA ở tổng hành doanh cũng như ở hải ngoại đều dùng tên giả. Nhiều trụ sở CIA trên đất Mỹ và hải ngoại cũng núp sau chiêu bài kỹ nghệ, thương mại. Chẳng hạn tại Miami, CIA đóng trụ sở trong 3 hãng buôn⁵¹. Tại các trường đại học, và các trung tâm 51 3 cơ sở này là Double-Check Corporation, Van-guard Service Corporation và Gibraltar Steamship Corporation. Tại Hoa kỳ, CIA còn có 27 cơ quan tuyển dụng rải rác trên toàn

thành thị lớn ở Hoa kỳ, CIA có thể núp sau tổ chức sinh viên, ủy ban văn hóa, tổ chức dân chúng tị nạn, hội những người tị nạn Cuba, trung tâm sưu tầm ngoại vụ, nhà xuất bản sách báo về Nga xô, công ty hàng hải, đài bá âm tư nhân, công ty tư vấn pháp chế hoặc giao tế.

Mọi sứ quán Hoa kỳ đều dành một tầng lầu riêng cho văn phòng CIA. Ở mỗi sứ quán có một trạm trưởng CIA. Dưới quyền trạm trưởng có một số nhân viên chuyên nghiệp. Những nhân viên này có nhiệm vụ kết nạp điệp viên địa phương. Nhân viên CIA thường là tùy viên, hoặc tham vụ ngoại giao, lệ thường, giới báo chí và do thám KGB hoặc GRU biết rõ danh tính của trạm trưởng CIA, dầu núp sau danh nghĩa nhân viên ngoại giao. Nhân viên sứ quán Mỹ cũng biết rõ danh tính nhân viên CIA.

Chính phủ Hoa kỳ rất kín miệng về vấn đề này. Tuy nhiên, chế độ dân chủ Mỹ không cho phép giữ bí mật tuyệt đối. Bằng chứng là ngày 12-4-1962 thiếu tá Charles R. Clark, Jr. tùy viên hải quân tại sứ quán Mỹ, Cuba (từ 1957 đến 1960) điều trần như sau tại tiểu ban An ninh Quốc nội của Thượng nghị viện :

Hỏi : Trong sứ quán, có nhân viên CIA không ?

Đáp : Có. Có khá đông.

Frank Wisner cựu phó Giám đốc Kế hoạch của CIA, người tạo ra vụ biến động ở Guatemala năm 1954, được cử làm trạm trưởng CIA, Luân đôn năm 1959, dưới danh nghĩa «tùy viên», và là «R-I»⁵², Robert Kendall Davis, người lập ra trung tâm huấn luyện giải phóng Cuba chống Castro, được ghi trong danh sách sứ quán là «tùy viên», rồi là «đệ nhất tham vụ» sứ quán. William Egan Colby, cựu trạm trưởng CIA-Việt nam, được ghi là «nhân viên Phòng Chính trị» năm 1959, rồi là «đệ nhất tham vụ» sứ quán. Năm 1963, Colby hồi hương để điều khiển Vụ Viễn Đông của Trung ương CIA. John H. «Jocko» Richardson, cựu trạm trưởng CIA-Việt nam (trong những ngày cuối cùng của chế độ Ngô đình Diệm) được ghi là đệ nhất tham vụ.

52 Nhân viên trừ bị bộ Ngoại giao

12) Bí Mật GRU - KGB

Gần đây, một cuốn sách nhỏ, bìa màu vàng, đỏ, nâu, tím, và trắng, ngoài vẽ một thanh niên khôi ngô, tay chống cằm, băng khuâng nghĩ đến tương lai, được xuất bản. Tựa đề là Trung ương Tình báo (Central Intelligence Agency). Và nhà xuất bản là CIA.

Lần đầu tiên, CIA xuất bản sách nói về CIA. Cuốn sách này được ấn hành để kích lệ thanh niên gia nhập CIA. Các cơ quan điệp báo Xô viết, KGB và GRU, không tuyển dụng nhân viên như CIA. Người Nga không có quyền làm đơn gia nhập cơ quan điệp báo, như người Mỹ, mà là được lựa chọn.

Mặt khác, nhân viên KGB hoặc GPU trong sứ quán hoạt động trong vòng bí mật hoàn toàn. Cao cấp nhất là đại sứ cũng không được biết. Aleksandr Kaznacheyer, nhân viên ngoại giao kiêm giám điệp Xô viết tại sứ quán Xô viết Ngưỡng quang, đã khai trước tiểu ban Thượng nghị viện Mỹ, sau ngày ông chọn tự do, như sau :

Hỏi : Ông có hai công việc. Thứ nhất là chức vụ ngoại giao giả hiệu. Thứ hai, là nhân viên tình báo. Như vậy, đúng không ?

Đáp : Đúng.

Hỏi : Cấp trên có cho phép ông tiết lộ với các viên chức Sô viết khác là ông hoạt động tình báo không ?

Đáp : Tôi được lệnh giữ bí mật tuyệt đối cả ông đại sứ cũng không được biết.

Trong thời gian hoạt động tại Hoa kỳ với tư cách tùy viên quân sự Ba Lan, đại tá Pawel Monat có nhiều quyền hành hơn ông đại sứ Ba Lan. Mọi giấy tờ do ông gửi về hoặc nhận được của chính phủ Ba Lan, ông đại sứ đều không được đọc. Tuy ông nhiều quyền hành hơn đại sứ, trong sứ quán vẫn còn nhiều người quyền hành hơn ông nữa. Và đó là một đặc điểm quan trọng của tổ chức điệp báo cộng sản. Monat là đại tá Z-2, nghĩa là cơ quan tình báo tối cao Ba Lan, song Z-2 còn bị U-B, cơ quan mật vụ thuộc bộ Nội vụ Ba-Lan kiểm soát bí mật. Trong cuốn hồi ký, ông thuật lại là viên chủ sự phòng công văn, một chức tầm thường, lại là nhân viên U-B có quyền hành tiền trạm hậu tẩu ghê gớm. Mặt khác, nhân viên mật mã, canh gác, và tài xế đều là U-B, điều không thể xảy ra trong CIA. Mật vụ U-B gồm 2 loại nhân viên trong sứ quán : loại nổi, được nhân viên sứ quán biết đến và nể sợ, loại chìm, có nhiệm vụ kiểm soát loại nổi. Loại chìm có thể báo cáo về nước, xin chuyển chuyên đại sứ và nhân viên ngoại giao cao cấp dễ dàng.

Trong hồi ký, đại tá GRU, Oleg Penkovskiy⁵³ tiết lộ là nhiều sĩ quan tình báo Xô viết đội lốt tài xế tại sứ quán. Có tài xế là trung tá quân đội hiện dịch. Tài xế của một tùy viên quân sự là trung úy Fokin. Tại sứ quán Xô viết, Hoa thịnh đồn, một đại úy hải quân cải trang làm tài xế để thực hiện công tác gián điệp. Cũng theo Penkovskiy, cơ quan tình báo GRU bị đặt dưới quyền kiểm soát ghê gớm của mật vụ KGB. Trong các sứ quán ở hải ngoại nhân viên KGB đông gấp ba, bốn lần nhân viên GRU. Nhân viên KGB «để mắt tới mọi việc» - theo lời Penkovskiy - như sự mua sắm, sinh sống, gặp gỡ, giải trí, uống rượu... của nhân viên sứ quán. Mọi thư từ của mọi nhân viên, kể cả đại sứ, và nhân viên GRU đều bị KGB kiểm duyệt trước khi gửi về nước.

Ngoài ra, Nga xô còn có một cơ quan điệp báo kinh khủng khác, mệnh danh là Smerch, chuyên về phản gián, và theo dõi, trừng trị nhân viên GRU - KGB được coi là không trung thành. Tại ngoại quốc, một số người không hiểu sự thật đã so sánh Smerch Xô viết với một cơ quan tối mật khác của Hoa kỳ, DIA, tức cơ quan tình báo quốc phòng⁵⁴. Tưởng đã đến lúc chúng ta cần biết chi tiết về DIA.

53 Chi tiết đầy đủ về KGB, GRU, xin đọc Gián điệp Quốc tế và Chiến sĩ Điệp báo Penkovsky đã xuất bản, cùng tác giả.

54 Defense Intelligence Agency

13) DIA Là Gì ?

Trước hết phải nói rõ rằng - Tình báo Quốc Phòng-không có quyền bắt người, kiểm soát nhân viên các sở bộ trong số có CIA - chứ đừng nói là giết người như GRU, KGB, và Smerch Sô viết nữa. DIA, trực thuộc bộ Quốc phòng, được lập ra để phụ trách tình báo thuần túy, đặc biệt là tin tức liên quan đến lãnh vực hỏa tiễn nguyên tử xuyên lục địa của Nga sô.

DIA được khai sinh sau ngày Tổng Thống Ken nedy nhậm chức, theo sự yêu cầu của ông bộ trưởng Quốc phòng Robert McNamara. Tuy nhiên,⁵⁵ DIA không phải là cơ quan chính trị do ông McNamara kiểm soát. Thật ra, kế hoạch thành lập DIA đã được thai nghén trong thời gian từ 1957 đến 1960, khi có tin Nga sô vượt Hoa kỳ về hỏa tiễn. Năm 1959, một ủy ban nghiên cứu cao cấp được bổ nhiệm với nhiệm vụ chỉnh đốn lại hệ thống tình báo để lấy thêm tin tức về Nga sô. Ủy ban này gồm nhiều quân nhân và nhân viên tình báo chuyên nghiệp thuộc bộ Ngoại giao, bộ Quốc phòng và tòa Bạch Ốc, đặt dưới quyền điều khiển của ông Lyman Kirkpatrick, hồi ấy là tổng thanh tra CIA. Cuối năm 1960, ủy ban nghiên cứu đề nghị thành lập DIA. Ý kiến này được ông Thomas S. Gates, bộ trưởng Quốc phòng trong

55 Defense Intelligence Agency

chính phủ Eisenhower, ủng hộ nhiệt thành. Song ông Gates được thay thế bởi ông McNamara, tháng 1-1961, khi Tổng thống Kennedy lên nắm chính quyền. Tuy ông Allen Dulles, tổng giám đốc CIA, phản đối, ông McNamara xúc tiến thành lập DIA. Cơ quan này ra đời ngày 1-10-1961, đặt dưới sự chỉ huy của trung tướng Carroll, tổng thanh tra không lực, xuất thân từ hàng ngũ cảnh sát FBI. Phụ tá tướng Carroll là 2 nhân viên CIA cao cấp : thiếu tướng William W. Quinn làm phó tổng giám và phó đô đốc Samuel B. Frankel, chuyên viên Nga-Hoa vụ, làm tham mưu trưởng. Tướng Quinn từng chỉ huy phòng Nhì quân đội Mỹ trong thế chiến thứ hai ở Âu châu, và hợp tác chặt chẽ với ông Dulles, hồi ấy phụ trách thu lượm tin tức cho quân báo OSS tại Thụy Sĩ.

DIA lớn nhanh như thổi : 3 năm sau, năm 1964, DIA gồm trên 2.500 nhân viên, và yêu cầu chính phủ cấp 17 triệu đô la để xây trụ sở mới, vì trụ sở trong Ngũ giác đài quá hẹp. DIA ấn hành hàng ngày một bản tin tình báo.⁵⁶

56 Tức là bản tin Daily Digest. Bản tin của CIA là Central Intelligence Bulletin, CIA còn xuất bản một tạp chí dành riêng cho nhân viên, không bán, tờ Intelligence Articles.

14) INR Là Gì ?

Dư luận ngoại quốc cũng biết rất ít, hoặc chưa biết gì về cơ quan được mệnh danh là INR ⁵⁷, Vụ Tình báo và Suu tầm của bộ Ngoại giao Mỹ. Roger Hilsman, cựu giám đốc INR, nhận định rằng danh từ «tình báo» đã bị dùng sai chỗ. Ông tuyên bố trước tiểu ban cấp phát ngân khoản Hạ viện năm 1961 như sau :

«Tôi phải thành thật nhìn nhận là tôi hơi khó chịu về danh từ tình báo được dùng để đặt tên cho Vụ này. Thật ra, Vụ này không phải là cơ quan tình báo, và cũng không thu thập tin tức tình báo. Nhiệm vụ của Vụ là phân tích tin tức».

Trên thực tế, INR lấy tin tức của bộ Ngoại giao do các sứ quán báo cáo về, tin tức của CIA, tin tức của các tùy viên quân sự, và bản đồ các quốc gia, để phân tích, nghiên cứu lập thành phúc trình đệ lên ông bộ trưởng Ngoại giao, và các cơ sở tình báo của Mỹ. Vả lại, INR chỉ dùng 530 nhân viên, mỗi năm chi tiêu chưa đến ba triệu đô-la. Mỗi năm, INR đúc kết chừng 16.000 phúc trình xã hội, chính trị, kinh tế và hồ sơ lý lịch. Từ 40

57 Bureau of Intelligence and Research

đến 60% tin tức được các sứ quán ở nước ngoài báo cáo về. Hàng ngày INR phải báo cáo tình hình tổng quát trên thế giới cho ông bộ trưởng Ngoại giao.

15) MI Là Gì ?

MI⁵⁸, là Tình báo Quân sự Anh quốc. Tuy mang tên Tình báo Quân sự, sở MI lại đảm nhiệm mọi công việc tình báo và gián điệp, dân sự và quân sự. Dur luận ngoại quốc thường gọi MI là IS⁵⁹ sở Tình báo.

Tổ chức điệp báo MI của Anh quốc khác với Nga-Mỹ. Tại Nga xô, cũng như Hoa kỳ, điệp báo được tách làm đôi (một bên tình báo và gián điệp, một bên là phản gián điệp) và giao cho hai cơ quan riêng biệt. Tại Nga xô phản gián điệp là nhiệm vụ của KGB và Smerch, trong khi hoạt động tình báo gián điệp thuộc thẩm quyền GRU (phần nào của EGB). Sự phân biệt ở Hoa kỳ rất dứt khoát : CIA phụ trách tình báo, gián điệp, FBI phụ trách phản gián. MI của Anh quốc lại điều khiển cả tình báo gián điệp lẫn phản gián.

Mi gồm 12 nha. Các nha quan trọng là MI-5, MI-6, MI-8 và MI-11. Nha MI 5 phụ trách an ninh quốc nội và phản gián, Tổng hành doanh đặt dưới hầm một công thự lớn ở thủ đô Luân đôn, với hơn một trăm nhân viên thường trực ngày đêm để cập nhật hóa một thư khố khổng lồ 2 triệu hồ sơ cá nhân.

58 Military Intelligence

59 Intelligence Service.

MI-6 gần giống CIA của Mỹ. Tuy nhiên, nhân viên MI-6 hoạt động ở nước ngoài lại trực thuộc bộ Ngoại giao. Đặc biệt là tên người chỉ huy MI-6 được giữ kín, ai công bố ra thì bị tòa án truy tố, không như ở Hoa kỳ, dân chúng đều quen tên các Ông Dulles McCone, Raborn... MI-8 là nha mật mã. Còn MI-11 là nha tuyên truyền đen ⁶⁰. Ngoài ra còn một cơ quan quan trọng và hầu như tự trị khác, mệnh danh là tình báo Đặc biệt ⁶¹ chuyên trách gián điệp chiến lược là các phần hành tối mật của ngành điệp báo. Chỉ huy cơ quan này là một tướng lĩnh nổi tiếng. Nền điệp báo Anh quốc xuất hiện từ gần một ngàn năm nay, trước nhất trên thế giới, nên được coi là đàn anh. Tuy nhiên, từ sau thế chiến thứ hai cơ quan MI dần dần bị CIA và GRU lấn át. Hầu hết những kỹ thuật điệp báo hiện tại đều rút tĩa của kinh nghiệm Anh quốc. Từ thế kỷ thứ 17 Anh quốc đã có nhiều chuyên viên mật mã cừ khôi như bác sĩ Wallis mà đặc tài là đọc được hết mật mã và mật tự không cần chìa khóa. Wallis là cộng sự viên thân cận của giám đốc điệp báo John Thurloe.

Thurjoe là người Tây phương đầu tiên kết nạp thành phần căn bản vào hàng ngũ do thám : đạo tặc, ma cô, dân chơi bời cần tiền... Phương pháp tuyển dụng nhận

60 Black propaganda

61 Special Intelligence.

viên của ông đã được nhiều cơ quan điệp báo bắt chước trong hai trận thế chiến : trả tự do cho thường phạm nặng án, với điều kiện gia nhập sở tình báo.

16) Lỗ Bình Sơn Phiêu Lưu Ký

Gían điệp là nghề phi thường nên nhân viên gián điệp đều là những bộ óc phi thường. Ngày nay, khắp thế giới đều biết tiếng R bat Baden Powell, ông tổ phong trào hướng đạo, phong trào trẻ rèn luyện thân thể và đạo đức. Song ít người biết ông Powell là điệp viên thượng thặng trong quân đội Anh quốc.

Năm 1915, ông đã xuất bản hồi ký về hoạt động gián điệp. Có lẽ ông là điệp viên đầu tiên đội lốt nhà thực vật học, lang thang trong vùng giáp tuyến để bắt bướm và vẽ bướm. Những công sự phòng thủ của quân đội Đức đều được ông vẽ bằng dầu riêng trong bướm.

Tài cải trang của Powell cách đây hơn nửa thế kỷ đã đạt tới trình độ siêu việt. Trong hồi ký, ông viết :

«Có hồi tôi phải cải trang làm thợ ống nước, sinh sống tại khu đông-nam Luân-đôn. Tôi cũng đề râu cằm như thợ ống nước chính cống. Một ngày kia, đi qua câu lạc bộ Hải quân, tôi gặp một người bạn cố tri, chỉ huy pháo binh. Không kịp nghĩ ngợi, tôi gọi y bằng tên tục. Y không nhận ra tôi. Khi tôi nói tên thật, y giật mình kinh ngạc».

Giới trí thức nước nhà thường đọc tác phẩm của nhà văn Anh quốc nổi tiếng, Somerset Maugham. Tuy nhiên, ít người biết Maugham còn là một điệp viên đại tài của MI ⁶².

Nhưng đáng kể nhất trong lịch sử điệp, báo Anh quốc là tác giả cuốn trường thiên tiểu thuyết Lỗ bình sơn phiêu lưu ký. Dưới thời pháp thuộc, bộ truyện phiêu lưu này đã được dịch sang tiếng Việt, và bán rất chạy. Không riêng ở nước ta, tác phẩm của ông Daniel de Foe được thanh thiếu niên trên khắp thế giới ham mê sau khi xuất bản, năm 1719, và đến nay, 2 thế kỷ rưỡi sau. sự ham mê vẫn chưa giảm bớt.

Muốn hiểu rõ điệp báo Anh quốc - cũng như muốn nắm vững kỹ thuật điệp báo - không thể không dành một trang sách cho Daniel de Foe. Ông là nhà báo, nhà văn, có ngòi bút sắc sảo, chuyên viết bình luận. Vì lương tâm chức nghiệp, ông bị chính phủ Hoàng gia cầm tù. Ông bộ trưởng Tài chính Robert Harley mên tài de Foe can thiệp cho ông được phóng thích. Năm 1704, de Foe đệ trình ông bộ trưởng Tài chính một tài liệu tối mật. dài 23 trang viết tay, dự thảo kế hoạch tổ chức mạng

62 Somerset Maugham là tác giả nhiều cuốn truyện gián điệp. Dùng loại văn tiểu thuyết, ông đã thuật lại hoạt động của ông trong tác phẩm Ashenden, điệp viên bí mật. Nhiều tác phẩm gián điệp của ông đang ở được bán ở Sài gòn.

lưới tình báo trên toàn nước Anh.

Ông bộ trưởng Tài chính mời de Joe làm chỉ huy trưởng tình báo. Nhà văn de Foe đi khắp nơi trong xứ, đặt cơ sở và kết nạp điệp viên. Kỹ thuật hành nghề của ông hiện nay còn được áp dụng. Ông bắt buộc điệp viên giữ kín hành tung, và gây thiện cảm với mọi người để khỏi bị nghi ngờ. Trong thời gian chu du khắp nước để tổ chức, ông cải trang làm người bán hàng rong.

Ông giữ vai trò quan trọng trong công cuộc sát nhập Ái Nhĩ Lan vào Anh quốc. Hoạt động tại Ái Nhĩ Lan để tiến tới kết quả vẻ vang này, ông mang nhiều tên giả và nghề nghiệp giả khác nhau. Đối với giới doanh nghiệp, ông tự nhận là kỹ nghệ gia nghiên cứu việc đóng tàu bè, hoặc việc thiết lập một nhà máy thủy tinh. Ông nói với các tu sĩ rằng ông đang dịch một tác phẩm tôn giáo bằng văn vần. Mặt khác, ông lại nói với nhân viên chính phủ cao cấp là ông đang thu thập tài liệu viết sử.

Cô lễ de Foe là gián điệp Anh quốc đầu tiên thành công trong lãnh vực thâm nhập. Hợp tác với bộ trưởng Tư pháp Parker, ông bí mật theo dõi các tờ báo đối lập. Định ninh ông là ký giả đối lập. Mist, chủ nhiệm một tờ báo đối lập, thu dụng ông vào ban biên tập. Dần dà gây được tin nhiệm với Mist, ông đã ngăn cản được việc

đăng tải tin tức chống chính phủ. Ông đóng vai trò nhị trùng này trong nhiều năm mà không bại lộ cho đến khi ông được 60 tuổi, tự ý rút vào bóng tối.

17) Nghề Gián điệp : Thiên Đường Hay Địa Ngục

Đọc tiểu thuyết gián điệp, thấy, OSS 117, và 007 được tiêu pha như hoàng tử, gái đẹp bu quanh, nhiều người, nhất là thanh niên đình ninh gián điệp là nghề thần liên. Cảm tưởng này được tăng gia khi người ta nghe nói tới đời sống của đại tá gián điệp Sô viết Rudolf Abel.

Ngày nay, hoạt động của Abel tại Mỹ được đưa lên đài vô tuyến truyền hình. Một số tiểu thuyết, phim ảnh, và phim truyền hình được sản xuất tại Nga sô hiện nay, ca tụng điệp viên Sô viết «Gordon Lonsdale», thiếu tá GRU, bị bắt tại Anh quốc về tội do thám (sau đó bị kết án tù, và được tời hương do thỏa ước trao đổi điệp viên Anh-Nga) vừa viết hồi ký, dưới tựa đề «Gián điệp». Cuốn sách của Lonsdale bán đắt như tôm tươi.

Nhiều điệp viên trong hệ thống «giàn nhạc đỏ» hoạt động tại Âu châu trong thế chiến thứ hai được cộng sản Đông Đức in hình trong bưu họa năm 1984. Một con đường ở Mạc tư khoa được đổi tên là Richard Sorge. Sorge là điệp viên người Đức, hoạt động lại Đông kinh trong thế chiến thứ hai cung cấp những tin tức quan trọng nhất cho Sít ta lin, giúp Nga sô thắng Đức quốc

xã. Một phần của Sorge ở Nhật thường được các phái đoàn cộng sản quốc tế tới đặt hoa trong ngày lễ ⁶³...

Gián điệp Nga sô sường thật ! Trong khi Abel hoạt động gián điệp ở Hoa kỳ, gia đình Abel sống cuộc đời thoải mái ở Nga sô, có nhà ở Mạc tự khoa, nhà ở ngoại ô, có gia nhân, và xe hơi riêng. Tuy nhiên, sự ưu đãi này không có gì lạ. Abel là sĩ quan cao cấp của Hồng quân, và GRU, 30 năm phục vụ trong tình báo Sô viết. Nghĩa là Abel thuộc giai cấp mới ở Nga sô, giai cấp được ưu đãi toàn diện. Vả lại, Abel phải sống xa gia đình gần 10 năm trời. Nhà cầm quyền Sô viết không thể không săn sóc vợ con Abel (nói cho đúng, có nhà, có xe, có gia nhân không phải là cuộc sống ưu đãi, so sánh với Tây phương, nhưng ở phía sau bức màn sắt đã là ngoại lệ đầy thềm muộn).

Những bức thư trao đổi giữa Abel và vợ con được đọc tại phiên Tòa đã nói nhiều về sự đau khổ của người trong cuộc, đau khổ để được có nhà, có gia nhân, và có xe hơi riêng. Thư từ của Abel được chụp vào phim vĩ-ti, giấu trong ruột cái bút chì. Con gái của Abel, tên là Evelyne, viết cho cha như sau :

63 Theo một nguồn tin tình báo, Richard Sorge còn sống, và cuộc hành quyết tại Đông Kinh chỉ là giả mạo (xin đọc Gián điệp quốc tế).

« ... Con đỏ mắt mong mỗi ngày cha trở về.

Trong một thư khác :

« ... Con rất muốn cha về đây với con...

Và đây, một đoạn trong thư của Hellen, vợ Abel :

« ... Em không ngủ được, và không ra đường. Em dạo vài bước trên bao lơn. Đôi khi, em lại gần cây đàn ghi-ta của anh và đứng ngắm tưởng như muốn nghe anh gảy, và điều này làm em buồn bã... (Trong những ngày Abel bị giam tại khám đường Atlanta, Hoa kỳ, vợ Abel viết rằng hàng ngày bà nhìn những bức họa của chồng làm nhà lại dĩ vãng) ... Em nhìn mãi, và không ngừng chờ anh, và chờ anh. Em muốn tin rằng đôi ta sẽ được hội ngộ, tin rằng anh sẽ chẳng bao giờ xa nữa...

« ... Con Evelyne và em không thiếu gì hết, chỉ thiếu anh thôi...Cố gắng tìm cách để không hoãn ngày xum họp. Tháng năm không chờ đợi bao giờ...

Và một bức thư nữa của Hellen :

« ... Chúng ta chờ đợi. Nói chung, cuộc đời của toàn thể gia đình chỉ là chờ đợi. Em chúc anh gặp may mắn, sức khỏe, và nhất là chúc anh sớm trở về...»

Ngày sinh nhật của Abel, Hellen viết :

« ... Cả nhà uống rượu để chúc cho anh khỏe mạnh và sớm về đoàn tụ. Tâm hồn em đều hướng theo anh...»

Gián điệp Nga sô sưởng thật, song chỉ sưởng bề ngoài. Ngày nay, báo chí Sô viết đua nhau ca tụng Abel, nhưng hồi Abel bị bắt, từ chính quyền đến báo chí Sô viết đều câm lặng. Mãi đến khi Abel bị lên án 30 năm tù, tờ Tạp chí Văn học của Nga sô lên mới tiếng như sau :

«Vụ án Abel là một vụ hoàn toàn được bịa đặt một sự dàn cảnh của FBI cốt làm cho dân chúng Mỹ quên những khía cạnh bản thủ của công việc họ làm... Các tác giả Mỹ của cuốn truyện trinh thám này biến Alel, một nhiếp ảnh viên tầm thường thành đầu não của một guồng máy do thám dĩ nhiên chỉ được tổ chức với vàng của Mạc tư khoa».

Donovan, luật sư (Mỹ) của Abel viết thư cho tòa đại sứ Sô viết ở Mỹ thì được trả lời là Abel không phải công dân Nga sô. Năm 1959, Abel được phép viết thư cho vợ. Hellen trả lời chồng như sau :

«Chúng tôi đang cố gắng để anh được phóng thích và trở về nhà. Những ai đã quen anh, và toàn thể bạn bè đều nói rằng anh vô tội, và anh sắp trở về...»

Sau đó, Hellen viết thư cho Tổng thống Kennedy... Bức thư này có thể được coi là bằng chứng điển hình của chính sách Sô viết đối với nhân viên gián điệp bị bắt ở hải ngoại.

«... Tôi tin chắc rằng chồng tôi đã bị mạ lị và bêu xấu bởi những kẻ có ác ý, nuôi một mục đích mà tôi chưa biết ... Không một chứng cứ nào được xuất trình về việc chồng tôi phạm tội chiếm đoạt bí mật quan trọng của Hoa kỳ. Tại sao chồng tôi bị kết án nặng nề như vậy ?

Tình hình Nga-Mỹ bớt căng thẳng sau ngày Tổng thống Kennedy cầm quyền. Luật sư Donovan bí mật qua Đông Bá Linh để thương thuyết việc trao đổi Abel. Khi ấy, Ivan Alexandrovich Schischkine, đệ nhị tam vụ sứ quán Sô viết, đại diện Mạc tư khoa trong cuộc thương thuyết, vẫn còn chối cãi. Schischkine nói với Donovan như sau :

- Cách đây hơn một năm, gia đình Abel đến gặp tôi tại tòa lãnh sự, với tư cách công dân Đông Đức. Tôi nghe họ thuật lại tự sự, và trả lời rằng tôi sẽ can thiệp với chính phủ Sô viết để cứu xét xem có thể đổi Powers lấy Abel được không. Sau đó, tôi nhận được phúc đáp thuận lợi của Mạc tư khoa bởi vì một số bè nhóm phát xít tại Hoa kỳ đã tìm cách ràng buộc Abel, công dân Đông Đức vào Liên sô, và sự dối trá này đã phục vụ cho

tuyên truyền chống Liên xô lại Hoa kỳ. Chúng tôi muốn sự tuyên truyền này được đình chỉ hầu xúc tiến sự hiểu biết rộng lớn giữa hai nước chúng ta.

Trước ngày trao đổi, chính phủ Xô viết vẫn tiếp tục chối cãi. Schischkine nói với luật sư Donovan như sau :

- Thông cáo do chính phủ Hoa kỳ ấn hành chỉ nên nói rằng Apel được ân xá vì gia đình Abel yêu cầu, và vì Abel đã lớn tuổi, mà không nhắc nhớ tới Liên xô.

Richard Sorge còn sống hay chết ? Sống hay chết, Sorge cũng mang lại cho dư luận một bằng chứng hùng hồn nữa về số phận gián điệp cộng sản.

Mặc dầu Sorge góp phần quan trọng vào sự thắng trận của Nga xô, Sorge vẫn bị bỏ quên. Sorge bị tòa án Nhật lên án tử hình, tháng 9-1943. Ngày 15-3-1944, lệnh hành quyết được xác nhận. Và ngày 7-11-1944, Sorge bị xử giáo. Nga xô không hề lên tiếng bênh vực Sorge. Từ ngày Lenin lật đổ chế độ Nga hoàng đến nay, cơ quan điệp báo Xô viết đã trải qua 7 tổng giám đốc. 4 đã bị hành quyết.

Vụ án Sorge và Abel, hai điệp viên lỗi lạc nhất của Nga sô trong thế kỷ 20, và 4 tổng giám đốc điệp báo Sô viết bị giết đủ nói nhiều về GRU, KGB và Snerch. Đủ trả lời nghề điệp báo là thiên đường hay địa ngục.

18) Nghề Điệp Báo : Con Đường Ngắn Nhất Vào Nhà Thương Điền ?

Được hình thành trong chế độ dân chủ, CIA hoặc IS không thể tàn bạo với nhân viên như GRU hoặc KGB. Tuy nhiên, nền dư luận chưa hiểu rõ cơ quan gián điệp cộng sản, thì dư luận cũng chưa hiểu rõ CIA bên trong thế giới tự do.

So sánh với mức sống ở Mỹ, lương nhân viên CIA ở vào loại thông thường. Thụ ký CIA được trả 2.820 đô-la một năm. Lương tổng giám đốc là 21.000. Phó tổng giám đốc lãnh kém 500 đô-la một năm. Cuối năm 1901, Quốc hội Mỹ thông qua một đạo luật cho phép nhân viên CIA cao cấp được hưu năm 50 tuổi sau 20 năm công vụ. Chương trình hưu liêm này được mệnh danh là CIAR hàng năm sẽ chi tiêu 500.000 đô-la.

Nhân viên CIA đều phải đeo máy khám phá nói dối. Khi gia nhập họ phải đeo máy để chứng tỏ sự chân thật đã đành, sau khi làm xong công tác, họ cũng phải đeo máy. Hầu hết nhân viên từ hải ngoại về đều phải trải qua sự dò xét của nầy ⁶⁴. Gần đây nguyên tổng giám

64 Máy khám phá nói dối là lie-detector, hoặc polygraph. Gần đây dưới áp lực của dư luận và Quốc hội, việc sử dụng máy này đã giảm bớt.

độc Allen Dulles đã tuyên bố trong một cuộc phỏng vấn truyền hình của hãng A.B.C như sau :

Hỏi : Giá trị lớn lao của máy khám phá nói dối ra sao đối với một cơ quan như CIA trong việc khám phá gián điệp hoặc những kẻ mắc bệnh đồng tính ái ⁶⁵ ?

Đáp : Theo kinh nghiệm bản thân trong CIA tôi nhận thấy máy này có giá trị lớn lao về phương diện chỉ dẫn. Tuy nhiên, chưa nhân viên nào bị kết tội, hoặc được coi là hội đủ điều kiện cần biết chỉ bằng phương pháp thí nghiệm máy khám phá nói dối.

Hỏi : Trường hợp nào dễ bị máy khám phá ra nhất ?

Đáp : Đặc biệt là trường hợp đồng tính ái. Song không riêng gì trường hợp này. Còn có những trường hợp khác làm con người sa ngã...

Hỏi : Muốn được tuyển dụng, nhân viên CIA nào cũng phải đeo máy phải không ?

Đáp : Tôi không trả lời không, vì đó không phải là điều kiện tuyển dụng. Tôi biết có người không thích đeo này vì nhiều lý do riêng, và những người này cũng không bị đuổi.

65 Đàn bà yêu đàn bà, đàn ông yêu đàn ông là đồng tính ái (homosexualité)

Hỏi : Nhưng họ có được tuyển dụng không ?

Đáp : Thông thường, người đến xin việc phải qua sự thí nghiệm của máy. Tuy nhiên, theo chỗ tôi biết, đó không phải là quy lệ chính thức.

Sau khi được tuyển dụng, nhân viên CIA phải ký cam kết, không được tiết lộ bí mật cho người ngoài. Khi rời CIA, nhân viên vẫn phải tiếp tục giữ bí mật, không được viết hồi ký về kinh nghiệm nghề nghiệp.

Tại trung ương Langley, nhân viên CIA sống trong bầu không khí bế tỏa, vì điều kiện phòng gian bảo mật. Tuy nhiên, sự bế tỏa đối với nhân viên ở hải ngoại còn nặng nề hơn.

Ở hải ngoại, nhân viên CIA làm việc vất vả căng thẳng⁶⁶. Tỷ lệ nhân viên mắc bệnh thần kinh hoặc tự tử trong CIA cao hơn các cơ quan khác trong chính phủ Hoa kỳ. Chẳng hạn, tháng 10-1959, một nhân viên CIA 32 tuổi, cùng vợ hồi hương sau 2 năm phục vụ ở Đức quốc, đã nắm tay nhau nhảy xuống sông Pô-tô-mắc tự trầm. Người chồng Jaunes A. Woodbury thiệt mạng. Người vợ được cứu thoát, đã khai với cảnh sát rằng chồng bà bị mất trí.

66 CIA gọi bệnh này là motivational exhaustion. Trong phúc trình năm 1963, đệ lên ủy ban quân lực Hạ viện, CIA đã giải thích căn bệnh tinh thần này.

Tuy hoạt động trong hoàn cảnh hiểm nghèo, nhân viên CIA không được hưởng an toàn nghề nghiệp. Theo đạo luật năm 1947, nhân viên CIA có thể bị ngưng chức nếu ông tổng giám đốc hỏi. Ngày 30-1-1931, ông Allen Dulles đuổi một nhân viên thâm niên tên là John Torpats. Torpats đưa nội vụ ra tòa án liên bang để xin được tái dụng. Ông Dulles gửi văn thư qua tòa án, yêu cầu bỏ vụ này, đồng thời yêu cầu Torpats thương lượng với CIA. Theo lời Torpats, ông mất việc vì đã trái lệnh một nhân vật cao cấp trong CIA.

Ngay cả nhân vật cao cấp CIA cũng sống trong bóng tối. Tổng thống Kenvedy tuyên bố với nhân viên CIA tại tầng hành doanh Langley ngày 28-11- 1961 như sau:

- Những thành công của các bạn thì không được nhắc đến. Những thất bại của các bạn thì được công bố ồ ồ rùm beng.

Tổng thống Eisenhower cũng nói như vậy trong lễ đặt viên đá đầu tiên, xây cất tổng hành doanh Langley ngày 3-11-1959 :

- Thành công không thể được quảng cáo, thất bại không thể được giải thích... trong nghề tình báo, anh hùng không được gắn huy chương, và không được ca ngợi, nhiều khi ngay cả trong cơ quan của họ nữa.

Tổng thống Eisenhower chỉ nói đúng một phần. Trên thực tế, một số nhân viên CIA được gắn huy chương. Ông Richard M. Bissell, phụ trách DDP, nghĩa là đặc vụ trong CIA, người chịu trách nhiệm về thảm kịch Vịnh con Heo ở Cuba, đã được thưởng huy chương tình báo. Việc tưởng thưởng này không được công bố trên mặt báo, ông Bissell cũng không được tiết lộ, cũng không được đeo huy chương chêm chệ trước ngực như mọi người.

Đôi khi, nhân viên CIA phải cắn răng vào tù, như trong trường hợp Wayne Richardson và Muller Holland. Owen Lattimore, chuyên viên Viễn đông vụ của trường đại học John Hopkins, sửa soạn du hành qua phía sau bức màn sắt. Trong một cuộc tiếp tân, Lattimore đưa ra những lời tuyên bố bất lợi, lọt vào tai CIA. Ngày 26-5-1952, tin này được trình lên bộ Ngoại giao và ngày 11-6, Bộ cấm không cho ông rời Hoa kỳ. Jarvien, nhân viên một hãng du lịch, người đưa tin cho CIA, bị kiện ra tòa. Trước tòa, 2 nhân viên CIA Richardson và Holland viện lý do an ninh không chịu làm nhân chứng. Quan tòa liên bang phạt mỗi người 15 ngày tù ở về tội bất tuân.

Hai nhân viên CIA chống án. Tổng thống Truman phải ký giấy ân xá.

19) Tất Cả Đều... Điên

Sự cò sát hàng ngày với nguy hiểm làm thần kinh của nhân viên gián điệp căng thẳng. Nhiều người bị loạn trí. Nhiều người phải vào nhà thương điên. Nhiều người đã tự vận. Mặt khác, một phần đông dân chúng đã mắc bệnh loạn trí không kém nhân viên gián điệp thật thụ. Nghe nói đến hành động xuất quỷ nhập thần của gián điệp địch, dân chúng ở Âu châu, nhất là ở Anh quốc, bị ám ảnh dữ dội tưởng ai cũng là gián điệp địch.

Năm 1914, Đức dùng chim bồ câu để liên lạc tình báo. Tháng 9 năm ấy, một người ngoại quốc bị bắt trong khi hóng mát tại công viên ở Luân đôn, vì bị nghi ngờ thả bồ câu. Thật ra, con bồ câu phải gió này đã vỗ cánh phành phạch bay lên gần chỗ y đứng.

Sự xuất hiện của điện đài trong thế chiến thứ nhất làm bệnh trông gà hóa cuốc gia tăng trầm trọng. Hồi ấy, điện đài còn công kênh. Muốn phát luồng sóng, điện đài Marconi phải dùng một máy điện 4 mã lực công kênh gấp đôi, song dân chúng cũng không tin. Nghe tiếng tạch tè ở hàng xóm là họ báo tin cho cảnh sát, không cần điều tra xem đó là tiếng gì. Phần nhiều đó là tiếng máy chữ. Giây ăng-ten phần nhiều chỉ là giây kẽm

phoi quần áo. Tuy vậy, hàng ngày cả trăm lá thư tố cáo chất đồng trong văn phòng cảnh sát.

Sở Phản gián cử 2 nhân viên đáp xe hơi vô tuyến tới miền duyên hải phía đông Anh quốc để chặn bắt luồng điện của gián điệp Đức. Xe hơi rời Luân đôn đúng ngọ, 3 giờ chiều họ bị cảnh sát tổng giam. Nhà chức trách trung ương phải gọi điện thoại can thiệp, và họ được thả, nhưng đến 7 giờ tối, họ bị xộ khám lần thứ hai. Được thả, họ yêu cầu một sĩ quan mặc binh phục hộ tống, song sáng hôm sau, cảnh sát tỉnh đã điện về Luân đôn : «Vừa tóm được 3 điệp viên Đức trong xe hơi vô tuyến, một tên mặc giả sĩ quan Anh».

Quân đội Đức tiến đánh Bỉ, một thông tin viên chiến tranh giàu óc tưởng tượng loan tin là sĩ quan Đức tháo dỡ bảng quảng cáo xúp Maggi - loại xúp bột đóng thành gói, có bán ở Sài gòn - lật phía sau để đọc tin tức gián điệp. Hàng trăm người Anh tay cầm tuốc-nơ-vít chạy lăng xăng ở ngoại ô Luân đôn, mở hết bảng quảng cáo, và dĩ nhiên là họ chẳng thấy gì hết.

Bệnh... điên tập thể này lên tới cao độ sau khi có tin điệp viên địch lợi dụng mục Rao vặt trên báo để chuyển tin tức. Trước sự đòi hỏi tha thiết của công luận, Phản gián phải bí mật kiểm soát mục Rao vặt. Một người khá giỏi mật mã hàng ngày theo dõi mục rao vặt, la hoảng

với Phản gián rằng điệp viên địch thông tin về Đức. Phản gián không tin, vì trước đó đã điều tra kỹ lưỡng. Chẳng may, người này lại tiên đoán đúng một vụ oanh tạc. Bực mình, Phản gián bèn đăng rao vặt để lỡm. Nội dung tin vặt này như sau :

«Yêu cầu nữ hành khách mang con trăn bằng lông, đáp chuyến xe buýt số 14 chiều qua tại góc công viên Hyde Park tiếp xúc với hộp thư 20 của tòa báo».

«Chuyên viên» mật mã tài tử này hoảng hốt báo cho Phản gián biết là 6 tiềm thủy đình Đức sắp tấn công hải cảng Douvres. Phản gián được một mẻ cười vỡ bụng...

Dân chúng ở vùng Bawayter tố giác với Phản gián là một số điệp viên Đức dùng đèn tắt cháy ở cửa sổ theo mã tự để truyền tin. Có thiếu phụ ngồi rình cả đêm, chờ «địch» mở đèn là gọi giây nói cho cơ quan an ninh. Lại có thiếu phụ mời chuyên viên mã tự đến nhà để theo dõi hoạt động của «địch». Phản gián mở cuộc điều tra, kết quả ra sao, chúng ta đã biết. Đèn tắt lại cháy, cháy lại tắt, là vì gió thổi mạnh, vì cành cây um tùm che ngang cửa sổ, vì... một thiếu nữ làm đốm chải tóc trước đèn...

Một hôm, Phản giắnn được tin anh hầu bàn của một đại khách san lén lút vẽ họa đồ hoàng cung. Người đưa tin là cặp vợ chồng danh giá, nên Phản gián mời anh

hầu bản tới. Sự thật : y vẽ họa đồ lén lút, song là họa đồ các bàn ăn trong lữ quán, bàn nào y có bốn phân sẵn sóc thì y ghi dấu chữ thập. Y mới vào làm, sợ chủ rầy la. Chỉ có thể thôi.

Bệnh gián điệp ám ảnh đã làm gia đình nhà văn D.H. Lawrence điêu đứng trong thế chiến nhất. Vì ông để râu, và lấy vợ người Đức nên ai cũng cho ông là gián điệp Đức. Một hôm, vợ chồng ông từ vùng quê về nhà, mang túi thực phẩm nặng trĩu. 2 sĩ quan Phản gián chặn lại lục soát. Một người reo lên vì bắt được cái gói hình vuông đựng máy ảnh do thám. Nhưng đến khi mở ra ... lại là gói muối.

Hai người Mỹ, một nam, một nữ, đến thăm ông. Khi về Luân đôn, người đàn ông bị bắt, cởi trần truồng để cảnh sát nắn từng gấu áo. Vợ Lawrence bị xóm giềng nghi ngờ đến nỗi không phơi khăn mùng soa lên bụi cây, hoặc đổ nước giặt quần áo xuống cống. Vợ chồng ông đến thăm một người bạn. Ban đêm, người tớ gái thấp đèn cây dẫn vợ chồng ông lên phòng ngủ trên lầu. Lân bang báo với cảnh sát rằng ông đốt đèn liên lạc với gián điệp Đức. Cảnh sát ập vào khám. Dầu bị tẽn tò, cảnh sát vẫn bắt chủ nhà nạp phạt 20 Anh-kim về tội ... không che kín ngọn nến nhỏ xíu. Năm 1917 đại chiến sắp chấm dứt, cảnh sát đến xét nhà trong khi vợ chồng

Lawrence đi vắng. Nhà chức trách địa phương hạ lệnh cho hai vợ chồng phải dọn nhà đến nơi khác, và hàng tuần phải trình diện cảnh sát.

Giai thoại lý thú nhất về bệnh ám ảnh này xảy ra năm 1894 (xin nhớ là năm 1894, cách đây gần một thế kỷ). Nữ bá tước ý Grazioli từ Ba lê gửi điện tín bằng mật tự cho một hầu tước ở La mã. Đại tá Sandherr, chỉ huy tình báo Pháp, cho rằng nữ bá tước làm gián điệp, mặc dầu một số bè bạn can ngăn đây là chuyện tình.

Nhân viên của ông đánh cắp cuốn sổ mật tự của bà bá tước điếm lộ. Sandherr bị một phen đổ mặt. Vì bà bá tước đa tình phải dùng mật tự để diễn tả những cảnh quaánồng nà... mà không ai dám viết.

20) Bệnh Điên Của Ông Vua Không Ngại Á Rập

Daniel de Foe, tác giả bộ truyện nổi tiếng Lữ binh sơn phuê lưu ký, cha đẻ của tổ chức tình báo Anh quốc, đã chết trong cảnh tối tăm, gia đình không biết tin, không bạn bè đi sau linh cữu, không một giọng cáo phó trên mặt báo.

Ngày 21-5-1935, Thomas Eduard Lawrence, đại tá tình báo Anh quốc lỗi lạc nhất, ông vua không ngại của thế giới Ả rập, an nghỉ ngàn thu tại nghĩa trang Moreton trong cỗ quan tài nghèo nàn, không người đưa, không một chữ điếu tang. Cũng như de Foe, đại tá Lawrence đã trốn cuộc sống vinh dự, muốn trở thành con số vô danh sau nhiều năm vùng vẫy. Vì vậy, dư luận thường cho các điệp viên cừ khôi là người điên. Và có lẽ ông là người điên nhất.

Hồi nhỏ, ông chỉ thích cô đơn, đêm đêm tản bộ một mình trong sân ký túc xá, sợ tiếng ồn, sợ bè bạn, sợ xã hội. Đậu tiến sĩ về khoa khảo cổ, ông sang Trung đông, lang thang trên sa mạc đào các ngôi cổ mộ. Đại chiến thử nhất bùng nổ, ông đầu quân và trở thành một sĩ quan tình báo xuất sắc. Thở nhĩ kỳ liên minh với Đức, ông móc nối với các bộ lạc bị đô hộ nổi dậy. Sau bao

gian khổ. cuộc khởi loạn thành công, những tù trưởng được ông hỗ trợ trong cuộc chiến tranh chống Thổ trở thành quốc vương ở Trung đông. Song ông lại bí mật rời quân ngũ, lặng lẽ về Anh quốc.

Các quốc vương ả rập muốn trả ơn ông bằng mời ông giữ chức vụ cố vấn trong thế giới huy hoàng ngàn một đêm lẻ, ông cương quyết từ chối. Ông từ chối khi thủ tướng Churchill cử ông làm Tổng Ủy viên ở Ai cập.

Ông từ chức, gửi trả huân chương cho quốc vương Anh, để vui đầu vào nghề viết sách. Năm 1922, ông đăng làm binh nhì không quân Anh dưới tên giả John Ross. Chẳng may một nhà báo nhận ra ông và loan tin lên trang nhất. Năm 1923, buộc lòng ông phải giải ngũ. Giữa năm ấy, viên đại tá siêu việt lại xin vào thiết giáp, cũng làm binh nhì. Năm 1925 bệnh mây gió tái phát, ông trở lại không quân. Năm 1927 giữa lúc báo chí thế giới mở chiến dịch ca ngợi thành tích phi thường của ông vua không ngai thì Lawrence, đội lốt là Shaw, theo đơn vị qua Ấn độ.

Trở về Anh, ông biến thành đệ tử trung thành của thần tốc độ. Ông mê say xe bình bịch hơn đàn bà đẹp. Một ngày kia, ông đắm vào cây và mê man đến lúc chết.

Ngày nay, ai cũng nhìn nhận đại tá Lawrence là một trong các điệp viên lừng lẫy nhất trên thế giới. Tác phẩm duy nhất của ông - viết dưới thể tiểu thuyết hồi ký - cuốn 7 Cột trụ của sự khôn ngoan ⁶⁷ được các cơ quan điệp báo nghiên cứu.

67 Nguyên tác Anh ngữ The Seven Pillars of Wisdom. Tác phẩm này được văn sĩ nổi tiếng George Bernard Shaw phủ chính cho Lawrence. Năm 1925, hơn một trăm bản được ấn hành, bán giá rất đắt. Sau đó, Lawrence xuất bản một ấn bản tóm tắt. Mãi đến 1935, cuốn 7 Cột trụ của sự khôn ngoan mới được in bán và được toàn thế giới ca ngợi.

21) Hồ Sơ Tối Mật : Yếu Nhân Tình Báo Sô Viết

Nòng cốt của điệp báo Sô viết là GRU (Glavnoe Razvedyvatelnoe Upravlenie) và KGB (Komissariat Gosudarstvennoi Bezopastnosti). Người ta biết rất ít về nội bộ điệp báo Sô viết. Tuy nhiên căn cứ vào sự tiết lộ của các yếu nhân GRU-KGB trốn sang Tây phương, người ta có thể xác định rằng Nga sô đã dành rất nhiều phương tiện tài chính, nhân sự và kỹ thuật vào hoạt động điệp báo. Khác với Hoa kỳ mà chỉ huy điệp báo là dân sự, Nga sô thường đặt GRU và KGB trong tay yếu nhân quân sự.

Từ 1951 đến 1956, và từ 1957 đến 1958, giám đốc GRU là tướng Shalin. Tướng Shtemenko làm giám đốc trong thời gian ngắn từ 1956 đến 1957. Từ tháng 1-1959, tướng Ivan Seron làm giám đốc. Ông là phụ tá của Beria, giám đốc KBG, bị hạ sát sau ngày Sít ta lin từ trần. Là chuyên viên điệp báo nổi tiếng, ông còn nổi tiếng về tác phong tàn nhẫn. Bởi vậy, GRU tàn nhẫn trong công tác là việc dĩ nhiên.

Thật ra, nền điệp báo Sô viết đã lấy sự tàn nhẫn làm phương châm hoạt động từ sau ngày được thành lập. Tháng 10-1917, phe Sô viết cướp chính quyền tại Nga

thì tháng 12 mật vụ Cheka ra đời dưới quyền Feliks Dzerzhinski. Năm 1921, Cheka đặt ra bộ phận hải ngoại để theo dõi những phần tử chống đối trốn sang Tây Âu, Trung và Viễn đông.

Năm 1926, tướng Petlura, lãnh tụ Nga lưu vong, bị giết tại Balê. Năm 1937, cũng tại Ba lê, tướng Kutepov, lãnh tụ cựu chiến binh Bạch Nga, bị bắt cóc. 7 năm sau, tướng Miller kế chức Kutepov, bị bắt cóc. Trong 10 năm, mật vụ Sô viết bám sát Leon Trotski để ám sát. Ngày 21-8-1940, Trotski bị giết tại Mễ tây cơ.

Hai nhân vật trẻ tuổi đã ảnh hưởng tới nền điệp báo Sô viết trong 10 năm nay : Aleksandr N. Shelepin và Vladimir Y. Semichasiny. Năm 40 tuổi. Shelepin được Cút Sếp cử làm giám đốc KGB. Điều lạ lùng là ông chưa có kinh nghiệm về điệp báo. Ông chỉ là chủ tịch Liên đoàn Thanh niên Cộng sản Komsonol, với 19.000.000 đoàn viên.

Năm 1961, 3 năm sau ngày nhận chức, 16 ngày trước khi ông Allen Dulles hồi hưu ở Hoa kỳ, Shelepin nhường chỗ cho Semichastny, trẻ hơn, và có thể được coi là giám đốc điệp báo trẻ nhất thế giới.

Chuyên viên điệp báo Tây phương cho biết hai giám đốc trẻ này đã tổ chức lại KGB với phương tiện và thiết

bị tân tiến. Họ được cử làm giám đốc KGB vì điện Cẩm Linh nhận thấy giới thanh niên Xô viết trở nên giới chống đối hùng hậu nhất trên lãnh thổ Xô viết nên phải dùng họ để đàn áp thanh niên.

22) ... Từ OSS... Đến CIA...

Ngày 1-10-1945, sau 4 năm tham chiến và chỉ tiêu 135 triệu đô la, OSS của Mỹ được giải tán, các nha phân tích, sưu tầm sát nhập vào bộ ngoại giao, phần hành điệp báo sát nhập vào quân đội.

Tuy đoản mệnh, OSS đã lập được thành tích rạng rỡ. Nhờ Hans Gisevius, nhân viên ngoại giao Đức móc nối với Allen Dulles tại Thụy sĩ, OSS được tin Đức chế tạo bom bay, và biết rõ tên những người chủ mưu ám sát Hít-le 10 ngày trước khi vụ này được thực hiện. Theo viên tư lệnh đệ thất quân đoàn Mỹ, nhân viên OSS đã cung cấp 60 tin tức, giúp quân đội đồng minh chiến thắng ở miền nam nước Pháp với một quân số ít ỏi.

Tại Miến điện, OSS cũng đã cung cấp tin tức tình báo quan trọng cho lực lượng đồng minh. Tại Đức, một nhân viên OSS móc nối được với phe công nhân chống Hít-le, và chuẩn bị nổi loạn. Một nhân viên OSS khác, mặc binh phục trung sĩ Đức, thâm nhập vào phòng tuyến quốc xã, ngay trên lãnh thổ Đức. Nhân viên OSS ở Ý cũng hoạt động đặc lực ở hậu địch.

OSS đã tiếp tế cho kháng chiến quân ở Âu châu 20.000 tấn vũ khí, đạn dược và lương thực, di tản được

5.000 sĩ quan không quân Mỹ bị hạ trong vùng tạm chiếm, và thả dù 1.000 quân nhân xuống hậu địch để điều khiển hoạt động phá hoại.

2 tháng sau đại chiến, trước ngày OSS giải tán, tướng Donovan ra lệnh cho nhân viên văn phòng mang hồ sơ lên cho ông đọc. Người thư ký hỏi :

- Thưa, hồ sơ nào ?

- Tất cả các hồ sơ. Bây giờ, có thời giờ rồi rỗi, tôi muốn đọc lại hết.

Sau 4 giờ tính toán, sở Thư khố gọi điện thoại cho phòng thư ký :

- Yêu cầu trình với tướng Donovan rằng việc này không thể làm nổi. Ông tướng phải mất 16 năm rưỡi mới đọc hết, ấy là một tuần phải đọc ba ngày, mỗi ngày 8 tiếng.

16 năm rưỡi mới đọc hết các phúc trình của OSS ! Các chuyên viên cho biết muốn đọc hết tài liệu của CIA từ ngày thành lập đến năm 1965 phải mất độ... một trăm năm...

Mỗi buổi sáng, hồi 9g30, vị tướng lãnh cổ vấn quân sự của Tổng Thống xách cặp tài liệu tối mật vào văn

phòng Tổng thống trong tòa Bạch Ốc. Cặp tài liệu này thường đựng một số điện tín quan trọng từ các sứ quán ở hải ngoại gửi về, «đọc xong là tiêu hủy», cuốn Hắc Thư gồm bản dịch mật điện trong ngày, và bản tóm lược tin tức tình báo do bộ Ngoại giao và bộ Quốc phòng đệ trình.

Tuy nhiên, Tổng thống thường đọc trước nhất bản phúc trình của CIA, được in đẹp mắt, ngoài bìa đề chữ. «Tổng hợp Tin tức Tình báo. Đệ trình Tổng thống. Tối mật». Mở ra, trang bên phải là tin tức quan trọng do báo chí đăng tải như «Cộng sản gây rối loạn ở cộng hòa Guatemala»... Ở trang bên trái Tổng thống sẽ đọc những lời giải thích của CIA như «cộng sản âm mưu gây đấu tranh quần chúng để lật đổ hội đồng lãnh đạo quân nhân ở Guatemala để thay thế bằng...»

Hàng tuần, phúc trình của CIA đệ trình Tổng thống gồm một trang riêng, tựa đề Phúc trình của Ủy ban Báo động. Ủy ban này được thiết lập năm 1954, có nhiệm vụ khám phá những dấu hiệu của một biến cố quân sự bất thần. Thường lệ, phúc trình của Ủy ban chỉ gồm một câu ngắn ngủi, có thể làm Tổng thống yên tâm «Hiện nay không có dấu hiệu cho biết các quốc gia trong khối Nga-Hoa chuẩn bị chiến tranh...»

Mặc dầu CIA hoạt động bí mật, dư luận vẫn có thể tìm hiểu dễ dàng, nhờ chế độ dân chủ Mỹ, và nền báo chí Mỹ tự do. Bởi vậy, ngày nay người ta có thể nói rằng CIA không còn là cơ quan tối mật nữa.

Một sinh viên trung học ở Tây phương cũng biết giám đốc CIA là Allen Dulles, McCone. Đúng ra, CIA thoát thai từ quân báo CIA gồm nhiều giám đốc khác nhau, song 2 ông Dulles và Micfone là nổi bật. Và nổi bật nhất là ông Allen Dules. Vì ông Dulles là CIA, và CIA là ông Dulles.

Giới GRU-KGB gọi ông là trùm gián điệp». Illya Ehrenburg, nhà thơ Xô viết viết rằng «Nếu gián điệp Allen Dulles được lên thiên đường do sự đấng trí của thiên hạ, y sẽ bắt đầu làm nổ tung mây, đặt mình trong vì sao và hạ sát thiên thần».

Sinh năm 1893 ông xuất sắc từ thuở hoa niên. Trong đại chiến thứ nhất, ông được cử qua Thụy sĩ thu lượm tin tức tình báo. Đại chiến thứ hai bùng nổ, tướng William J. Donovan được cử làm giám đốc quân báo OSS, ông được mời qua Thụy sĩ lần nữa. Trong thời gian này, ông bắt liên lạc với lực lượng chống Hit-le ở Đức.

Phó lãnh sự Đức tại Zurich, Hans Gisevius, bắt tay chặt chẽ với ông. Nhờ Gisevius, Mỹ biết là phản gián

Đức đã chọc thủng được mật mã của quân báo OSS. George Wood một nhân viên ngoại giao cao cấp Đức, đã cung cấp cho Dulles trên hai ngàn tài liệu mật chụp trên phim vi-ti trong vòng hai năm.

CIA được khai sinh, thay thế cho OSS. Năm 1950, tướng Walter Bedell Smith được bổ nhiệm giám đốc CIA, tháng 11 năm ấy ông Dulles được mời làm phụ tá cao cấp. Ba năm sau, tướng Smith lên chức thứ trưởng Ngoại giao. ông Dulles được cử làm giám đốc CIA.

Sau vụ Vịnh con Heo ở Cuba, ông John McCone lên thay Allen Dulles. McCone trẻ hơn Dulles 9 tuổi, và không ở trong nghề lâu năm như Dulles. Năm 1939, đại chiến xảy ra, McCone giữ chức vụ điều khiển trong một công ty đóng tàu cho quân đội Hoa kỳ. Năm 1947, ông được mời vào chính quyền. Một năm sau, ông là phụ tá đặc biệt cho James Forrestal, bộ trưởng Quốc phòng, trước khi được bổ nhiệm thứ trưởng Không quân năm 1950.

Năm 1951 ông rời chính quyền, nhưng đến năm 1958, ông trở lại với chức vụ chủ tịch ủy ban Nguyên tử năng cho đến ngày Tổng thống Eisenhower rời tòa Bạch ốc.

Ngày 27-9-1961, quyết định bổ nhiệm ông McCone làm giám đốc CIA được công bố, và gây ra một luồng

đư luận sôi nổi. Tổng thống Kennedy là đảng viên Dân chủ, ai cũng đinh ninh giám đốc CIA là đảng viên Dân chủ, ngờ đâu là ông McCone, đảng viên Cộng hòa trung kiên.

Gần đây, ông McCone được thay thế bằng đô đốc Raborn trước khi tới ông Richard Helms. Tuy tổ chức nội bộ được giữ kín, người ta vẫn biết CIA được chia làm 4 ngành lớn : tình báo, kế hoạch, sưu tầm và hậu cần, mỗi ngành được đặt dưới quyền một phó tổng giám đốc.

Khối Hậu cần phụ trách hành chính thuần túy gồm trang bị, vận chuyển, an ninh và truyền tin.

Khối Sưu tầm chuyên về tình báo kỹ thuật. Mọi tin tức về khoa học, kỹ thuật, và vũ khí nguyên tử đều được Khối Sưu tầm nghiên cứu. Khối Sưu tầm đã nghiên cứu những tấm hình đặc biệt do phi cơ do thám U-2 chụp được trên không phận Sô viết trong thời gian từ 1956 đến 1960. Hiện nay, Khối đang nghiên cứu những tấm hình của vệ tinh. Cùng với DIA, tình báo bộ Quốc phòng, Khối điều khiển Trung tâm Tình báo Nhiếp ảnh Quốc gia.

Herbert Pete Scoville, giám đốc Khối Sưu tầm trong 8 năm, rời CIA tháng 8 năm 1963 để nhận chức phụ tá

giám đốc Cục Kiểm soát Vũ khí và Tài binh. Thay thế là ông Albert D. Wheelon tiến sĩ vật lý lỗi lạc chưa đến 40 tuổi. Dưới quyền ông, ban Suru tầm gia tăng và cải thiện chương trình điệp báo khoa học, đặc biệt là các phương pháp kiểm soát không gian và kiểm soát điện tử. Các văn phòng do ông chỉ huy đã tiên đoán đúng kế hoạch thí nghiệm bom nguyên tử của Trung cộng.

Giám đốc Khối Tình báo là ông Ray Cline một cựu nhân viên OSS. Ông gia nhập ngành tình báo năm 1942, với tư cách chuyên viên mật mã. Ông giữ nhiệm vụ liên lạc giữa CIA và tình báo Anh quốc, một trong hơn 60 cơ quan tình báo trên thế giới liên lạc với CIA. Trước khi được cử làm giám đốc Khối Tình báo ⁶⁸ ông đã điều khiển hoạt động của CIA tại Đài Loan với ngụy danh ⁶⁹ là giám đốc Trung tâm Trợ tá Truyền tin Hải quân Hoa Đài Bắc ⁷⁰.

68 Viết tắt là DDI, deputy director for Intelligence. Đẳng ra danh từ Director phải dịch là giám đốc, deputy director là phó giám đốc song tác giả vẫn gọi ông CIA director là tổng giám đốc và 4 phụ lá là giám đốc.

69 Nhân viên tình báo đều có ngụy danh. Danh từ chuyên môn là couverture (Pháp) cover (Anh). Sở dĩ phải dùng ngụy danh để bảo vệ bí mật.

70 Tức là United States Naval Auxiliary Communications Center, Taiwan.

Nguồn tin riêng cho biết đầu năm 1966 ông Cline đã được phái ra hải ngoại và ông R. Jack Smith lên thay. Như thường lệ, sự chuyển chuyển trong CIA được giữ bí mật.

Khối Tình báo có nhiệm vụ tiêu hóa tin tức từ khắp nơi gửi tới để biến thành tin tức tình báo, và viết thành phúc trình kinh tế, chính trị, xã hội về mọi chính quyền và quốc gia trên thế giới. 80 phần trăm tin tức của Khối đều được thu thập công khai, như tạp chí kỹ thuật, đài bá âm ngoại quốc, phúc trình khoa học, tài liệu tuyên truyền... và tài liệu do các cơ quan «nổi» cung cấp, như bộ Nông nghiệp, Tài chính, Thương mại, Cục Phát triển Quốc tế và đặc biệt là Sở Thông tin Hoa kỳ,

Ngày 21-2-1963, trả lời một câu hỏi của tiểu ban Ngoại giao Hạ viện về sự tương quan giữa ngành thông tin và tình báo CIA, ông Donald M. Wilson ⁷¹, phó tổng giám đốc Thông tin Hoa kỳ nói là sự liên lạc này «rất mật thiết».

71 Ông Donald Wilson (deputy director, USIA tác giả cũng gọi là phó Tổng giám đốc) là thông tin viên báo Lift từng phục vụ tại Việt Nam. Hiện ông Wilson từ chức phó tổng giám đốc Thông Tin, trở về tạp chí Life giữ một chức vụ quan trọng trong ban giám đốc.

Khối Tình báo được chia làm 3 vụ : vụ thứ nhất chuyên tiên đoán những biến cố có thể xảy ra trong tương lai xa trên thế giới, vụ thứ hai phúc trình hàng ngày về tình hình tổng quát, và vụ thứ ba, được thành lập sau ngày ông Cline nhậm chức, có nhiệm vụ nghiên cứu sở đoán của CIA trên phương diện thu thập tin tức.

Khối Kế hoạch là khối quan trọng và bí mật nhất. Khối này điều khiển mọi hoạt động CIA ở ngoại quốc, như vụ binh biến ở cộng hòa Guatemala, cuộc tấn công Cuba, và thu thập mọi tin tức bí mật qua hệ thống tình báo và gián điệp hải ngoại. Ông Allen Dulles là giám đốc kế hoạch đầu tiên ⁷². Kế chức ông là ông Frank Wisner. Năm 1953 đến ông Bissell. Năm 1962, sau vụ Vịnh con Heo ông Bissell được ông Richard Helms phụ tá của ông thay thế.

Ông Helms là cựu ký giả của thông tấn xã United Press và Indianapolis Thời báo. Trong thế chiến thứ hai, ông là sĩ quan hải quân đặc phái trong OSS. OSS được giải tán sau thế chiến, ông được chuyển qua CIA.

Gần đây, đến lượt ông Helms được thay thế. Đầu năm 1966, một ký giả được tin này bèn tìm cách hỏi thăm xem ai lên kế chức bằng cách gọi số điện thoại

⁷² Tức là DDP deputy director for Plans. Giám đốc tình báo là DDI, depuly direclor for Intelligence.

315-1100 của Trung ương CIA. Nhân viên điện thoại CIA trả lời :

- Đáng tiếc, chúng tôi không thể cho tin về nội bộ CIA.

Sau một cuộc điều tra khôn ngoan, người ta mới phăng ra nhân vật thay thế ông Helms - được vinh thăng phó tổng giám đốc - là ông Desmond Fitz Gerald một nhân vật bí mật ít ai biết. Tạp chí Esquire cho biết ông Fitz-Gerald là người điều khiển nhiều hành động quan trọng ở cộng hòa Saint Domingue và Việt nam.

Trung ương CIA còn một cơ quan tối mật chuyên thảo những phúc trình tình báo đặc biệt đệ lên Tổng thống. Cơ quan này gọi là ONE ⁷³ đặt dưới quyền chỉ huy của ông Sherman Kent một giáo sư sử học trên lục tuần. Trong thế chiến ông Kent điều khiển Vụ Âu Phi trong OSS. Danh tính các nhân vật điều khiển CIA, trừ ông tổng giám đốc, đều được giữ kín. Đại đa số dân

73 Tức là Office of National Estimates (Vụ Ước lượng Quốc gia). Trong ONE có BNE (Board of National Estimates Ban Ước lượng Quốc gia) gồm 12 người. Phúc trình của ONE được gọi là NIE (National Intelligence Estimates - Ước tượng Tình báo Quốc gia). Phúc trình khẩn cấp được gọi là SNIE (Special National Intelligence Estimates - Ước lượng Tình báo Quốc gia đặc biệt).

chúng Mỹ đều không biết. Trong cuốn niên giám công vụ của Quốc hội Mỹ, CIA chỉ gồm 3 chức vụ, danh tính của viên tổng giám đốc, phó tổng giám đốc, viên cố vấn lập pháp của CIA và số điện thoại của 3 nhân vật này.

23) Im Lặng Là Vàng

Năm 1961, trung ương CIA xuất bản một cuốn sách nhỏ. Những lời viết trong cuốn sách này có thể được coi là phương châm bất dịch của CIA, cũng như của mọi cơ quan điệp báo trên thế giới :

«...Trung ương Tình báo CIA không xác nhận hoặc cải chính những tin tức đã được công bố, dầu là tin tức xấu hay tốt không bao giờ viện lẽ này nọ để biện hộ, không bao giờ giải thích tổ chức của mình, không bao giờ loan tên nhân viên... không thảo luận về ngân sách, phương pháp hoạt động, hoặc các xuất xứ tin tức ...

Những lời điều trần sau đây của ông nguyên tổng giám đốc McCone tại ủy ban Quân lực Thượng viện, tháng 1-1962, có thể được coi là cảm nang của CIA :

Hỏi : Chúng tôi nghe tin CIA đã hoặc đang hậu thuẫn hoạt động chính trị của một số nhóm chủng tộc ở Hoa kỳ, như nhóm Ba Lan và Hung gia Lợi, nếu tin này đúng, xin ông cho biết tôn ý ?

Đáp : Tôi không thể bình luận.

Hỏi : Ông nói gì, tôi chưa hiểu.

Đáp : Tôi không thể bình luận.

Hỏi : Việc ấy đúng không ?

Đáp : Tôi không thể bình luận,

Một nguồn tin cho biết trong vòng 10 năm nay 100 triệu đô la đã được chi tiêu vào việc này. Theo tu chính án năm 1951 của luật Ngoại viện, Hoa kỳ cam kết ủng hộ tài chính cho những người «đang sinh sống hoặc trốn khỏi» Nga xô, và các nước chư hầu trên thế giới. Năm 1961, theo lời yêu cầu của Cơ quan Phát triển Quốc tế AID, Quốc hội đã xóa bỏ tu chính án này.

Một trong các bí mật của CIA là bành trướng hoạt động trong các trường đại học. Trường đại học lớn nhất Hoa kỳ nơi xuất thân của Tổng thống Kennedy (và tiến sĩ kinh tế Nguyễn xuân Oánh) từ chối nhận tiền CIA để làm mật, tuy nhiên một số nhân viên của trường cũng đã cộng tác với CIA trong lãnh vực nghiên cứu chuyên môn, hoặc cộng tác với Trung tâm Nghiên cứu Quốc tế, của viện Kỹ thuật Massachusetts ⁷⁴ viết tắt là MIT.

Vì Trung tâm MIT được thành lập với ngân khoản CIA năm 1950 do ông Walt Whitman Rostow, giáo sư kinh tế học, phục vụ trong OSS trong thế chiến, sau đó giữ chức giám đốc Kế sách Chính trị của bộ Ngoại giao

74 Tức là Center for International Studies trong Massachusetts Institute of Technology.

dưới các chính phủ Kennedy và Johnson. Năm 1952 giáo sư kinh tế học Max F. Milikan trở thành giám đốc MIT, sau 2 năm làm phụ tá giám đốc tại trung ương CIA.

Trung tâm MIT được canh phòng nghiêm mật : bên ngoài có người gác võ trang, nhân viên đều đeo phù hiệu riêng mỗi khi ra vào.

Năm 1953, MIT ấn hành một cuốn sách về cơ cấu xã hội Xô viết ⁷⁵. Cuốn sách này gồm 2 ấn bản : ấn bản đặc biệt dành cho giới tình báo, và ấn bản rút gọn dành cho công chúng.

Một trong các nhân vật phụ tá ông Rostow tại trung tâm MIT là ông Andreas F. Lovenfeld, sau này là cố vấn pháp chế trong bộ Ngoại giao dưới chính phủ Kennedy và Johnson. Tại cuộc điều trần tại tiểu ban Quốc an Thượng viện ngày 12-6-1962, ông nói như sau :

Hỏi : Ông có bao giờ hợp tác với CIA không ?

Đáp : Hợp tác không trực tiếp.

75 Đó là cuốn sách The Dynamics of Soviet Society. Ấn bản rút gọn được bán trên thị trường. Sở dĩ phải rút gọn để loại bớt tin tức tình báo. Danh từ chuyên môn của rút gọn là «sanitize».

Hỏi : Ông có biết trung tâm MIT là một cơ quan do CIA bảo trợ không ?

Đáp : Người ta không chính thức báo cho tôi biết, song tôi đã biết.

Chủ trương «nín lặng » của CIA đôi khi mang lại một bầu không khí khản trương, mỗi khi báo chí đăng tin, Quốc hội điều tra, nhất là mỗi khi phe Cộng phản tuyên truyền. Tình trạng này chỉ là hậu quả tất nhiên của một chế độ tự do mà dân chúng được quyền tìm hiểu và chất vấn.

Gần đây, thủ tướng Tân gia Ba Lý quang Diệu tuyên bố là một nhân viên CIA điều đình biểu ông 3 triệu đô la nếu ông làm ngơ trước một hoạt động của CIA bị thất bại. Thoạt đầu, lời tiết lộ của ông Diệu bị chính phủ Hoa kỳ cải chính. Sau đó, bộ Ngoại giao xác nhận. Thật ra, đây không phải là lần thứ nhất sự khó khăn này xảy ra.

Phe Cộng triệt để lợi dụng để phản tuyên truyền. Thủ đoạn này được gọi là ngụy tuyên truyền ⁷⁶. Trong KGB, cơ quan ngụy tuyên truyền được đặt dưới sự chỉ huy 76 Ngụy tuyên truyền, danh từ chuyên môn Anh ngữ là Disinformation, tiếng Nga là Dzeinformatsiya. Tháng 8-1965, một cuốn sách được xuất bản ở Hoa thịnh đồn, The Soviet and Communist Bloc Defamation Campaign, tiết lộ những thủ đoạn ngụy tuyên truyền của gián điệp GRU-KGB.

của tướng Ivan Ivanovich Agagants, chuyên viên tình báo lão thành, từng phục vụ ở Âu châu, và Pháp, đội tên là Ivan Ivanovich Avalov...

Như trên đã nói, vụ Lý quang Diệu không phải là vụ đầu tiên, đưa CIA vào hoàn cảnh trên đe, dưới búa, nói cũng khổ mà không nói cũng khổ. Vụ làm CIA điên đầu nhất là vụ tấn công Cuba, được báo chí quốc tế mệnh danh là vụ Vịnh Con Heo. Sau khi cuộc tấn công Cuba thất bại, hàng triệu chữ được viết về vai trò của CIA. Tổng thống Kennedy cũng đã lên tiếng. Một sự thay đổi diễn ra trong CIA.

Lần thứ nhất, vụ Vịnh con Heo được trình bày đầy đủ ở nước nhà. Trân trọng mời bạn đọc mở.

24) Hồ Sơ Tối Mật : Vịnh Con Heo

Hàng chục bài báo và cuốn sách đã viết về vụ Cuba. Hầu hết đều coi là một thất bại nặng nề. Ông Allen Dulles, nguyên tổng giám đốc, đã dành một đoạn khá dài trong tác phẩm Nghề Tình báo ⁷⁷ để giải thích. CIA không bao giờ lên tiếng, cho nên sự lên tiếng của ông Dulles được coi là một trường hợp quan trọng. Sở dĩ ông phải giải thích vì nhiều bài báo và ấn phẩm xuất bản ở Mỹ đều trút trách nhiệm cho CIA. Cuốn sách đã kích mạnh nhất là cuốn Vịnh con Heo ⁷⁸.

Bằng lời lẽ cương quyết, ông nói rằng CIA chỉ có nhiệm vụ thu thập tin tức, không dính dáng đến chính trị, và không làm chính trị. Mặt khác, CIA luôn luôn trung thành với hành pháp :

« ... Những luận điệu trong cuốn sách đã được báo chí Mỹ coi là bằng chứng CIA chuẩn bị chống lại mệnh lệnh của Tổng thống nếu ông quyết định hủy bỏ cuộc xâm lăng. Điều này hoàn toàn sai..

77 The Craft of Intelligence, Allen Dulles, 1963 và 1965.

78 The Bay of Pigs, của Haynes Johnson, Norton and Co. xuất bản tại Nữ ớc. (Vịnh con Heo, người Cuba gọi là Bahia de Cochinos). Còn nhiều tác phẩm công kích này, như CIA, The Inside Story (A. Tully), The Invisible Government (David Wise và Thomas B. Ross).

«Tôi không biết là trong chính quyền có lực lượng nào chống lại... Trước ngày đổ bộ (lên Cuba). Tổng thống Hoa kỳ đã hạ lệnh hủy bỏ cuộc không kích, có mục đích làm không quân của Castro bị tê liệt, khả dĩ - và đã - tấn công đoàn tàu đổ bộ. CIA - tuy vô cùng lo ngại trước hậu quả của mệnh lệnh này - tuân theo tức thời và trung thành chỉ thị của Tổng thống...

Tháng 4-1961, vụ tấn công Cuba xảy ra. Sở dĩ biện pháp quyết liệt này được áp dụng vì từ năm 1960 trên 30.000 tấn vũ khí, trị giá 50 triệu đô la được tung vào Cuba. Tháng 1-1961, trong một cuộc diễn binh 8 giờ, Castro khoe khoang chiến xa Sô viết T-34 nặng 35 tấn, sơn pháo Sô viết 76, 85, 122 li, chiến xa JS-2, 51 tấn. Tuy nhiên, người ta không hiểu tại sao CIA lại bảo trợ cho một đạo quân 1.400 binh sĩ chống lại 400.000 binh sĩ của nhà độc tài Castro. Vì 400.000 sẽ đè bẹp 1.400 trong chớp mắt. Và tình trạng này đã xảy ra.

Nửa đêm 16-4, 5 con tàu đổ bộ chiến sĩ Cuba tự do xuống Vịnh con Heo. Theo tin tức báo chí, cuộc hành quân này được sự chấp thuận của CIA, Bộ Tham mưu Hỗn hợp và Tổng thống Hoa kỳ Kennedy. Tuy nhiên, Ngoại trưởng Dean Rusk, ông Me George Bundy, phụ tá Tổng thống về Quốc an, thứ trưởng Ngoại giao Chester Boules... đều hoài nghi sự thành công của cuộc

tấn công. 5 ngày trước khi chiến thuyền của chiến sĩ tị nạn Cuba tới Vịnh con Heo, tổng thống Kennedy tuyên bố tại một cuộc họp báo rằng Hoa kỳ không can thiệp bằng quân lực vào Cuba. Sau đó, tổng thống Kennedy ra lệnh bãi bỏ cuộc không kích thứ hai.

Rạng đông 16, phi cơ «tự do» bay tới, yểm trợ cho binh sĩ đổ bộ. Với khí giới Sô viết, với lực lượng quân sự hùng hậu, Castro đã đánh bại phe tự do.

Vụ Cuba đã trở thành một kinh nghiệm lịch sử. Cuốn sách này không phải là bản tham luận chính trị, và quân sự, mà là một tài liệu điệp báo. Vì vậy, tác giả chỉ chú trọng tới khía cạnh điệp báo của vụ Cuba.

Giám đốc Khối Kế hoạch CIA, ông Richard M. Bissell, Jr. phụ trách vụ Vịnh con Heo từ đầu. Văn phòng của ông lại Hoa thịnh đồn liên lạc thẳng với Thung lũng Hoan lạc ⁷⁹, mật danh của căn cứ chiến sĩ Cuba tự do.

79 Tức là Happy Valley, căn cứ không quân tại Puerto Cabezas, thuộc nước Nicaragua. Căn cứ huấn luyện tọa lạc tại Guatemala, bí danh là phi tuần oanh kích Cuba cũng mang tên là Linda, Puma và Gorilla. Tư lệnh đầu tiên của căn cứ Trax là một sĩ quan hữu danh Phi luật tân, nhiều kinh nghiệm chống cộng quân Huh, bí danh đại tá Vallejo, sau đó là đại tá Frank khi cuộc hành quân từ địa hạt du kích chiến chuyển thành đổ bộ quy mô. Các cố vấn CIA tại căn cứ là đại tá không quân Billy Carpenter, Lou, Gar, và các sĩ quan Billy Bell, Stevens, Simpson, tất cả

Như thường lệ, nội vụ được sửa soạn trong bầu không khí bí mật. Ngay cả nhiều viên chức cao cấp CIA cũng không biết.

Robert Amory, Jr., giám đốc Khôi Tình báo CIA (DDI) không được chính thức thông báo kế hoạch tấn công, mặc dầu trong ngày nội vụ xảy ra ông là nhân viên chỉ huy trực nhật, tại tổng hành doanh Langley. Ông Roger Hilsman, giám đốc Vụ Tình báo tại bộ Ngoại giao, cũng không biết.

Vì không biết (và phần nào cũng vì lý do chiến thuật), nhiều yếu nhân đã cải chính mạnh mẽ là Mỹ can thiệp vào Cuba, ngay sau khi chiến thuyền tới Vịnh con Heo. Ông Joseph W. Reap, phát ngôn nhân của bộ Ngoại giao, tuyên bố là «bộ Ngoại giao không hay biết có cuộc xâm lăng». Bộ Quốc phòng cũng tuyên bố tương tự. Tòa Bạch ốc giữ thái độ trông và chờ. Phát ngôn viên Pierre Salinger nói với Mỹ Liên xã rằng «Bạch Cung không biết gì về Cuba, ngoài tin tức do các hãng thông tấn gửi đi». Ông Adlai Stevenson, đại sứ Hoa kỳ tại Liên hiệp quốc, cũng lên tiếng cải chính những lời tố cáo của đại biểu Sô viết và Cuba. Hai ngày trước vụ Vịnh con Heo là bí danh. Trước giờ khởi sự, đài bá âm bí mật CIA, gọi là Radio-Suan, phát thanh mật lệnh như sau : báo động, báo động, hãy nhìn kỹ cầu vồng. Cá sắp quẫy rồi... bầu trời xanh... cá thì đỏ... hãy nhìn kỹ cầu vồng...»

Heo, một nhân viên CIA tên là Tracy Barnes, tới gặp đại sứ Stevenson, chỉ nói rằng Hoa kỳ ủng hộ các chiến sĩ tự do, không nói rõ ủng hộ ra sao, và cũng không cho biết ngày đổ bộ. Vì vậy tại L.H.Q. ông Stevenson đã trình tấm hình chụp máy bay của một phi công CIA đáp xuống đất Mỹ sau khi oanh kích Cuba, và tuyên bố rằng là máy bay cất cánh từ Cuba, do phi công của Castro lái.

Tất cả tên thật đều được giấu kín ; tướng G. Reid Doster, tham mưu trưởng Bảo an đoàn tiểu bang Alabama, tại Birmingham, dùng bí danh Reid. Nhân viên tuyển mộ chí nguyện quân Cuba được mang tên George. Chỉ huy trực tiếp là ông Frank Bender, nhân viên cao cấp CIA, mang tên giả. Đến họp với các thủ lĩnh Cuba tự do, ông Bender - tên giả - còn mang tên giả khác nữa, ông B.

Đặc điểm thứ hai của vụ Vịnh con Heo là CIA không có quyền hành ghê gớm như dư luận lầm tưởng. GRU và KGB có toàn quyền sinh sát, CIA lại phải tuân lệnh Tổng thống do dân chúng bầu lên.

Đêm ấy, phe tự do đang bị quân đội của Castro phản công mãnh liệt. Trong hoàn cảnh này, sự can thiệp của Mỹ mới có thể chuyển ngược thế cờ. Một dạ hội long trọng diễn ra tại Bạch cung. Tổng thống Kennedy vẫn

giữ vẻ mặt vui vẻ thường lệ, song đến nửa đêm Tổng thống chủ tọa một phiên họp mặt gồm các yếu nhân quân chính để cứu xét tình hình Cuba. Nhiều đề nghị được đưa ra, nhưng Tổng thống chỉ cho phép một số ít phi cơ Mỹ không đeo dấu hiệu bay hộ vệ phi cơ Cuba tự do, mà không lâm trận. Lập trường Tổng thống Kennedy là sẵn sàng giúp đỡ phe tự do Cuba, song không trực tiếp tham chiến công khai.

Tổng thống Kennedy đích thân ra lệnh bãi bỏ cuộc không kích vào Cuba, do CIA sửa soạn, Phụ tá tổng thống, Ông McGeorge Bundy gọi điện thoại báo tin cho ông Bissell. Cùng tướng Charles P. Cabell, phó tổng giám đốc CIA, ông Bissell tới gặp Ngoại trưởng Dean Rusk nhờ thuyết phục Tổng thống. Từ văn phòng, ông Rusk điện thoại cho Tổng thống ở Glen Ora. Song Tổng thống từ chối.

4 giờ sáng, tướng Cabell đến khách sạn tìm Ngoại trưởng Busk lần nữa (mới tựu chức chưa đầy ba tháng, ông Husk còn ở lữ quán, chưa dọn về công thất). Tuy trời quá khuya, Ngoại trưởng Rusk cũng gọi điện thoại cho Tổng thống, nhấn mạnh đến sự nguy ngập của phe Cuba tự do nếu cuộc không kích bị hủy bỏ. Tướng Cabell cùng phụ họa với ông Rusk. Một lần nữa, Tổng thống Kennedy cương quyết từ chối.

Đặc điểm thứ ba (và cũng là đặc điểm quan trọng nhất mà giới tình báo phải rút tĩa kinh nghiệm) là quyền hành tối thượng của công luận và tư pháp trong một xã hội tự do. Quyền hành này làm cho hoạt động tình báo, một hoạt động tối cần thiết để bảo vệ quốc gia và chính thể dân chủ, trở nên vô cùng khó khăn. Chính vì nguyên nhân này, cơ quan tình báo và gián điệp ở các nước độc tài, cộng sản cũng như quốc gia, hoạt động dễ dàng hơn nhiều.

Cơ quan điệp báo Xô viết ra đời từ nửa thế kỷ, thất bại hàng chục lần, song không người dân nào dám hé răng, không một chữ viết trên mặt báo. Trong khi ấy, CIA phải đối phó với một chế độ báo chí tự do, luôn luôn xía vào bí mật.

Vả lại, chính các nhà lãnh đạo cao cấp Hoa kỳ cũng không thích những chuyện bí mật. Tại một cuộc họp báo sau vụ Vịnh con Heo, cựu Tổng thống Eisenhower tuyên bố là ngày 17-3-1960 ông đã ra lệnh cho các cơ quan chính quyền tổ chức, huấn luyện và trang bị chiến sĩ tự do Cuba. Ngày 17-12-1962, lên tiếng tại 3 đài truyền hình về vụ Cuba, Tổng thống Kennedy tuyên bố dứt khoát : «Tôi là người chịu trách nhiệm». Ngày 21-1-63, ông Robert Kennedy, bộ trưởng Tư pháp, em ruột của Tổng thống, tuyên bố trong một cuộc phỏng vấn

rằng vụ Vịnh con Heo là do bộ Tham mưu Hồn hợp và CIA chuẩn bị. Bộ Tham mưu Hồn hợp chấp thuận kế hoạch này, song trách nhiệm kế hoạch hóa là CIA.

Ngày 6-6-1963, trong một cuộc họp báo, Tổng thống Kennedy phải trả lời một câu hỏi gay go, liên quan đến 4 phi công Mỹ tử nạn tại Vịnh con heo.

Hỏi : Thừa Tổng thống có thể cho biết 4 người Mỹ chết ở Vịnh con Heo là nhân viên chính phủ hay là nhân viên CIA ?

Đáp : Họ chết trong khi phục vụ tổ quốc... Và họ là những người tình nguyện.

Đó là một câu hỏi gay go, vì ngày 12-4-1961, Tổng thống đã xác định là «trong bất cứ trường hợp nào, quân lực Hoa kỳ sẽ không được xử dụng» để tấn công Cuba.

Trên thực tế, chính quyền và CIA còn bị công luận và báo chí đưa ra nhiều câu hỏi gay go hơn nữa. Trước khi cuộc hành quân mở màn, báo chí đã tiết lộ tùm lum, khiến Castro có đủ thời giờ chuẩn bị.

Ngày 30-10-1960, một nhật báo ở Guatemala ⁸⁰ loan tin trên trang phát rằng «một cuộc xâm lăng Cuba đang

⁸⁰ Đó là tờ La Hora. Bài báo này do Clemente Marro guin Rojas, chủ bút, viết.

được sửa soạn ráo riết tại Guatemala. tuy nhiên không do Guatemala chủ trương». Trong tháng 11, hai tờ báo đăng tải một thiên phỏng sự về căn cứ Retalhuleu, nơi CIA huấn luyện chiến sĩ Cuba chống Castro ⁸¹. Rồi báo chí đua nhau khai thác.

Retalhuleu là một đồn điền cà phê, dọc bờ biển Thái bình dương, thuộc tây nam cộng hòa Guatemala. CIA biến thành căn cứ Vauero, với sự thỏa thuận của tổng thống Ydigoras, và của chủ đồn điền, Roberto Alejos. Một phi đạo bí mật được xây cất, với ngân khoản trên một triệu đô la. Tổng thống Ydigoras tới cất băng khánh thành. Để thỏa mãn óc tò mò của người ngoài, chính phủ Guatemala nói rằng sân bay tối tân này được xây cất để xúc tiến việc xuất cảng trái cây và tôm đông lạnh. Tuy nhiên, các nhà báo hiếu kỳ lại tiết lộ là phi cơ được

81 Tờ Hispanic American Report do Ronald Hilton, thuộc trường đại học Stanford ấn hành. Tờ báo đại học này không phổ biến rộng rãi. Tạp chí Nation, cả nhiều độc giả, đăng lại bài báo của Hilton ngày 19-11, dưới tựa đề «Chúng ta (Mỹ) đang huấn luyện du kích Cuba phải không ?» Ngày 7-1-61, tờ Nation đăng một bài chi tiết về căn cứ Relathuleu dưới ngòi bút của Don Duiggins. Ngày 10-1, Nữu ước Thời bào viết một bài đầy đủ hơn, ký tên Paul P. Kennedy. Sau đó, đến từ Miami Herald. Chủ tờ báo biết tin mật từ lâu song không đăng. Vì cạnh tranh nghề nghiệp, tờ Miami Herald bắt buộc phải tiết lộ hết. Trên thế giới có lẽ mọi ký giả đều thèm muốn địa vị của ký giả Hoa kỳ.

dùng để chở trái cây và tôm lạnh lại không đeo phù hiệu nước nào.

Trong thời gian chuẩn bị, Tổng thống Kennedy mời các yếu nhân tới để tham khảo. Thượng nghị sĩ J. Willian Fulbright, thuộc đảng Dân chủ (đảng của ông Kennedy) cực lực chống lại dự định tấn công Cuba. Trước đó, ông Fulbright còn gửi thư riêng cho Tổng thống :

... Hàng triệu người Mỹ vẫn cho rằng Hoa kỳ đã bố trí cuộc xâm lăng vào Guatemala năm 1954, song sự can thiệp của Mỹ hồi đó dễ hơn vụ người Cuba tị nạn ngày nay nhiều... Viễn tượng cần cứu xét là phe tị nạn có thể đụng đầu với một sức chống trả ghê gớm mà tự họ không thể khắc phục. Vấn đề đặt ra là liệu Hoa kỳ có để mặc cho công cuộc này thất bại (có thể để che giấu sự can thiệp) hoặc Hoa kỳ sẽ đáp ứng bằng sự giúp đỡ cấp tiến cần thiết để đảm bảo thắng lợi. Điều này có nghĩa là Hoa kỳ sẽ phải dùng quân lực...»

Tuy nhiên, sự điên đầu do công luận, báo chí và Quốc hội gây ra vẫn chưa mạnh mẽ bằng vai trò tối thượng của tư pháp. 10 ngày trước khi vụ Vịnh con Heo bùng nổ, một người Cuba tị nạn, Rolanda-Masferrer, bị bắt.

Dưới thời Batista, ông cầm đầu một lực lượng binh sĩ mật vụ mệnh danh là Hồ binh. Ông trốn khỏi Cuba

cùng với Batista, sau ngày Castro cướp chính quyền. Bộ Tư pháp Mỹ ra lệnh bắt ông về tội âm mưu tổ chức tấn công Cuba.

Nguồn tin báo chí cho biết sở dĩ phải bắt Masferrer là để đánh lạc hướng dư luận, và cũng để minh định cho các chiến sĩ Cuba tự do biết Hoa kỳ không hậu thuẫn những người bất hảo của chế độ cũ...

Song le ở Hoa kỳ, luật là luật, và hành pháp vô quyền đối với tư pháp. 10 ngày sau thẩm kích Vịnh con Heo, thẩm phán liên bang Emeit C. Choate hạ lệnh phóng thích Masferrer, và tố cáo chính quyền liên bang đã giam đương sự trong một trại tập trung. Phụ tá bộ trưởng Tư pháp, ông Paul Gifford nói là sở Di trú Ngoại kiều bắt Masferrer theo lệnh riêng của Tổng thống.

Thẩm phán Choate đáp như sau :

- Tổng thống không có quyền ra lệnh cho bất cứ ai bất tuân pháp luật.

25) CIA Làm Gì ?

Vì CIA không quảng cáo, không cải chính, không xác nhận nên công luận không thể biết rõ hoạt động. Tuy nhiên, căn cứ vào tin tức và tài liệu chính xác, trong vòng gần 20 năm nay, CIA đã can dự vào hơn 10 biến cố quan trọng, với mục đích ngăn chặn Cộng sản trên toàn thế giới.

Năm 1950, sau ngày Mao Trạch Đông nắm quyền ở lục địa, CIA thiết lập trên đảo Đài Loan một công ty tư nhân ⁸² để trang bị, huấn luyện du kích quân Quốc gia hoạt động ở Trung cộng. Đầu năm 1954, công ty này lặng lẽ giải tán vì chính phủ Mỹ công khai ủng hộ Tưởng Thống chế chống lại Mao Trạch Đông. Công ty này giải tán vì vai trò bí mật khai sơn phá thạch của CIA tạm chấm dứt.

Vai trò bí mật của CIA ở Điện biên năm 1951 đã đưa đại sứ William J. Sebald vào hoàn cảnh tiến thoái lưỡng nan 12.000 binh sĩ Trung hoa quốc gia rút khỏi Vân nam, và đồn trú ở vùng biên giới bắc-Điện sau khi lục địa thất thủ. Tướng Ne Win, tham mưu trưởng Miến, nhờ tân đại sứ Sebald yêu cầu chính phủ Mỹ ngưng viện trợ cho tướng Li Mi, tư lệnh lữ quân Vân nam được cải

82 Công ty Western Enterprises (Doanh nghiệp Tây phương)

danh là Lữ đoàn chống Cộng Vân nam. Bộ Ngoại giao Mỹ cho biết là Mỹ không hỗ trợ tướng Li Mi. Đại sứ Mỹ Bowles tại Ấn độ, dưới áp lực cố thủ tướng Nebr cũng chuyển về Hoa thịnh đôn một lời yêu cầu tương tự, và bộ Ngoại giao cũng trả lời như với đại sứ Sebald.

Sự thật là bộ Ngoại giao không biết. Sự can thiệp của CIA được giữ kín, cả viên phó tổng giám đốc phụ trách Tình báo ⁸³ cũng không biết. Sau đó, Diên mang nội vụ ra trước Liên hiệp quốc. Quân đội Diên khám phá được 5 tấn đạn dược mang dấu hiệu viện trợ Mỹ và bắn rơi một phi cơ dân sự Mỹ tiếp tế cho lữ đoàn Vân nam. Cuộc điều tra cho biết đạn dược và phi cơ do Hội Cứu trợ Trung hoa cung cấp.

Năm 1954, sau nhiều cuộc điều đình, 2/3 lữ đoàn được tản cư về Đài Loan. Song mãi đến năm 1961, tàn quân của tướng Li Mi mới rút qua Ai Lao và Thái Lan.

Bàn tay bí mật của CIA vươn vào Ba Tư năm 1953, lật đổ thủ tướng thân Cộng Mossadeigh, và bảo vệ ngai vàng của quốc vương Pahlevi. Nói đến quốc vương Ba Tư, người ta thường nhớ lại bà hoàng không con có đôi mắt sâu buồn Soraya, quên bằng rằng Ba Tư ở sát biên giới Sô viết, nằm trong tầm tay phiến động của RU. Mossadeigh bị truất phế trong một cuộc biểu tình vĩ đại, 83 Robert Amory.

RU trở tay không kịp.

Cuộc đảo chính êm ái và thành công nhất với sự tiếp sức của CIA diễn ra năm 1954 tại cộng hòa Guatemala, được coi là xứ chuối thơm, tổng thống khuynh tả Jacobo Arbenz Guzman đổ nhào.

9 năm sau, ngày 10-6-1963, trong một bài diễn văn ngắn, nguyên Tổng thống Eisenhower công nhận rằng Hoa kỳ chủ trương lật đổ Guzman. Năm 1961, ông Whiting Willauer, đại sứ Mỹ tại nước Honduras láng giềng, trong vụ đảo chính Guatemala, điều trần tại Thượng nghị viện như sau :

Hỏi : Trong vụ lật đổ chính phủ Arbenz ở Guatemala, ông đại sứ hành động một mình hay với một nhóm người ?

Đáp : Một nhóm.

Hỏi : Có ông đại sứ Mỹ ở Guatemala, Jack Peurifoy, không ?

Đáp : Ông Peurifoy là người chủ chốt, và sau đó là các đại sứ tại Costa Rica, và Nicaragua ⁸⁴. Và dĩ nhiên

84 CIA đã vận động cho ông Jack Peurifoy làm đại sứ Guatemala. Đại sứ Mỹ tại Costa Rica là ông Robert Hill, đại sứ Mỹ tại Nicaragua là ông Tom Whelan. Với sự đồng ý của Tổng

là có nhân viên CIA.

Hỏi : Ông Allen Dulles có liên hệ đến không ?

Đáp : CIA giúp vào việc võ trang và huấn luyện lực lượng cách mạng chống Cộng...

Arbenz bị lật đổ giữa năm 1954, sau khi một chuyến tàu bí mật chở 2.000 tấn khí giới Tiệp khắc rời Ba lan đến Guatemala. Vì với số khí giới khổng lồ này, ông có thể tràn ngập các nước láng giềng, tạo mối nguy cho tây bán cầu. Tổng thống Eisenhower chấp thuận kế hoạch can thiệp của CIA vào cuối năm 1953. Em ruột tổng thống, ông Milton, được mời, xong không tham dự vì bà vợ đau nặng.

Việc thực hiện kế hoạch được giao cho ông Wisner, phó tổng giám đốc Kế hoạch CIA. Phi cơ CIA oanh tạc các căn cứ của Arbenz, trong khi 150 binh sĩ của đại tá Castillo - Armas được CIA huấn luyện vượt biên giới vào Guatemala. Mục đích của cuộc đảo chính là làm nhà độc tài thân Cộng mất tinh thần.

Arbenz bị bối rối vì tư lệnh không quân bỏ trốn, các đơn vị biên phòng lại từ chối không chặn bước tiến của thống Nicaragua, Somoza, CIA lập căn cứ huấn luyện cho nghĩa quân, đặt dưới quyền «đại tá Rutherford». Các phi công oanh tạc Guatemala là người Mỹ, do Jerry Fred De Larm cầm đầu.

nghĩa quân. Ông càng bối rối hơn khi điện tín từ biên giới gửi về cho biết quân đội đảo chính đông như kiến cỏ và kéo về thủ đô. Sự thật là Armas đóng quân ở biên giới chờ Arbenz từ chức. Những bức điện thua trận mà Arbenz được đọc là của CIA. Chuyên viên vô tuyến CIA xử dụng luồng sóng của quân đội Guatemala để loan tin thất thiệt hầu làm tổng thống Arbenz thất vọng.

Rốt cuộc ông phải từ chức. Đại tá Carlos Enrique Diaz, tư lệnh quân lực, lên thay. Vì không biết quân khởi nghĩa liên lạc mật thiết với CIA, đại tá Diaz kêu gọi chống lại. Đại sứ Peurifoy vận động lật đổ Diaz. Sau đó, Castillo Armas được bầu làm Tổng thống.

Trong vòng 20 năm qua, CIA đã có mặt khắp nơi. Nhân viên CIA đã dự phần nào vào cuộc khởi nghĩa bất thành năm 1958 của quân đội chống Tổng thống Sukarno ở Indonesia. Năm 1960, CIA cổ súy việc ủng hộ chính phủ khuynh hữu ở Lào quốc. Và dĩ nhiên là CIA đã hoạt động mạnh mẽ ở Việt nam.

26) Trắng, Đen, Và Xám...

Ngữ vựng điệp báo có 3 danh từ quen thuộc, trắng, đen, và xám. Cuộc hành quân ở Cuba, Guatemala được tổ chức bí mật gọi là hành quân đen. Hầu hết các hoạt động điệp báo đều đen. Hoạt động công khai là trắng. Giữa trắng và đen, nửa công khai nửa bí mật, là xám. Tháng 2-1962, luật sư Donovan đổi đại tá GRU Abel lấy phi công Gary Powers tại Bá Linh. Đó là một hoạt động xám.

Luật sư Donovan đã thành công trong một hoạt động xám thứ hai tại Cuba.

Tháng 2-1962, theo sự giới thiệu của bộ trưởng Tư pháp Robert Kennedy, một nhóm người Cuba tị nạn tới gặp Donovan để yêu cầu thương thuyết với Castro về việc phóng thích 1.113 binh sĩ của lực lượng tự do đang bị Cuba giam giữ. Luật sư Donovan nhận lời, và hội Phóng thích Tù binh Cuba ⁸⁵ ra đời. Trước đó, Ủy ban Tự do ⁸⁶ đã thất bại trong cuộc điều đình. Ngày 29-8-1962, Donovan sang Cuba gặp Castro.

85 Tiếng Anh là Cuban Families Committee for Liberation of Prisoners of War (Ủy ban các Gia đình Cuba vận động phóng thích tù binh chiến tranh).

86 Tractors for Freedom Committee (Ủy ban đòi trả lại Tự do).

Castro đòi 59 triệu đô la được phẩm. Trước lễ Giáng sinh, tàu chở được phẩm do các công ty tư nhân Mỹ ủng hộ, tới Cuba, và 4 chuyến phi cơ chở 426 tù binh về Mỹ. Castro đòi 2.900.000 đô la tiền mặt nữa mới chịu thả hết. Số tiền này là tiền chuộc 60 tù binh bị thương trước khi Donovan điều khiển cuộc thương thuyết.

Bộ trưởng Tư pháp Kennedy bèn tiếp xúc với một số tư nhân. Trong một cuộc lạc quyền chớp nhoáng, số tiền 2.900.000 đô la được thu đủ ⁸⁷. Kết quả là 9.703 người được tự do, trong số có các chiến sĩ tự do, gia đình họ và người Mỹ. Nguồn tin báo chí tiết lộ trong vụ chuộc này chính phủ Mỹ mất 29.792.000 đô la ⁸⁸.

Trong thế chiến thứ hai, Rudolf Hess phụ tá tin cậy của nhà độc tài quốc xã Hitler, đã thất bại nặng nề khi muốn điều đình «xám» với Tây phương. Ông đáp máy bay đột ngột tới miền bắc Anh quốc ngày 10-5-1941,

87 Số tiền 2.900.000 đô la được đóng góp như sau : đức Hồng y giáo chủ Cushing, ở Boston, 1 triệu, tướng Lucius Clay, một nhân vật trong hội Phóng thích Tù binh Cuba, đứng bảo lãnh vay 1 triệu 9, rồi vận động các công ty tư nhân trả sau.

88 Số tiền này được chia ra như sau : 20 triệu thuế thất thu, vì các công ty được phẩm trừ số tặng dữ vào tiền thuế 5.655.000 đô la sữa, 4 triệu tiền lương bị mất do CIA trả cho thân nhân các chiến binh tự do trong 20 tháng. 138.000 tiền đón tiếp (mỗi chiến binh được 100 đô la, tiền còn lại để mua sắm).

với hy vọng thuyết phục đồng minh liên kết với Đức quốc để chiến thắng Nga xô. Trước khi sang Anh quốc, ông đã bí mật thương thuyết ở Thụy sĩ. Tới Anh quốc, ông bị bắt. Đại chiến kết liễu, ông bị Tòa án Quốc tế Nuremberg kết án chung thân.

Điều đình với đối phương bằng phương pháp đen hoặc xám là một trong các khí giới thông dụng và đặc lực của nghề điệp báo. Trong thế chiến thứ hai, Walter Schellenberg, chỉ huy Phản gián Đức quốc xã 5⁸⁹, với sự thỏa thuận của trùm mật vụ Himmler, liên lạc với bá tước Bernadotte, thay mặt chính phủ Thụy điển, đề nghị hòa với đồng minh.

Cuộc thương thuyết không thành vì đồng minh không tin tưởng Himmler, người đã gây ra nhiều tội ác, phải được đưa ra tòa xử tội. Tuy nhiên, Schellenberg vẫn tiếp tục điều đình với bá tước Bernadotte để được cứu mạng sau ngày Đức thất trận.

Và ông thành công. Ông sang Thụy điển một thời gian, rồi ngày 16-6-1945 bí mật tới Anh quốc, cộng tác với Phản gián Anh, trong 3 năm. Tại tòa án Nuremberg, ông ra làm nhân chứng chống lại các yếu nhân quốc xã.

89 Sau ngày Bá Linh thất thủ, Himmler đã tự sát. Schellenberg là giám đốc SD, tức Sicherheitsdienst. Cơ quan SD chia ra nhiều nha, gọi là phòng F, đặt điệp viên trên khắp thế giới.

Năm 1948, đến lượt ông phải ra tòa án quốc tế, cũng tại Nuremberg. Anh và Mỹ đồng ý miễn nghị, song nữ đại diện Xô Viết phủ quyết. Kết quả là ông bị 4 năm tù.

Năm 1951, nhà chức trách Anh trả tự do cho ông. Với mật quỹ của Phản gián Anh, ông mai danh ẩn tích tại Thụy sĩ để viết hồi ký. Có thể nói ông là chuyên viên điều đình giỏi nhất trong bóng tối của đại chiến thứ hai.

Ông là luật gia, gia nhập đoàn cận vệ áo đen SS của Hitler, và nhờ thủ đoạn trèo lên cấp tướng hồi mới 30 tuổi. Ngày 9-11-1939, ông vượt biên giới Hòa lan lập mưu bắt cóc 2 sĩ quan tình báo Anh, đại úy Best và thiếu tá Stevens về giam ⁹⁰ để lấy cơ buộc tội Anh quốc tổ chức mưu sát Hitler tại Munich, một cuộc mưu sát bằng bom do mật vụ quốc xã soạn để gia tăng uy tín bí mật cho nhà độc tài quốc xã. Đồng thời, Đức quốc xã, viện lẽ Hòa lan vi phạm nguyên tắc trung lập (vì đã chứa chấp 2 sĩ quan sát nhân) để tung quân xâm chiếm.

Sau đó, Hitler ủy thác cho ông bắt cóc vợ chồng quân công Windsor khi ấy đang ngụ ở Tây ban nha. Hitler

90 Schellenberg đội lốt một sĩ quan Đức trong phong trào chống Hiller đề liên lạc với 2 sĩ quan tình báo Anh quốc này. Cho đến nay, người ta vẫn không hiểu tại sao I.S. mỗi tiếng là khôn ngoan mà vẫn bị lừa. Vụ bắt cóc này được thuật trong Gián điệp Quốc tế đã tái bản.

muốn cưỡng bách nguyên quốc vương Anh hợp tác với mình để ký kết hòa ước Anh-Đức. 50 triệu quan Thụy sĩ được dành sẵn cho công tác này. Quận công Windsor sẽ được xữ dụng số tiền 50 triệu nếu chịu rời Bồ đào nha sang Thụy sĩ. Tuy nhiên, nhân viên tình báo Anh quốc đã nhanh tay hơn Schellenberg một ngày tại Lisbonne nên kế hoạch không thành.

Schellenberg bắt liên lạc với cơ quan điệp báo Thụy sĩ bằng một thủ đoạn vô tiền khoáng hậu. Thủ đoạn này, tiếng Đức gọi là eine Herausforderung, nghĩa là «gây sự»⁹¹.

Tháng 7-1942, đại tá Roger Masson, chỉ huy trưởng tình báo và phản gián Thụy sĩ, cử trung úy Moergeli làm nhân viên tại lãnh sự Thụy sĩ ở Stuttgart. Moergeli có nhiệm vụ thu thập tin tức về quân đội Đức dọc biên giới, một nhiệm vụ tầm thường. Vì còn quá trẻ, ông sa bẫy của Đức.

Phản gián Đức bố trí cho ông gặp một thường dân tự xưng là chống Hitler. Ông nhờ người này lấy tin, để rồi bị bắt, và ra tòa lãnh án tử hình. Schellenberg ra lệnh cho tòa án kết án thật nặng hầu thúc đẩy đại tá Masson

91 Tiếng Pháp và tiếng Anh là Provocation. Giả danh có thiện cảm với đối phương để bắt hoặc để khai thác là provocation.

phải bắt liên lạc, xin ân xá.⁹²

Và Schellenberg đã thành công. Cuộc tiếp xúc diễn ra ngày 8-9-1942 trên đất Đức. Schellenberg đồng ý trả tự do cho viên trung úy khờ khạo. Hơn thế nữa, theo lời Masson yêu cầu, Schellenberg còn hứa chấm dứt chiến dịch tuyên truyền chống Thụy sĩ của một thông tấn xã thân quốc xã ở Áo quốc⁹³.

Cuộc tiếp xúc này là một thắng lợi lớn lao đối với Schellenberg. Thụy sĩ là quốc gia trung lập, nếu đồng minh được tin Masson liên lạc với Đức, sự ngờ vực sẽ xảy ra, và dầu muốn dầu không, đại tá Masson phải nghiêng về phe Đức quốc xã.

Sau chiến tranh, báo chí và phe khuynh tả, đổ xô vào Masson với một chiến dịch công kích mãnh liệt. Ông bị tố cáo là hợp tác với Đức. Tòa án phải mở cuộc điều tra, và tuy ông được miễn nghị, vết thương tinh thần vẫn còn.

92 Danh từ chuyên môn điệp báo của Pháp gọi hành động này là préparer un bada (sửa soạn một cái mũ), nghĩa là tự bện thòng lọng đề tự thất cổ.

93 Thông tấn xã này là International Press Agentur, tọa lạc tại Vienne, được thành lập bởi 2 công dân Thụy sĩ theo quốc xã, tên là Ernst Leonhardt và Franz Burri, Với sự giúp đỡ của tình báo quốc xã, các ấn phẩm chống Thụy sĩ của thông tấn xã này được đưa lên vào Thụy sĩ.

Nghệ thuật điều đình đen-xám của tướng áo đen Schellenberg được nổi bật trong việc thu dụng Jahnke, chuyên viên gián điệp lỗi lạc trước ngày Hitler cầm quyền,

Himmler ghét Jahnke, và nghi ông là nhân viên do thám IS. Sự kiện này đến nay chưa được xác nhận, tuy nhiên ai cũng biết ông là một điệp viên già dặn, với 25 năm trong nghề, xuất thân đại điền chủ, cố vấn tình báo cho Rudolf Hess từ năm 1935, am tường tình hình Viễn đông, và có nhiều bạn trong hàng ngũ gián điệp Tây phương.

Ông quen gia đình Tôn dật Tiên và Tưởng giới Thạch. Jahnke còn quen nhiều yếu nhân Nhật bản. Sau 1920, sinh sống ở Hoa kỳ, ông làm giàu về nghề di chuyển linh cữu người Tàu về nước. Một ngàn đô la một quan tài... Nhận nhiệm vụ của Phán gián, ông sang Thụy sĩ dọn đường thương thuyết với phe đồng minh.

Năm 1942, đồng minh đang ngần ngại trong việc giúp đỡ Nga xô tận tình, chính phủ Nhật nhờ ông soạn cho một cuộc nghị hòa giữa Nga xô và Đức. Sự kèn cựa giữa các yếu nhân quốc xã làm cho nỗ lực của Jahnke thất bại.

Sau khi quân đội Đức thất trận tại Salingrad, ngoại trưởng Nhật Shigemitsu nhắc lại đề nghị cũ. Lần này, vì bị thua, chạm tự ái, Hitler thẳng tay từ chối. Năm 1943, phó đô đốc Kojima tới Đức bằng tiềm thủy đình, gặp Schellenberg, với nhiệm vụ nghiên cứu tình hình và thuyết phục Hitler thủ hòa với Staline. Lại thất bại.

Trong thế chiến, tình báo Trung hoa đặt trụ sở tại Berne, Vichy, Luân đôn, Stockholm và Mạc tư khoa. Jahnke liên lạc mật thiết với trụ sở ở Berne và Vichy. Thống chế Tưởng giới Thạch muốn nhờ những yếu nhân Đức thân Trung hoa làm trung gian cho một cuộc nghị hòa giữa Trung hoa và Nhật bản. Đồng thời, qua trung gian của Jahnke, tình báo Trung hoa muốn liên kết với tình báo Đức.

Thoạt đầu, Hitler bằng lòng, 8 ngày sau, lại đổi ý kiến, Tuy nhiên, Hitler yêu cầu ngoại trưởng Ribbentrop thăm dò đại sứ Nhật Oshima ở Bá Linh. Nhật muốn biết thêm chi tiết của cuộc nghị hòa nên Jahnke được cử sang Thụy sĩ, đội lối một nhà doanh nghiệp mẽ góc Á căn đình. Từ Thụy sĩ về, Jahnke báo cáo là Tưởng giới Thạch đòi Nhật rút hết quân đội khỏi đất Tàu, và trả lại các hải cảng, ngược lại Trung hoa sẽ để cho Nhật một số đặc quyền. Tháng 6-1912, Nhật đưa ra một số câu hỏi đòi được giải thích rõ rệt. Hiller quyết định gửi một

đặc phái viên sang Tàu gặp Tưởng thống chế. Tháng 9-1942, Nhật bản đột ngột rút ra khỏi cuộc thương thuyết.

Dầu những cuộc thương thuyết giữa Đức với đồng minh, giữa Đức với Nga xô, giữa Nhật bản với Trung hoa thất bại, Jahnke, và nhất là Schellenberg vẫn xứng đáng là ngôi sao điều đình đen-xám của trận đại chiến thứ hai.

Năm 1952, Schellenberg, từ trần ở Thụy sĩ. Cuốn hồi ký chưa viết xong, phải nhờ một nhà báo Đức hoàn thành.

27) Kế Hoạch Bó Đuốc

Hãy lắng nghe, hãy lắng nghe... Yankee, Franklin, Pilgrim, Midway, Lincoln... Robert zang đến, Robert đang đến...

Robert là bí danh của cuộc hành quân của đồng minh vào Bắc Phi trong đại chiến thứ hai, sửa soạn cho cuộc đổ bộ lên đất Pháp, giải phóng châu Âu và đánh bại Đức quốc xã. Yankee, Franklin, Pilgrim, Midway, và Lincoln là bí danh của 5 đài truyền tin do OSS đặt bí mật tại Alger, Oran, Tunis, Tanger và Casablanca.

Khi chiến hạm đầu tiên của đồng minh ghé bờ biển Bắc Phi, vai trò chủ chốt được nhường cho võ khí và chiến thuật quân sự. Tuy nhiên, công cuộc chuẩn bị từ nhiều tháng trước phải là hàng chục, hàng trăm nỗ lực tình báo và gián điệp. Cuộc hành quân Robert (còn được gọi là Bó đuốc) có thể coi là dẫn chứng điển hình của nghệ thuật điệp báo tân tiến : một công trình gồm nhiều người đóng góp, một công trình kiên nhẫn, khôn ngoan, dựa trên mưu trí, và tài năng thương thuyết.

Nổi bật trong vụ này là Robert Murphy, cố vấn tòa đại sứ Mỹ tại Vichy. Cũng như tướng Schellenberg ở Đức. Chỉ khác là Schellenberg thất bại còn Murphy

thành công.

Mùa hè 1941, Bắc Phi sống trong bầu không khí trung lập. Cũng như Thụy sĩ, nơi Allen Dulles lấy tin cho OSS và Schellenberg lấy tin cho SD. Sau ngày Pháp thua trận, Hoa kỳ ký thương ước Weygand-Murphy. Tướng Weygand là toàn quyền của chính phủ Vichy thân Đức ở Bắc Phi. Theo thỏa ước, Mỹ gửi nguyên liệu cho Bắc Phi với điều kiện nhà bảo hộ Pháp không xuất cảng nguyên liệu này. Mỹ phái qua Bắc Phi một số viên chức để kiểm soát hàng hóa nhập nội. Dưới chức vụ phó lãnh sự, họ là nhân viên tình báo OSS. OSS mới được khai sinh. Kế hoạch Bó đuốc là kế hoạch đầu tiên của OSS. Thành công hay thất bại của kế hoạch Bó đuốc cũng là thành công hay thất bại của OSS.

Tháng 4-1942, thủ tướng Laval lên cầm quyền ở Pháp. Đức quốc xã chuẩn bị xâm lược Tunisie. và trong tương lai gần, Laval có thể nhượng Bắc Phi thuộc Pháp cho Hitler. Đồng minh cần đổ bộ trước, tuy nhiên lại lo ngại một phần quân đội Pháp ở Bắc Phi chống lại, gây ra tổn thất vô ích về nhân mạng. Trong khi ấy, phe Laval hoạt động ráo riết, những thủ lĩnh quân sự chống Đức lần lượt bị thuyết phục.

Các phó lãnh sự có nhiệm vụ thuyết phục quân đội Pháp nghiêng về phe đồng minh. Vì hoạt động tình báo của phó lãnh sự không được lãnh sự biết, nên nhiều khi khó khăn đã xảy ra trong nội bộ. Có lần OSS phải rời điện đài giấu dưới mái nhà lãnh sự quán ở Tanger đi nơi khác vì vợ ông lãnh sự phàn nàn ban đêm có tiếng động khả nghi trên mái. Lần khác, Murphy phải can thiệp với bộ Ngoại giao để lưu nhiệm một nhân viên OSS mà viên lãnh sự đòi trả về về tội không quan tâm đến công vụ trong lãnh sự quán.

Bộ tư lệnh đồng minh cần một hoa tiêu địa phương để hướng dẫn đoàn tàu đổ bộ. OSS bèn bố trí cho hoa tiêu Malverne xuất lậu. Xuất lậu ⁹⁴ theo ngữ vựng điệp báo là bí mật đưa một nhân viên ra khỏi vùng địch. Hai nhân viên lãnh sự Mỹ giấu Malverne trong rò-mọt, giữa bi đông đựng ét-xăng, vượt qua các đồn kiểm soát Pháp và Tây ban nha từ Casablanca (Maroc) đến thành phố quốc tế Tanger. Nhờ một nhân viên nhanh trí, vuốt ve con bẹt-giê của viên trưởng đồn nên Malverne thoát nạn.

Tướng Eisenhower, tổng tư lệnh đồng minh, gửi một phái bộ cao cấp đến Bắc Phi thương thuyết chi tiết với quân đội Pháp. Địa điểm gặp gỡ là một cái trại dọc

94 Danh từ chuyên môn là exfiltration.

bờ biển cách Alger 100 cây số. Tướng Mast (Pháp) và Murphy đến nơi hẹn ngày 20-10. Ban đêm, một ngọn đèn được thắp ở cửa sổ nhìn ra biển làm hiệu. Song đêm ấy phái đoàn không đến. Hôm sau, phái đoàn phải về Alger.

Đêm sau, tướng Mark Clark, và tướng Lemnitzer đáp tàu ngầm tới. Tướng Mast yêu cầu đồng minh hoãn cuộc đổ bộ 6 tuần lễ để kịp sửa soạn. Lực lượng đồng minh đã lên đường, song tướng Clark không thể tiết lộ, mà chỉ ừ ào cho xong chuyện. Trong khi các tướng lãnh nhóm họp, lực lượng an ninh thân Đức ập tới, tướng Clark phải núp dưới hầm. Nhân viên dân sự còn lại mang rượu ra uống và đánh bài. Murphy ra lệnh cho một sĩ quan ra ngoài nói với đội an ninh rằng một nhà ngoại giao Mỹ buôn rượu lậu thuế đang bù khú với gái trong trại. Sợ gây ra rắc rối ngoại giao, đội an ninh rút đi.

4 giờ sáng, sau ba lần thất bại, xuống cao su được đẩy xuống biển, phái đoàn Clark ướt như chuột lột. Tuy nhiên, sứ mạng đã thành công : trong số 109.000 binh sĩ đổ bộ, chỉ có 900 thiệt mạng. Nếu quân đội Pháp chống lại, số thương vong còn tăng lên nhiều. Chỉ có một thất bại nhỏ : bộ tư lệnh Pháp ở Oran không chịu gia nhập phe đồng minh.

28) Kế Hoạch Ruth : Gián Điệp Thủ Tướng

Danh từ gián điệp thường làm dư luận liên tưởng đến OSS, 117, 007, Z.28... nghĩa là những chàng trai khôi ngô, đệ tam đẳng nhu đạo trở lên, bắn súng hơn cao bồi Tây-Mỹ, uống rượu như hũ chìm, có biệt tài chinh phục đàn bà đẹp. Hoặc ít ra là những người bí mật, cải trang tài tình, chuyên hoạt động ban đêm trong bóng tối.

Quan niệm này không hẳn sai lầm, song không đúng với thực tế. Harry Gold, điệp viên Sô viết, can tội đánh cắp bí mật nguyên tử của Mỹ, nói rằng gián điệp là «một nghề mệt mỏi, buồn tẻ và bạc bẽo, và nếu ai tìm thấy sự thích thú và quyến rũ trong hoạt động gián điệp, tôi sẽ khuyên họ đừng mơ mộng hão huyền. Không có việc gì buồn hơn và chán hơn nghề gián điệp».

Theo thời gian, quan niệm về gián điệp đã thay đổi. Tuy nhiên, hiện nay dư luận còn cho rằng gián điệp là những kẻ phiêu lưu thiếu đạo đức chỉ thích tiền, hoặc những kẻ cuồng trí, coi thường cái chết vì không thích sống nữa.

Quan niệm này hoàn toàn lệch lạc. Lịch sử đã chứng tỏ trong hàng ngũ gián điệp có nhiều nhân vật đạo mạo,

trói gà không chặt. Thế chiến vừa qua còn mang lại một dẫn chứng ly kỳ hơn nữa : thủ tướng làm gián điệp. Và đây là sự hợp tác giữa thủ tướng Thái Lan Luang Pradit và OSS. Ngày nay, Thái Lan thân Mỹ rõ rệt, nhưng trong thế chiến thứ hai, tình hình khác hẳn. Quân đội Nhật chinh phục Thái dễ dàng, và Thái chính thức tuyên chiến với Anh-Mỹ.

Tuy nhiên, OSS tin rằng người Thái miễn cưỡng phải hợp tác với quân đội Thiên hoàng. Thái là một khu vực chiến lược quan trọng nằm giữa Trung hoa và Tân gia ba. Mất Thái, Nhật sẽ không kiểm soát được Nam Á. OSS bèn quyết định liên lạc với phong trào kháng chiến ở Thái.

Đầu năm 1943, dịp may xảy ra : 2 người Thái, tên là Sanguan Tularak và Daeng Tilaka, vượt núi rừng hiểm trở sang Trung hoa, liên lạc với OSS, tự nhận là đại diện cho phong trào kháng Nhật Thái lan, mà lãnh tụ tối cao là Luang Pradit, thủ tướng. Sự tiết lộ này, làm OSS giật mình, vì trên thế giới chưa có thủ tướng nào vừa liên kết công khai với Nhật, lại vừa bí mật lãnh đạo kháng chiến chống Nhật.

Tularak và Tilaka được đưa sang Mỹ. Hồi ấy, tại Mỹ, OSS liên lạc với Seni Pramroj, nguyên đại sứ Thái. Với đại tá Karb Kunjara, nguyên tùy viên quân sự, Pramroj

thành lập một phong trào Thái tự do. Sinh viên Thái gia nhập đông đảo, và được OSS huấn luyện. Thiếu tá Nichol Smith được đặc phái qua Thái, với đơn vị Thái tự do đầu tiên để hoạt động tình báo.

Smith là một người thấp nhỏ, khả ái, thích hợp với Đông phương. Phần lớn số tiền nửa triệu đô-la do lãnh sự quán Thái ở Hoa thịnh đến đưa cho OSS được trao tận tay Smith, để mang sang Thái, với 21 nhân viên gián điệp Thái. Mùa xuân 1943, Smith lên đường.

Sau đó, 9 người Thái tự do từ Trung hoa trở về nước bằng đường rừng, trong số có 2 bị giết dọc biên giới. Cảnh sát Thái tổng giam 7 người sống sót, vì họ chưa từng nghe nói tới quân đội Thái tự do.

Tháng 8-1944, OSS chở 2 người Thái, bí danh Ben và Wuman tới bờ biển bằng tiềm thủy đình, song bị thất bại, vì sóng lớn, xuồng nhỏ không thể ghé bờ. Đầu tháng 10, họ được thả dù. Lần này, họ cũng gặp rủi ro : điện đài, giây liên lạc duy nhất của họ với OSS, bị mất trong khi đáp xuống. Tuy nhiên, Ben đã về tới Vọng các, và hội kiến với thủ tướng Luang Pradit.

Ruth là bí danh mà OSS đặt cho thủ tướng Pradit để giữ bí mật. Đến nay, người ta không hiểu sao OSS lại chọn tên đàn bà, và bộ Ngoại giao Mỹ đã chấp thuận.

Có lẽ nhân viên OSS nhận thấy Thái là xứ có nhiều phụ nữ đẹp. Cổ của phụ nữ Thái được coi là đẹp nhất thế giới.

Trong văn thư ngoại giao chính thức giữa Anh và Mỹ, danh từ Ruth được nhắc đến luôn, Ruth lên làm thủ tướng thay ông Pabul Songgram, một nhân vật thân Nhật, dọn đường cho quân đội Phù Tang vào Thái. Từ phút đầu, Ruth bị Nhật nghi ngờ, song chưa tìm ra chứng cứ....

Một trong những yêu cầu đầu tiên của Ruth là OSS gửi sĩ quan Mỹ tới Vọng các đích thân nghiên cứu tình hình, và đặt một phái bộ liên lạc thường trực giữa Mỹ và Thái. Việc này chẳng dễ gì : 50.000 binh sĩ Nhật đồn trú trên đất Thái, phần lớn tập trung tại thủ đô Vọng các, mặt khác, sự hiện diện của những người Tây phương mũi lõ da trắng ở Á châu giữa thời Nhật bản làm bá chủ là một cuộc phiêu lưu nguy hiểm,

Richard Greenlee, luật sư trẻ tuổi, nhân viên OSS từ 1944, được đề cử. Tuy đã tham gia đoàn biệt kích 101 tại Miến điện, Greenlee chưa tới Thái, và biết rất ít về Viễn đông. Cùng đi là thiếu tá John Wester, nói giỏi tiếng Thái. Từ 1924 đến 1941, Wester là kỹ sư và kỹ nghệ gia tại Thái. Khi quân đội Nhật tràn tới, ông bị giam một thời gian rồi được hồi hương. Ông được đưa

vào OSS, rồi tình nguyện trở lại Vọng các.

Tháng 1-1945, nhà luật sư dân sự và nhà kỹ sư mặc binh phục đáp máy bay của không quân hoàng gia Anh tới vịnh Thái lan. Chiếc thủy phi cơ hạ xuống biển bình yên, và phái bộ OSS về Vọng các trên một gang đĩnh của quan thuế. Phái bộ OSS được đón tiếp nồng hậu trước mũi người Nhật. Sau khi thu thập tin tức quan trọng, Greenlee về Mỹ, mang theo một văn thư riêng của Ruth, cùng 2 hộp đựng thuốc lá bằng vàng, quà của Ruth biếu Tổng thống Roosevelt và giám đốc OSS Donovan.

Nhân viên OSS lần lượt được gửi sang Thái Nichol Smith cũng có mặt ở Vọng các một thời gian, Đại úy Howard Palmer là nhân viên OSS thứ ba sau Greenlee và Wester, hoạt động công khai tại thủ đô Thái. Một hôm Palmer thay đổi trụ sở vì quân đội Nhật nghi ngờ. Sau bữa ăn từ biệt thịnh soạn, nhân viên OSS lên xe cùng một đại tá Thái. Dọc đường, kèn xe bị kẹt, kêu ầm ỹ, may thay người Nhật không biết.

Bầu không khí khẩn trương giữa người Nhật và người Thái làm cho vai trò của Ruth trở nên khó khăn. Ruth đề nghị rút khỏi chính quyền, vào bí mật để lãnh đạo kháng chiến, song OSS thuyết phục ở lại. Ruth và Luang Adul Aduldeckarat, tổng giám đốc Cảnh sát, bí

danh Belty - cũng là tên đàn bà - sống trong mối đe dọa bị ám sát thường trực. Quân đội Nhật chiếm đóng Đông dương, và sửa soạn chiếm đóng Thái. Trên thực tế, lệnh hành quân được ban hành nhưng giờ chót được hủy bỏ. khiến một sĩ quan Thái bị Nhật lừa giết ở biên giới, vì lệnh hủy bỏ tấn công không đến kịp căn cứ xa xôi này.

Sự ngờ vực Thái-Nhật tăng gia đến mức trong các cuộc tiếp tân chính thức các sĩ quan Thái đều phòng vệ cẩn mật, đề phòng bị phục kích. Tại một dạ tiệc, một tướng lãnh Nhật đứng dậy, cho tay vào túi rút bài diễn văn ra đọc. Tướng vị tướng Nhật rút súng, các quan khách Thái đều rút súng tự vệ.

Với sự cộng tác nghiêm chỉnh và đặc lực của Ruth và Betty, OSS đặt được một mạng lưới tình báo rộng rãi trên đất Thái, báo cáo mọi sự chuyển quân của đối phương cho không quân đồng minh oanh tạc, Phi công Anh-Mỹ bị bắn hạ được phe kháng chiến bí mật đưa tới khu an toàn. Chuẩn bị cho cuộc tổng phản công, OSS thiết lập 12 căn cứ du kích chiến. 175 tấn vũ khí và đạn dược được OSS thả dù xuống trong tháng 5-1945. Trong những ngày cuối cùng, 5 phi cơ thả dù ban đêm.

Bộ tư lệnh Nhật tăng cường hoạt động phản gián : tính mạng Ruth biến thành sợi chỉ mảnh treo chuông. Nếu bom nguyên tử không thả xuống Trường kỳ, Quang đảo.

Nhật không đầu hàng vô điều kiện, thì quân đội Thiên hoàng đã hành động trên đất Thái, hoặc kháng chiến quân của Ruth cũng phải ra tay trước. Nhưng cuộc đụng độ Thái Nhật không xảy ra. Đại chiến thứ hai chấm dứt, Và công đầu của trận chiến thắng hòa bình này là của Ruth, vị thủ tướng thân Nhật và thân OSS.

29) Đạo Tặc Trở Thành Anh Hùng Giải Điệp

Khi tướng Donovan tổ chức OSS, và kết nạp những cộng sự viên chưa có kinh nghiệm điệp báo, phần nhiều là tư nhân sinh sống tự do như luật sư, công kỹ nghệ gia, nhiều người đỉnh ninh OSS sẽ thất bại. Cuộc hành quân Ruth ở Thái Lan đã chứng tỏ quan niệm này sai lầm. Thật vậy, điệp báo là một nghề lạ lùng. Có lẽ đó là nghề nhiều tương phản, và nhiều cực đoan nhất.

Trong số các phụ tá đặc lực của Robert Murphy trong kế hoạch Bó đuốc, đưa quân đội đồng minh lên Bắc Phi, người ta nhận thấy một nhà thầu khoán, một nhà doanh nghiệp, một chuyên viên tìm mỏ dầu, một người chạy hàng côca cola, hai chuyên viên ngân hàng, một luật sư trẻ, một nhà quảng cáo, một nhà buôn rượu vang, một chuyên viên thư viện, một nhà nhân chủng học, và một... tay giang hồ...Đoàn người tứ chiếng này đã bảo đảm thành công cho kế hoạch Bó đuốc.

OSS - Office of Strategic Services - sở Quân báo, là một tổ chức được khai sinh trong thế chiến thứ hai, mở đầu với 35 nhân viên, và giải tán với trên 12.000. Nếu CIA là Alen Dulles thì OSS là Donovan. Năm 1940 tổng thống Roosevelt cử Donovan qua Âu châu quan

sát tình hình. Tháng 7-1941, tổng thống thiết lập COI - ủy ban điều hợp tin tức - đặt dưới quyền Donovan. Khi ấy, Hoa kỳ chưa có cơ quan điệp báo duy nhất, mỗi bộ, mỗi nha đều có cơ quan riêng, mặt khác Hoa kỳ là nước tự do nên rất ghét bí mật và ghét nhất nghề điệp báo. Điều khiển COI, tướng Donovan đã tập trung làm một 8 cơ quan tình báo riêng của hải quân, không quân, lục quân, cảnh sát liên bang FBI, bộ Nội vụ, bộ Thương mại và Nông nghiệp, và bộ Chiến tranh. Dĩ nhiên, mọi người không tin vào OSS, một tổ chức gồm toàn gián điệp... tài tử. Sở dĩ ông thành công là nhờ tài tổ chức phi thường, và cũng nhờ sự ủng hộ cương quyết của Tổng thống Roosevelt mà ông là bạn.

Biệt tài của Donovan là biết chọn người. Đứng đầu một nha gồm 900 nhân viên, với ngân sách một triệu đô-la là một nhân vật mê sân khấu như mê nhân tình. Hồi ấy, Hoa thịnh đốn là thủ đô chính trị, hoạt động ca kịch hầu như không có, 900 nhân viên đột ngột được dọn về Nữ ước thành phố ca kịch. Song ông không hề phàn nàn. Vì ông nghĩ rằng chiến tranh là chuyện bất thường, phải dùng những người bất thường, và áp dụng phương pháp bất thường.

Thành lập nha Tuyên truyền Hải ngoại, ông nghĩ đến soạn giả Robert Sherwood. Nha Tuyên truyền sau đó

tách khỏi OSS, trở thành Cục Tin tức Chiến tranh, OWI⁹⁵. Việc phân tích tin tức được Donovan giao cho một chuyên viên thư khố ở Quốc hội, với sự cộng tác của các giáo sư đại học.

Nhìn bản danh sách nhân viên OSS, ai cũng giật mình, nếu không cười vỡ bụng : một cầu thủ bóng nước, có họ với thủ tướng Anh Churchill, một nhà quán quân phi hành, một hiệu trưởng trung học, một cầu thủ bóng tròn, con cưng một nhà triệu phú. chủ nhân một dãy nhà hàng bách hóa, một tay bắn thú đại tài, chủ nhân một tờ báo ở Nữ ưc, viên tư lệnh chí nguyện quân thiên tả trong nội chiến Tây ban nha biến thành binh nhì trong quân đội Mỹ, một đô kê, một nhà dạy hỏ, một giáo sư sử ký, một nhà nữ truyền giáo ở Thái, một tướng lãnh phục vụ dưới thời Nga hoàng, một phụ nữ nhảy dù xuống vùng địch với một chân gỗ, một đại úy ngũ tuần, tóc bạc phơ nhảy dù xuống đất Pháp, và một sĩ quan Pháp khác 63 tuổi xung phong vào vùng địch...

Dĩ nhiên, Donovan không tránh khỏi khuyết điểm. Song những khuyết điểm trong OSS đều đượm màu thi vị. Một sĩ quan Pháp phục vụ trong OSS, nhảy dù xuống đất Pháp, một thời gian trước cuộc đổ bộ. Tướng Eisenhower tổng tư lệnh đồng minh muốn gắn huy

95 Office of War Information.

chương cho sĩ quan này. Theo nội quy, phải biết tiếng Anh mới được nhập ngũ ở Hoa kỳ. Viên sĩ quan OSS lại chẳng biết tiếng Anh nào hết. Tổng hành doanh OSS ở Luân đôn phải nhốt viên sĩ quan có điểm phúc kia ba ngày liền trong khách sạn để tập nói vài câu tiếng Anh, chào hỏi tướng Eisenhower.

Trong những tháng cuối cùng của thế chiến, OSS đã có nhiều nhân viên kỳ dị, OSS cần căn cước giả, một đại bộm chuyên làm giấy tờ giả đã lo liệu đầy đủ. OSS cần dạy cách đào tường khoét vách cho điệp viên hoạt động ở hậu địch, tại tổng hành doanh đã có một bậc thầy cừ khôi, có nhiều tiền án về mở trộm tủ sắt.

Thật ra, không riêng OSS, mọi cơ quan điệp báo trên thế giới đều dùng những nhân viên tương tự. Trong thế chiến thứ hai, một tội phạm sống bằng nghề mở kết sắt đã trở thành anh hùng gián điệp. Đặc điểm của giai thoại này là cả Anh và Đức đều đặt tin tưởng vào gã đạo tặc. Gã là người Anh, làm gián điệp cho Đức. Nhưng tâm hồn của gã đã hướng về tổ quốc, dầu gã bị tòa án Anh kết tội.

Tên gã là Eddie Chapman. Đúng ra phải gọi Chapman là ông. Vì Chapman đã đóng góp phần lớn vào sự thành công của IS trong việc phỉnh gạt Đức quốc xã.

Tiểu sử của Chapman là một chuỗi dài bất tận của những phiên tòa, những cuộc rượt bắt, và những tháng dài giằng dặc trong nhà giam. Trước khi được làm anh hùng gián điệp, Chapman đã là hắc thần tội lỗi, với 47 vụ mở két sắt, và là con mồi nguy hiểm số một của cảnh sát Anh quốc.

Y bị lên án khiếm diện 20 năm tù tại Luân đôn về tội trộm nên y phải trốn tới đảo Jersey. Tại đây, y bị bắt trong một vụ mở két và lãnh án 3 năm tù. Quân đội quốc xã chiếm đóng đảo Jersey, Chapman được trả tự do, và xin gia nhập mật vụ Đức.

Phản gián Đức không lạ gì y vì từ nhiều năm y cầm đầu đảng Geglinite, chuyên ăn hàng tại Anh quốc. Geglinite là một loại thuốc nổ cực mạnh. Đảng cướp của y dùng chất nổ này để phá tủ két.

Một đại tá Đức hỏi y :

- Anh xin gia nhập tình báo Đức làm gì ?

Y nhún vai:

- Tiền. Tôi cần tiền. Và thù. Tôi cần trả thù những kẻ đã giam giữ và hành hạ tôi.

Đạo tặc là hạng người cần thiết của cơ quan gián điệp. Đạo tặc Chapman càng cần thiết hơn, vì y có tài, y có đàn em trên đất Anh, y lại không thể bắt tay với cảnh sát Anh. Đại tá Von Grunen đưa y vào tổ chức, và huấn luyện y về kỹ thuật. Sự gia nhập của Chapman được tướng Stulpnagel chấp thuận. Phản gián Đức cũng đặt hết tin tưởng vào ông vua phá két.

Chapman được dạy cách xử dụng điện đài, viết mực bí mật, và chế tạo bom đặc biệt, có thể giấu trong bút chì, trong cục than. Huấn luyện xong y được thả dù xuống Anh quốc để phá hoại nhà máy chế tạo phi cơ oanh tạc Mosquito của công ty de Havilland. Chapman sẽ được thưởng 10 ngàn Anh kim, nghĩa là trên 2 triệu đồng Việt nam. Rời phi cơ, nhảy xuống ngoại ô Luân đôn, y mang theo 1 ngàn Anh kim để chi phí, và 27 kilô dụng cụ gồm máy ảnh, điện đài và chất nổ đặc biệt.

Người ta không biết y phục vụ cho phản gián Anh từ khi nào. Từ khi y nằm trong khám hay sau khi y đáp xuống quê hương, đầu thú để lấy công chuộc tội. Phản gián Anh chưa hề nói rõ điểm này. Chỉ biết rằng sau khi tới Anh bằng phi cơ riêng, giữa lưới đạn cao xạ, Chapman gọi điện thoại cho bộ Chiến Tranh.

Và y tiếp xúc với Phản gián MI-6. Để đánh lừa Đức, Phản gián xây một tòa nhà gần nhà máy de Havilland, rồi nổ bom phá hủy. Trong thời gian này, Chapman truyền tin về Đức, dĩ nhiên theo lệnh của Phản gián MI-6.

Đức quốc xã khen ngợi y, song ra lệnh cho y trở về cấp tốc qua đường Bồ đào nha. Có thể Đức nghi ngờ, gọi y về giết. Song cũng có thể gọi về giao công tác mới. Không còn cách nào khác ngoài cách trở về, đưa đầu vào miệng cọp. Với sự đồng ý và khuyến cáo của MI-6, y lên đường.

Tại Bá Linh, y được tiếp đón linh đình. Tuy nhiên, y phải viết đi viết lại bản báo cáo hàng chục lần vì mật vụ quốc xã chưa hoàn toàn tin cậy. Mặc dầu y được thưởng huy chương Chữ Thập Sắt, huy chương vinh dự của quân đội quốc xã, được nhận làm công dân Đức, được vinh thăng sĩ quan trong quân đội, và được tiền thưởng, phản gián Đức vẫn theo y như bóng với hình.

Một thời gian sau, y được thả xuống Anh để lấy tin tức về một dụng cụ điện tử quan hệ mà đồng minh dùng để khám phá tiềm thủy đình quốc xã. Y đòi 50.000 Anh kim, nghĩa là gấp 5 số tiền thưởng lần trước. Mật vụ Đức đành bấm bụng ưng thuận. Tới Luân đôn, y lại tiếp xúc với MI-6. Nhờ y báo cáo tin tức sai lầm về Bá linh

nên bom bay V-2 không rơi vào các vị trí quân sự trên đất Anh.

Không hiểu vì bị lộ, hay vì MI-6 giữ lại mà y không trở về Bá linh nữa, Y quay lại đời sống giang hồ, khi hòa bình được tái lập, hồ sơ đầy rẫy án tù của y được xóa bỏ. Sự đời oái oăm, dư luận Anh quốc không biết gì về anh hùng Chauman. Có người biết chuyện lại cho y là tên lưu manh, ham tiền làm gián điệp cho kẻ thù quốc xã.

Cực chẳng đã, y phải lên tiếng. Nhưng v vừa hé miệng với báo chí thì bộ Chiến tranh lôi y ra tòa, phạt 50 Anh kim về tội vi phạm luật Bảo mật. Y đành nín khe lần nữa. Năm 1948, lần đầu tiên chính phủ Anh bênh vực đạo tặc Chapman một cách gián tiếp. Ngựa quay đường cũ, hồi ấy y ra tòa về tội buôn bạc lậu. Trước vành móng ngựa, một nhân vật chính phủ tuyên bố rằng «Chapman là một trong những công dân can đảm nhất phục vụ trong thế chiến thứ hai».

30) Gián điệp Tu Sĩ

Điệp báo là nghề nghiệp cực đoan và lạ lùng, thì đạo tặc làm gián điệp cũng như tu sĩ làm gián điệp là chuyện dĩ nhiên. Trên thực tế, trong đại chiến thứ hai nhiều tu sĩ Phật giáo và Thiên chúa giáo đã hợp tác với tình báo đồng minh, đánh bại lực lượng xâm lược.

Âu châu là thành trì của đạo Thiên chúa. Vì chủ nghĩa quốc xã chống đạo Thiên chúa, nên tòa Thánh Vatican đã phản ứng mạnh mẽ. Ngày 28-0-1939, đức Giáo hoàng Piô XII lên án chủ nghĩa phát xít, và ra lệnh cho tín đồ ở Âu châu làm sáng danh Chúa bằng cách giúp đỡ mọi người, không phân biệt chủng tộc. Đó là lời tuyên chiến với Hitler vì Hitler chủ trương tàn sát người Do Thái. Ngày 22-1-1940, tòa Thánh ra giáo lệnh, đặt 330.000 tín đồ công giáo vào tình trạng chống chủ nghĩa quốc xã.

Lệnh của tòa Thánh mở đường cho các tu sĩ và tín đồ gia nhập phong trào kháng chiến do tình báo Anh-Mỹ tổ chức trong vùng tạm chiếm. Ngày 11-8-1941, đức Hồng y Van Roey, tuyên bố tại Bỉ như sau :

«Người công giáo hợp tác vào sự thiết lập chế độ độc tài là sai lầm. Ngược lại, họ có bốn phần hợp tác với những ai chống lại độc tài. Họ không được hợp tác với những ai muốn thiết lập chế độ độc tài tại Bỉ».

Linh mục ở Bỉ, Hòa Lan và Pháp đều gia nhập kháng chiến. Cuối năm 1940, đồng minh bị thất trận, tàu bè và binh sĩ rút về Anh quốc, nếu không có sự hợp tác phi thường của tu sĩ nam nữ một phần của lực lượng thoát liệt đã bị Đức quốc tiêu diệt.

Một trong các hoạt động đặc lực và quan trọng của tình báo đồng minh là tổ chức một đường giây thoát thân từ Bỉ, Hòa lan, qua Pháp tới Thụy sĩ và Tây ban nha. Đường giây sinh tử này do giới tu sĩ phụ trách đã cứu hàng vạn người Do thái và chiến sĩ đồng minh.

Tướng Von Falkenhausen tuyên bố những ai phá hoại hoạt động của quân đội Đức sẽ bị hành quyết. Mặt khác, người Do thái ở Bỉ bị bắt hàng loạt đưa sang Đức để hạ sát. Linh mục Gallemaerts hội ý với đức Hồng y Van Roey trước khi triệu tập các tu sĩ ở Anvers và vùng phụ cận lại bàn bạc về việc lập đường giây thoát thân cho các phần tử chống quốc xã. Đức Hồng y trình lên Tòa Thánh. Người ta không biết đức Giáo hoàng phúc đáp ra sao, tuy nhiên, căn cứ vào sự bành trướng của đường giây này trong suốt thế chiến, người ta có thể kết luận

là tòa Thánh đã chấp thuận.

Nhiều tu sĩ nam nữ cải trang làm thường dân đi khắp Âu châu để tổ chức các trạm tiếp đón. Linh mục Gallemaerts, chỉ huy đường giây ở Bỉ, có sẵn hàng ngàn tấm ảnh nhân viên mật vụ Đức. Những tấm ảnh này được in lại, và gửi cho phản gián MI-6, kháng chiến Hòa lan, kháng chiến Pháp, và các trạm tiếp đón dọc đường giây. Mỗi khi mang người đi trốn, nhân viên của linh mục Gallemaerts phải mở tập ảnh ra nghiên cứu, đề phòng Đức cho tay sai trà trộn. Dì phước Isabella là một trong các cộng sự viên đặc lực của cha Gallemaerts.

Những người đi trốn được giấu trong nhà thờ, và dùng căn cước giả do kháng chiến cung cấp. Từ thủ đô Bỉ Bruxelles, họ được dẫn qua biên giới Pháp, vào nhà thờ Nancy, dưới sự bảo trợ của linh mục Lechevallier. Các linh mục Pháp chịu trách nhiệm đường giây trên đất Pháp. Vượt biên giới phía nam, những người đi trốn được giao cho các linh mục Tây ban nha.

Đường giây hoạt động rất kín đáo nên Phản gián Đức không thể tìm ra. Cha Gallemaerts không chết trong nhà tù quốc xã, song đã chết dưới đạn quốc xã. Năm 1943, đang đi trong đường phố Anvers, cha Gallenaerts gặp 3 thanh niên bị mật vụ đuổi bắt. Một thanh niên trúng đạn ngã xuống và tắt thở. Cha cúi xuống làm phép. Vì

ban phép cho thanh niên này mà cha lãnh một phát đạn vào óc.

Linh mục Lamiorog ở Bỉ cũng chống Đức mãnh liệt. Tên phản quốc Joric van Severen bị hạ sát ở Abbeville, cha Lamioroy từ chối không làm phép cho y. Cha Lamioroy nói rằng «Severen phản bội tổ quốc và Giáo hội, vì theo chủ nghĩa quốc xã, Giáo hội không thể ban phép cho y».

Đức Hồng y Van Roey, tuy bị dọa giết, vẫn ra lệnh cho các linh mục lên tòa giảng ngày chủ nhật đọc tin tức của đồng minh do đài BBC truyền đi, và bị Đức cấm nghe. Leon Degrelle, thủ lãnh phe thân Đức ở Bỉ tuyên bố rằng Đức sẽ thất trận trừ phi các linh mục bị đem bắn hoặc giam giữ.

Hitler cũng nói : nếu chúng ta đập tan Vatican, chúng ta sẽ thắng trận. Vì vậy, Hitler dự định oanh tạc tòa Thánh.

Vai trò của tòa Thành đã được cố thủ tướng Anh Churchill tóm tắt trong câu nói bất hủ : Hitler phạm một số lỗi lầm, song ngày ông tấn công tòa thánh Vatican là ngày ông tự ký bản án tử hình...

31) Gián điệp Bồi Phòng

Nhiều khi tin tức quý giá thu lượm được nhờ gián điệp núp dưới cửa sổ, hoặc rình cơ hội thuận tiện ở khuỷu hành lang.

William Le Queux.

Le Queux nói đúng : Nghề gia nhân - nghề tầm thường nhất, một trong những nghề thấp nhất trong bậc thang xã hội - lại là nghề thích hợp với công tác điệp báo. Ngày nay, các cơ quan điệp báo - đặc biệt là GRU, KGB - đều dành mỗi quan tâm cho việc huấn luyện điệp viên làm «bồi phòng», «hầu gái»... Lịch sử đã xác nhận rằng bồi phòng góp phần quan trọng vào cuộc chiến tranh gián điệp.

Tuy nhiên, gián điệp bồi phòng từ cổ chí kim chưa ai bằng Elyesa Bazna. Mặc dầu là bồi phòng, Bazna được giới tình báo đông-tây coi là một trong các điệp viên đặc lực và lỗi lạc nhất trong thế chiến thứ hai.

Bồi phòng cho ông đại sứ Anh tại Ankara - thủ đô nước Thổ trung lập, nơi gặp gỡ của gián điệp đồng minh và quốc xã - cần tiền để tiêu xài vương giả, có biệt tài về nhiếp ảnh, Bazna lợi dụng nếp sống đều đặn như kim đồng hồ của ông đại sứ để lén mở két sắt đựng tài liệu

mật và chụp hình, bán cho sứ quán Đức quốc xã.

Bazna thân nhiên mang những cuộn phim chụp được tới gặp nhân viên tình báo Đức L.C. Movzisch. Ngay khi ấy, đại sứ Von Papen điện về Ngoại trưởng Ribbentrop ở Bá linh. Bức điện tới mật này như sau :

«Một nhân viên sử quân Anh, tự xưng là bồi phòng của ông đại sứ Anh tới yêu cầu bán phim ảnh tài liệu tới mật nguyên bản, giao lần thử nhất ngày 30-10-1943, đòi 20.000 Anh kim, trả bằng bạc giấy. Mỗi cuộn phim sau này sẽ phải trả 15.000 Anh kim. Xin cho biết tôn ý là chấp thuận hay từ chối. Nếu chấp thuận, xin gửi tiền bằng nhân viên giao liên đặc biệt tới Ankara trước ngày 30-10. Tên hồi này được ông đệ nhất tham vụ dùng cách đây nhiều năm, ngoài ra không biết gì thêm về y.

Ký tên : Papen.

Với ngòi bút màu lục - màu dành riêng cho đại sứ - Von Papen đã đưa vụ Cicéron vào lịch sử điệp báo quốc tế. Cicéron là bí danh được Bá linh đặt cho Bazna. Từ bao năm nay, chưa gián điệp nào đòi nhiều tiền hơn Cicéron. 5 triệu bạc cuộn phim đầu tiên, 3 triệu rưỡi, mỗi cuộn sau ! Tuy nhiên, nếu Hitler biết khai thác những cuộn phim vô tiền khoáng hậu của Cicéron, có lẽ thế cuộc đã xoay chiều. Vì Cicéron đã cung cấp những

tin tối mật khả dĩ mang phần thắng lợi cho Đức quốc xã. Mọi kế hoạch bí mật, kể cả vụ đồ bộ quyết định vào đất Pháp, đều được Ciceron chụp lại.

Những tài liệu do Ciceron cung cấp quả đúng, và quả thật (dĩ nhiên, là thật trăm phần trăm), nên Bá linh không tin. Tuy nhiên, Bá linh vẫn ra lệnh cho sứ quán Ankara tiếp tục mua tài liệu. Đến khi bắt đầu tin thì đã muộn. Tháng 12-1943, trong cuộn phim của Ciceron, có biên bản một cuộc họp tối mật của bộ tham mưu đồng minh tại Téhéran, dự định oanh tạc nặng nề các thủ đô quốc gia ban-kăng của phe Trục, như Hung gia Lợi, Lỗ ma ni và Bảo gia Lợi. Mục phiêu dội bom thứ nhất là Sofia, thủ đô Bảo và ngày oanh tạc là 14-1-1944. Nghĩa là Bá linh được biết trước 2 tuần lễ. Bá linh báo cho Noyzisch biết là nếu cuộc oanh tạc xảy ra đúng ngày đã định, tài liệu của Ciceron mới là tài liệu thật.

Sáng 15-1-44. Moyzisch gọi điện thoại cho sứ quán Đức tại Sofia, và được tin phi công đồng minh vừa biến Sofia thành biển lửa. 4.000 người Bảo, phần lớn là đàn bà và trẻ con, bị thiệt mạng, vì ngoại trưởng Đức Ribbeatrop và trùm mật vụ Kallenbrunner không chịu báo trước cho Bảo để đề phòng.

Việc gì cũng đến lúc hết : vụ Cicéron đã lọt vào tai Phản gián đồng minh. Allen Dulles, đại diện OSS tại Berne, nghe tin về Cicéron qua mạng lưới tình báo tại Đức. Một trong những cộng sự viên của Dulles là cố vấn sứ quán Đức Kolbe, thân cận với Ngoại trưởng quốc xã Ribbentrop. Kolbe đến gặp Dulles dưới tên giả là George Wood. Kolbe còn nói với Dulles rằng Cicéron ở trong sứ quán Anh quốc tại Ankara. Tình báo Mỹ bàn giao nội vụ cho George H. Earle, một chuyên viên về vùng ban-kăng. Earle, bạn thân của tổng thống Roosevelt, Thống đốc tiểu bang Pennsylvanie, đại sứ tại Vienne, và Sofia, tùy viên quân sự tại Istanboul, nghĩ cách đưa người vào sứ quán Đức tại Ankara để khám phá sự thật.

Và Mỹ đã đưa nổi một thiếu nữ, Cornelia Kapp, vào làm thư ký riêng cho Moyzisch. Cornelia phăng ra Cicéron, song chưa biết rõ Cicéron là ai thì nàng phải trốn khỏi tòa đại sứ Đức. Động ồ, Cicéron xin thôi chức... bồi phòng và rút vào bí mật. Trước sau, Cicéron nhận của Moyzisch 300 ngàn Anh kim, tính theo hối xuất hối ấy là trên một triệu đô la. Hầu hết đều là bạc giả do Hitler chế tạo. Có lẽ không kể số tiền đầu tiên. Đáng lẽ thành triệu phú, Cicéron sạt nghiệp. Ngày 7-11-1951, nghĩa là 17 năm sau vụ Cicéron, Cicéron bằng xương bằng thịt xuất hiện tại Munich, mở cuộc họp báo và nói

với các ký giả Đức rằng phân nửa số 300.000 Anh kim là bạc giả. Cho rằng bị Đức lừa, Cicéron-Bazna viết thư đòi tiền thủ tướng liên bang Tây Đức Konrad Adenauer. Bức thư dài này gồm những đoạn chính như sau :

... Tôi phục vụ trong sứ quán Đức tại Ankara, và vì thiện cảm thuần túy với chính phủ Đức, và muốn giúp đỡ, tôi vào làm việc tại sứ quán Anh ở Ankara trong thời chiến. Những dịch vụ lớn lao mà tôi cung cấp sau đó cho Đức quốc, bằng sự hy sinh cuộc sống, tự do và danh dự đã được trả bằng Anh kim giả mạo.

Một thời gian sau, bộ Ngoại giao Bonn phúc đáp «...Phúc đáp thư ông đề ngày 16-4-1954, gửi tới ông thủ tướng liên bang, chúng tôi trân trọng báo cho ông biết rằng trường hợp được nêu trong thư đang được bộ Ngoại giao cứu xét. Khi cần, bộ Ngoại giao sẽ không quên trở lại vấn đề này...

4 tháng sau, chính phủ Bonn trả lời dứt khoát như sau:

«...Bộ Ngoại giao rất tiếc là không thể ghi nhận sự khiêu nại của ông...»

Sau đại chiến, những nhân vật chính trong tấn tuồng Cicéron đều viết hồi ký, ngoại trừ Ribbentrop và

Kaltenbrunner bị tòa án quốc tế Nu remberg xử giảo. Hai cuốn hồi ký của Moyzisch và Bazna bán chạy như tôm tươi, và được dịch ra nhiều thứ tiếng. Riêng cuốn hồi ký của Moyzisch được nhiều sở điệp báo nghiên cứu. Ngày nay, vụ Ciceron còn được giảng dạy trong trường gián điệp vì đó là một vụ chứa đựng nhiều kinh nghiệm đáng kể.

Còn mỹ nhân Cornelia ? Nàng là con gái được nuôi dưỡng của một nhà ngoại giao Đức. Cha nàng giữ chức lãnh sự ở Bombay, Ấn độ, trước khi được đổi sang Mỹ làm tổng lãnh sự. Nàng sống ở Hoa kỳ từ năm 6 tuổi. Mãi đến 1941, nàng mới hồi hương. Cha nàng được cử đi Ý đại lợi, rồi Bảo gia Lợi, nơi nàng được tình báo Mỹ bí mật tiếp xúc năm 1943 để trà trộn vào sứ quán Đức ở Ankara.

Tại Sofia, nàng đã cung cấp tài liệu mật cho tình báo Mỹ. Nàng gia nhập tình báo Mỹ vì mang trong lòng mối tình đầu si mê với một thanh niên Ankara...

Mỹ. Năm 1944, chàng là sĩ quan tình báo Mỹ tại Moyzisch không thể ngờ vực Cornelia, vì cha nàng là nhà ngoại giao cao cấp được tin cậy, 2 anh ruột nàng Peter và Torard là sĩ quan Đức phục vụ tại mặt trận Xô viết, được tin cậy. Cornelia đã hoạt động dễ dàng. Sau 4

ngày, nàng đã nắm được chìa khóa tủ sắt, và tha hồ mở ra để chụp tài liệu tối mật.

Nếp sống gián điệp căng thẳng đã làm Cornelia mất trí. Dường như người yêu của nàng đã chết. Năm 1947, sống ở Mỹ, được tin cha chết, nàng mở lò ga để tự vận, may thay được cứu thoát. Nàng phải làm bồi khách sạn (cũng như Cicéron). Thời gian qua, nàng lấy chồng, một người Mỹ, và đẻ con...

George H. Earle, con người bí mật của OSS, giết giây trong vụ Cornelia, cũng lùì vào hậu trường. Earle muốn Hoa kỳ hòa với Đức - một nước Đức không có Hitler - và bớt thân thiện với Nga xô. Chủ trương của Earle ngược với chính cách của tổng thống Roosevelt. Do đó, ông mất thiện cảm với Tổng thống. Theo một bài phỏng vấn, ông cho biết là Tổng thống buộc ông từ chức tùy viên hải quân ở Ankara, để rồi Hải quân cử ông làm thống đốc tạm thời đảo Samoa, cai trị 16.000 dân bản xứ...

Hỡi ơi, điệp báo vẫn là nghề bạc bẽo. Richard Sorge và Roessler cứu Sít ta lin trong trận đại chiến thứ hai. Giờ này, họ ở đâu, ta đã biết. Nghề điệp báo là nghề không tình cảm. Vậy mà thiên hạ vẫn lao đầu vào đông đảo. Có lẽ vì họ tin vào lời nói của Baden Powell, ông

tổ hướng đạo, và cũng là điệp viên Anh quốc lỗi lạc :
Đối với kẻ chán đời, cuộc sống say mê của người gián
điệp sẽ là phương thuốc linh nghiệm nhất.

Phần thứ hai

Gián điệp, bạn làm gì ?

1)

Ngày 27-10-1943. Văn phòng đại sứ Von Papen tại Ankara. Von Papen chăm chú đọc bản phúc trình của Moyzisch về cuộc tiếp xúc đầu tiên với gã bồi phòng Bazna. Đọc xong, Papen đẩy tờ giấy ra thật xa, dường như không dám nghĩ tới nữa. Rồi ông đứng dậy, mở cửa sổ. mơ màng nhìn rặng núi xanh trên cánh đồng Thổ Nhĩ kỳ. Khởi lửa lan tràn khắp thế giới, nhưng chưa đến Thổ...

Papen hỏi Moyzisch :

- Ông nghĩ sao ?

Moyzisch đáp :

- Thưa ông đại sứ, tôi sợ là cạm bẫy. Họ có thể cung cấp cho ta một số tài liệu, trong số cả tài liệu thật, để rồi lừa ta bằng tài liệu giả...

- Theo ông, người Anh sẽ nghĩ ra sao nếu họ ở vào hoàn cảnh tương tự ?

- Thưa, chắc chắn họ sẽ nhận lời. Trong thời chiến, không quốc gia nào dám bỏ qua những đề nghị như vậy.

Đại sứ Papen đã gửi mật điện về Bá Linh xin chỉ thị, và Bá linh đã bằng lòng. Ngày 29.10, ngoại trưởng Ribbentrop phúc đáp :

«Yêu cầu chấp thuận đề nghị của tên bồi phòng của Anh, và hãy tuyệt đối thận trọng, nhân viên giao liên đặc biệt sẽ đến Ankara, hồi gần trưa 30-10. Chờ đợi phúc trình, sau khi nhận được tài liệu.

Trên đây là những giọng hồi ký của Moyzisch ⁹⁶. Ngày nay, hậu sinh bước chân vào nghề điệp báo không thể không đọc những giọng hồi ký này. Vì nó chứa đựng nguyên tắc căn bản cho nghề điệp báo : nguyên tắc lấy tin.

96 Ấn bản Anh ngữ, Operation Cicero, L.C. Moyzisth Pyramid Book, xuất bản 1958, 1965.

2) Gián Điệp Nhập Môn

Bắt đầu môn học nào, gọi là nhập môn. Bắt đầu môn điệp báo, không thể bỏ qua vụ Cicéron. Gặp tên bồi phòng, Moyzisch không thể đoán được y thành thật hay xảo trá... Ông lại nghi ngờ tình báo Anh quốc cung cấp tài liệu giả mạo. Song ông vẫn yêu cầu Bá linh chấp thuận.

Tướng Walter Schellenberg, chỉ huy trực tiếp của Moyzisch, được viên phụ tá ngoại trưởng quốc xã báo tin sáng 28-10-1943 tại Bá Linh. Sau khi suy nghĩ, Schellenberg yêu cầu Ribbentrop chấp thuận, và 20.000 bảng Anh đã được đưa bằng phi cơ tới Ankara.

Sau khi tiếp xúc với Cicéron, Moyzisch được gọi về Bá linh báo cáo. Trong hồi ký. Schellenberg. viết như sau :

«Lần đầu tiên, chúng tôi nói chuyện dài và đầy đủ, và phân tích những lý do thúc đẩy Cicéron. Khi ấy, chúng tôi chưa thể quyết định những tấm hình do Cicéron cung cấp là thật hay giả, song hai chúng tôi, Moyzisch và tôi, đều đồng ý rằng tiêu một món tiền lớn là đúng. Dầu sau này những tài liệu của Cicéron là cạm bẫy của tình báo địch, giá trị của nó vẫn không giảm bớt dưới

mắt chúng tôi, bởi vì trong nghề tình báo khám phá ra phương tiện đánh lừa của đối phương là một sự cần thiết thích thú...»⁹⁷

Xuyên qua hồi ký của Schellenberg và Moyzisch, người ta có thể đưa ra nguyên tắc căn bản sau đây : điệp báo là nghề lấy tin, bất cứ ở đâu, bất cứ lúc nào, và bất cứ tin nào. Đại tá Pawel Monat, chuyên viên do thám Ba lan, đã viết :

«...Tình báo vừa là nghệ thuật, vừa là doanh nghiệp. Là doanh nghiệp, nó buôn một thứ hàng lạ lùng. Ngay cả tin tức tình báo xuất sắc nhất cũng thường là những mảnh nhỏ, không ráp lại thành khối đầy đủ. Không mảnh nhỏ nào có thể giải đáp một vấn đề phiền phức hoặc giúp vào việc thắng trận. Tuy nhiên, từng mảnh rời lẻ loi, dầu vô nghĩa đến đâu, lại rất quan trọng. Là nghệ thuật, công tác tình báo gần giống nghệ thuật âm nhạc, thi ca và hội họa, nó cũng dùng những kỹ thuật căn bản tương tự. Phần lớn của nghệ thuật này là ráp các mảnh rời thành một khối chân thiện mỹ. Nhiều tin tức lung tung do điệp viên thu lượm trên khắp thế giới có thể được ráp nối lại ở tổng hành doanh - khác nào nét chổi họa sĩ - để biến thành một bức tranh vô cùng quý

⁹⁷ Le Chef du Contre-Espionage nazi parle, Waller Schellenberg, nhà xuất bản Julliard, 1957.

giá. Bởi vậy, đặc tính cần thiết của nhân viên tình báo là kiên nhẫn, và biết cách thu lượm những mảnh rời...⁹⁸

Tướng Aleksandr Rodionov, tùy viên quân sự sứ quán Xô viết tại Hoa thịnh đến đã ra lệnh cho Monat :

«Chúng tôi (GRU-KGB) có thể dùng mọi chi tiết. Nếu không dùng trong chiến tranh, ít ra chúng tôi có thể đưa cho các đội phá hoại. Đại tá hãy thu lượm mọi tin tức : đại tá hãy là tờ giấy thấm».

Thật vậy, công tác điệp báo phải là tờ giấy thấm, có khả năng hút mọi tin tức.

Tiểu tổ Eleuthère của kháng chiến Pháp đã mang lại một dẫn chứng hùng hồn về khả năng tình báo giấy thấm. Trong tháng 11-1943, Eleuthere gửi qua Anh quốc và Bắc Phi, nơi tọa lạc của tình báo đồng minh, hàng trăm báo cáo dày đặc chữ số, bề ngoài vô nghĩa, và vô dụng. Những chữ số này là số KBC (khu bưu chính) của quân đội chiếm đóng Đức. Danh tính của sĩ quan Đức cũng được báo cáo. Chẳng hạn, báo cáo ngày 1-2-1944 của điệp viên 215 :

... Tư lệnh trong vùng : H. Lessing. Một kẻ nghiện rượu.

98 Spy in the US, đại tá Pawel Monat và John Dille, Harper and Row xuất bản, 1961.

Điện viên 126 báo cáo ngày 28-2-1944 :

...Viên tướng chỉ huy khu vực cách đây 15 ngày đã được một đại tá thay thế.

Ngày 25-3-1944 :

... Tướng Boier là người Áo, 54 tuổi, rất đa nghi. Y thay chỗ ở luôn, nhà y không gác bên ngoài, nhưng bên trong luôn luôn có hai người gác võ trang. Y thường đi bộ...

Ngày 7-6-44, điện viên RAE.89 còn ghi số xe. và lộ trình của 10 chiến xa Cọp của Đức, chạy qua Ba lê, thậm chí còn báo cáo rằng chiến xa số 131 bị chết máy⁹⁹.

Trong nghề điệp báo, những chi tiết cón con, vô nghĩa thường thay đổi cuộc cờ. Ngày 28-3-1945, một nhân viên trung gian¹⁰⁰ của hệ thống do thám Sô Viết ở Gia nã đại, ăn cơm trưa với một nhà bác học trẻ, Durnford

99 Tiểu tổ Eleuthère do đại tá Brouillard, nhân viên Phòng Nhì Pháp chỉ huy. Đại tá Brouillard là Pierre Nord, nhà văn gián điệp nổi tiếng hiện nay ở Pháp với mấy chục tác phẩm.

100 Vì điều kiện an ninh, người ta thường đặt nhân viên trung gian, hoặc nhân viên đệm (intermediary, hoặc cut-out, danh từ chuyên môn) giữa điệp viên địa phương và sĩ quan phụ trách (case officer).

Smith. Trong bữa ăn, y hỏi Smith những tin tức mới nhất liên quan đến radar. Radar là dụng cụ điện tử phát minh trong thế chiến thứ hai được các cơ quan gián điệp quan tâm đặc biệt. Song Smith lắc đầu trả lời :

- Radar không còn quan trọng như trước nữa. Điều quan trọng nhất hiện nay là nỗ lực của Anh quốc và Gia xã đại trong công cuộc xử dụng nguyên tử năng vào mục phiêu quân sự.

Lời nói của Smith là tin tức đầu tiên của Nga sô về vụ đồng minh tây phương chế tạo bom nguyên tử. Nhân viên gián điệp trung gian báo cáo cho đại tá GRU Zaboudine, giám đốc trú sứ ở Gia nã đại. Zabouline báo cáo về Trung Tâm ¹⁰¹ cho tướng Kuznetsov. Rồi Kuznetsov trình lên Sit-ta-lin, Lập tức Trung tâm ra lệnh cho tiểu tổ Gia Đả đại đánh cắp mẫu kim khí uyranium được dùng để chế bom. Trú sứ ở Hoa kỳ có bốn phận thu lượm tin tức kỹ thuật.

101 Giới điệp báo quốc tế gọi lóng Trung ương GRU ở Mạc Tư Khoa là Trung tâm (The Center).

3) Kỹ Thuật Lấy Tin

Tin tức điệp báo có thể được thu lượm bằng nhiều cách, không nhất thiết là bí mật. Tình báo công khai thường lấy tin ¹⁰² trong báo chí, ấn phẩm, phúc trình chính phủ, vô tuyến truyền thanh và truyền hình. Đọc một cuốn tiểu thuyết, chuyên viên tình báo cũng tìm ra được tin tức cần thiết để am hiểu nội bộ một quốc gia.

Gần đây, dư luận thế giới sôi nổi về tác phẩm Bác sĩ Zhivago của văn hào Sô viết Boris Pasternak, giải thưởng Nobel. Các cơ quan điệp báo Tây phương coi Bác sĩ Zhivago là một báu vật. Cũng như cuốn Giai cấp mới của Milovan Djilas, nhà văn kiêm chính trị gia đối lập cộng sản Nam Tư, bị thống chế Tito kết án tù.

Hai tờ báo Izvestia (Tin tức) và Pravda (Sự thật) xuất bản tại Mạc tư khoa hiện được tình báo Anh-Mỹ theo dõi hàng ngày để lấy tin. Tin tức là cơ quan của chính phủ Sô viết, còn Sự thật là tiếng nói của Trung ương Đảng. Mặc dầu Nga sô đã kiểm duyệt chặt chẽ, chuyên viên Tây phương vẫn tìm ra được tin tức. Ngoài ra, các chuyên viên còn nghiên cứu bản tin hàng ngày của đài bá âm Mạc tư khoa, Bắc kinh.

102 Lấy tin, danh từ chuyên môn là collect, collection.

Hàng triệu tiếng được phát trên làn sóng điện mỗi ngày, gạn lọc tin tức điệp báo qua đài bá âm cũng khó khăn như mò kim đáy biển. Song trong quá khứ việc mò kim này đã thành công nhiều lần. Mùa thu 1961, đài bá âm Mạc tỵ khoa truyền một mẫu tin ngắn tầm thường do một tạp chí Sô viết ở địa phương đăng tải. Một nữ nhân viên CIA phục vụ tại một đài nghe gần bức màn sắt, tức khắc báo cáo về Trung ương. Nhờ vậy, chính phủ Mỹ biết trước Nga sô sửa soạn thí nghiệm lại các vụ nổ nguyên tử.

Về phương diện lấy tin công khai này, gián điệp Sô viết ở vào vị trí lợi hơn Anh-Mỹ. Vì lẽ Anh-Mỹ là nước tự do, báo chí tự do, dân chúng phát biểu tự do ¹⁰³.

Lấy tin công khai có lợi mà cũng có hại. Những tin tức, phúc trình được công bố đều qua một cuộc gạn lọc kỹ lưỡng. Bằng chứng là các bản thông kê kế hoạch kinh tế Ngũ niên của Nga sô, cũng như của Trung cộng, đều nói là thành công vẻ vang. Nhiều tấm hình đăng báo ở phía sau bức màn sắt đều được sửa đổi để đánh lừa dư luận, hoặc để bảo vệ bí mật. Sau khi phi công U-2 Gary Powers bị bắn hạ, báo chí Sô viết đăng hình một đồng sắt nát bấy, và chú thích là xác phi cơ thám thính U-2.

103 Tác giả Người Thứ Tám sẽ đề cập tỉ mỉ tới vấn đề này trong cuốn sách tài liệu thứ ba, sắp xuất bản, tựa đề Phản Gián Điện.

Cách đây không lâu, ký giả Tây phương và tùy viên quân sự Tây phương được mời tham dự cuộc diễn binh tại Hồng trường, nhân dịp kỷ niệm Cách mạng Tháng 10, và được phép chụp hình. Mọi người đổ xô tới một kiểu hỏa tiễn mới nhất được các nhà lãnh đạo Sô viết khoe khoang rầm rộ. Sự thật, hỏa tiễn mới nhất này chỉ là bộ phận của các hỏa tiễn cũ ráp lại để phỉnh phờ.

Vì vậy, vấn đề tình báo bí mật - nghĩa là gián điệp - phải được đặt ra. Một bên mở tai, mở mắt thật rộng. Bên kia tìm cách bung bít. Cuộc chiến tranh thầm lặng diễn ra, thắng một trận không có nghĩa là toàn thắng, thua một trận không có nghĩa là thảm bại.

Việc lấy tin bí mật gồm 3 hạng người : điệp viên, nguồn tin và mật báo viên ¹⁰⁴. Phần quan trọng ngày nay đã được dành cho máy móc điện tử. Tin tức không thể bịa đặt. Vì vậy, nhân viên gián điệp phải đến tận nơi. Nghĩa thấp nhất của gián điệp là trinh sát : một nhân viên đến căn cứ của địch, quan sát rồi về báo cáo. Hình thức gián điệp này thường được áp dụng trong chiến tranh, đặc biệt là trong thế chiến thứ hai.

Ngày nay các quốc gia trên thế giới, nhất là Nga Sô, được phòng thủ nghiêm mật. Tây phương cũng không lâm chiến với Nga sô. Hình thức gián điệp trinh sát

104 Agent, source, informant.

không thể được áp dụng. Vả lại, nhân viên gián điệp từ bên ngoài tới không thể lưu lại địa phương, một thời gian dài, dễ bại lộ. Tin tức lại nặng phần chuyên môn, không còn giản dị như xưa. Do đó, các cơ quan gián điệp đã áp dụng một hình thức mới : trà trộn và ẩn tế.

Ladislav Farago, một chuyên viên điệp báo Mỹ, có lần thảo luận với đại úy Franz Von Rintelen, một trong các điệp viên Đức gan dạ và lỗi lạc nhất thế chiến ¹⁰⁵ về đề tài điệp báo. Rintelen nói:

... «Mỗi quốc gia có quyền tìm biết bí mật và bảo vệ bí mật. Trên căn bản, nghề gián điệp không có gì xấu xa...»

Sau vụ phi cơ U-2, Tổng thống Eisenhower đã nhấn mạnh tới công tác gián điệp, và coi là cần thiết đối với sự tồn tại của thế giới tự do. Sự bẽ môn tởa cảng của Cộng sản vào thời kỳ nguy hiểm nhất của lịch sử, một phút đồng hồ sơ ý có thể làm trái đất bị tiêu hủy, đã thúc đẩy Tây phương hoạt động gián điệp.

Gián điệp chiến lược nhằm vào tin tức tối mật và tối hệ, gián điệp chiến thuật chỉ quan tâm tới bí mật hạn chế, và có tính cách địa phương. Ngoài ra, còn có gián

105 Les Secrets de l'Espionage, của Ladislav Farago, chuyên viên có 20 năm kinh nghiệm nghề nghiệp.

điệp chính trị, gián điệp quân sự và gián điệp kinh tế. Có 2 loại gián điệp : gián điệp tích cực, và gián điệp tiêu cực, tức là phản gián điệp. Cuốn sách này chỉ đề cập tới gián điệp tích cực.

Có nhiều loại điệp viên. Có người hoạt động thường trực trên lãnh thổ địch, đội căn cước giả. Nhân viên này gọi là ản tế ¹⁰⁶. Ản tế chia làm 2 loại : thứ nhất, những người chuyên lấy tin, thứ hai, những người có một nhiệm vụ thu hẹp nhất định, như quan sát thiết lộ, bờ biển, thứ ba, những người chỉ làm một việc rồi trở về. Nhân viên ản tế được sự hỗ trợ của nhiều loại nhân viên khác như giao liên, điện đài, mật mã, chuyên viên kỹ thuật làm mực bí mật hoặc giấy tờ giả mạo. Lại có nhân viên nhị trùng, phục vụ 2 cơ quan gián điệp cùng một lúc, song chỉ trung thành với một. Lại còn có nhân viên «gây sự» ¹⁰⁷, trà trộn vào hàng ngũ điệp báo địch để phá vỡ.

Trà trộn cũng có 2 hình thức : trà trộn để «gây sự», và trà trộn để tiến hành công tác gián điệp ¹⁰⁸.

106 Tức là illegal.

107 Tức là agent provocateur, provocative agent.

108 Trà trộn để tiến hành công tác gián điệp là pénétration, hoặc penetration. Đừng lầm với pénétration theo nghĩa thâm nhập vào vùng địch, danh từ chuyên môn gọi là magic, mặc dầu hai hình thức đều giống nhau.

4) Trà Trộn : Kinh Nghiệm Đau Đớn Của Franklin

Đọc lịch sử Hoa kỳ, ai cũng biết Benjamin Franklin, một nhà cách mạng, khoa học và triết gia lỗi lạc, góp phần quan trọng vào bản Tuyên ngôn Độc lập và lãnh đạo những cuộc thương thuyết nổi tiếng với Pháp và Anh quốc trong cuộc vận động dành tự do của nhân dân Mỹ. Tuy nhiên, ít ai biết ông là nạn nhân của chiến thuật trà trộn gián điệp. Vụ Franklin hiện được coi là kinh nghiệm cổ điển, giảng dạy trong trường điệp báo, giống như học sinh trung học phải nghiền ngẫm Đoạn trường Tân Thanh của Nguyễn Du.

Ông cầm đầu một phái đoàn sang Ba lê, điều đình với Pháp, để xin viện trợ chống nhà cầm quyền thuộc địa Anh. Tình báo Anh vận dụng mọi phương tiện để khám phá nội dung của cuộc thương thuyết. Nhiều điệp viên được tung vào phái đoàn Mỹ. Điệp viên xuất sắc nhất là bác sĩ Edward Bancroft.

Được cử làm thư ký phái đoàn ở Ba lê, Bancroft chiếm được sự tin cậy của Franklin. Y phục vụ rất đặc lực, tuy tiền lương rất ít. Sở dĩ y hy sinh tiền lương vì tình báo Anh quốc trả rất nhiều. Mọi tin tức thu lượm được y chuyển cho tòa đại sứ Anh tại Ba lê bằng cách bỏ vào

cái chai, giấu trong hốc cây tại công viên Tuileries. Tin tức được viết bằng mực bí mật, và xen vào những bức thư tình uớt át. Khi cần nhận chỉ thị, hoặc báo cáo bằng miệng tỉ mỉ, y xin Franklin cho sang Anh, và mỗi lần Franklin lại tin hơn vì Bancroft mang về nhiều tin tức quan trọng. Franklin không thể ngờ tin tức này là bịa đặt, do nhân viên Phản gián Anh đưa cho Bancroft để phỉnh phờ ¹⁰⁹.

Sơ y bị Mỹ nghi ngờ, người Anh còn bố trí bắt y một lần, khi y sửa soạn rời Luân đôn. Người Anh muốn nhồi sọ Franklin rằng Bancroft bị Anh thù ghét. Y được Franklin tín nhiệm đến nỗi sau này bằng cớ của sự phản bội được nêu ra Franklin vẫn cho là vu khống.

Điều kiện căn bản cho sự trà trộn là giả vờ trung thành. Bancroft giả vờ trung thành rất khéo nên được tin cậy. Dẫn chứng được nhắc tới nhiều nhất trong giai đoạn cận kim là Richard Sorge, giám đốc trú sứ GRU tại Viễn đông trong thế chiến thứ hai.

Đội lột thông tin viên báo Đức, và đảng viên quốc xã trung kiên, ông hoạt động gián điệp cho Nga xô tại Đông kinh trong 6 năm. Ông kết thân với đại sứ Ott của Đức, và được tin cậy đến nỗi mọi tài liệu mật đều đưa

109 Tin tức phỉnh phờ này, danh từ chuyên môn Mỹ gọi là chicken feed, tiếng Pháp là poulet de grain.

cho nghiên cứu. Ông lại được phụ trách phòng báo chí trong sứ quán.

Mùa đông 1941, Nga sẽ bị dồn tới bờ vực thẳm sau những chiến thắng chớp nhoáng của quân đội quốc xã. Hàng triệu binh sĩ Xô viết bị cầm tù, chiếu xạ của Hitler chỉ còn cách thủ đô Mạc tư khoa 100 cây số. Sit-ta-lin chỉ còn một hy vọng : đưa các sư đoàn Tây bá lợi á từ phía đông tới mặt trận phía tây. Nhưng lại sợ Nhật bản tấn công bất thần.

Sorge đã biếu Sit-ta-lin một món quà vô giá : một bức điện đoan chắc là quân đội Phù Tang không tham chiến. Nhờ vậy, Sit-ta-lin đã mang hết lực lượng phía đông giao tranh với Hitler, Và Sit-ta-lin thắng trận.

Đến khi Phản gián Đức-Nhật phăng ra vai trò quốc xã giả mạo của Sorge thì đã muộn rồi. Sorge bị bắt. Khi ấy người ta mới biết Sorge, bí danh Ramsey là linh hồn của hệ thống do thám Xô viết tại Thượng hải năm 1930, 3 năm trước ngày Sorge trở về Đức, gia nhập đảng Quốc xã. Khi ấy, người ta mới biết trước ngày lên đường sang Viễn đông, ông đã bí mật từ Nữ ước qua Mạc tư khoa nhận chỉ thị đặc biệt của tướng Uritsky, yếu nhân số một của GRU Xô viết.

Sau này, Phản gián Anh-Mỹ cũng làm một cách tai hại với 2 điệp viên nguyên tử lỗi lạc của Nga xô, Bruno Pondecorno và Klaus Fuchs. Vụ đánh cắp tài liệu nguyên tử bị vỡ lở, người ta mở lại hồ sơ cũ, mới giạt mình ớn lạnh xương sống : Ponlecorvo và Fuchs, bác học vật lý phục vụ tại các trung tâm nguyên tử tối mật Tây phương, là phần tử thân Cộng rõ rệt. Hỡi ơi...

Dĩ nhiên, các cơ quan điệp báo trên thế giới rút đúc kinh nghiệm đã tăng cường cảnh giác để khỏi tái diễn tấn tuồng Sorge, Ponlecorvo và Fuchs.

Tuy vậy, điệp báo là Phạm Nhan, mất đầu này nó mọc đầu khác. Nó có phép lạ biến hóa không cùng. Mẫu chuyện sau đây xảy ra ở Pháp trong thời kỳ bị chiếm đóng có thể xảy ra ở bất cứ nơi nào trên thế giới, Phản gián vẫn có thể bị lừa :

Trung ương tình báo đồng minh ở Luân đôn đòi các điệp viên ở Pháp khám phá bí mật của một thứ kim khí riêng, nhẹ và bền, được dùng trong kỹ nghệ không quân Đức. Loại hợp kim đặc biệt này được chế tạo tại nhà máy SNCASO tại Bordeaux ¹¹⁰. Sợ lộ, nhà cầm quyền quốc xã áp dụng mọi phương pháp phòng thủ nghiêm mật. Khi vào nhà máy, thợ thuyền phải trút bỏ hết quần

110 Société Nationale de Constructions Aéronautiques du Sud-Ouest. Công ty Quốc gia Kiến trúc Hàng hải Tây nam.

áo, và mặc đồng phục riêng, không túi, và đường chỉ may bị tháo bỏ. Trước khi ra về, và bị khám xét tỉ mỉ lần nữa, các công nhân phải rửa tay sạch sẽ và chải móng tay, hầu không một sợi kim khí nhỏ nào được mang ra ngoài.

Espadon, nhân viên quan trọng của BCRA ¹¹¹, đã lấy được một miếng kim khí màu xám pha xanh lớn bằng 2 cái tem thư. Rémy ¹¹² hỏi thì Espadon mỉm cười :

- Ngày 11-11, công nhân trên đất Pháp ngưng làm việc 5 phút trong các xưởng máy, theo lời kêu gọi từ Luân đôn bằng đài bá âm của tướng De Gaulle. Tại nhà máy SNCASO, toàn thể đều lắng công, trừ một người thợ. Hết 5 phút. mọi người xô lại, đánh bắn. Binh sĩ Đức phải vào chở hấn đi bệnh viện vì hấn bất tỉnh. Và hôm sau mảnh kim khí này được gửi cho tôi...

Thì ra, người thợ trẻ này đã đóng kịch thân Đức để ăn cắp kim khí của Đức cho đồng minh. Như mọi công nhân khác, hấn đóng lớp cao su vào guốc cho êm. Trong

111 Bureau du Contre-Espionage, de Renseignement et d'Action de la France Libre, Sở Phản gián, Tình báo và Hoạt vụ nước Pháp tự do, do đại tá Passy chỉ huy.

112 Đại tá Rémy, tức Gilbert Renault, chỉ huy tổ chức tình báo Confrérie de Notre-Dame, trên đất Pháp. hiện là nhà văn, nổi tiếng về những tác phẩm hồi kỳ kháng chiến.

khi bạn bè nghỉ việc, hấn giả vờ tiếp tục, kỳ thật là nhét mảnh kim khi vào giữa 2 miếng cao su. Hấn được mang về nhà, thân thể tím bầm. Cấp chỉ huy kháng chiến đến thăm và dặn hấn giữ kín. Kết quả của sự ngậm miệng này là hấn bị toàn thể thợ thuyền khinh bỉ, coi như phong cùi.

Một thời gian sau, hấn bị Gestapo bắt vì nội tuyến. Khi ấy, mọi người mới biết hấn là anh hùng.

5) Vinh Và Nhục

Năm 1944, thủ đô Ba-lê được giải phóng, một tướng lĩnh Mỹ cùng nhiều sĩ quan cao cấp Mỹ-Pháp, ăn cơm trong một lữ quán nhỏ. Vị tướng Mỹ này là Omar Bradley. Trong bữa ăn, Bradley nói với một đại tá Pháp chỉ huy khu bắc của kháng chiến quân :

- Bộ tư lệnh Mỹ rất hài lòng về bản họa đồ phòng thủ bờ biển bắc Pháp mà tổ chức của đại tá đã lấy được của Đức. Dựa vào họa đồ này, chúng tôi chọn địa điểm đổ bộ, và chúng tôi đã thành công với những tổn thất tối thiểu về nhân mạng và quân dụng.

Anh hùng trong vụ này là một người Pháp vô danh, làm nghề thợ sơn, René Duchez. Thành tích phi thường của Duchez đã được ghi vào bảng vàng gián điệp tài tử trong thế chiến thứ hai.

Tháng 5-1942, tổ chức Todt - một tổ chức xây cất quân sự của Đức - đăng cáo thị về một cuộc đấu thầu sửa chữa. Là nhân viên OCM ¹¹³, Duchez đến trụ sở Todt để xem tình hình. Sau một sự hiểu lầm ngoài công - ông bị người gác hành hung - một đại úy Đức dẫn ông

113 Organisation Civile et Militaire, Tổ chức Dân sự và quân sự, một trong các tổ chức tình báo kháng chiến do đồng minh thiết lập trên đất Pháp trong thời kỳ chiếm đóng.

vào trụ sở, cho coi 2 phòng cần sơn phết và trang hoàng lại. Ông đặt giá rẻ hơn mọi người khác 30% nên được nhận.

Tuần sau, ông trở lại gặp viên chỉ huy Schnedderer. Trong cuộc nói chuyện, tình cờ viên chỉ huy qua phòng bên, và qua cánh cửa để mở, đọc phúc trình cho thư ký. Ông rón rén lại bàn, và nhìn thấy một xấp họa đồ, đề chữ Sehr Geheim, nghĩa là tối mật. Họa đồ Bức tường Đại tây dương. Danh từ bức tường Đại tây dương được dùng để chỉ vòng đai phòng thủ bằng lô-cốt bê tông kiên cố xây ngầm dọc bờ biển của Đức để chống lại cuộc đổ bộ của đồng minh. Việc xây cất được giao cho tổ chức Todt phụ trách.

Ông liền ăn cắp một bản, cuộn tròn lại, giấu vào sau tấm gương lớn, khung vàng, trên lò sưởi.

Viên chỉ huy trở lại, ra lệnh cho ông tới làm trong vòng 3 ngày.

3 ngày sau ông mang đồ nghề tới thì Schnedderer đã bị chuyển, và sĩ quan thay thế là Keller. Mọi nhân viên trong sở Todt không nghe nói đến vụ trang hoàng văn phòng. Keller từ chối vì ngân quỹ không có tiền, thì Duchez đáp :

- Thừa thiếu tá, tôi đã thỏa thuận với ông Schnedderer là trang hoàng không lấy tiền.

Keller tròn tròn mắt thì Duchez tiếp, giọng ngọt ngào:

- Thừa thiếu tá, có nhiều người Pháp yêu mến người Đức. Tôi làm việc này để tỏ bày thiện chí...

Tuy chỉ là điệp viên tài tử, ông đã biết đóng trò thân Đức, như Sorge đóng trò thân Đức ở Đông kinh. Keller vỗ vai ông :

- Anh là một công dân Pháp tốt.

Phải, Duchez là công dân Pháp tốt nên mới liều mạng đánh cắp họa đồ Todt. Trang hoàng xong văn phòng, ông rút họa đồ sau tấm gương - thật kỳ lạ, họa đồ tối mật này nằm một tuần trên là sưởi mà người Đức không biết - rồi thả nhiên ra về. Ngày hôm sau, bản họa đồ quý giá được chuyển tới ban giao liên, lên đường sang Luân đôn.

Duchez đóng trò thân Đức để lấy tài liệu mật. Nhiều người Pháp khác cũng đóng trò thân Đức song không được khen ngợi như Duchez, hoặc ít ra như người thợ trẻ trong nhà máy kim khí hàng không. Nghề điệp báo, nhất là ngành «trà trộn» bạc bẽo như thế đấy !

Điện hình là trường hợp của Alexis Thys.

Năm 1942, Thys, một nhà doanh nghiệp Bỉ, cung cấp tin tức mật về hải cảng Anvers do Đức kiểm soát, cho đại tá Rémy. Những tài liệu này được chuyển cho đồng minh, qua trung gian nhạc phụ của Thys. Là người yêu nước, ông không muốn hợp tác với Đức. Nhờ nhạc phụ của Thys, đại tá Rémy gặp Thys tại Ba lê.

- Nếu ông bỏ việc, Rémy nói, địch sẽ năm lấy, và sẽ thu được kết quả nhiều hơn hiện nay dưới quyền ông, vả lại, chúng tôi sẽ mất nguồn tin tức do ông cung cấp, tin tức mà Luân đôn ngợi khen đặc biệt.

- Tôi biết vậy, tuy nhiên...

- Ông hãy tự coi là nhân viên trong tổ chức của tôi. Là người chỉ huy, tôi ra lệnh cho ông ở lại nhiệm sở.

4 năm sau, Alexis Thys bị đưa ra tòa án quân sự Bỉ về tội thông đồng với địch. Nhạc phụ ông, người có thể làm chứng cho sự trung thành với tổ quốc của ông, đã bị hành quyết trong thời chiến với 7 đồng chí. Đại tá Rémy phải tới Anvers 2 lần để làm chứng trước dự thẩm quân sự cho Thys. Trước tòa, Rémy mặc quân phục đại tá, long trọng xác nhận lần nữa. Ông chánh thẩm - một tướng lĩnh Bỉ - ra lệnh đình phiên tòa. Bị

can được miễn nghị. Dầu sao, sự miễn nghị này đã được mua bằng nhiều đau thương và chua chát.

Eric Erickson không bị truy tố trước tòa án tư pháp như Alexis Thys, nhưng trong 3 năm đăng đẵng bị tòa án, dư luận Thụy điển kết tội nặng nề về tội thân Đức, làm tay sai cho phát xít chống lại quyền lợi tổ quốc.

Thật ra, ông là điệp viên đồng minh, đóng trò thân Đức, trà trộn vào hàng ngũ quốc xã cao cấp, lấy tin tức về kỹ nghệ lọc dầu, giúp đồng minh phá hủy tiềm lực chiến tranh của Hitler. Ông đội lốt phản bội 3 năm, song thật ra đã sống trong bầu không khí căng thẳng đúng 9 năm, từ 1939, năm tình báo Mỹ đưa ông vào tổ chức.

Ông là công dân Mỹ, gia nhập quốc tịch Thụy điển, và là doanh gia nổi tiếng trong kỹ nghệ dầu hỏa. Tháng 12-1939, đại sứ Mỹ tại Mạc tư khoa, Laurence Steinhard, từ Nga sô tới Thụy điển, gặp ông, thuyết phục ông đóng trò thân Đức, theo chỉ thị đặc biệt của Tổng thống Roosevelt. Hồi ấy, Thụy điển là quốc gia trung lập, tuy nhiên đa số công luận đều chống Đức.

Ông phải hy sinh danh dự, và thân thể để được Đức quốc xã tín nhiệm. Trong nhà hàng, ông cất tiếng mắng nhiếc một người bạn thân, vì người này là Do thái, kẻ thù của quốc xã. Thân nhân ông ở Mỹ đã từ bỏ ông.

Ông chỉ tâm sự với vị hôn thê, và hoàng thân Carl Bernadotte, một nhân vật có uy tín trong hoàng gia Thụy điển. Hoàng thân Carl cũng đóng trò thân Đức như Erickson và cũng bị dư luận phỉ nhổ.

Sau nhiều khó khăn, ông chiếm được sự tin cậy của Himmler, trùm mật vụ quốc xã. Himmler tự tay ký cho ông tờ thông hành đặc biệt sau đây :

«Chứng minh thư

«Ông Eric Siegfried Eickson được phép đi khắp Đức quốc để tham dự những hội nghị khẩn cấp trong quyền lợi của Đức quốc. Ông Erickson là nhân vật được tôi tín nhiệm. Qui chế của mật vụ về các khu vực cấm sẽ không được áp dụng cho ông Erickson. »

Nhờ đũa thần của Himmler, Erickson thâm nhập vào những căn cứ lợc dầu tối mật của Đức, rồi báo cáo cho phi cơ đồng minh oanh tạc. Ngày 6-6-1944, khi quân đội đồng minh đổ bộ lên đất Pháp, đa số phi cơ Đức không thể cất cánh vì thiếu xăng nhớt. Sự tê liệt của không quân quốc xã một phần là do công lao của ông.

Hơn một lần, tính mạng của ông như sợi chỉ mảnh treo chuông. Ông phải nhắm mắt nhìn người đàn bà yêu ông chết trong tay mật vụ quốc xã.

Năm 1945, Đức thất trận, vai trò khổ nhục kế của ông mới được đưa ra ánh sáng, trong một cuộc tiếp tân trọng thể tại sứ quán Hoa kỳ ở thủ đô Thụy điển, mà ông được mời làm tân khách danh dự. Mãi đến khi ấy, danh dự của ông mới được phục hồi. Gia đình ông ở Mỹ mới hiểu ông. Bạn bè ở Thụy điển mới thấu đáo được sự hy sinh lớn lao của ông.

Tuy nhiên, năm 1946, hoàng thân Carl qua Bỉ thăm, Cảnh sát Bỉ không cho ông nhập cảnh về «tội» làm tay sai cho Hitler. Mặc dầu ông phản đối kịch liệt, ông vẫn bị lôi ra phi trường. Sau này, tòa đại sứ Mỹ tại Thụy điển phải công khai bệnh vực cho hoàng thân Carl, tình hình mới trở lại sáng sủa.

6) Một Hình Thức Giám Điệp Tân Tiến

Trong trường hợp không thể đưa nhân viên vào vùng địch, các cơ quan gián điệp thường tuyển mộ nhân viên tại chỗ. Chẳng hạn, muốn lấy tin tức về mật vụ Sô viết, CIA kết nạp nhân viên đang phục vụ trong mật vụ Sô viết ở chức vụ cao cấp. Hoặc kết nạp nhân viên có triển vọng gia nhập mật vụ Sô viết, và trèo lên chức vụ cao cấp. Phương pháp tuyển mộ này, ngữ vựng điệp báo Hoa kỳ gọi là «in place», nghĩa là tại chỗ.

Trong thế chiến thứ hai, Allen Dulles đã kết nạp được một phụ tá tin cậy của Ngoại trưởng Đức. Vì vậy nhiều tin tức mật của bộ chỉ huy tối cao quốc xã đều lọt vào tay OSS. Thủ tướng Ruth ở Thái lan cũng là một dẫn chứng quan trọng của chiến thuật tuyển mộ in place.

Từ sau thế chiến, chiến thuật này được áp dụng rộng rãi trong các cơ quan điệp báo quốc tế. Trường gián điệp của GRU, KGB, CIA, IS... đều rút tĩa kinh nghiệm để huấn luyện nhân viên. Thật ra, ngoài hai trường hợp kể trên, đã có hàng chục kinh nghiệm điển hình khác, và mỗi kinh nghiệm có thể viết thành cuốn sách dày cộm.

David Greenglass phục vụ trong thể chiến tại trung tâm nguyên tử bí mật Los Alamos chỉ là trung sĩ thợ máy, song lại biết được một số chi tiết quan trọng về việc chế bom. GRU bèn kết nạp y. Cũng như Judith Coplon, nữ viên chức trong bộ Tư pháp Mỹ, giữ phần việc đăng ký những người hoạt động cho ngoại bang trên lãnh thổ Hoa kỳ. Hàng ngày, Coplon chép lại các phúc trình của FBI, nộp cho một điệp viên Sô Viết đẹp trai, dùng lời nói đường mật và thân thể cường tráng làm khi giới kết nạp. Harry Houghton và John Vassall bị bắt cách đây 10 năm tại Anh quốc, cũng là viên chức cấp dưới, phụ trách hành chính, song vẫn đánh cắp được tài liệu quốc phòng của hải quân cho GRU. Alfred Frenzel lợi dụng chức vụ nghị sĩ Tây Đức để chuyển tài liệu liên quan đến khối liên phòng Đại tây dương cho do thám cộng sản, Irving Scarbeck là viên chức hành chính tại sứ quán Hoa kỳ, Varsovie, bị Z-2 dùng gái đẹp lung lạc và sảng-ta, đã bán cho địch những báo cáo tối mật.

Greenglass, Coplon, Houghton, Vassall, Frenzel và Scarbeck được đưa vào tổ chức do thám Sô Viết, sau khi đã ở vào một chức vụ thuận lợi. GRU đã bí mật hỗ trợ cho họ được tin cậy và thăng chức. Houghton và Vassall được kết nạp trong thời gian phục vụ tại Mạc tư khoa, nhưng đến khi hồi hương về Anh quốc họ mới được GRU xử dụng. Nếu Searbeck không bị thòp cổ

khi về Hoa kỳ, có lẽ một thời gian sau sẽ trở thành nhà ngoại giao quan trọng, và GRU sẽ đoạt được kết quả to lớn.

Riêng trong năm 1966, nhiều vụ gián điệp in place đã được FBI phăng ra tại Mỹ. Tháng 7 có hai vụ. Tháng 9, một vụ. Trong tháng 11-66, một vụ quan trọng khác, liên quan những bí mật truyền tin của Hoa Kỳ, đồng thời liên quan đến tổ chức GRU ở Anh quốc và Mỹ.

Nhân vật chính là trung sĩ Mỹ Herbert Boeckenhaupt, 23 tuổi, bị bắt sau 17 tháng phục vụ tại trung tâm truyền tin tối mật của không quân trong bộ Quốc phòng. Sinh quán tại Đức, y bị truy tố về tội trao cho GRU những tài liệu về mật mã, về máy điện tử dịch mật mã, và về những bí mật của đường điện thoại đổ liên lạc giữa Mạc từ khoa và Hoa Thịnh đốn, cũng như về bí mật hỏa tiễn, và đường điện thoại đặc biệt giữa Bạch Cung và phi cơ riêng của Tổng thống mỗi khi công du.

Y tiếp xúc hai lần với Aleksey R. Malinin, sĩ quan GRU, đội lột phụ tá tùy viên thương mại tòa đại sứ Sô Viết. Tháng 6-1965, Malinin giao nhiệm vụ cho y. Tháng 4-66, Malinin lại đưa cho y một miếng phim nhỏ, ghi những nơi gặp gỡ, và nơi giấu tài liệu mật.

Hai ngày sau khi y xệ khám, Malinin bị trục xuất, Phản gián Anh bắt Cecil William Mulvena, chuyên viên địa ốc. Dường như Cecil là hộp thư của Herbert ở Anh quốc.

Vụ gián điệp Herbert-Cecil không phải là vụ cuối cùng ở Anh-Mỹ. Tuy nhiên, trong tương lai gần, người ta khó thể tìm ra vụ nào quan trọng bằng vụ Stig Wennerstrom của GRU tại Thụy điển và vụ Oleg Penkovskiy của CIA-IS tại Nga sô.

7) Con Ó Thụy Điển Và Đại Tá Penkovskiy

Năm 1963, hai vụ gián điệp kinh thiên động địa được khám phá. Nhân vật trong cuộc đều là đại tá, và đều ở trong ngành điệp báo. Cả hai đều giống nhau : nghĩa là không chơi bời, không cờ bạc, không nghiện ngập. Cả hai đều yêu vợ con. Cả hai đều được bạn bè quý mến và cấp trên tin cậy. Và cả hai đều có một binh nghiệp sán lạn, sửa soạn được vinh thăng thiếu tướng.

Họ là Penkovskiy và Wennerstrom. Penkovskiy là đại tá GRU, bí mật phục vụ cho Anh-Mỹ. Wennerstrom là đại tá Thụy điển, bí mật phục vụ cho GRU. Cả hai đều cung cấp cho đối phương những tài liệu vô cùng quan trọng. Vị đại tá Thụy điển bị kết án chung thân, và vị đại tá Sô Viết bị hành quyết.

Nếu khác, chỉ khác ở thời gian : cuộc đời kỳ dị của viên đại tá Thụy điển kéo dài 14 năm, còn viên đại tá Sô Viết chỉ hợp tác với Anh-Mỹ được 16 tháng.

Penkovskiy bắt mối với IS và CIA qua Greville Wynne, một thương gia Anh, thường tới Mạc tư khoa. Với tư cách trưởng phái đoàn, Penkovskiy sang Tây phương hai lần. Trung ương GRU ra lệnh cho ông do

thăm tình hình Tây phương, ông lại cung cấp 5.000 phim tài liệu mật cho Tây phương. Bị động, ông sửa soạn vượt bức màn sắt, nhưng không kịp.

Cũng như ông, Wennerstrom chuẩn bị trốn sang Nga sô thì bị Phản gián Thụy điển bắt ngày 20-6-1963 ¹¹⁴. Trong thời gian làm gián điệp Sô viết, ông mang bí danh «con ó» ¹¹⁵.

Tiểu sử của con ó là tấn tuồng mèo vờn chuột có một không hai : con ó lấy tin cho tình báo quốc xã, tình báo Thụy điển, tình báo CIA, tình báo GRU song không phải là gián điệp nhị trùng. Rốt cuộc GRU nắm được yếu điểm của con ó. Và từ đó, ông rơi vào cạm bẫy ghê gớm của Nga sô. Trong Gehlen hiện là tổng giám đốc điệp báo Tây Đức, thường được mệnh danh là ông tướng không mặt - đã cung cấp cho Hoa kỳ danh sách những mật báo viên quan trọng, sau khi thế chiến kết liễu. Mùa hạ 1946, tình báo Mỹ móc nối với con ó.

Năm 1948, Wennerstrom sửa soạn sang Mạc tư Khoa nhậm chức tùy viên không quân tại sứ quán Thụy điển. Ông gặp Rubatchenkov, sĩ quan cao cấp GRU trong

114 Vụ Penkovskiy đã được tường thuật đầy đủ trong Chiến sĩ Điệp báo Penkovskiy, đã xuất bản, nên tác giả xin miễn nhắc lại.

115 Tức là Orel (đọc là ô-ri-ôn), tiếng Nga.

một cuộc tiếp tân. Rubatchenkov muốn biết địa điểm của một phi trường bí mật Thụy điển. Con ó cười, nửa nạc nửa mỡ :

- Ông muốn biết ư ? 5.000 curon ¹¹⁶.

Mấy tuần sau, Rubatchenkov đưa cho con ó 5.000 curon. Cuộc đời điệp viên GRU của con ó bắt đầu. Đến Mạc tư khoa, ông gặp Nikitoucher, cựu tùy viên hải quân Xô viết tại Thụy điển. Và nhận thêm 10.000 rúp ¹¹⁷...Con ó được GRU vinh thăng thiếu tướng... Hồng quân. Tương xứng với cấp thiếu tướng, con ó chỉ liên lạc với điệp viên GRU từ cấp thiếu tướng trở lên.

Trong 3 năm ở Nga xô (cũng như trong 5 năm làm tùy viên không quân tại Hoa kỳ), con ó luôn luôn phục vụ tình báo Thụy điển một cách đặc lực và trung thành. Ông đã gửi về nước một số tin tức quan trọng theo lời yêu cầu của tình báo Thụy điển. Quan trọng nhất là công thức một kim khi đặc biệt. Ông khai rằng những tài liệu bí mật này được rút trong các ấn phẩm chuyên môn tại thư viện Leningrad. Tuy nhiên, các chuyên gia cho rằng con ó giả vờ đi Leningrad, còn tài liệu mật đều do GRU cung cấp, hầu giúp cho con ó được Thụy điển tín nhiệm.

116 Curon là tiền Thụy điển

117 Rúp là tiền Nga.

Cũng trong thời gian ở Nga xô, con ó luôn luôn phục vụ cho CIA... Thăm Novosibirsk về, ông cung cấp cho CIA họa đồ của hai căn cứ không quân mới được thiết lập. Ông chụp được bằng máy riêng một oanh tạc cơ bí mật của Nga xô, gồm đầy đủ chi tiết rõ ràng. Có lần đến Odessa để khám bệnh mắt, ông nhận nhiệm vụ quan sát cho CIA : tình báo Mỹ muốn biết mái nhà tại một số thị trấn lợp tôn, hay lợp đất và cỏ. Điều này rất quan trọng trong một trận không chiến tương lai, vì máy radar của phi cơ oanh tạc Hoa kỳ chỉ khám phá được tôn mà không khám phá được đất cỏ. Con ó báo cáo những điều tai nghe, mắt thấy cho CIA. Mặt khác, lại cho GRU biết là CIA quan tâm đến các mái tôn và mái cỏ.

Lạy ông tôi ở bụi này, con ó đã đại dột rơi vào cạm bẫy GRU. Thật vậy, GRU dùng Wennerstrom song không tin cậy. Ông đi đâu đều bị Phản gián Xô viết theo dõi. Và họ phăng ra tại sao ông tới thăm những vùng xa xôi như Odessa. Trước ngày ông sang Hoa thịnh đốn, tướng Lemenov của GRU đưa ra lời liệu cụ thể, chứng tỏ ông cung cấp tin tức cho CIA. Con ó không còn tiếp tục đi trên giấy thép được nữa, vì thế quân bình đã mất. Từ ngày ấy, con ó nhắm mắt trung thành với GRU.

Năm 1963, GRU cử tướng Nikolsky qua Thụy điển để trực tiếp điều khiển con ó. GRU đòi hỏi quá nhiều,

con ó phải hoạt động ráo riết và bị bại lộ. Con ó báo tin khẩn cấp cho sứ quán Sô viết. Sau đó, con ó trao 8 cuộn phim cuối cùng cho nhân viên GRU đồng thời lấy tiền để xuất ngoại. Song Phản gián đã nắm được 2 cuộn phim. Và con ó bị bắt.

8) Gián Điệp Ẩn Tế

Bạn đọc say mê OSS.117 và 007 chắc phải thất vọng. Vì Hubert Bonisseur de la Bath, và James Bond không giống với Wennerstrom hoặc Penkovskiy, những gián điệp lỗi lạc của thời chiến hậu. Dân nghiền atêmi, rượu huyết ky và gái đẹp chết người có lẽ phải chạy theo một loại gián điệp khác gọi là gián điệp ẩn tế. Dâu sao họ sẽ thất vọng, như thi bá Tản Đà :

... Cuộc đời lắm lúc không bằng mộng.

GRU cũng như CIA hoạt động ở hải ngoại dưới hai hình thức : bán công khai và ẩn tế. Bán công khai là các điệp viên trong tòa đại sứ, lãnh sự phái bộ... Còn ẩn tế là điệp viên bí mật không liên quan đến cơ sở ngoại giao.

Tổ chức GRU ở nước ngoài được chia ra làm nhiều trú sứ¹¹⁸. Nhân viên ngoại giao nằm trong trú sứ của sứ quán lãnh sự, phái bộ. Nhân viên bí mật trực thuộc trú sứ ẩn tế.

Sĩ quan ẩn tế GRU-KGB ở nước ngoài đều không mang quốc tịch Xô viết. Họ thường sinh sống bằng

118 Tức là résidence, residence, rezidentura (Nga xô). Trú sứ ẩn tế là illegal residence. Giám đốc trú sứ là directeur-résident, hoặc délégué-résident (resident director).

nghề lương thiện, như bán sách, viết văn, làm báo, chụp ảnh, quảng cáo nghĩa là những nghề cho phép vắng nhà luôn, và được tiếp xúc với nhiều người. Richard Sorge tại Đông kinh đã đội lốt thông tin viên một tờ báo Đức. Đại tá Rudolf Abel ở Mỹ giả làm thợ ảnh.

Khi động ỏ, nhân viên ẩn tể rút vào bóng tối dễ hơn nhân viên bán công khai. Các trú sứ bán công khai và ẩn tể đều có hệ thống truyền tin, liên lạc riêng. Sĩ quan ẩn tể phải am tường ngoại ngữ. Abel nói tiếng Anh thành thạo như người Hoa kỳ. Tại Nga xô, có nhiều trường dạy tiếng Anh, và phong tục Mỹ cho điệp viên ẩn tể ¹¹⁹.

Dĩ nhiên, nhân viên ẩn tể phải dùng giấy tờ giả. Song giấy tờ giả này được làm như thật. Sau thế chiến thứ nhất, các quốc gia Ban-tích được giải phóng, nhiều người Mỹ sinh quán ở Lithuanie trở về quê hương của họ. 20 năm sau, Hồng quân tràn vào Lithuanie và các quốc gia Ban-tích. Nhiều người Mỹ hồi hương bị tàn sát. Mật vụ KGB dùng giấy tờ của nạn nhân vào công tác gián điệp ẩn tể tại Hoa kỳ.

Năm 1955, một ủy ban hoàng gia điều tra về gián điệp Xô viết tại Úc châu đã so sánh giữa hai hình thức bán công khai và ẩn tể như sau :

119 Xin đọc Gián điệp Quốc tế, đã xuất bản.

«Bộ máy bán công khai đặt căn cứ trong tòa đại sứ mà nhà cầm quyền không thể lục soát, vì quyền bất khả xâm phạm ngoại giao. Họ liên lạc nhanh chóng, và không sợ nguy hiểm với Trung tâm ở Mạc tư khoa bằng va-li ngoại giao. Giám đốc trú sứ và các nhân viên cộng sự, nếu được hưởng quy chế ngoại giao, không sợ bị bắt, và tha hồ hoạt động...

Tuy nhiên, họ lại dễ bị Phản gián theo dõi. Bộ máy ẩn tể không được hưởng những quyền lợi như bộ máy bán công khai, song lại ít bị Phản gián để ý, mặt khác hoạt động không sợ bị đình chỉ bởi chiến tranh hoặc đoạn giao».

Theo ông Allen Dulles, nhân viên điệp báo giỏi phải hội đủ 9 đức tính sau đây :

- biết cách nhận xét người
- có khả năng hoạt động hữu hiệu với người khác trong hoàn cảnh khó khăn
- học cách phân biệt giữa việc có thật và việc giả tạo
- có khả năng phân biệt giữa những cái cần thiết và cái không cần thiết
- có năng khiếu điều tra
- phải có nhiều tài trí
- biết quan tâm đúng đến chi tiết
- có khả năng phô diễn tư tưởng một cách rõ ràng,

ngắn ngủi, và quan trọng hơn hết, một cách thích thú
- học cách ngậm miệng khi cần.

Theo Ladislav Farago, nhân viên điệp báo giỏi phải hội đủ 10 đức tính sau đây :

- trước hết, có tinh thần cao, và thật tình ham say công việc

- cương quyết, hăng hái và gan dạ

- có nhiều sáng kiến, biết suy nghĩ nhanh chóng và thực tiễn, biết nhận xét đúng, biết cư xử với mọi người, biết tiếp nhận ý kiến, hành động tùy theo hoàn cảnh, và phải giỏi một nghề nào đó

- điềm tĩnh, kiên trì trong mọi thử thách, không nôn nóng, nhẫn nại, cường tráng

- như con dao pha, phải ăn ý với mọi người, có thể làm việc chung, biết sở đoản của người khác, và cố không rơi vào sở đoản ấy

- biết cách tạo ra tinh thần hợp tác, biết tổ chức, cai quản và điều khiển người khác, không từ chối trước trách nhiệm

- phải kín đáo, ưa sống vô danh, biết ngậm miệng và bảo mật

- có khả năng đánh lừa người khác, khi cần phải nhanh nhẹn, gan lì và mạo hiểm

- biết cách quan sát, có thể nhớ kỹ mọi chi tiết, và

thuật lại rõ những điều nhìn thấy, biết ước lượng giá trị của những điều quan sát, và trình bày mạch lạc, sâu sắc...

Nhà văn Stewart Alsop, trong cuốn OSS, cho rằng 2 đức tính quan trọng nhất là sự trung thành và can đảm. Theo lời đại tá Pháp Rémy thì đức tính đầu tiên của nhân viên tình báo là kín đáo, nghĩa là trong mọi trường hợp không làm thiên hạ để ý. Nghe, nhìn, ngậm miệng, vô tư, thất bại không nản, kiên nhẫn vô tận, không bao giờ nghĩ đến hưởng thụ kết quả : đó là những đòi hỏi của nghề điệp báo.

Nếu các điệp viên cự phách còn sống đến ngày nay, chúng ta đã đọc được những thiên hồi ký toát bỏ hôi lạnh. Trên thực tế, đa số đã chết. Odette Sanson là nữ điệp viên duy nhất còn sống được huy chương Saint George, một vinh dự lớn tại Anh quốc. 90 điệp viên trong thế chiến thứ hai đã bị bắt.

Ngoại trừ trường hợp đặc biệt, điệp viên thường hoạt động từng nhóm, hoặc ít ra là từng cặp, một người lấy tin, một người chuyển tin. Dầu chỉ gồm hai nhân viên, họ cũng có phương tiện liên lạc riêng với Trung ương hoặc trú sở. Hoạt động tại xứ nào, điệp viên phải mang tiền xứ này theo, hoặc mang vàng, kim cương để bán hoặc lấy tiền tại địa phương, qua trung gian đặc biệt.

Một phần những dụng cụ và hóa chất cần thiết cho nghề nghiệp như dược liệu để chế mực hóa học, phim nhựa, đèn cho máy thu thanh, đạn súng, đều được nhập lậu.

Nghề gián điệp ẩn tể là một nghề nguy hiểm, luôn luôn cọ sát với thần Chết nên công cuộc sửa soạn phải hết sức chu đáo. Sự chuẩn bị này gồm 10 giai đoạn :1- kết nạp và chọn lựa, 2- huấn luyện, 3- đặt căn cước giả, 4- di chuyển điệp viên tới khu vực hoạt động, 5- đặt phương tiện lấy tin, 6- lấy tin, 7- tiếp xúc với mật báo viên và nhân viên giao liên, 8- truyền tin, 9- vận chuyển, 10 - an ninh.

9) Gián điệp Tài tử

Trong thế chiến thứ hai, visự đòi hỏi gấp rất của thời cuộc, một loại điệp viên xuất hiện, tạm gọi là gián điệp tài tử. Một phần lớn nhân viên OSS là gián điệp tài tử. Hầu hết điệp viên Pháp hoạt động trong vùng Đức tạm chiến đều là tài tử. Tình trạng này đã gây ra tổn thất lớn lao về nhân mạng.

Năm 1941, điệp viên đồng minh mới bắt đầu hoạt động ráo riết. Năm 1942, hàng ngũ gián điệp tài tử bị nghiêng ngả trước sự phản công mãnh liệt của Phản gián quốc xã. Mathilde Carré, bí danh con mèo cái, nặng lòng vì một hạ sĩ quan Đức đã bán đứng một tổ chức tình báo quan trọng. Một toán Phản gián quốc xã, lợi dụng tình trạng thiếu kinh nghiệm của Pháp, đã thâm nhập vào vùng không chiếm đóng, đội lốt người Pháp, đã bắt trọn ổ điệp báo đồng minh, và tiếp tục liên lạc với Luân đôn một thời gian. Phản gián Đức lại dùng nhệ trùng phá tan tỵ chức Prosper ở bắc-Pháp, đặt dưới quyền điều khiển của Francis Suthill, luật sư người Anh.

Thất bại nặng nề nhất đã xảy ra ở Hòa lan. Thất bại này không làm ai ngạc nhiên, vì đến khi chiến tranh bùng nổ Hoa lan mới tổ chức điệp báo. Hai điệp viên Hòa lan sa lưới Đức và hợp tác với Đức để phỉnh phờ

đồng minh. Điệp viên đồng minh nhảy dù xuống Hòa lan đều bị bắt. Nhà cầm quyền quốc xã còn tổ chức một vụ phá hoại thiết lộ và một vụ nổ trong thành phố Rotterdam, nói là công của kháng chiến để đánh lừa Luân đôn. Hơn 2.000 mật điện được trao đổi giữa Luân đôn và lực lượng ma ở Hòa lan, và 400 điệp viên Hòa lan chân chính bị bắt.

Năm 1943, nhiều tổ chức đồng minh ở Pháp bị phá vỡ. Riêng sự phản bội của một nhân viên ¹²⁰ đã gây ra 60 vụ bắt bớ, 52 vụ lưu đầy, 11 vụ chết, 2 hành quyết và 2 mất tích. Hệ thống giao thông liên lạc bị xáo trộn, trung ương ở Luân đôn phải ra lệnh đình chỉ trong 3 tháng mọi công tác truyền tin vô tuyến để tổ chức lại.

Tuy nhiên, tình báo quốc xã cũng thiệt hại nặng nề. Trong 2 năm, riêng phản gián Vichy ¹²¹ đã loại ra ngoài vòng chiến gần một ngàn nhân viên mật vụ quốc xã. Điệp viên Đức tại Thụy sĩ - một quốc gia trung lập - không thể hoạt động quá ba tháng, trước những biện

120 Nhân viên này là Capri, một thiếu niên Pháp trong tổ chức Confrérie de Notre-Dame do đại tá Rémy điều khiển.

121 Hoạt động này do Phòng 5 của Vichy đảm trách. Chính phủ Vichy (gọi là Vichy vì đặt thủ đô ở Vichy được thành lập sau ngày Pháp bại trận, với thống chế Petain làm quốc trưởng). Tuy bề ngoài thân Đức bề trong nhiều nhân viên Vichy đã chống Đức.

pháp phản gián nghiêm mật. Miễn cưỡng, Đức phải áp dụng chiến thuật «biển người»¹²², điệp viên được gửi tới lũ lượt như nước chảy. 1500 nhân viên quốc xã, trong số có 50 phụ nữ, bị đưa ra tòa, 33 bị kết án chung thân, và 16 bị hành quyết...

Trừ tình báo Anh quốc, với một truyền thống lâu đời, là có thể đương đầu với Đức, còn hầu hết các nước đồng minh, kể cả Hoa kỳ, đều chưa phải là đối thủ. Sau ngày OSS được thành lập, Anh quốc hứa san xẻ những bí mật về Âu châu. Trên thực tế, trụ sở OSS ở Luân đôn gần như bị bỏ rơi.

Sở dĩ có tình trạng này vì OSS gồm một nhóm người tài tử. Anh quốc không tin người em sinh sau, để muộn là dĩ nhiên, thậm chí bộ tổng tư lệnh Mỹ viễn chinh cũng không tin OSS, mà chỉ tin tình báo Anh quốc. Ngày 15-5-1943, OSS đòi hợp tác bình đẳng với tình báo IS, nếu không sẽ tách riêng. Đứng trước đòi hỏi này, IS phải chấp thuận. Và tương lai đã chứng tỏ rằng IS đã quyết định đúng. Vì sau những ngày ấu trĩ, OSS đã lớn mạnh phi thường, biến thành một tổ chức tình báo chuyên nghiệp rộng lớn và hữu hiệu trước ngày thế chiến chấm dứt và CIA được khai sinh.

122 Chiến thuật biên người này tiếng Đức là *uberschwemmung*.

Trong thời gian chập chững, cậu bé OSS đã gặp nhiều chuyện rí rỏm, đáng được ghi vào tiểu lâm tình báo.

Một điệp viên tài tử mặc áo chùng đen được kết nạp vào OSS. Nhà tu này muốn giúp đồng minh chống phát xít Đức. Song trước khi vượt tuyến, linh mục nói với sĩ quan OSS :

- Tôi không thể nói dối được. Làm gì, tôi cũng không từ chối, miễn là đừng bắt tôi nói dối.

Nói dối là một trong các đức tính điệp báo cần thiết. Lẽ ra, OSS phải giữ nhà tu này lại. Song tình thế cấp bách không cho phép OSS bàn hơn, tính thiệt. 3 cây số sau phòng tuyến, nhà tu dụng đầu một sĩ quan Đức. Hỏi đi đầu, nhà tu đáp:

- Binh sĩ Mỹ gửi tôi đến đây.

- Tại sao ?

- Vì tôi là gián điệp Mỹ.

Mật vụ Đức đưa nhà tu ngây thơ này vào trại giam Dachau. 15 ngày sau, quân đội Mỹ chiếm đóng trại giam, và nhà tu được phóng thích.

Một điệp viên OSS hoàn thành nhiệm vụ ở Ba-lê, trở về Bordeaux. Y xách va li đựng máy thu phát thanh bí mật lên toa xe lửa, không để ý đến nhà ga vắng tanh. Yên vị xong, y giật mình. Vì thống chế Đức Rommel từ ngoài cửa toa đi vào, cùng với sĩ quan tùy viên, và ngồi xuống ghế đối diện. Thì ra nhà ga vắng tanh vì chuyên xe hỏa được dành riêng cho thống chế Rommel.

Nhanh trí, điệp viên OSS xin lỗi và cáo lui. Song thống chế Rommel mời ở lại dùng chén trà. Vì nhanh trí, y không mất mạng. Tuy nhiên, giai thoại lạ lùng này khó thể xảy ra đối với điệp viên chuyên nghiệp.

10) Cái Chết Ngâm Ngùi Của Nữ Quang...

Nhắc đến gián điệp tài tử, mà quên Nữ Quang là một thiếu sót lớn. Vì nàng là một trong những nữ điệp viên can đảm của Anh quốc trong thế chiến thứ hai. Như nhiều điệp viên tài tử khác, nàng đã chết vì thiếu huấn luyện.

Tên thật của nàng là Noor-un-Nisa, dịch nghĩa tiếng Việt là «áng sáng phụ nữ - Nữ Quang», cha Ấn, mẹ Mỹ, sinh năm 1914 tại Mạc tư khoa. Nổi nghiệp cha, nàng theo học âm nhạc tại Ba-lê. Năm 24 tuổi, nàng đậu cử nhân tâm lý học thiếu nhi, và tốt nghiệp trường ngoại ngữ Đông phương. Nàng là nhà báo có tài, lại từng cộng tác với đài bá âm Pháp. Đại chiến bùng nổ, nàng theo học lớp cứu thương của Hồng thập tự. Tóm lại, nàng là một thiếu nữ trí thức.

Sau khi Pháp bị chiếm đóng, nàng lánh nạn sang Anh quốc, gia nhập nữ binh Không quân, trước khi tình nguyện phục vụ trong ngành truyền tin tình báo. Hồi ấy, màn lưới lấy tin của đồng minh trên đất Pháp bị Phản gián quốc xã ruồng bỏ dữ dội, một cơ sở ở Ba-lê khẩn cấp xin một vô tuyến điện viên,

Nữ Quang xung phong lên đường mặc dầu chưa học xong khóa huấn luyện đặc biệt. Đó là một lỗi lầm đáng trách của tình báo đồng minh. Trên đất địch, nàng để lại nhiều sơ hở. Nàng quen với lối uống trà của người Anh, rót trà vào sữa, trong khi ở Pháp người ta lại rót sữa vào trà. Trong phòng, nàng để bừa bộn cuốn sách ghi mật mã.

Nữ Quang đáp xuống đất Pháp bằng phi cơ nhẹ. Không được ai đón tiếp, nàng lên Ba-lê bằng phương tiện riêng. Gặp trung úy Garry, nhân viên kháng chiến, nàng quên không nói mật hiệu. Nàng định ninh được tiếp xúc với một thiếu phụ lớn tuổi nên bị luống cuống.

15 ngày sau khi nàng đến Pháp. Phản gián áp vào trụ sở kháng chiến. Nàng tới chậm nên thoát nạn. Cấp trên muốn đưa nàng về Luân đôn song nàng từ chối. Trong vòng 3 tháng, nàng đảm nhận hầu hết việc truyền tin ở Ba-lê cho tình báo đồng minh. Nhiều lần, nàng hút chết. Một lần, mang va-li đựng điện đài trên xe điện, nàng bị một quan nhân Đức chặn lại đòi khám. Không rút rờ, nàng đáp là va li đựng máy quay phim. Và nàng mở li cho hắn quan sát.

Cũng may hắn mù tịt về điện đài, và nàng được bình yên. Một lần khác, trong khi nàng treo ăng-ten vào cành cây, sửa soạn đánh điện thì một sĩ quan Đức đi qua,

Viên sĩ quan ninh đảm dừng lại giúp nàng, vì hần tướng nàng treo giây phơi áo.

Nàng bị bắt vì nội tuyến. Phản gián tìm thấy trong phòng nàng cuốn sổ mật mã và điện đài. Bị giam trong xà lim Gestapo, nàng bỏ trốn, song bị tóm lại. Nàng bị lưu đày sang Đức. Gestapo hạ lệnh xiềng xích nàng suốt ngày đêm vì nàng được coi là thành phần nguy hiểm. Thương hại nàng viên giám đốc trại cho nàng thanh thoi. Sau 10 tháng trong ngục tối, ngày 13-9-1944, nàng bị đưa tới trại Dachau và bị hành quyết với 3 nữ điệp viên khác.

Sự can đảm của nàng được tình báo đồng minh cực lực khen ngợi. Tuy nhiên, nếu được huấn luyện chu đáo, có lẽ ngày nay Nữ Quang còn sống.

11) Con Thỏ Trắng Anh Dũng

Tuy nhiên, thế chiến thứ hai đã chứng kiến những điệp viên tài tử trưởng thành trong khói lửa để trở thành chuyên nghiệp, và tài ba hơn điệp viên chuyên nghiệp. Một trong các điệp viên phi thường này là Shelley, tức đại tá không quân Anh, Forest Frederick Edward Yeo-Thomas, mà giới điệp báo thế giới khâm phục dưới biệt danh Con Thỏ trắng.

Yeo-Thomas là người làm Phán gián quốc xã điên đầu, một trong các siêu điệp viên đồng minh, và là nhân viên liên lạc đặc biệt của Thủ tướng Churchill với kháng chiến Pháp. Thomas là con người lạ lùng : hồi còn đi học, ông bị đuổi khỏi hai trường về tội đánh lộn. Năm lên 10, ông nhập ngũ, và năm 1917-18, ông tham chiến tại mặt trận phía tây. Sau đó, ông mặc binh phục Ba lan, chống lại Hồng quân tiến vào Varsovie. Ông bị Nga sô bắt và lên án tử hình. Trước ngày bị hành quyết, ông giả vờ bị kinh phong, lính gác mở cửa sà lim vào bị ông đánh ngất. Ông thay đổi quần áo, rồi trốn khỏi nhà giam. Đó là cuộc trốn tù đầu tiên của ông.

Trong thế chiến thứ hai, ông còn trốn tù nhiều lần nữa. Trong những năm hòa bình, không thể ngồi yên một chỗ, Yeo-Thomas thay đổi việc làm luôn. Bắt đầu

làm thợ máy tại hãng xe hơi Rolls-Royce, ông trở thành kế toán viên cho một công ty du lịch, nhân viên ngân hàng, thủy thủ, trước khi làm quản đốc công ty thời trang danh tiếng Molyneux ở Ba-lê.

Khi quân đội Đức xâm lăng Pháp, Yeo-Thomas đầu quân vào Lê dương. Nhận thấy ông vô dụng, đội Lê dương từ chối. Ông bèn tòng quân bên Anh quốc, và phục vụ với tư cách thông dịch viên trong không quân hoàng gia. Công việc thông dịch quá buồn nản, ông xin gia nhập sở điệp báo, và giữ chức giám đốc kế hoạch trong Nha Phá hoại.

Tổ chức điệp báo đồng minh trên đất Pháp bị Gestapo quốc xã phá hoại nặng nề, Yeo-Thomas nhảy dù xuống Pháp năm 1943 để chinh đồn cơ sở. Cùng đi với Thomas, mang tên giả André Visson là Pierre Brossolette, một điệp viên Pháp lỗi lạc, Brossolette bị Phản gián lùng bắt vì mái tóc bạc đặc biệt nên phải nhuộm đen để hoạt động trong vùng địch. Đến Pháp vào buổi chiều, cặp bài trùng cưỡi xe đạp lên Ba-lê, mang theo nhiều lựu đạn, chất nổ và điện đài. Yeo-Thomas bị binh sĩ Đức chặn lại, nhưng nhờ đóng trò giỏi đã thoát hiểm,

Trong thời gian ở Pháp, Yeo-Thomas đi khắp nơi để tổ chức lại hàng ngũ tình báo ¹²³. Có lần tại Lyon, ông bị nhân viên Gestapo bắt ngoài đường. Ông rút điều thuốc mời nhân viên Gestapo hút. Y không thể ngờ tài liệu mật được giấu trong điều thuốc, nên thản nhiên châm hút. Yeo-Thomas thành công trong việc thống nhất các cơ sở tình báo, và thiết lập một đạo quân bí mật để làm nội ứng cho đồng minh sau ngày đổ bộ.

Cũng trong thời gian này, ông liên lạc thường xuyên bằng vô tuyến với Luân đôn, cung cấp cho đồng minh nhiều tin tức quan trọng, đồng thời tổ chức nhiều vụ phá hoại ở Pháp. Gestapo bèn ra lệnh cho toàn thể nhân viên bắt giữ hoặc giết ông bằng mọi giá. Ông xuất hiện như ma, khiến nhiều người tưởng ông là huyền thoại do đồng minh đặt ra để nâng cao tinh thần kháng chiến.

Con thỏ trắng có biệt tài về cải trang : ông thay đổi loại mũ, sơ mi, quần áo và giày mỗi ngày nhiều lần. Ông còn thay đổi cách đi với đế giả bỏ vào giày. Ông thường phục sức sang trọng để khỏi bị nhân viên mật vụ để ý.

123 Các tổ chức kháng chiến Pháp hồi ấy là Ceux de la Résistance (Những người kháng chiến), Libération (Giải phóng), Organisation Civile et Militaire (Tổ chức Dân sự và Quân sự), Ceux de la Libération (Chiến sĩ Giải phóng), và Mặt trận Quốc gia, của Cộng sản.

Ông tiếp xúc với nhân viên ở ngoài đường theo một thể thức đặc biệt : gặp nhân viên, ông giả vờ như không quen, thản nhiên vượt qua, đi thẳng tới gốc đường rồi dừng lại, nhân viên sẽ tiến lên trước, ông lảng lảng đi theo tới một bệnh viện. Ông bước vào, hai người sẽ trò chuyện trong sân bệnh viện.

Con thỏ trắng đổi nhà như thay áo sơ mi. Mỗi đêm, ông ngủ ở một nhà. Có lần ông thuê phòng ở cạnh nhà viên phụ tá Thống đốc Quân sự Đức ở Ba lê. Phản gián Đức không thể ngờ một thủ lĩnh tình báo đồng minh bị lòng bất ráo viết như Yeo Thomas dám vuốt râu hùm.

Với 30.000 nhân viên rải rác khắp thủ đô Ba lê, mật vụ Đức kiểm soát mọi đường phố, mọi nhà ở. Thomas chỉ đến ngủ tại nơi nào hoàn toàn an ninh. Tuy vậy, giờ chót ông vẫn kiểm soát lại bằng cách đặt một nhân viên lảng vảng ngoài cửa trước giờ ông đến. Nếu nhân viên này cầm tờ báo trong tay, có nghĩa là tình hình an toàn. Nếu nhân viên này đi tay không, ông phải thoát thân lập tức. Một tối kia, ông sửa soạn bước vào nhà một vũ nữ quen thuộc. Không thấy nhân viên chờ sẵn bên ngoài, ông bèn rút lui. Và ông hút chết. Vì nhân viên mật vụ quốc xã đang rình trong phòng.

Lần khác, ông ngồi trên tàu hỏa với một va-li đầy ắp tài liệu mật đánh cắp của bộ tư lệnh Đức. Ông ga

chuyện với tài xế, mang rượu ra mời, rồi phàn nàn gia đình đông con, không đủ ăn, phải buôn lậu. Giọng run run, ông nói :

- Vali hàng lậu này là cơm áo của vợ con tôi. Cảnh sát tóm được thì chết.

Viên tài xế cũng có 4 con. Hiểu được tâm trạng của những gia đình đông con trong thời gian tạm chiếm củi châu, gạo quế, viên tài xế, giấu giếm valì cho Thomas và khi tới ga Ba-lê xách luôn ra ngoài.

Ông được Thủ tướng Churchill tin cậy hoàn toàn. Về Luân Đôn làm phúc trình, ông xin Thủ tướng cấp 100 phi cơ để tiếp tế cho kháng chiến. Thủ tướng chấp thuận liền. Brassolette, yêu nhân kháng chiến Pháp, bị bắt, và giam tại lao thất Rennes. Vì Brassolette nhuộm tóc, Đức chưa biết rõ tông tích. Tuy nhiên, khi thuốc nhuộm bị phai, chòm tóc bạc hiện ra, Phản gián Đức sẽ không bị lừa nữa. Vì Brassolette nắm giữ nhiều bí mật quan trọng, Yeo-Thomas quyết cứu bạn ra khỏi khám.

Tháng 2-1944, ông nhảy dù xuống Clermont- Ferrand, cách Ba lê 300 cây số. Sáng sớm, một đội kháng chiến quân mai phục trong những ngôi nhà đối diện khám đường, đề phong trại lính SS kẻ cận can thiệp. Giây điện thoại bị cắt trước khi Thomas cải trang làm sĩ quan

SS cùng 2 phụ tá lái xe đến cửa, ra lệnh cho quân đốc nộp tù nhân để giải lên Ba-lê thẩm vấn.

Lọt vào trong, Thomas dùng súng uy hiếp nhân viên khám đường. Trong vòng 3 phút, Brossolette được cứu thoát. Vụ này làm Đức điên đầu : lệnh trên được ban ra, nếu trong vòng một tháng Thomas không bị bắt nhiều nhân viên mật vụ cao cấp sẽ mất chức.

Mấy ngày sau, trở lại Ba-lê, ông đến gần một trạm xe buýt ngầm để gặp nhân viên kháng chiến. Theo định ước, nhân viên này sẽ đi bên trái, Thomas đi bên phải, cả hai phải đi qua kiốt bán báo rồi bắt tay nhau thân mật. Cuộc hẹn phải xảy ra đúng 11 giờ. Tới nơi, ông không gặp nhân viên. Thường lệ, không gặp ai, ông bỏ đi ngay. Hôm ấy, ông coi thường nên bị sa lưới. Sau này, ông được biết sở dĩ ông bị bắt vì nhân viên của ông cất trong túi một miếng giấy nhỏ đề giờ hẹn. Nhân viên này bị mật vụ thộp cổ, và từ y mật vụ phăng ra con thỏ trắng.

Thomas bị tra tấn tàn nhẫn, song quyết ngậm miệng chịu chết. Ông bị giam tại khám đường Fresnes, và sẽ bị hành hình ngày 18-5. Kháng chiến bèn hối lộ 4 triệu quan cho một sĩ quan mật vụ Bức để đánh cắp hồ sơ của Thomas, Hồ sơ bị mất, vụ hành quyết bị hoãn lại. Và không có yếu tố kết tội tử hình, Đức bèn cải tội danh

Thomas lại nhẹ hơn, và đưa sang Đức lưu đày.

Trại tập trung Buchenwald được coi là trại tử thần. Ít ai đã vào mà ra được. Song Thomas còn gửi được báo cáo mật từ trại giam qua Luân đôn, nói là nắm được bằng cứ về chiến tranh vi trùng, một cấm điều quốc tế. Ông lại tìm cách cứu được một số chiến hữu khỏi chết.

Ngày 13-4-1945, con thỏ trắng và 21 tù nhân khác được di chuyển tới Tiệp khắc, cùng nhiều người khác. 300 người thiệt mạng dọc đường vì lạnh, và đối xử tàn bạo. Trong lúc đào huyệt chôn kẻ xấu số, con thỏ trắng và 21 chiến hữu chạy trốn vào rừng.

Ngày thứ 15, sau nhiều gian lao, Yeo-Thomas gặp liên quân Mỹ gần Chemnitz, và ông thoát nạn. Ông là một trong các điệp viên được nhiều huy chương nhất trong thế chiến thứ hai. Ngày nay, đại tá Yeo-Thomas trở về với đời sống bình lặng trong công ty mỹ phẩm và thời trang Molyneux ở Ba lê.

Thành tích phi thường của con thỏ trắng không thua kém các nhân vật tiểu thuyết. Tuy nhiên, cuốn sách này không phải là tiểu thuyết, các tổ chức điệp báo trên thế giới ra lệnh cho huấn luyện viên kể lại trong trường không phải để giải trí cho khóa sinh. Vì thành tích của Yeo-Thomas có thể được coi là kim chỉ nam cho toàn

thể điệp viên trên thế giới. Kỹ thuật của Thomas vẫn được CIA và GRU áp dụng. Điệp viên CIA hoạt động ở Nga sô, điệp viên GRU hoạt động ở Hoa kỳ hiện nay, đều tiếp xúc với nhau theo phương pháp của con thỏ trắng.

Thomas sa lưới vì khinh địch. Bởi vậy, các cơ quan điệp báo đều dạy nhân viên không được khinh địch. Nguyên tắc cốt yếu trong mọi cuộc gặp gỡ là : phải đến đúng giờ, và không chờ đợi. Không gặp nhau thì phải rời khỏi địa điểm lập tức.

12) Bài Học Trân Châu Cảng

Bài học đắt tiền nhất của Hoa kỳ trong thế chiến thứ hai là bài học Trân châu cảng : 18 chiến hạm bị đánh đắm hoặc hư hại nặng 2.403 quân nhân thiệt mạng, và 188 phi cơ bị phá hủy tại sân bay sau cuộc tấn công bất thần của Nhật.

Người gây ra sự tổn thất nặng nề này là một sĩ quan gián điệp của hải quân Thiên hoàng, Takeo Yoshikawa. Vì phần lớn hạm đội Mỹ bị tê liệt, Nhật bản đã làm chủ Thái bình dương một thời gian dài. Mặc dầu ngày nay, kỹ thuật tình báo được cải tiến, nhân viên gián điệp vẫn phải học thuộc lòng linh nghiệm của Takeo tại Trân châu cảng.

Thứ nhất, tình báo Nhật đã chuẩn bị chu đáo ; một năm trước ngày thảm bại Trân châu cảng, Takeo được gửi đến nhiệm sở, giữ chức phó lãnh sự dưới tên giả Ito Morimura, để hoạt động do thám ; và trước ngày sang Hạ uy di, Takeo được huấn luyện đầy đủ. Tại ban Hoa Kỳ, trong phòng 3 của Hải quân Takeo nghiên cứu hải quân Mỹ trong vòng 4 năm, đọc hàng triệu chữ liên quan đến các chiến hạm của đối phương. Năm 1940, trở thành chuyên viên lỗi lạc của Nhật về hải quân Mỹ, Takeo đã biết các loại chiến hạm và mọi chi tiết kỹ

thuật của Mỹ.

Thứ hai, Takeo hoạt động một mình, không kết nạp điệp viên địa phương, sợ bại lộ, vì phần đông người Nhật ở Hạ uy di đều chống lại chính sách quân phiệt của Nhật. Nhờ sự kín đáo này, Takeo thành công.

Thứ ba, Takeo áp dụng triệt để kỹ thuật cải trang. Trong thời gian lấy tin, Takeo đội lốt công nhân Phi luật tân, râu mọc lởm chởm, đi chân không, y phục xuềnh xoàng, lang thang khắp hang cùng, ngõ hẻm.

Thứ tư, Takeo lợi dụng triệt để tính tình cởi mở và vui chơi của nhiều thủy thủ Mỹ xa nhà : giả làm thanh niên Nhật trác táng - Takeo mới 27 tuổi - Takeo làm quen với quân nhân Mỹ, cho họ đi nhờ xe để gợi chuyện. Đa số quân nhân rất kín đáo, nhưng một số ít đã thổ lộ bí mật sau một bữa rượu say sưa. Takeo tung tiền mua chuộc bọn gái điếm cặp kè với lính Mỹ : nhờ tiền, và nhờ tài gạ gẫm khôn ngoan, Takeo khám phá ra nhiều tin tức quan trọng.

Thứ năm, Takeo lợi dụng triệt để nếp sống tự do của người Mỹ : muốn quan sát các phi trường, Takeo chỉ cần thuê phi cơ bay khắp hải đảo, tự do chụp hình.

Thứ sáu, tuy không bị Phản gián nghi ngờ, Takeo và trung ương tình báo Nhật vẫn tuyệt đối thận trọng : ngày 27-11-1941 (vụ tấn công bất thần xảy ra 10 ngày sau, 7-12-1941) tàu Nhật Taiyo Maru bỏ neo tại Trân châu cảng, một thủy thủ lên bộ gặp tổng lãnh sự Nhật Kita để «hỏi về thể thức ngoạn cảnh». Trong cuộc trò chuyện, y lén đưa cho Kita một viên giấy nhỏ. Thủy thủ này là một sĩ quan hải quân cao cấp, có nhiệm vụ trao cho Takeo 97 câu hỏi quan trọng của đô đốc Yamamoto, linh hồn của cuộc tấn công Trân châu cảng. Lãnh sự quán là phần đất Nhật bản, lại là trụ sở của gián điệp Nhật bản, vậy mà bộ Hải quân Nhật bản vẫn thận trọng, vì sợ nhân viên nhị trùng.

Thứ bảy, quy chế ngoại giao là một trong những bức bình phong gián điệp tuyệt hảo : khi tiếng súng nổ ròn ở Trân châu cảng, đài bá âm Đông kinh báo tin «gió đông, mưa», nghĩa là Nhật bản tuyên chiến với Hoa kỳ, tòa lãnh sự ở Hạ uy di đốt hết tài liệu mật. Nửa giờ sau, cảnh sát FBI kéo đến thì đã muộn. Takeo bị tạm giữ, để được trả về Nhật theo qui chế trao đổi ngoại giao.

Takeo Yoshikawa đã trên ngũ tuần. Gần 20 năm sau vụ Trân châu cảng, thành tích của Takeo mới được tiết lộ trên mặt báo. «Sự thật là - lời Takeo - tôi đã nắm lịch sử trong lòng bàn tay, dầu chỉ là trong một thời gian

ngắn». Những người noi gương Takeo muốn nắm lịch sử trong lòng bàn tay không thể bỏ qua 7 kinh nghiệm tại Trân châu cảng.

13) Bước Đầu Quyết Định

Nhờ được chuẩn bị kỹ lưỡng, nhiệm vụ do támm của Takeo tại Trân châu cảng đã thành công mỹ mãn. Chuẩn bị là bước đầu quyết định của nghề điệp báo. Hoạt động điệp báo cũng như xây tòa nhà lớn, phải đào móng thật sâu, và chôn cột thật chắc. Móng cạn, cột lỏng sẽ làm tòa nhà sụp đổ. Sự chuẩn bị hời hợt sẽ làm hoạt động điệp báo thất bại.

Tuyển mộ và huấn luyện là bước đầu quyết định của nghề điệp báo. Có 2 hình thức tuyển mộ : tuyển mộ trong nước, và tuyển mộ ở ngoài nước. Ở trong nước, Nga tuyển mộ dễ hơn Mỹ. Trên thực tế, sở điệp báo Xô viết không tuyển mộ nhân viên như ở Tây phương, mà là chỉ định. Người Nga không thể nộp đơn gia nhập GRU hoặc KGB. Việc tuyển mộ nhân viên điệp báo, nhất là nhân viên gián điệp hải ngoại, nằm trong thẩm quyền Trung ương đảng Cộng sản. Trung ương Đảng có một cơ quan riêng phụ trách ngành điệp báo, và kết nạp.

Ivan là tên thông dụng của người Nga, cũng như họ Nguyễn đối với người Việt. Giả sử trong trường trung học ở Mạc tư khoa có một thanh niên xuất sắc tên là Yvan. Muốn thành nhân viên GRU Ivan phải trải qua 3

giai đoạn.

Giai đoạn thứ nhất : Nhân viên tuyển mộ của ban an ninh Trung ương Đảng nhận thấy Ivan có thể trở thành điệp viên. Bản báo cáo được trình lên và được chấp thuận. Sở mật vụ KGB (xin nhớ, KGB là cơ quan mật vụ đứng trên và có quyền hành hơn GRU) mở cuộc điều tra bí mật về ứng viên Ivan, dò xét tông tích từ cha, ông, cụ cố của Ivan, và có thể cao hơn cụ cố nữa.

Ivan được liệt vào thành phần tin cậy nên được đưa học trong trường Marx-Engels ở Gorkyi gần Mạc tư khoa. Ngoài mặt, Ivan lưu lại 4 tháng để học tập chủ nghĩa xã hội, kỳ thật là để các giáo Sư nghiên cứu tình hình và khả năng.

Giai đoạn thứ hai : Ivan tốt nghiệp trường Marx Engels với điểm tốt. Sau đó, y lên đường đi Verkhovnoye, gần Kazan, vào trường kỹ thuật Lenine. Trường học được tổ chức như quân trại, hiệu trưởng và huấn luyện viên đều mặc sắc phục sĩ quan mật vụ KGB. Trong vòng một năm, Ivan được dạy kỹ thuật nhiếp ảnh (chụp hình thường quay phim rửa ảnh), ngụy trang ảnh, phương pháp làm phim vi ti, vô tuyến điện, kỹ thuật ghi âm, và nghe trộm điện thoại. Ngoài ra, Ivan còn học mật điện, mật mã, phương pháp dùng thuốc mê, thuốc độc trộn vào thức ăn, thức uống, tẩm vào thuốc lá, và biết cách

tính liều lượng. Ivan còn học phương pháp phá hoại tân tiến, như chế bom và dùng bom giấu trong bật lửa, bút máy, bao quẹt và đèn bin. Trên đại thể, Ivan học những cái được dạy trong các trường điệp báo Tây phương. Nếu khác, chỉ khác từ giai đoạn ba...

Giai đoạn thứ ba : Mãn khóa, Ivan được gửi tới một trung tâm huấn luyện đặc biệt, ở xa Mạc tư khoa 200 cây số, trong một vùng hoang vu : Gracszyrna. Thị trấn này không được ghi vào địa đồ Nga xô, vì đó là thị trấn bí mật nhất, thuộc cộng hòa Tartare, được mật vụ vũ trang KGB canh gác trong đường kính 100 cây số.

Trung tâm Gracszyrna gồm 4 khu huấn luyện điệp viên hoạt động tại Anh-Mỹ, và các quốc gia nói tiếng Anh. Về phía tây bắc, là khu Hoa kỳ, phía bắc, khu Gia nã đại, đông bắc, khu Anh quốc. Về phía nam là khu Úc châu, Tân tây lan, Ấn độ và Liên hiệp Nam Phi. Mỗi khu là một tiểu quốc gia : khu Mỹ, sinh viên sống hoàn toàn như Mỹ, khu Anh, phải lái xe bên trái, tiêu đồng bảng Anh, đọc Luân đôn Thời báo... Đại tá Abe bị bắt tại Mỹ đã tốt nghiệp ở Gracszyrna, cũng như thiếu tá Lonsdale bị sa lưới tại Anh quốc...

14) Đáy Biển Mò Kim

Tuyển mộ điệp viên ở ngoại quốc là công việc khó khăn hơn nhiều. Đại tá Pawel Monat, thuộc tình báo Z-2 Ba lan, đã viết như sau :

«Tuyển mộ tại hải ngoại là một trong các công việc khó khăn nhất. Chỉ một sơ hở con con là đủ bại lộ, bị bắt, hoặc bị trục xuất. Không có cách nào đơn giản hóa công việc. Không có nơi nào nhất định để đến tìm người. Cũng không có người sẵn mà tìm. Tìm nhân viên mới cũng như câu cá. Phải kiên nhẫn một cách phi thường. Ngồi câu cá trên mặt hồ nước lặng, và tối, có thể đụng giây trăm lần mà chưa bắt được cá. Nếu tiếp tục kiên nhẫn, câu hoài câu mãi, thế nào cũng được.

«Mỗi câu tốt nhất là tiền. Một số ứng viên xin gia nhập vì tư tưởng chính trị. Tuy nhiên, các điệp viên này thường đào ngũ rất nhanh trong hoàn cảnh gay go.

«Quanh năm, tôi phụ trách tuyển mộ. Mỗi khi đi đâu, đi dự tiếp tân, đi ăn riêng, đi tàu, đi dạo mát trong công viên, ngoài đường, tôi đều nghĩ đến.»

Pawel Monat thuật lại việc tuyển mộ một người Mỹ như sau :

Đại úy Golach, phụ tá của Monat, tán được một thanh niên uống rượu như hũ chìm, độc thân, mê gái và thèm tiền. Monat ra lệnh cho Golach rủ y đi ăn tại các nhà hàng lớn, kèm theo nhiều cuộc du hí tốn tiền. Thoạt đầu mỗi người trả phân nửa. Y thiếu tiền, Golach cho vay, nhưng bắt ký nhận. Golach thuê phòng cho y ở. Giả làm nhà buôn ở thị trấn khác tới, thỉnh thoảng Golach ghé thăm y, và đưa tiền cho y tiêu.

Một thời gian sau, Golach nói rằng một người bạn muốn biết họa đồ của một loại phi cơ thương mại. Đây là hình thức gián điệp kỹ nghệ thông thường ở Hoa kỳ. Song gã thanh niên từ chối. Golach vẫn tiếp tục chi tiền như cũ.

Một thời gian sau nữa, Golach bắt thần đến gặp y, phàn nàn là làm ăn thất bại :

- Khổ quá, anh ơi, tôi khánh kiệt đến nơi rồi... Không khéo tôi phải trả phòng lại... và sẽ phải đòi số tiền anh thiếu...

Gã thanh niên lặng người như bị sét đánh. Sự nhớ ra, y hỏi :

- À, anh bạn kia đâu ?

Golach thở dài :

- Từ ngày anh từ chối, tôi không gặp lại hấn nữa. Tôi không biết hấn còn muốn nhờ mình nữa không?

- Anh chịu khó tìm hấn hỏi lại xem.

- Sợ hấn có người rồi. Anh còn lạ gì, công việc dễ ớn, ai làm chả được. Tiền lại nhiều nữa.

- Nếu hấn còn muốn thuê tôi, hấn sẽ trả bao nhiêu ?

- Cũng lùy công việc anh làm.

Golach nói lửng lơ cho hấn thèm muốn. Gã thanh niên khẩn khoản :

- Tôi bằng lòng. Anh tìm hấn đi.

Golach bắt gã thanh niên chờ đợi trong mấy tuần lễ. Trong thời gian này, hai người vẫn tiếp tục cuộc sống vương giả. Mỗi lần gọi chuyện, Golach đều lắc đầu là chưa gặp. Rồi một tối kia, Golach cười sung sướng :

- Tìm ra rồi. Hấn chịu trả 200 đô-la. Anh chỉ cần cung cấp cho hấn vài ba bức vẽ.

Gã thanh niên trở nên rụt rè và lùng khùng. Y không giao họa đồ đúng hẹn, và cứ khát lần. Đại tá Monat xin

lệnh Varsovie thì trung ương Z-2 dẫn tiếp tục. Gã thanh niên đòi gặp người bạn của Golach. Một đại úy gián điệp Ba lan phải giả làm kỹ nghệ gia Đức, với đầy đủ giấy tờ chứng minh.

Song gã thanh niên bị mất chức. Vì y say rượu ngày đêm nên bị đuổi. Trung ương Z-2 ra lệnh cho Monat tìm việc khác cho y, nhất là việc liên quan đến kỹ nghệ quốc phòng. Y vay của Golach 1.000 đô la nói là đến tiểu bang khác tìm việc, rồi đi biệt.

Kế hoạch tuyển mộ bị thất bại. Tuy nhiên, nó có thể được coi là thủ tục tuyển mộ điển hình của nhiều cơ quan điệp báo ở hải ngoại. Một công việc cũng khó khăn như đáy biển mò kim.

Lệ thường, nhân viên tuyển mộ không phải là nhân viên xử dụng. Năm 1936, điệp viên Sô viết Hede Mussing tuyển mộ được một số mật viên trong bộ máy chính quyền ở Hoa thịnh đồn. Hede giả làm nữ công dân Đức tị nạn Hitler, tham dự nhiều cuộc tiếp tân để làm quen với các viên chức trẻ tuổi và giữ chức vụ quan trọng. Hede kết nạp được một số. Sau khi kết nạp, những người này được chuyển tới cho sĩ quan phụ trách GBU.

8 thành phần sau đây được điệp viên Sô viết lưu tâm tới trong việc tuyển mộ : chính khách, nhà ngoại giao, quân nhân, ký giả và thông tin viên, nhà bác học, nhà doanh nghiệp, kỹ sư và hóa học gia, những người sống nghề tự do như văn sĩ và nghệ sĩ.

Nhiều khi, điệp viên Sô viết lên đường ra nước ngoài đã có sẵn danh sách những người có thể được kết nạp. Đó là trường hợp đại tá Zaboutine, người cầm đầu tổ chức do thám nguyên tử quan trọng tại Gia nã đại trước ngày đại chiến thứ hai chấm dứt.

Bản danh sách này do Phòng Thông tin Quốc tế Cộng sản lập ra, và trao cho GRU. Trong danh sách này có Fred Rose, dân biểu Quốc hội, thuộc đảng lao động cấp tiến. Zaboutine dùng Rose làm nhân viên tuyển mộ.

Trên xe hỏa, Rose gặp bạn cũ David Gordon Lunan, tòng sự lại bộ Thông tin Gia nã đại. Tuy Lunan không cung cấp được tin tức quan trọng, y lại quen nhiều người liên quan đến hoạt động quốc phòng. Rose báo cáo cho Zaboutine, và Zaboutine cử đại tá Rogov để kết nạp Lunan. Tháng 3-1945, Lunan thấy trên bàn một mảnh giấy mời y đến gặp một người bạn. Y gặp đại tá Rogov, dưới bí danh Jan. Lunan gia nhập tổ chức, dưới bí danh Black. Đại tá Rogov ra lệnh cho y kết nạp một số người khác.

Lunan mời bác sĩ Durnford Smith tòng sự tại ban nghiên cứu, sưu tầm trong bộ Quốc phòng, lại dùng com để thăm dò. Smith nhận lời và từ đó dưới tên Badeau đã cung cấp nhiều tin tức tối mật cho Zaboutine. Badeau cho Zaboutine biết Tây phương đang nghiên cứu nguyên tử năng.

Bác sĩ Allan Nunn May, người Anh, được GRU ghi trong danh sách những người có cảm tình với Nga xô. Nhân viên GRU ở Luân đôn báo cho Zaboutine biết bác sĩ May đang phục vụ trong Trung tâm nguyên tử do Badeau nhắc tới. Zaboutine ra lệnh cho trung úy RU Angelov đến gặp bác sĩ May. Mấy ngày sau, May trao tận tay Angelov mẫu kim khí uyraniom 235 và 233, được dùng để chế bom nguyên tử. Thử thức tuyển mộ của đại tá Zaboutine là thử thức điển hình, hiện được các cơ quan điệp báo quốc tế áp dụng.

Người không quen uống rượu không dám uống rom nguyên chất, hoặc pha nước. Song nếu pha rom với đường thì uống bao nhiêu cũng được, và đến khi say mềm mới biết. Hiện nay, người Mỹ thường uống rom với nước ngọt côca côla.

Tuyển mộ điệp viên cũng như uống rom với nước ngọt. Đến khi nạn nhân mở mắt thì đã muộn. Sau đây là một trường hợp điển hình. Năm 1940, một phần lớn Âu

châu rơi vào tay quân đội quốc xã, tình báo Đức nghĩ đến việc kết nạp dân chúng trong vùng chiếm đóng làm điệp viên để gửi sang Anh quốc. Cuộc tìm kiếm được xúc tiến tại Na uy vì dân chúng nước này thông dụng tiếng Anh.

Hồi ấy, Hoa kỳ còn trung lập nên việc giao dịch thư tín vẫn tiếp tục với Na uy. Sở Kiểm duyệt Na uy được đặt dưới quyền tình báo Đức, với các nhân viên địa phương. Đại úy Đức Mueller chọn trong số nhân viên kiểm duyệt 2 thanh niên nhanh nhẹn, khả ái, ham chơi, và thèm phiêu lưu, Jack Berg và Olaf Klausen.

Chưa ra mặt vội, Mueller sai một nhân viên Na uy kết bạn với đôi thanh niên này. Sau nhiều lần chè chén, Jack và Olaf bắt đầu xuôi tai. Mueller bèn tổ chức bữa ăn giữa hai thanh niên và nhân viên Na uy kể trên. Song hắn chỉ ngồi ở bàn bên theo để dõi cuộc trò chuyện. Biết tình hình đã chín, hắn hẹn 2 thanh niên ra ngoại ô gặp gỡ, và đội lột nhân viên trong bộ tuyên truyền quốc xã của Goebbels. Nâng ly rượu, hắn ra chuyện :

- Vì chiến tranh, chúng tôi không lấy được đầy đủ tin tức ở Anh quốc để cung cấp cho báo chí Đức. Thông tin viên Đức không thể qua Anh nên chúng tôi cần tuyển dụng những ký giả thuộc quốc tịch khác. Các anh là người có đủ khả năng. Về lương bổng, các anh đừng

ngại, chúng tôi thù lao rất hậu hĩ. Dĩ nhiên, các anh phải mang theo máy vô tuyến điện để gửi tin về cho thông tấn xã DNB ở Bá Linh.

Jack và Olaf tỏ ý ngần ngại. Mueller phải tiếp tục thuyết phục. Nhiều cuộc gặp gỡ kèm theo ăn uống linh đình được tổ chức. Một thời gian sau, Mueller đưa cho mỗi người một số tiền, gọi là tiền trả trước. Nhận tiền, hai thanh niên Na uy phải ký biên lại.

Cạm bẫy đã xập xuống. Trong lần gặp sau Mueller giở giọng :

- Các anh đã lãnh tiền của sở Tình báo Đức ký nhận hẳn hoi. Tôi tin là các anh sẽ tuyệt đối trung thành. Nếu không, buộc lòng tôi phải tiết lộ cho kháng chiến Na uy biết.

Kháng chiến Na uy đang bành trướng mạnh mẽ. Nếu Mueller báo cho kháng chiến, Jack và Olaf sẽ ăn đạn vào gáy. Tiền thoái lương nan, đôi bạn trẻ phải nhận lời, và từ đó lao đầu vào mê hồn trận. Họ được gửi đi huấn luyện và lên đường qua Luân đôn.

Vì nghề điệp báo là nghề lạ lùng nên một số ngoại lệ đã xảy ra. Trong thế chiến thứ hai, tình báo đồng minh đã thành công với Eric Erickson mặc dầu nhà doanh

nghiệp Thụy điển này đã áp dụng một thể thức tuyên mộ không được ghi trong sách vở, đầy hớ hênh và nguy hiểm.

Chế độ quốc xã Hitler được coi là tàn bạo có một không hai trong lịch sử, với guồng máy mật vụ ghê gớm, giết hàng triệu người như đưa trẻ thơ ngây chà đạp con kiến. Phong trào chống đối bị dập tắt bằng súng đạn, dân chúng sống trong sự lo sợ ngày đêm. Trong bầu không khí căng thẳng này, Erickson có nhiệm vụ tới Đức đặt nền móng cho một tổ chức gián điệp.

Erickson đến gặp bá tước Gerhard von Oldenbourg, một nhà doanh nghiệp dầu hỏa ở Đức. Trong quá khứ, Oldenbourg là người không tán thành chủ nghĩa quốc xã. Song thời gian, và chế độ cảnh sát có thể thay đổi lòng người. Trong buổi gặp đầu tiên, Erickson nói toạc với bạn rằng ông là điệp viên đồng minh, và yêu cầu Oldenbourg hợp tác để cung cấp cho đồng minh mọi tin tức bí mật liên quan đến kỹ nghệ dầu hỏa.

Oldenbourg còn ngơ ngác thì Erickson nói :

- Vâng, tôi là gián điệp. Gián điệp đồng minh. Sự chân thành của Erickson đã cảm hóa được người bạn bá tước. Tuy nhiên, Erickson đã cấp cho Oldenbourg một chứng minh thư kỳ dị, nội dung như sau :

«Đây là giấy chứng minh bá tước Gerhard von Oldenbourg ở Bá linh hợp tác với tôi trong việc cung cấp tin tức tối mật. Trong khuôn khổ quyền hạn do thượng cấp của tôi trong sứ quán Mỹ ở Stockholm ủy thác, tôi đã hứa với bá tước Oldenbourg rằng Đồng minh sẽ tri ân hoạt động của ông sau khi thắng trận. Tôi viết và ký giấy chứng minh này, đề phòng trong trường hợp tôi chết, đây là bằng cớ về hoạt động thân đồng minh của bá tước Oldenbourg».

Eric Erickson.

Erickson đã ký nhiều lần như vậy. Sau đó, ông đã nhiều lần tới Bá linh. Phản gián quốc xã không phăng ra ông, kẻ cũng là sự lạ lùng.

15) Tiến Vào Lưới Nhện

Tổ chức gián điệp như lưới nhện được giăng mắc trên toàn thế giới. Lịch sử thế chiến đã mang lại những dẫn chứng cụ thể và phong phú.

Tháng 6-1943, đại tá Zaboutine tới Gia nã đại với 11 sĩ quan GRU. Tài xế và vệ sĩ cũng là nhân viên GRU. Ngoài ra, còn có 3 nhân viên dân sự đội lột viên chức ngoại giao. Những người này có nhiệm vụ tổ chức lưới nhện ở Tây bán cầu. 6 tháng sau, Zaboutine hoàn thành kế hoạch tổ chức với 27 điệp viên địa phương, hoạt động liên tục trong vòng 26 tháng. Nếu Igor Gouzenko, chuyên viên mật mã không chọn tự do thì tổ chức của Zaboutine còn hoạt động một thời gian nữa mới bại lộ.

Một tổ chức khác của GRU hoạt động đặc lực ở Thụy sĩ từ 1937 đến 1943. Khác với Zaboutine núp sau bình phong ngoại giao, tổ chức ở Thụy sĩ, gọi là Rote Drei, là trú sứ ẩn tề, gồm giám đốc trú sứ, 3 trung gian, 3 vô tuyến điện viên, và 1 giao liên. Trục thuộc trú sứ là 60 mật viên. Không nhân viên nào là người Nga.

Trong tổ chức của Richard Sorge tại Đông kinh với 35 nhân viên, duy Sorge và nhân viên vô tuyến là điệp viên chính thức GRU, còn đều là một viên sở tại, làm

đủ nghề như ký giả, kỹ nghệ gia, doanh gia, viên chức, cuộc chê, nhân viên hỏa xa, dân biểu, và y sĩ. Dưới quyền 33 mật viên sở tại, còn có 160 mật viên «vô tình» khác, trong số có một thủ tướng và một tướng lãnh. Mật viên vô tình là người vô tình cung cấp tin tức. Cũng như Rote Drei, mạng lưới của Sorge tại Nhật không có công dân Sô viết.

Ngày nay, người ta có thể đoán chắc rằng trên thế giới ở đâu cũng có gián điệp. Những con số về nhân viên gián điệp Đông - Tây được đưa ra mỗi lúc một khác. Năm 1938, nghĩa là thời cực thịnh của Phòng Nhì Abwehr quốc xã, Đức dùng 15.000 điệp viên. Hanson W. Baldwin, chuyên viên quân sự của Nữ ước Thời báo ước lượng CIA dùng từ 9.000 đến 15.000 điệp viên.

Ước lượng này có lẽ quá bảo thủ, vì riêng trụ sở Langley đã chứa từ 8.000 đến 10.000 nhân viên thường trực. Năm 1959, Aleksandr N. Shelepin, trùm mật vụ Sô viết, cho rằng Hoa kỳ chi phí hàng năm 1.500 triệu đô la cho CIA, với 20.000 nhân viên.

Mùa hạ 1963, tổng giám đốc McCone thuyết trình trước một số chỉ huy quân sự cao cấp Mỹ rằng Hoa kỳ chi phí hàng năm 2.000 triệu đô la, và gần 100.000 liên quan đến công tác điệp báo. Theo David Wise và Thomas B. Ross, thì Hoa kỳ còn tiêu thêm mỗi năm

2.000 triệu đô la cho công tác do thám điện tử, nghĩa là hàng năm tổng cộng 4.000 triệu đô la, với 200.000 nhân viên (cũng theo nguồn tin Mỹ, hàng năm Nga sơ chi phí 2.000 triệu đô la cho công tác gián điệp). Phần lớn ngân khoản điệp báo của Mỹ được tập trung trong bộ Quốc phòng, đặc biệt là trong các chương trình sản xuất hỏa tiễn nguyên tử như Minuteman và Polaris, và chương trình lên mặt trăng.¹²⁴

Alain Pujol¹²⁵ tiết lộ rằng một cuộc điều tra bán chính thức của các cơ quan Liên hiệp Quốc được ông Edgar Hoover, giám đốc FBI chú thích đã ước lượng hàng năm các cơ quan điệp báo trên thế giới tiêu phí 9 tỉ đô la, mà phân nửa là của Nga sơ, còn Trung ương Tình báo CIA chỉ xài 700 triệu đô la, và toàn bộ hệ thống điệp báo Mỹ, 2 tỉ rưỡi đô la với trên 60.000 nhân viên.

124 Ngày 4-9-1953, tướng C.P. Cabell, phó tổng giám đốc hành chính CIA viết rằng ngân sách CIA được giữ bí mật, chỉ được chuyển tới 4 hoặc 5 nhân viên Thượng và Hạ viện. Ngân sách CIA được giữ trong ngân sách các sở bộ khác, và sở Ngân sách không loan báo với Quốc hội là CIA gồm bao nhiêu nhân viên.

125 Dictionnaire de l'Espion (Tư điển điệp viên) Alain Pujol, nhà xuất bản Solar, Pháp quốc, 1965.

Theo André Fernez, riêng tại Hoa kỳ, GRU đã gài 25.000 nhân viên gián điệp. Tại Đức, một nhân viên Phả gián Tây Đức phải đối phó với 160 điệp viên cộng sản Đông Đức ¹²⁶.

126 Les Coulisses de l'Espionage (Hậu trường gián điệp) André Fernez, Nhà xuất bản Marabout, 1944, Bỉ Quốc.

16) Gián điệp : Diễn Viên Thượng Thặng

Người không biết đóng kịch không thể làm nghề gián điệp. Điệp viên giỏi thường là diễn viên giỏi.

Eric Erickson thành công vẻ vang, mặc dầu không phải là điệp viên chuyên nghiệp nhờ có biệt tài đóng kịch. Ông đóng kịch thân Đức giỏi đến nỗi bạn bè, gia đình đều tin là thật, thậm chí các yếu nhân quốc xã như trùm mật vụ Himmler cũng bị lừa.

Trong một chuyến thăm Bá linh, Erickson được đưa vào khám đường Moabit, nơi tra tấn và hành quyết những người phạm tội do thám. Muốn dọa Erickson, mật vụ Đức mời ông chứng kiến một vụ xử bắn hàng loạt. Trong số tử tội có Marianne, nữ điệp viên đồng minh đang làm bí mật với ông và cũng là người tình của ông. Song Erickson không dám can thiệp. Và không dám lộ vẻ đau buồn trên mặt.

Một người đàn bà khác, Lisa, yêu cầu Erickson giúp đỡ để chống lại Hitler. Erickson phải đóng kịch thân Hitler. Tiễn ông lên phi trường, nàng nhờ ông mang về Thụy điển một số tài liệu quan trọng, nhưng ông từ chối. Ông phải đóng trò thân Hitler đến phút cuối cùng.

Rồi Lisa sa lưới Gestapo và bị hành quyết.

Một trong các môn dạy trong trường gián điệp là kịch nghệ. Phải diễn xuất trên mức trung bình mới được hy vọng chấm đầu, và gửi ra ngoại quốc hoạt động.

Vì trước khi xuất dương, điệp viên phải mang tên giả. Không những tên giả, mà là cuộc đời giả, tiểu sử giả, cha mẹ, anh em giả, quê hương giả, tất cả đều giả. Danh từ chuyên môn gọi là «dã sử» (1)¹²⁷ Trước khi xuất dương, điệp viên phải học thuộc dã sử. Ladislas Farago, chuyên gia tình báo, thuật lại có lần ông thấy những dã sử, dày đặc 18 trang đánh máy, cách một hàng. Điệp viên mang tên mới đã đành, thậm chí nếp sống cũng hoàn toàn mới.

Toàn thể nhân viên GRU đều phải đổi tên họ, và học thuộc dã sử trước ngày ra hải ngoại hoạt động. Iyor Gouzenko, nhân viên mật mã GRU chọn tự do tại Gia nã đại, tiết lộ rằng Trung ương GRU mất cả tháng để sửa soạn dã sử cho y. Chọn xong dã sử, điệp viên còn phải lấy bí danh. Nghĩa là hai lần mang tên giả.

Trên thực tế, điệp viên ẩn tề thường dùng nhiều tên giả. Đại tá Sô viết Rudolf Ivanovitch Abel - dĩ nhiên Abel là tên giả và là tên thông dụng ở Nga sô, cũng như

127 Tiếng Pháp : légende, tiếng Anh : legend, cover story.

Nguyễn văn Ba ở Việt Nam - đội tên Emil Goldfus để thuê một căn phòng để hành nghề nhiếp ảnh ở Brooklyn, Nữ ược (Goldfus là tên một thiếu niên Mỹ chết non) nhưng lại đổi là Martin Collins khi thuê phòng trong một lữ quán bình dân ở Nữ ược.

Gordon Arnold Lonsdale sống tại Anh quốc với thông hành hợp pháp Gia nã đại. Phản gián đồng minh mất nhiều tháng trường điều tra tỉ mỉ mới khám phá ra Lonsdale là tên một người chết đã lâu, và lên thật - cũng vị tất là thật hoàn toàn - của Lonsdale bị bắt tại Anh quốc, cầm đầu hệ thống do thám hải quân của Nga sô, là Conon Molody, quốc tịch Sô viết, thiếu tá điệp báo GRU.

Trên sân khấu, diễn viên chỉ cần đóng trò vài ba giờ đồng hồ là nhiều nhất. Tuy vậy, diễn viên giỏi lột được tinh thần vai tuồng cũng hiếm. Trong khi ấy, điệp viên phải đóng trò hàng tuần, hàng tháng, có khi hàng nhiều năm liền như trường hợp đại tá Abel.

Ngoài việc đóng trò thường trực, điệp viên còn phải đóng trò trong nhiều trường hợp đặc biệt khác nữa. Nói cách khác, điệp viên phải am tường nghệ thuật cải trang. Trên nguyên tắc, cải trang (cũng như hóa trang) là một bộ môn của ngành diễn xuất.

Trong chớp mắt, điệp viên phải có thể biến thành bồi bàn, thợ hớt tóc, nhân viên điện thoại, người gác đêm, hầu đột nhập khách sạn, văn phòng hoặc xưởng máy. Đôi khi còn phải cải trang làm nhà tu, y tá, khách du lịch, thợ thuyền, nông dân doanh gia, cuộc chè, văn nghệ sĩ... Trong thế chiến thứ hai, một số điệp viên Đức hoạt động trên đất Nga dưới lốt sĩ quan Sô viết, điệp viên đồng minh cải trang làm sĩ quan quốc xã để hoạt động trong vùng bị Đức chiếm đóng.

Thiếu tá A.W. Sansom, sĩ quan IS xuất sắc tại Ai cập trong thế chiến thứ hai thường cải trang làm người Ả rập để trà trộn vào dân chúng địa phương lấy tin tức, cũng như sĩ quan tình báo hải quân Nhật Takeo đội lốt công nhân Phi luật tân để hoạt động tại Trân châu cảng.

John W. Eppler, điệp viên Đức nổi tiếng ở vùng sa mạc Ai cập, người đã cung cấp tin tức cho thống chế Rommel, đã điềm nhiên lái xe từ tổng hành doanh của Rommel vượt qua sa mạc mênh mông tới Ai cập, nhờ tài diễn xuất phi thường. Ra khỏi sa mạc, Eppler đụng đầu với một sĩ quan Anh. Trời nắng thiêu đốt, Eppler và người phụ tá xách va li nặng trĩu, đứng điện đài bí mật: sự kiện này dễ gây ra nghi ngờ. Song Eppler thuyết phục được viên sĩ quan Anh rằng y là đại diện của tướng De Gaulle tại thủ đô Ai cập, và bạn y là người Mỹ, rũ nhau

đi chơi trong sa mạc chẳng may hỏng xe phải đi bộ.

Thiếu tá Sansom đã bắt Eppler. Trong thời gian ở thủ đô Ai cập, Eppler đột lốt một thanh miến trác táng. Còn Sansom đột lốt tay tổ chợ đen để được gần Eppler.¹²⁸

Bị Phản gián quốc xã quen mặt và lòng bất ráo riết, đại tá Rémy phải cải trang trước khi trở về Pháp. Sau lần cải trang thử đầu tiên, Rémy già thêm 30 tuổi khiến con cái ông cũng không nhận ra. Người ta yêu cầu ông nhổ hai hàm răng, và đeo hàm răng giả, để thay đổi môi miệng và khuôn mặt song ông từ chối.

Ông bèn để râu mép, để dài đến nỗi phải với lên mỗi khi ăn xúp, Vét-tông của ông được độn bông để biến ông thành người còng, quần may nhiều túi riêng, cũng độn bông để làm dẹt to, hoặc bụng phệ, giày được đóng riêng, tuy đế bình thường không dày không mỏng mà ông cao thêm 3 phân.

128 Eppler bị kết án tử hình. Nhờ các sĩ quan Anh tỏ tình thần mã thượng, y không bị hành quyết. Sau thế chiến, được trả tự do, Eppler sang Anh quốc, trở thành bạn của thiếu tá Sansom. Cả Sansom lẫn Eppler đều viết hồi ký.

17) Điệp Viên Và Đảng Viên

Cho đến ngày đại chiến chấm dứt, GRU và KGB Xô viết thường tuyển mộ nhân viên hải ngoại trong hàng ngũ đảng viên và cảm tình viên cộng sản. Nhưng từ ngày một số điệp viên ở Mỹ đầu hàng, và nhất là từ ngày Igor Gouzenko, đảng viên trung kiên, chọn tự do ở Gia nã đại, Trung ương KGB ra lệnh đình chỉ việc dùng tư tưởng chính trị làm tiêu chuẩn kết nạp.

Trong thế chiến, Hitler đã vấp phải thất bại tương tự với các đảng viên quốc xã nổi tiếng trung kiên. Mùa hạ 1941, Phản gián Mỹ bắt trọn gói các điệp viên Đức. Hệ thống gián điệp tại Hoa kỳ bị hoàn toàn tê liệt, Hiler lên cơn thịnh nộ, khiển trách đề đốc Canaris, chỉ huy trưởng Abwehr, và bắt Canaris phải dùng đảng viên quốc xã tin cậy để thực hiện một vụ phá hoại đại quy mô ở Mỹ.

Trung úy Werner Kappe người Mỹ gốc Đức, được Trung ương Đảng giới thiệu với đại tá Labousen, phụ tá của Canaris. Kappe được Đảng tín nhiệm nên Lahousen phải chấp nhận. Kappe đưa cho Lahousen coi danh sách những người được lựa chọn vào đội phá hoại, và nói giọng đắc thắng :

- Họ đã sống nhiều năm tại Mỹ, ngôn ngữ, nề nếp sinh hoạt hoàn toàn Mỹ. Họ sẵn sàng trở lại Mỹ, đảm

nhận công tác phá hoại, hy sinh tính mạng cho Hitler. Toàn thể đều là đảng viên trung kiên.

Lahousen đáp :

- Đồng ý. Tôi chỉ cần hỏi trung úy một điều : họ đã quen với nghề tình báo và các nguyên tắc sơ đẳng về phá hoại chưa ?

Kappe cười nhạt:

- Thừa đại tá, chưa. Tuy nhiên, họ sẽ học.

Kappe nói thẳng rằng y đã được Đảng cử làm chỉ huy toán phá hoại. Đảng lại ra lệnh cho các đảng viên trong hải quân chở tàu ngầm cho họ sang Mỹ.

Lahousen đành phải đưa họ tới trường Brandebourg để được huấn luyện trong 2 tháng. Trước ngày toán phá hoại lên đường, Canaris và Lahousen đã biết thất bại. Vì vậy, Lahousen không gửi vô tuyến điệp viên theo.

Heinrich Wanner xin ở lại sau thời gian huấn luyện. Y bị tổng trả về quân đội, mà y là trung sĩ rồi chuyển ra mặt trận. George John Dash, 40 tuổi, vợ Mỹ, tư tưởng khuynh tả, lưu manh, được chọn làm trưởng đoàn. Đoàn được chia làm đôi và xuống tàu ngầm, lên đường qua Mỹ.

Trước ngày khởi hành, họ được nghỉ phép nửa tháng. Dash được Abwehr đưa cho những cái mũ soa nhỏ ghi bằng mực bí mật danh tính và số điện thoại những người thân Đức ở Mỹ để tiếp xúc sau này. Trung tuần tháng 5-1942, cả bọn tập hợp tại Bá linh, mở tiệc tiễn biệt rầm rộ.

Đại tá Lahousen, giả làm bác sĩ Mueller, ân cần dặn họ :

- Tôi dặn các bạn hãy suy nghĩ, và hành động hệt như người Mỹ, và nhất là quên hết những điều chính trị đã học ở Đức.

Kế hoạch phá hoại đất Mỹ được mệnh danh là Pastorius. Đoàn phá hoại mang theo 6 cái rương nặng chứa chất nổ đặc biệt. Tại Ba-lê, họ được ngụ trong khách sạn, và lợi dụng thời gian xả hơi để chơi bời, mang gái về phòng. Haupt, một nhân viên phá hoại, cãi lộn um xùm với gái điếm về chuyện tiền nong không sòng phẳng.

3 giờ sáng, toàn thể khách sạn bị dựng dậy để nghe Haupt vắng tục bằng tiếng... Anh. Sĩ quan Đức định ninh quân nhảy dù Anh tấn công, xô cửa phòng ra, súng lục trên tay. Giây phút hoảng hốt đã qua, họ bèn hỏi vặn tại sao người Đức, ở trong khách sạn của quân đội Đức,

lại thạo tiếng Anh. Kappe phải giải thích mất nửa ngày, và kết quả là ai cũng biết đoàn Pastorius sắp lên đường hoạt động lại một quốc gia nói tiếng Anh.

Hôm sau, chè chén tại Boxer bar, Dash nói tiếng Anh như gió, và khoe khoang rằng y sắp qua Mỹ. Tối hôm ấy, Dash lại ẩu đả với nhân viên nhà hàng, với người mà hồi sáng y trò chuyện thân mật.

Đoàn Pastorius được chở tới Lorient, chuẩn bị xuống tàu. Trong lễ quán, họ lại nói tiếng Anh, và khoe khoang là sắp sang Mỹ. Một đoàn viên, Schmidt, lo sợ cuống cuống vì mắc bệnh hoa liễu sau những ngày trác táng ở Ba lê. Do đó, Schmidt phải trở về Bá linh,

Trước giờ xuống tàu, Dash khám phá ra rằng phần lớn số tiền 200 ngàn đô la mang theo đều vô dụng. Một số giấy bạc đã bị cấm tiêu ở Mỹ. Các điệp viên từ chối không nhận tiền.

Dash có ý định phản bội từ trước, nên sau khi lên bộ ở Mỹ, chạm trán một nhân viên duyên phòng y hỏi lộ 100 đô la, và yêu cầu nhân viên này bấm đèn vào mặt nhận diện.

Dash lưu lại trên bãi cát nhiều vết tích nguy hiểm : một gói thuốc lá Đức Querstolz Zigarellen bên cạnh

chai rượu Đức Weinbrand và một cái bờ lu dòng bằng da của hải quân Đức. Tiến vào Nữ ưóc, Dash và đồng bọn ăn uống no nê, vào tiệm hớt tóc cạo râu, và vùng tiền mua sắm quần áo. Dash bỏ quên dao cạo trong tiệm thủy đĩnh nên phải mua cái mới. Vào tiệm, hắn chụm chân, giơ cánh lay chào theo kiểu quốc xã, kèm theo tiếng «hoan hô Hitler», khiến người bán hàng giật mình, tưởng hắn loạn óc.

Dash rủ Burger vào nhà hàng sang nhất ăn uống, rồi bàn về vấn đề đầu thú. Burger muốn đầu thú đã lâu nên bằng lòng. Và Dash gọi điện thoại cho cảnh sát FBI.

Dash nộp 80.000 đô la cho FBI. Trong một cái hòm đựng chất nổ đào được trên bãi biển, người ta tìm thấy những thỏi chất nổ mang nhãn hiệu chế tạo ở... Bá linh. Dash thú nhận hết. Bản tự thú dài đúng 250 trang. Toàn thể điệp viên Pastorius đều bị bắt. Ra tòa, đều bị xử tử trừ Dash và Burger. Đúng ra, Dash và Burger cũng lãnh án tử hình, song được Tổng thống Roosevelt ân giảm xuống 30 năm biệt giam. Năm 1948, Dash và Burger được phóng thích và trả về Đức.

Vụ Pastorius đã gây ra một hậu quả lý thú tại tổng hành doanh quốc xã. Hitler triệu đô đốc Canaris đến khiển trách nặng nề, và buộc Canaris chịu trách nhiệm về sự phản hội của đoàn Pastorius. Thì Canaris ngọt

ngào đáp :

- Thưa, không phải tôi chọn mà là Trung ương Đảng. Đảng đã đảm bảo họ là những người tuyệt đối trung thành,

Hitler giật mình :

- Trời ơi, tôi không ngờ... Từ nay, không được gửi đảng viên ra ngoại quốc hoạt động gián điệp nữa. Nếu cần, hãy gửi người Do thái và bọn trộm cướp đi.

- Thưa có phải là mệnh lệnh không ?

Hitler gằn giọng:

- Phải. Một mệnh lệnh. Đô đốc phải triệt để tuân theo.

18) Bài Học Đau Đớn Của Gián điệp Đức

Mệnh lệnh của nhà độc tài quốc xã về việc sử dụng điệp viên đã vạch trần thảm trạng của nền do thám Đức trong thế chiến thứ hai. Sớm hơn nữa, trong thế chiến thứ nhất, sở gián điệp Đức đã tung điệp viên thiếu được huấn luyện sang Anh quốc để rồi rước lấy thất bại chua cay.

Trường hợp điển hình là trung úy Carl Lody. Tháng 8-1914, chiến tranh bùng nổ, toàn thể điệp viên Đức tại Anh quốc bị Phản gián bắt trọn ỏ. Anh là cường quốc hải quân, bắt buộc Đức phải đặt tầm mắt ở Anh. Không còn ai, bắt buộc Bá linh phải tìm người tình nguyện. Và trung úy Lody, một thanh niên yêu nước nhiệt tình, xung phong.

Hồi ấy, Charles A. Inglis công dân Mỹ, ghé bộ Ngoại giao Đức ở Bá linh, xin gia hạn lưu trú. Các viên chức Đức đánh mất sổ thông hành, tòa đại sứ Mỹ phải thay cuốn mới. Với thông hành của Inglis, trung úy Lody lên đường qua Luân đôn.

Đến nơi, Lody gửi điện tín cho bạn ở Stockholm, thủ đô Thụy điển, tên là Adolp Burchard. Lời lẽ bức điện sắc mùi chống Đức. Giá biểu điện tín rất đắt, trừ phi

người điên mới vùng tiền như Lody. Chẳng qua Lody chưa được huấn luyện chu đáo. Phản gián Anh không điên, nên bí mật theo dõi.

Nhà gián điệp tài tử thuê xe đạp xọc xạo khắp vùng quê, và mò vào một căn cứ hải quân, gặp ai cũng đặt ra những câu hỏi tò mò. Thu lượm được tin tức, Lody viết thư gửi cho Burchard. Y gửi 5 bức, sorg sở Kiểm duyệt chỉ cho một bức lọt lưới vì chứa đựng tin vẹt.

Y bị thộp cổ. Khám trong phòng, người ta tìm thấy cuốn sổ tay ghi tin tức bí mật, bản sao thư từ gửi đi, và một số thông hành giả. 2 tháng sau ngày đặt chân xuống Anh quốc, y bị kết án tử hình. Trước đội hành quyết, Lody tỏ ra vô cùng can đảm. Baden Powell đã khen ngợi sự can đảm của Lody. Bị bịt mắt, Lody nói với viên quân nhân điều khiển đội hành quyết :

- Chắc ông không thích bắt tay một nhân viên gián điệp của địch ?

Người này đáp :

- Dĩ nhiên là không. Nhưng tôi rất hãnh diện được bắt tay một kẻ can đảm.

Can đảm là một trong các đức tính cần thiết của điệp viên. Song nếu chỉ có can đảm mà thiếu huấn luyện thì

cũng vô ích. Vì thiếu huấn luyện rất nhiều điệp viên Đức đã bị bắt trong hai trận thế chiến. Đôi khi, họ bị bắt vì được huấn luyện thái quá, huấn luyện để biến thành người máy, mất hết sáng kiến, không thể đối phó với hoàn cảnh bất ngờ.

Trên thực tế, Đức là quê hương của những tay gián điệp cừ khôi. Cô Đốc, với trường huấn luyện độc nhất vô nhị, ông tướng không mặt Gehlen ¹²⁹ với màng lưới điệp viên làm Nga sô điên đầu, là những tinh hoa cận kim.

129 Tiểu sử của cô Đốc và ông tướng không mặt đã được thuật lại trong Gián điệp Quốc tế của Người Thứ Tám.

19) 2 Điệp Viên Lạ Lùng

Bảo rằng toàn thể điệp viên Đức bị thộp cổ tại Anh quốc trong thế chiến thứ hai không hoàn toàn đúng hẳn. Vì đến nay, hơn 20 năm sau, người ta vẫn chưa tìm ra tông tích một số điệp viên Đức lọt lưới Phản gián. Đến nay, người ta vẫn chưa biết rõ họ trung thành với Đức hay là gián điệp nhị trùng nữa. Vì các cơ quan liên hệ giữ thái độ im lặng tuyệt đối.

Jack Berg và Olaf Klausen là một trong những ngoại lệ lạ lùng này. Năm 1941, họ đáp xuống Anh quốc bằng thủy phi cơ, giả làm người Na uy tị nạn Đức quốc xã. Một thời gian sau, sống trà trộn trong dân chúng, họ tổ chức phá hoại trong các xí nghiệp quốc phòng. Tuy tin tức bị kiểm duyệt trên mặt báo, các chuyên viên tình báo ở Bá linh cũng có thể hiểu được giữa 2 giọng chữ để biết là các vụ phá hoại này có thật.

Sau đó, họ cung cấp cho Bá Linh nhiều tin tức quan trọng. Hoạt động của Berg và Klausen được tình báo quốc xã khen ngợi nhiệt liệt. Thống chế Keitel, tổng tư lệnh quân lực, đã xử dụng một oanh tạc cơ đặc biệt để thả đồ tiếp tế xuống cho 2 điệp viên. Trong 2 năm ở Anh, họ đã gửi về trên 60 mật điện quan trọng. Tin tức của họ rời rạc và giạt gân đến nỗi Bá Linh nghi ngờ.

Năm 1944, các chuyên viên tình báo Đức nghiên cứu tường tận các mật điện của 2 điệp viên, đồng thời gửi sang Anh những mật điện gài bẫy. Song Jack và Olaf vẫn trả lời trôi chảy, không có dấu hiệu gì chứng là họ đã bị Phản gián Anh mua chuộc. Tuy nhiên, Bá Linh vẫn chưa hết ngờ vực : một điệp viên đặc biệt được thả dù xuống Anh để do thám... Jack và Olaf. Điệp viên này bị gãy chân và sa lưới Phản gián. 15 ngày sau, Jack và Olaf đánh điện phàn nàn với Bá linh...

Bá linh càng ngờ vực thêm. Song 2 điệp viên tiếp tục gửi tin tức quan trọng cho đến... hết chiến tranh, Các nhân viên tình báo Đức bị bắt sau chiến tranh được Phản gián Anh cho biết rằng từ lâu họ vẫn theo dõi 2 điệp viên hoạt động ở miền Bắc mà không tìm xa. Một ủy ban điều tra Na uy sang tận Đức thẩm vấn các nhân viên tình báo cũ của Đức, song không ai biết gì thêm về 2 điệp viên lạ lùng.

Vụ Jack Berg-Olaf Klausen có thể được coi là một trong những bí mật lạ lùng của thời chiến.

20) Hoạt Động Trong Lòng Địch : Kỹ Thuật Gặp Gỡ

Vấn đề đưa điệp viên vào hậu địch không phải dễ dàng. Bằng chứng là đoàn Pastorius bị thộp cổ ngay sau khi đến Mỹ. Trong thế chiến, hàng trăm điệp viên sa lưới ngay sau khi đổ bộ.

Điệp viên có thể xử dụng giấy tờ hợp pháp và nhập nội công khai. Nhiều khi phải đột nhập lén lút, bằng thả dù, hoặc bằng tiềm thủy đình, hoặc vượt biên giới ban đêm. Tới nơi, điệp viên phải báo tin về cho Trung ương. Lo liệu xong nơi ăn, chốn ở, điệp viên phải bắt tay vào việc gặp gỡ nhân viên sở tại.

Phần nhiều, các chi tiết gặp gỡ đều do Trung ương chuẩn bị từ trước. Bất cứ cuộc gặp gỡ nào cũng gồm giờ giấc, địa điểm, cách phục sức, mật hiệu trao đổi. Đôi khi, Trung ương còn định lộ trình cho khi đến và khi về nữa.

Một trong các phương pháp hẹn gặp là điện thoại. Trừ trường hợp bị nghe trộm - điều ít xảy ra tại Tây phương - điện thoại là một phương pháp an ninh, miễn hồ dùng án ngữ. Trong sự liên lạc giữa điệp viên nam nữ, người ta thường dùng tình yêu làm bình phong.

Hoạt động tại Đức, Eric Eriksan được tình báo đồng minh giới thiệu với một nữ điệp viên quý tộc, tên là Marianne. Trước khi rời Stockholm đi Bá linh, Erickson được xem kỹ hình Marianne và học thuộc một số mật hiệu. Chuông điện thoại reo trong phòng Erickson, ở lầu 5 khách sạn Eden, ở Bà linh. Marianne cất tiếng thân mật như yêu Erickson từ lâu :

- Alô, chào anh yêu. Con chim phụng hoàng bách thắng của lòng em ơi, em rất sung sướng được tin anh trở lại Bá linh.

Theo sự dàn xếp từ trước, Erickson đáp :

- Nghe tiếng em gọi, thật là thần tiên. Con bồ câu xinh đẹp của anh ơi, anh nóng ruột được ôm em vào lòng.

- Em không thể nói dài được, Eric. Thứ tư, 10 giờ tối, chúng mình gặp nhau được không ?

- Được. Tối thứ tư được lắm. Cung ơi, cho đến thứ tư trái đất vẫn còn nguyên, chưa sụp đổ.

- Tối thứ tư nhé. Chỗ thường lệ. Chào anh. Chúc anh ngủ ngon.

Đúng ngày giờ đã định, Erickson đến một ngã tư trong thành phố. Dọc đường, ông luôn luôn kiểm soát

phía sau, đề phòng bị theo. Theo kế hoạch nếu bị theo, ông sẽ vào một hộp đêm, ngồi uống rượu nhẩn nha, giả vờ đợi gái. Marianne tiến đến :

- Có phải con phụng hoàng bách thắng không ?

Erickson đáp :

- Phải. Chào con bồ câu xinh đẹp. Hai người ôm nhau hôn đắm thắm, tuy đây là lần đầu gặp nhau. Đứng xa nhìn lại, ai cũng tưởng Erickson quen nàng và yêu nàng từ lâu. Marianne lại nói :

- Em thấy mặt trời sáng rực trong lòng.

Erickson đáp :

- Mọi đám mây đều tan khi anh ngả trong tay em.

Toàn thể những câu tỏ tình thơ mộng kể trên đều là mật hiệu gặp gỡ.

Hoàng thân Carl Bernadotte, cộng sự viên của Erickson, là nhân viên quản trị một công ty môi giới tài chính ở Stockholm. Thiếu tá Bradley, tổng sự tại sứ quán Mỹ, giả vờ làm khách hàng của hoàng thân Carl để dễ liên lạc bằng điện thoại. Tuy Thụy điển là quốc gia trung lập, mật vụ Đức có thể nghe trộm điện thoại, nên sự liên lạc diễn ra bằng mật ngữ. Một hôm hoàng

thân Carl gọi cho Bradley.

- Chào thiếu tá. Thiếu tá quyết định về dịch vụ ấy chưa ?

Bradley đáp :

- Liệu có lời không, hoàng thân ? Trong quá khứ, tôi nghe nói mua trái phiếu Á căn đĩnh thường bị lỗ.

- Theo tôi, không nên mua nhiều, mà chỉ đề nghị mua 100 cổ phần.

- Được. Tôi đồng ý.

- Cảm ơn thiếu tá. Tôi chắc thiếu tá sẽ có lời.

Theo quy ước, hoàng thân Carl mời thiếu tá Bradley mua trái phiếu nghĩa là yêu cầu gặp. Trái phiếu Á căn đĩnh nghĩa là gặp nhau tại một căn nhà hay phòng đĩnh trước. Còn 100 cổ phần nghĩa là gặp ngay buổi tối, đúng 10 giờ, giờ thường lệ.

Bệnh đãng trí của điệp viên đã dẫn tới nhiều giai thoại lý thú. El Don, một công dân Y pha nho, điệp viên Đức, được lệnh tới gặp một đồng nghiệp íi danh Johnny, tại một quán cà phê ở Lisbonne. Johnny phải đọc tờ Thời báo và uống nước chanh vắt. Gặp El Don, y phải nói :

- Jack nhờ tôi nói là rất cần anh.

Đúng ngày giờ đã định, El Don đến quán cà phê. Người đọc tờ Thời báo đúng với tướng mạo ghi trong lệnh liên lạc, song lại uống nước cam. El Don không dám gạ chuyện, sợ là nhân viên Anh quốc cải trang.

Hôm sau, đúng giờ, quay lại quán cà phê, El Don lại gặp người lạ, cũng đọc tờ Thời báo, và uống nước cam. Y đành xán lại hỏi :

- Tại sao ông không uống ly nước cam đi ? Hôm qua, tôi nhận thấy ông không uống. Hay có lẽ ông thích nước chanh quả hơn...

Người đọc báo đúng là Johnny. Song y đã quên uống nước chanh quả.

Điệp viên Schmidt hoạt động tại Anh quốc cận tiền, tình báo Đức bèn nhờ tùy viên quân sự Nhật ở Luân đôn trao cho y 1.000 Anh kim. Định ninh được gặp một người Nhật - thấp nhỏ, tóc đen, như mặt điện đã mô tả - Schmidt lại chạm trán một người Do thái. Người Do thái vốn là kẻ thù của chế độ quốc xã.

Hai người lặng lẽ lên xe điện, đi loanh quanh trong thành phố, không nói với nhau nửa lời. Sau đó Schmidt mới nói mặt hiệu :

- Tờ Thời báo hôm nay có tin tức gì lạ không ?

Người kia đáp :

- Ô, chẳng có gì quan trọng. Mời ông giữ lấy mà đọc, tôi cũng vừa đọc xong.

Tờ báo được đặt trên đùi Schmidt. Người lạ đứng dậy, xuống xe. Mở tờ báo ra, Schmidt đếm được 1.000 Anh kim (chỉ hơi phiền là loại bạc này đã bị ngân hàng Anh quốc thu hồi nên không tiêu xài được).

Trong thời gian hoạt động, điệp viên thường gặp 3 hạng người : người quen thường, mật báo viên và nhân viên trung gian cung cấp tin tức, và sau cùng là nhân viên giao liên mang tin tức về Trung ương.

Đối với người quen thường, điệp viên có càng nhiều càng lợi, vì tầm hoạt động hữu hiệu được mở rộng. Sự gặp gỡ phải diễn ra công khai. Đối với 2 loại sau, bí mật là điều kiện sinh tử. Đoạn hồi kỳ sau đây của đại tá Pawel Monat đã mô tả một cuộc gặp gỡ cổ điển :

«Mùa hạ 1957, tôi được lệnh khẩn cấp của Trung ương Z-2 tới Nữ ước nhận một cuộn phim vi ti quan trọng của một nhân viên mà tôi chưa gặp bao giờ rồi gửi cấp tốc về Varsovie. Tôi không biết y là gì cũng như không biết y giữ nhiệm vụ gì.

«Tôi chỉ là nhân viên trung gian. Theo tập quán của nghề gián điệp, mọi nhân viên đều là nhân viên cao cấp điều chỉ được biết những chi tiết tối thiểu cần thiết cho việc thi hành công tác. Thủ tục này được tôn trọng triệt để hầu bảo vệ bí mật, và bảo vệ an ninh cho các điệp viên trong Tổ chức, trong trường hợp một hay nhiều người phản bội hay bị bắt.

«Varsovie mô tả tướng mạo của người tôi sẽ gặp, cùng chương trình gặp. Tôi được lệnh gặp y buổi chiều thứ tư... đúng 2g45 ở bến tàu Manhattan. Y sẽ hút ống tẩu lớn màu đen, mang đôi kính màu xanh trong tay phải, kẹp dưới nách trái số tạp chí Hình ảnh Thể thao ¹³⁰ mới nhất. Về phần tôi, phải cầm cái mũ dạ nâu trong tay trái, với tạp chí Newsweek cuộn tròn, và cắn trong miệng cái tẩu thuốc tắt ngúm. Nhận diện xong, tôi phải lên tiếng trước :

- Xin lỗi ông. Chùng nào chuyển tàu khác rời bến ?

Y đáp :

- Tôi không biết, song tôi có thể hỏi giùm ông.

- Thôi, tôi không dám phiền ông.

130 Sports Illustrated.

«Không dám phiền ông» là mật ngữ chứng nhận tôi là sĩ quan gián điệp Z-2. Người lạ phải đáp :

- Không sao, tôi cho đó là một hân hạnh.

«Hân hạnh » là mật ngữ chứng nhận y là nhân viên Z-2. Nếu định mạng oái oăm khiến tôi gặp một người hút tẩu đen, cầm gương xanh và tạp chí Hình ảnh Thể thao mà không biết mật ngữ thì tôi phải xin lỗi và lảng đi lập tức. Nếu đúng, tôi phải lên tàu. Dầu tôi không hút thuốc, tôi cũng phải mang theo gói thuốc lá và bao diêm, và gặp cơ hội thuận tiện sẽ đổi bao diêm cho người ấy.

«Trong trường hợp y khiếm diện chiều thứ tư, tôi sẽ quay lại chiều hôm sau, cũng 2g45. Nếu y vẫn vắng mặt, chúng tôi sẽ gặp nhau mấy tuần sau, theo một kế hoạch dự phòng ¹³¹. Trong trường hợp tôi vắng mặt, y cũng phải theo thể thức như trên. Mọi trường hợp đã được Trung ương trù liệu sẵn.

Tôi rời Hoa thịnh đồn đi Nữ ước một ngày trước buổi hẹn để có thời giờ bỏ rơi nhân viên FBI. Tôi thông báo cho Ngũ giác đài biết tôi đi thăm Nữ ước. 7 giờ

131 Kế hoạch dự phòng : alternate plan. Cuộc họp dự phòng : allernate meeting. Điệp viên gặp nhau thường có cuộc gặp dự phòng, phòng xa cuộc gặp chính thức không thành tựu.

sáng tôi ra ga xe hỏa, và đáp chuyến tàu 8 giờ. Trong toa, tôi chạm trán 2 nhân viên FBI.

«Tôi dùng điểm tâm trên xe hỏa, và sắp đặt kế hoạch. Sau đó, tôi giả vờ đọc báo. Khi tàu chui vào hầm, tôi lên ra ngoài, 2 nhân viên FBI bám sát, sợ tôi gặp điệp viên trên tàu. Tàu sắp ngừng, tôi đã nhảy xuống, vọt lên thang máy, lên lầu nhà ga, vào quán giải khát. Song một nhân viên FBI khác đã chực sẵn bên trong.

«Tôi đành ngồi nghỉ, và gọi cà phê. Một nhân viên FBI nữa. lát sau, tôi gọi tắc xi, về khách sạn Plaza. Các ông bạn FBI lái xe rượt theo. Đến khách sạn, tôi rửa mặt, rồi đi vòng quanh quan sát các lối ra vào, trước khi tản bộ ra ngoài ăn trưa. Đoạn tôi lên xe buýt du lịch đi thăm vùng Manhattan trong 3 giờ đồng hồ. Tối hôm ấy, tôi ăn uống no nê, và lên giường ngủ rất sớm. Tôi đóng kịch hiền lành, cốt phỉnh gạt FBI.

Sáng hôm sau, biết chắc FBI chờ tôi dưới nhà tôi bèn ra bằng lối khác. Nhưng FBI đã khôn hơn. Hai nhân viên lẻo đẻo theo sau. Tôi thả nhiên dí mũi vào tủ hàng, ngấm mọi xa xỉ phẩm như đàn dương cầm và áo lông phụ nữ.

«Lợi dụng một phút sơ hở, tôi tạt vào một bin-đinh, qua nhiều thang máy, rồi nhảy lên tắc xi, quay về khách

sạn, trả tiền. Tôi không dám đi thẳng vì nếu không quay về Plaza, bộ Ngoại giao Mỹ sẽ kiểm có đăng hình tôi lên báo và truyền hình nói là một nhà ngoại giao Ba lan mất tích bí mật, hành lý còn để ở khách sạn. Nghĩa là họ kiểm có phá tôi, không cho tôi thực hiện công tác gián điệp.

«Tôi xách va li đi bộ một quãng, đề phòng nhân viên FBI hỏi người gác cửa, y sẽ không biết tôi đi đâu. Tôi gọi tắc xi, lên nhà ga, gửi va-li, rồi vào rạp chiếu bóng. 1g50, tôi đáp xe buýt ngầm, và đến chỗ hẹn trước 10 phút. Tôi đợi đến 2g50, nghĩa là 5 phút sau giờ hẹn, không thấy ai, bèn trở về ga xe buýt. Đúng hẹn là nguyên tắc sinh tử của công tác gián điệp. Hai điệp viên hẹn gặp nhau, nếu quá giờ không đến, người có mặt phải rút ngay, vì có thể người kia gặp trở ngại. Có thể người kia bị FBI tóm cổ, và bắt đi tới chỗ hẹn để chộp luôn đồng lõa.

«Tôi lấy va li, vào khách sạn Roosevelt lấy phòng. Tôi ghi tên thật, song cố tình viết sai, Pawel thành Rawel, Monat thành Ronat. Nhân viên FBI lục sổ khách sạn sẽ khó tìm ra tôi, và sau này bộ Ngoại giao Mỹ không thể khiển trách tôi khai gian. Vì theo quy chế ngoại giao, tôi phải dùng tên thật mỗi khi du hành. Nếu họ phàn nàn, tôi sẽ viện có viết xấu.

Sáng hôm sau, ăn điem tâm trong phòng xong, tôi đi tản bộ để xem bị theo hay không. Nhân viên FBI đã bị tôi bỏ rơi. Tôi vào Xi nê xem luôn 2 phim để giấu mặt. Ăn trưa xong, tôi lại ra bến tàu. Đúng 2g43, tôi gặp nhân viên Z-2.

«Trên boong tàu, y nói :

- Xin lỗi ông. Ông có điem không ? Tàu thuốc của tôi bị tắt.

«Tôi lấy bao quẹt trong túi, đưa cho y. Y đánh điem xong, giả vờ quên bỏ luôn vào túi, và bước đi. Bỗng nhớ ra, y quay lại, cười ngượng ngập :

- Xin lỗi, tôi quên chưa trả bao điem.

«Y đưa bao khác cho tôi, bên trong đựng phim vi ti. Tôi không biết trong phim có gì. Tôi chỉ có bốn phần tiếp nhận và gửi nhân viên giao liên mang về Varsovie.

«Một hôm, nhân viên giao liên từ Varsovie tới đưa cho tôi một phong bì dày cộm, đề chữ đỏ Scisle Tajne, nghĩa là tối mật. Bên trong là một sự vụ lệnh dài viết bằng mật mã, một cái gói niêm kín đựng 8.000 đô la và bức hình một người đứng tuổi không quen, đeo kính, đội mũ và mặc tơi mưa. Theo sự vụ lệnh, tôi phải gặp người này tại Nữ ưóc, theo giờ giấc định sau. Y sẽ trao

cho tôi một phúc trình quan trọng, và tôi sẽ trả y 8.000 đô la.

«Sự vụ lệnh còn ghi rõ sau khi nghiên cứu kỹ tấm hình, tôi phải gửi trả về Varsovie, còn sự vụ lệnh thì học thuộc và đốt đi, đồng thời đổi 8.000 đô la ra nhiều loại bạc khác nhau cũng là đô la để trả cho người lạ, hầu Phản gián không thể phăng ra người lạ lãnh tiền của Varsovie.

«Tôi phải nhiều nhân viên tới các ngân hàng đổi bạc lớn ra bạc nhỏ. Rồi tôi chờ đợi.

«Mọi chi tiết nhỏ nhất đã được Trung ương lo liệu. Tại cuộc gặp, tôi sẽ mặc áo toại xám. Người lạ mặc y như trong hình. Tôi sẽ mang tạp chí Người dân Nữ ước (The New Yorker) dưới nách trái, cái dù đeo lưng lẳng ở cổ tay trái. Dầu trời mưa, ô tôi cũng không được xòe. Trong tay phải, tôi sẽ xách cái túi đựng hàng của một tiệm ở đại lộ 5. Người lạ - ngoài mũ, kính, và áo toại - còn cầm mù soa trắng trong tay trái.

«Chúng tôi sẽ gặp nhau đúng 7 giờ tối lại một rạp xi nê nhỏ, chuyên chiếu phim ngoại quốc. Chúng tôi giả vờ xem quảng cáo, và tôi sẽ nói trước :

- Tôi nghe nói phim này hay lắm.

«Y sẽ đáp:

- Ô, tôi được biết còn nhiều phim, khá hơn.

«Nhiều phim khá hơn» là mật ngữ. Và tôi sẽ nói thêm:

- Có thể đúng. Tuy nhiên, tôi biết phim này tuyệt diệu. «Tuyệt diệu» là mật ngữ. Sau đó, mỗi người sẽ mua vé riêng vào xem. Trong rạp, chúng tôi ngồi bên nhau, y trao tài liệu, và tôi sẽ đưa 8.000 đô la cho y.

«Mấy tuần sau. tôi nhận được một blyskawica - chớp xẹt - nghĩa là khăn điện. Bức điện gồm một ngàn chữ số. Theo khăn điện, tôi phải gặp người lạ 3 ngày sau. Các chi tiết về cuộc gặp được nhắc lại tỉ mỉ. Tôi điện về Varsovie nói là đã nhận được và sẽ thi hành đúng.

«Tôi mất một ngày để thảo kế hoạch. Việc quan trọng là đánh lừa được FBI. Tôi ngụ tại khách Dixie. Nhân viên FBI đã theo tôi như bóng với hình từ Hoa thịnh đồn tới Nữ ược. Sáng hôm sau, 8g30, tôi ra đường tản bộ, số tiền 8.000 đô la cất trong túi riêng, may trong quần. Trong khi ăn sáng, tôi nhận thấy FBI lảng vảng bên ngoài.

«Tôi bỏ tiền rất nhiều đồng «xầu». Xầu là loại tiền bỏ vào khe cửa xe buýt thì cửa mở, vì trên xe không bán vé. (Chơi mạt chược, người ta thường dùng xầu thay

tiền mặt). Mục đích của tôi là đi khắp thành phố, thay đổi nhiều xe điện, lên xuống thật nhanh, tàu chạy rồi mới nhảy lên hoặc bước xuống. Tuy nhiên, nhân viên FBI cũng dẻo dai và khôn ngoan không kém.

«Tôi vọt xuống như chớp nhoáng, nhân viên FBI vẫn dính theo. Và họ gồm 2 người. Tôi đổi tàu. Một nhân viên FBI chậm chân bị bỏ rơi. Còn lại một. Song y bám tôi từng bước. Thoát không nổi, tôi bèn xuống tàu đi bộ, chưa biết đi đâu, vì đã mệt nhoài, và chán nản. Và trong vòng 5 giờ nữa, tôi phải gặp nhân viên Z2. Trung ương Z2, ra lệnh cho tôi phải đến chỗ hẹn bằng bất cứ giá nào. Song tôi phải bỏ rơi FBI. FBI lại không chịu bỏ rơi tôi.

«Tôi chợt nhớ lại tòa nhà chọc trời ở đại lộ 42, trước kia là trụ sở Nữ ươc Thời báo. Ban đêm, tin tức quan trọng được loan bằng điện ở trên cao (quang báo). Bìn-đinh này là mê hồn trận, có đường xe buýt ngầm, lại nhiều cửa tiệm, nhiều lối ra vào.

«Lợi dụng đèn đỏ, tôi chạy vọt qua đường, né tránh xe cộ lung tung. Xe cộ thắng lại ken kết và dính đuôi nhau, làm giao thông chặn nghẹt, tôi hy vọng nhân viên FBI bị kẹt lại. Tôi đoán đúng. Người nhân viên duy nhất của FBI bị tôi đánh lừa trong mấy giây đồng hồ. Tôi chạy vọt xuống hầm tòa bìn-đinh.

«Theo nguyên tắc nghề nghiệp, khi trốn Phản gián, điệp viên thường vào tiệm bằng cửa trước rồi thót ra cửa sau, ít khi núp ở trong, vừa mất thời giờ, vừa dễ bị nhận diện. Cũng như tôi, nhân viên FBI đã am tường nguyên tắc quan trọng này. Muốn đánh lừa, tôi phải đảo lộn nguyên tắc, nghĩa là vào tiệm mua đồ.

Nhân viên FBI nhìn vào không thấy tôi, nên đi tìm chỗ khác. Lát sau, tôi ra ngoài, lên xe buýt, được một quãng ngắn, nhảy xuống, gọi tắc xi. Trong 15 phút ngồi tắc xi, tôi luôn luôn nhìn phía sau.

Tôi đã thành công : nhân viên FBI hoàn toàn ăn bụi.

«Tôi vào Công viên Trung ương tản bộ một giờ. Tôi lại lên xe buýt, đến Brooklyn ăn trưa, và trèo hết xe buýt này đến xe buýt nọ, đi lung tung đến gần giờ hẹn. Đúng 5 giờ, tôi thuê tắc xi tới đại lộ 5, vào tiệm định trước mua cái dù và áo sơ mi, và bỏ sơ mi vào túi riêng. Tôi mua một tờ Người dân Nữ ước. Đúng 6g20, tôi vào phòng vệ sinh một tiệm rượu, tháo gói tiền trong quần, bỏ vào cái túi sơ mi. Sau đó, tôi đến nơi hẹn và gặp nhân viên Z-2.

21) Nguyên Tắc Giao Liên Và Truyền Tin

Dầu điệp viên hoạt động lẻ loi, ở một vùng xa xăm, sự liên lạc thường xuyên với Trung ương vẫn được duy trì để chuyển tin tức, ngoại trừ trường hợp điệp viên ra ngoại quốc lấy tin rồi trở về. Tuy nhiên, đây là ngoại lệ, vì tin tức tình báo cũng như thực phẩm, để lâu sợ ươn thối. Giá trị của tin tức tùy thuộc phần lớn vào sự liên lạc thần tốc.

Có nhiều phương pháp giao liên và truyền tin khác nhau, song 5 phương pháp được thông dụng : bưu điện, điện thoại, vô tuyến điện, hộp thư và giao liên. Bưu điện là phương pháp thông dụng nhất, không riêng trong thời bình, thư tín được tự do, ngay cả trong thời chiến, chế độ kiểm duyệt được thiết lập chặt chẽ.

Liên lạc bằng bưu điện có 3 hình thức : liên lạc bằng mật ngữ, liên lạc bằng mực bí mật viết chặn lên thư thường, liên lạc bằng vi điểm giấu trong thư. Liên lạc bằng điện thoại đều diễn ra bằng mật ngữ, như trường hợp hoàng thân Carl Bernadolle liên lạc với thiếu tá Bradley của tình báo Mỹ tại Thụy điển. Nói tới vô tuyến điện người ta không thể quên kỹ thuật điện đài, và mật mã. Hộp thư và nhân viên giao liên là phương pháp thường dùng ở hải ngoại.

Tin tức gửi bằng bưu điện không đến tận tay trụ sở tình báo ở nước nhà mà là qua một hay nhiều trung gian. Trung gian này là «hộp thư». Điệp viên thông tin cho nhau cũng qua trung gian hộp thư. Lệ thường, khi gửi tin tức về nước, điệp viên gửi 2, hoặc 3 bản tới các hộp thư ở 2 hoặc 3 quốc gia khác nhau. Nếu toàn thể đều về tới Trung ương, hệ thống hợp thu được coi là an toàn, bằng không phải thay đổi.

Cơ quan điệp báo nào cũng có một ban đặc biệt, gọi là ban giao liên. Ban này gồm nhiều nhân viên nam nữ, có nhiệm vụ tiếp xúc với điệp viên để lấy tin hoặc đưa tiền bạc và chỉ thị. Tuy không dính líu đến hoạt động gián điệp, nhân viên giao liên cũng sống trong hoàn cảnh nguy hiểm, có thể bị bắt, bị giết. Ban truyền tin được coi là quan trọng nhất. Sự quan trọng này được gia tăng sau thế chiến thứ nhất, lên tới cực độ trong thế chiến thứ hai. Với sự xuất hiện của kỹ thuật truyền tin đặc biệt qua vệ tinh, và những điện đài tân tiến, ban truyền tin ngày nay là rường cột của mọi tổ chức điệp báo trên thế giới.

22) Bức Điện Lạ Lùng

«Sẽ về nước trong vòng 3 hoặc 4 ngày nữa. Yêu cầu tổ chức giùm tôi buổi ăn trưa kèm diễn thuyết, song hãy đợi tôi về. Erickson ».

Trên đây là nội dung một bức điện do doanh gia dầu hỏa Erickson, gián điệp đồng minh, gửi từ Bá linh khỏi lửa về Thụy điển cho hoàng thân Carl Bernadotte, trong thế chiến thứ hai. Theo thông lệ, mọi bức điện của tư nhân đều bị Phản gián Đức kiểm duyệt. Tuy nhiên, Phản gián không thể ngờ vực Erickson mặc dầu ông đánh điện cho hoàng thân Carl, báo tin là hoàn cảnh của ông rất nguy hiểm, và ông phải về ngay.

Nhận được điện, hoàng thân Carl phải cấp tốc gửi một bức khác, viện cớ này nọ, kêu Erickson về. Phúc điện này như sau :

«Tin tức bất tường, vợ anh lâm bệnh nặng, bắt buộc anh phải về ngay để vào thăm trong bệnh viện. Bác sĩ Gunnar Peterson.

Peterson là tên y sĩ chữa bệnh cho gia đình Erickson. Nhận được phúc điện, Erickson gọi điện thoại ngay cho viên chỉ huy Mật vụ Đức. Thì viên chỉ huy đáp :

- Cách đây nửa giờ, tôi đã nhận được bản sao của bức điện. Lẽ ra, tôi báo anh biết ngay, nhưng tôi bận hội nghị quan trọng. Tôi rất lấy làm buồn.

Erickson nói :

- Tôi phải hồi hương ngay vào chuyến phi cơ chiều. Phiên anh lo giùm giấy tờ.

Nhờ phương pháp liên lạc bằng mật ngữ này, Erickson thoát nạn. Sở dĩ ông cần rời Bá linh tức khắc vì một cộng sự viên thân tín của ông vừa sa lưới Gestapo.

Bức điện của Erickson đã lừa được Phản gián Đức. Ngược lại, một điệp viên Đức 20 tuổi, đã lừa được Phản gián Anh bằng... một tin cáo phó đăng trên báo.

Điệp viên này là Pedro, người Đức sinh tại Ba Tây. Cùng 4 điệp viên khác, Pedro giả làm quân nhân Đức đào ngũ, cướp thuyền trốn từ Phần Lan sang Anh quốc. Theo kế hoạch, 5 điệp viên sẽ khai với Phản gián Anh rằng họ chán ghét chế độ quốc xã nên bỏ trốn, và tình nguyện gia nhập quân đội đồng minh kháng Đức. Một thời gian sau, 5 điệp viên sẽ thực hiện công tác gián điệp và phá hoại.

Lên bộ, 5 điệp viên bị giam giữ. Sau 7 tháng thẩm vấn, Phản gián không tìm ra điểm nào khả nghi. Tuy

nhien, họ không phóng thích, trừ Pedro. Vì Pedro là sinh viên bị động viên cưỡng bách, mặc dầu hẳn là công dân Ba Tây. Tình báo Đức đã dùng bản đề ru ngủ Phản gián Anh quốc.

Và Phản gián đã bị vào xiềng. Nhà chức trách mua vé tàu cho Pedro hồi hương về Ba Tây. Trong khi chờ tàu, hẳn được ở trong một trại định cư ở ngoại ô Luân đôn, và được tương đối tự do. Lợi dụng tình thế, hẳn lên ra ngoài một giờ đồng hồ. Trong thời gian này, hẳn tới một tòa báo đăng tin cáo phó.

8 ngày sau, báo chí xuất bản ở Luân đôn được gửi tới văn phòng tướng Lahousen, chỉ huy trưởng Nha Phá Hoại của Phòng Nhì Đức. Tin các phó này là một ngữ báo tin cho Lahousen biết 5 điệp viên Đức đã sa lưới.

23) Bức Thư Lạ Lùng Của Thế Chiến Thứ Nhất

Năm 1917, một người Mỹ gốc Đức viết thư cho bạn ở Hòa Lan nói về giải pháp hòa bình. Thế chiến thứ nhất đang gây ra thảm họa ở Âu châu, vấn đề hòa bình là điều đáng nói, phương chi dân tộc Mỹ lại thiết tha với hòa bình. Dĩ nhiên, sở Kiểm duyệt Mỹ không hoài nghi. Thật ra, đó là một cách thông tin quân sự.

Vì tính cách đặc biệt của bức thư, chúng tôi xin lược đăng nguyên văn Anh ngữ.

My dear Mr Arnberg,

American sentiment is not hostile to your undertaking. It would transport our people to welcome a representative German republic. Leaving military details to be arranged later at a Hague conference for a calmer time, democratic England and aurely in any case France, a republic like our own, a government of the people, would on the instant cease actives hostilities. I have alwaye felt that the et verse of the twelfth chapter of St Mark ought to join mankind North, South, East, Teat into a united free, democratic world... The Athentic and

the Pacific cught to be open ways of peace : a common track over the waters for a world brotherhood.

May God speed you in this affair

Your obedient servant

Bản dịch tạm Việt văn như sau :

«Bạn Arnberg thân,

«Dư luận Mỹ không chống lại việc anh làm. Dân tộc tôi rất hân hoan trước sự khai sinh của một cộng hòa Đức quốc. Dành quyền quyết định chi tiết quân sự cho hội nghị La Haye được triệu tập trong thời gian sắp tới, tình hình ổn cố hơn, nước Anh dân chủ, và chắc chắn nước Pháp, một cộng hòa như Mỹ quốc, sẽ tức thời đình chỉ chiến tranh. Cảm nghĩ xưa nay của tôi, đúng với đoạn 31, chương 12, nói về thánh Marc trong Thánh kinh, là bắc, nam, đông tây, họp lại với nhau thành một thế giới thống nhất, tự do và dân chủ. Đại tây dương và Thái bình dương phải trở thành con đường tự do của hòa bình : một thủy lộ chung tiến tới tình huynh đệ thế giới...

Lời lẽ trong thư đẹp thật ! Nhưng nếu bạn đọc để ý tới những chữ nằm trong gạch xéo (trong hình) nội dung của bức thư cao quý kia hoàn toàn thay đổi. Những chữ

này là American transport leaving for France the 31st North Atlantic track, nghĩa là tàu vận tải Mỹ lên đường qua Pháp ngày 31, lộ trình Bắc Đại tây dương...

24) Tội Mật : Cách Chế Tạo Và Khám Phá Mực Bí Mật

Mực bí mật vẫn được dùng để chuyển tin, ngay cả từ sau thế chiến thứ hai, với sự xuất hiện của điện đài tối tân. Nguyên tắc dùng mực bí mật rất giản dị: điệp viên viết một bức thư thương mãi, hoặc thăm viếng thông thường, rồi viết chận mực bí mật lên giữa giòng. Đôi khi viết trong sách bảo gửi biểu cho bạn ở ngoại quốc...

Các sở điệp báo đã tìm ra hàng trăm thứ mực bí mật khác nhau. Bernard Newman, cựu điệp viên Tiệp khắc, hiện sống ở Tây phương, đã tiết lộ một số công thức thông dụng như sau :

Bạn dùng một giọt chanh và một ngòi bút thật sạch. Nhúng ngòi vào giọt chanh và viết lên giấy.

Để khô, giấy sẽ trắng xóa, không để lại dấu vết nào. Muốn đọc chữ, hãy ủi bàn ủi nóng lên. Bức thư hiện ra màu nâu nhạt.

Lấy ngòi bút sạch, nhúng vào nước lã. Hoặc viết lên giấy bằng ngòi bút khô. Dầu ngòi bút sẽ in nhẹ vào giấy, mắt người không nhìn được, nhưng dùng kính hiển vi sẽ đọc rất rõ. Hoặc dùng chất hơi i-ốt, ta thường gọi là

canh ki đốt, màu nâu dùng để bôi vào vết thương. I-ốt được nấu trong lò cho bốc thành hơi. Bỏ bức thư vào trong, mấy phút sau, chất i-ốt sẽ đóng vào những nét chữ do ngòi bút gây ra.

Trộn 3 hóa chất raphtol, collodion và acéfone lại với nhau. 1 phần naphtol, 20 phần collodion và 60 phần acetone. 3 thứ này, tiệm âu dược nào cũng bán. Collodion là loại keo mà tài tử sân khấu dùng để dán râu giả, còn acetone là thuốc rửa móng tay của phụ nữ. Xong xuôi, lấy bút viết thư.

Muốn đọc, phải dùng một hóa chất khác : pha 3 gờ ram a-cit suyn-fu-rich, với 50 phân khối acit azôtit vào một lít nước có 1 gờ ram nirate de sodium. Pha 50 gờ ram acélate de sodium vào 200 phân khối nước. Nhúng lá thư vào 100 phân khối của hóa chất thứ nhất, rồi vào 20 phân khối của hóa chất thứ nhì. Chữ sẽ hiện ra rõ ràng.

Pha rượu cỏ nhát vào sữa cũng thành mực bí mật. Hoặc cầu kỳ hơn thì viết lên vỏ trứng. Trộn phèn chua và dấm thanh thành một chất nước hơi đặc như mực, rồi viết lên vỏ trứng. Mực khô, vỏ trứng trở lại như cũ. Vài giờ sau, chữ sẽ hiện ra trên lòng trắng trứng. Muốn đọc, luộc trứng rồi bóc ra. Vừa có thư bí mật, vừa được ăn trứng, sướng chưa ! Duy bạn nên cẩn thận viết chữ

hơi lớn một chút.

Với nhiều kinh nghiệm trong thời gian kháng Đức, đại tá Rémy đã tâm sự như sau :

«Tháng 8-1940 trước ngày tôi lên đường về Pháp, một sĩ quan IS đưa cho tôi một cái ve đựng nước màu vàng nhạt, và dặn :

- Bạn pha nước này vào phân chim sẻ, và sẽ có một thứ mực tuyệt đối bí mật. Không biết công thức đọc, thì phải bỏ tay.

Đại tá Rémy tiếp :

«Theo tôi, nên dùng nước củ hành, hoặc acide tartrique, hyposulfite de soude, sulfale d'alumine, trộn với ít nước, muốn đọc thì dùng hơi nóng. Tuy nhiên, có cái bất lợi là Phấn gián khám phá ra dễ dàng. Muốn bảo đảm an ninh, nên theo phương pháp sau đây :

Viết vào giấy gói đồ, hoặc giấy báo. Nên dùng ngòi bút gỗ, để khỏi rách giấy, hoặc dùng ngòi bút thép, đầu tròn. Ngồi quay lưng ra cửa sổ mà viết vì điều kiện phản quang (nghĩa là ngồi xấp bóng mặt trời, contre-jour) sẽ làm ta theo dõi được nét viết. Nét chữ sẽ khô ngay, không để lại vết. Viết xong, bóp cho tờ giấy nhàu nát, rồi lấy giấy mà gói đồ, dán địa chỉ bên ngoài. Cần

thận : nên gói đồ vật thông thường đừng để Phản gián nghi ngờ. Địa chỉ cũng phải đàng hoàng, vì nếu Phản gián nghi ngờ địa chỉ là hồngбет. Bằng cách này, bức thư có thể lọt qua lưới kiểm duyệt.

Kẻ thù nguy hiểm nhất của mực bí mật là tia cực tím (rayons ultraviolets). Hầu hết thư tín bí mật đều bị tia cực tím khám phá ra dễ dàng. Muốn thoát khỏi tia cực tím, ta phải dùng loại giấy không bóng, và hơi sù sì. Phải dùng ngòi bút gỗ cho nét viết không hằn vào giấy. Để mực bí mật khô trong 2 giờ đồng hồ rồi dùng bông vào rượu éthylique 90 độ bôi lên trên, hoặc dùng ống xịt, xịt hơi vào. Bức thư sẽ có nhiều hy vọng trốn khỏi cặp mắt thần thông của tia cực tím.

Các cơ quan điệp báo còn dùng một dung dịch riêng, được gọi là Iglycal để đọc văn kiện được viết bằng mực bí mật. Dung dịch Iglycal được pha trộn theo công thức sau đây :

K	4,10
I	0,10
NaCl	5
AlCl ₃	2
Glycérine	3,5
Nước lọc	85,75

Những hóa chất này có thể mua dễ dàng ở nhà thuốc tây. Chất chlorure d'ammonium mua về, được tán nhỏ ra và đem hòa vào phân nửa số nước lọc được dùng. Nên thận trọng : phải hòa từ từ từng cục nhỏ một, vì hòa cùng một lúc có thể gây ra vụ nổ nguy hiểm.

Khi bào chế xong, lấy bông gòn dúng thuốc và quét lên giấy. Những chữ hiện ra sẽ thắm màu một thời gian dài, chứ không chóng phai như dùng chất i-ốt. Thoạt đầu chữ mang màu nâu nhạt, rồi xẫm dần, xẫm thật đậm trước khi phai hẳn. Dung dịch Iglycal có thể giữ không hư hỏng trong vòng một tháng. Tuy nhiên, điều cần ghi nhớ là dung dịch này rất nguy hiểm.

Trước khi thể chiến thứ hai kết liễu, giới điệp viên viết thư bí mật trên một loại giấy riêng, gọi là giấy đồ (papier calque), giống như giấy viết thư thông thường. Ta hãy nghe lời dặn của đại tá Rémy :

Đặt giấy đồ giữa 2 tờ giấy. Viết vào tờ giấy bên trên bằng bút nguyên tử. Viết bằng bút nguyên tử có cái lợi là theo dõi được chữ viết, khỏi sợ làm lẫn. Tuy nhiên, đừng nhấn mạnh, sợ in dấu lên mặt trái của tờ dưới ¹³². Bức thư bí mật sẽ được đồ lên mặt trên của tờ dưới, mà mắt người không nhìn thấy.

132 Danh từ điệp báo Pháp gọi là foulage.

Bức thư thường, cho sờ kiểm duyệt đọc, được viết vào mặt trái của tờ dưới. Sờ dĩ viết vào mặt trái, vì mặt trên (mặt phải) đã mang bức thư bí mật, nếu viết lên, sẽ làm hai loại mực, mực bí mật và mực thường, chồng chên lên nhau, khó đọc.

Nếu bức thư thường này được đánh máy, ta nên đặt dưới tờ giấy có bức thư bí mật, một tờ các-bon thông dụng, và dưới tờ các-bon đặt thêm một tờ giấy trắng khác. Như vậy để đề phòng in vết lên tờ giấy có bức thư bí mật.

Tờ giấy đồ đặc biệt này có thể được dùng 20 lần, và có thể giữ khỏi hư trong vòng một năm.

25) Tội Mật : Cách Mở Trộm Thư Gắn Xi

Sở Kiểm duyệt có trăm phương, ngàn kế để khám phá mục bí mật. Thư được gắn si kỹ lưỡng cũng bị mở dễ dàng. Đại tá Rémy giải thích cách mở như sau:

Trước hết, phải kiếm thạch cao mềm, thứ thạch cao mà y sĩ chữa răng thường dùng để trám răng sâu. Trộn với nước thành bột thật dẻo, rồi phủ bột lên mặt dấu si. Phải thận trọng ! đừng cho bột thạch cao lan ra ngoài dấu si, lớp bột phải đồng đều, và làm xong phải kiểm soát lại bằng kính lúp nếu sơ sót phải sửa lại.

Bột thạch cao khô sẽ bung ra dễ dàng : dấu si được in vào bột, khi cần ta chỉ đổ si nóng lên phong bì rồi đóng cái dấu xuống, hết như con dấu đồng.

Ta lấy mảnh giấy mỏng, đổ lại các dấu si, để sau này khỏi nhầm vị trí, vì nhiều khi người ta cố ý đổ dấu si theo quy ước riêng, cái nghiêng, cái thẳng, cái ngược đầu, để làm dấu. Ghi chữ vào mỗi dấu si, dấu đóng thẳng, dấu lộn đầu, dấu đóng nghiêng sang trái, dấu đóng nghiêng sang phải...

Xong xuôi, đặt phong bì gắn si dưới ngọn đèn nóng, chẳng hạn ngọn đèn điện 100 w. Khi si bắt đầu mềm, ta cắt ra thành hình chữ thập bằng lưỡi dao cạo, lấy si ra

khỏi phong bì, và cắt đi, để sau này nấu lại. Cần thận ! Phải dùng si cũ nấu lại, không được nấu si mới.

Ta dùng hơi nước nóng để mở phong bì. Đôi khi, người gửi giấu sợi tóc ở đường dán, mở ra ta lo lắng để rơi sợi tóc là bại lộ. Ta cũng đừng để lại dấu tay, tốt nhất là đeo găng.

Có thể phong bì được dán bằng băng keo. Trong trường hợp này, ta cũng hơ phong bì dưới ngọn đèn 100w, cho băng keo mềm đi. Bắt đầu từ đầu băng keo, ta dùng ngòi bút mỏng, loại ngòi bằng phẳng, không có lỗ, đẩy băng keo lên nhẹ nhàng và chậm chậm, để cho băng keo khỏi rách và khỏi rách phong bì. Khi băng keo bật lên gần hết, ta nhổ nó bằng cái nhíp cạo nhổ râu.

Băng keo lần lượt được gỡ ra và cắt theo thứ tự, đầu đuôi thật đúng. Rồi mở phong bì bằng hơi nước nóng. Và cũng thận trọng nhìn xem người gửi có dán sợi tóc làm dấu không.

Đọc xong thư, các băng keo được dán lại bằng hồ cũ của nó. và đúng vị trí cũ. Lấy cái thước dẹt đè băng keo xuống, và chớ làm rách.

Thế là xong.

26) Tội Mật : Cách Đọc Tài Liệu Bị Cháy Thành Than

Trước khi ra trường, khóa sinh gián điệp thường được ân cần nhắc nhở tuyệt đối thận trọng khi tiêu hủy tài liệu. Các sở điệp báo có một loại máy riêng để nghiền tài liệu thành bột, hoặc đốt ra than và nghiền vụn. Điệp viên hoạt động một mình không thể có đủ phương tiện tối tân như ở Trung ương. Bởi vậy, khi cần tiêu hủy tài liệu, điệp viên phải đốt thành than, bóp nhỏ thành tro rồi bỏ vào cầu tiêu, giặt cho chảy hết.

Sự thận trọng này không phải là vô ích, vì khoa học điệp báo ngày nay đã có thể đọc được tài liệu bị cháy thành than. Sau đây là một vài phương pháp được áp dụng trong thế chiến thứ hai (dĩ nhiên ngày nay còn có nhiều phương pháp điện tử khác hữu hiệu hơn và giản dị hơn) :

Khi đồng lửa bắt đầu tắt, ta hãy cầm một tấm kính trong tay trái, và miếng cạt tông hoặc bìa cứng trong tay phải. Dùng miếng cạt tông làm cái quạt, và quạt nhẹ trên đồng tàn. Khi một miếng giấy cháy đen nổi lên, ta hãy luồn lăm kính xuống dưới, rồi dùng cái xịt nước hoa, chứa chất keo pha bột than vẽ (fixatif a fusain) bơm keo vào miếng giấy. Sau đó, lấy cái bút lông - bút

viết chữ Hán chẳng hạn - trải nhẹ miếng giấy trên tấm kính. Khi miếng giấy đã thẳng, ta đặt nó vào cái khuôn ép ảnh (tiếng Pháp gọi là chassis-presse, người thợ ảnh dùng để đặt âm bản và giấy in hình để dùng ảnh sáng rọi xuống in ra hình dương bản).

Ta có thể áp dụng phương pháp khác nữa : pha độ một, hai lít dung dịch gelatine 1% hâm nóng, đổ vào một chậu xứ cạn, rồi hâm nóng tới 40 độ. Ta lấy 3 tấm kính, để chận lên nhau, 2 tấm dưới thì nhỏ, tấm bên trên lớn hơn, trên đó ta trải miếng giấy bị cháy ra than. 3 tấm kính được ngâm vào chậu, nước chỉ xâm xấp. Dùng bút lông mềm trải miếng giấy cho thẳng. Chất gelatine sẽ làm miếng giấy khô cứng lại. Cần thận : trước khi miếng giấy khô cứng, hãy rút ra khỏi chậu, rồi chận lên miếng giấy này một tấm kính khác, và ép thật mạnh. Điều cần nhớ là không nên để không khí còn sót lại giữa 2 miếng kính.

Phương pháp thứ ba này được coi là hoàn hảo nhất : lấy bút lông mềm quét lên mặt có chữ của miếng giấy bị cháy một lượt keo collodion pha dầu đu đủ. Khi mặt này khô, ta trở mặt dưới lên và cũng phết keo. Lát sau, miếng giấy thành than được học giữa hai lớp keo trong suốt. Ta đặt miếng giấy trên một tấm kính, và chận một tấm kính khác lên trên, ép mạnh lại. Trước khi ép nên xịt

chất ether vào miếng giấy cho nó mềm bớt. Sau khi ép, ta trát kín đầu hai tấm kính lại bằng chất mát tích, hoặc tốt hơn bằng chất paraffine. Mỗi miếng giấy cháy ra than phải được ép như vậy. Miếng giấy được ép xong sẽ được đem chụp với loại phim orthochromatique. (nghĩa là loại phim bắt nhanh) và in hình trên giấy tương phản (papier contrasté).

Bạn đọc không quen những danh từ chuyên môn chắc phải nhúc đầu. Tuy nhiên, điệp báo là một nghề chuyên môn thuần túy. Và điệp báo và khoa học là một.

27) Phương Pháp Của Trùm Gián điệp Abel

Phiên tòa xử đại tá Sô viết Abel ở Nữ ược đã phát lộ nhiều kỹ thuật giao liên cổ điển của giới điệp báo quốc tế. Trước tòa, ủy viên chính phủ đã hỏi trung tá Hayhanen, phụ tá của Abel về kỹ thuật giao liên mà Abel áp dụng để gửi tin về trung ương RU. Hayhanen là người đã đầu thú FBI, giúp cho FBI phăng ra Abel. Sau đây là cuộc thẩm cung trước tòa :

- Bị can có gửi vi phim không ?
- Thưa có.
- Bị can có gửi qua bưu điện không ?
- Thưa có. Tôi biết vì bị can đã nói với tôi.
- Bị can nói ra sao ?
- Bị can nói là gửi vi phim bằng bưu điện qua Ba lê.
- Gửi cách nào ? Gửi bằng thư ?
- Thưa không. Vi phim được giấu trong tạp chí.
- Yêu cầu nhân chứng nói rõ cách gửi của bị can.

- Thừa, bị can dán vi phim vào dưới chỗ kim đóng. Bị can tháo kim đóng ra, đặt vi phim vào, rồi đóng lại. Không ai biết được, vì không ai nhìn dưới kim đóng.

- Bị can dùng tạp chí nào ?

- Thừa tạp chí Nhà cửa và Trang hoàng, và tạp chí Nhà Mỹ.

Abel còn giấu phim vi ti trong ruột bút chì, đồng xu kền... Năm 1953, Hayhanen đến Mỹ, Abel gửi thư cho y trong đồng xu kền. Đồng xu chẳng may bị Hayhanen đánh mất, bị một thiếu niên bán báo James Bozart lượm được, nộp cho cảnh sát. Trong 4 năm, cảnh sát FBI, không hiểu được nghĩa. Sau khi Hayhanen đầu thú, FBI mới tìm ra. Cuộn vi phim trong đồng xu kền của Abel là tài liệu điển hình mà điệp viên hoạt động ở hải ngoại cần nghiền ngẫm. Trong vi phim, Abel ra lệnh cho Hayhanen thận trọng. Tuy hoạt động tại Mỹ, Abel vẫn không để lộ trong thư chi tiết nào liên quan đến Mỹ. Tuy bức thư được viết bằng mật mã, bên trong còn có mật ngữ nữa.

Nội dung như sau:

«... đã nhận được thư số 1 của anh, gửi tới địa chỉ 5, nhắc lại, địa chỉ 5. Đã ra chỉ thị gửi cho anh 3.000 đô la

bằng tiền bản xứ. Tham khảo tôi trước khi làm việc gì. Thư ngắn phải viết bằng mật mã. Mọi tin tức liên quan đến anh, đến nơi làm việc và chỗ ở của anh, phải viết bằng mật mã. Còn tin tức thì gửi riêng...»

28) Phương Pháp Giao Liên Của Đại Tá Wennerstrom

Đại tá không quân Thụy điển Wennerstrom được mời gặp một tướng lãnh RU. tại Mạc tự khoa. Tuy hoạt động trên đất nhà, GRU vẫn thận trọng. Đại tá Sô viết Rubatchenkov, cựu tùy viên quân sự tại Stockholm, chờ Wennerstrom ở một góc đường vắng, rồi hai người lên xe, ra ngoài ô. Lúc về cũng đậu xe ở chỗ vắng

Lần sau, Wennerstrom được đưa vào một ngôi nhà trong thành phố, để thay y phục Nga, rồi đi cửa sau vào văn phòng trung ương RU. Sau này, liên lạc với tướng Lemenov, ông phải theo một thể thức khác. Khi cần gặp, ông phải gọi từ ca bin điện thoại công cộng cho một số bí mật. Con số này dành riêng cho sự liên lạc giữa hai người.

Tướng Lemenov (tên giả, đến nay người ta vẫn chưa biết tên thật của Lemenov là gì, trong phiên tòa xử Wennerstrom, quan tòa dùng danh từ «người tiếp xúc», «tướng lãnh Sô viết» để chỉ Lemenov) có 2 xe hơi riêng, và 2 tài xế riêng. Đang đi, nếu gặp một trong 2 xe, Wennerstrom phải trèo ngay lên. Tuy nhiên, nếu tướng Lemenov ngồi trong xe, ông phải tiếp tục đi

thăng, rồi đến ca bin, quay số gọi.

Từ 1952, Wennerstrom giữ chức tùy viên quân sự Thụy điển tại Hoa thịnh đốn. Tướng RU Kouvinov được cử làm liên lạc viên. Để nhận diện Kouvinov nói mật hiệu :

- Nicolas Vassiliénitch nhờ tôi hỏi thăm đại tá.

Wennerstron đáp :

- Phải, tôi là bạn của Nicolas. Chúng tôi đã gặp nhau ở Spiridononka.

Hoạt động trên đất Mỹ khó khăn nên hai bên không dùng điện thoại. Trước tòa, Wennerstron thuật lại chi tiết của một cuộc gặp gỡ. Mỗi người có bốn phận đậu xe ở xa, rồi đi bộ lại :

«Giờ ấy, trời đã tối. Nơi hẹn là một địa điểm vắng vẻ. Tôi phải có mặt đúng giờ đã định. Trong tay phải, tôi phải cầm một cặp da nâu, tay trái đựng đưa như tay người đang đi. Trong trường hợp bị ai theo, tôi phải dứt bàn tay trái vào túi ba đồ suy.

Nhân viên liên lạc Sô viết cũng phải tuân theo nguyên tắc tay trái dứt túi. Nếu người này thấy người kia bỏ tay trái vào túi áo, nghĩa là động ổ tức thời đi thăng, và đình

hoãn cuộc gặp. Cuộc nói chuyện thường diễn ra trong phòng, máy thu thanh mở lớn, để phòng bị ghi âm.

Tuy nhiên, ở Hoa Thịnh đốn, cuộc gặp gỡ đều diễn ra ngoài đường, hoặc buổi tối trong công viên, hoặc dọc đường vắng tanh, hoặc ở vùng ngoài ô, ban ngày.

Khi gặp nhau để trao tài liệu, hai người phải bắt tay. Hoặc bắt tay khi mới gặp, hoặc bắt tay khi từ giã. Wennerstrom phải tập dượt kỹ thuật bắt tay cho thuần thục. Nơi đông người không đáng quan tâm : trao tài liệu ở nơi vắng vẻ vì sợ hại lộ là khuyết điểm của điệp viên tập sự. Wennerstrom thường giả vờ bắt tay để trao tài liệu trong các cuộc tiếp tân ngoại giao. Có lần ông trao tài liệu cho nhân viên RU, ngay trong Ngũ giác đài, trụ sở bộ Quốc phòng Hoa kỳ. Trong trường hợp đặc biệt mới bắt tay ngoài đường, hoặc trong cửa hàng lớn.

Bản tay lớn thì trao tài liệu dễ dàng hơn bản tay nhỏ. Wennerstrom vẫn thềm bản tay kích sù của tướng Kouvinov. Mỗi lần chìa tay là trao được một tài liệu. Có 2 tài liệu, thì phải bắt tay 2 lần, khi đến và khi đi. Nếu là nhiều gói nhỏ, hoặc một gói khá lớn ông cất trong túi ba đờ suy, treo ở phòng gửi áo ngoài tại những cuộc tiếp tân, rồi bước vào buổi tiệc. Số áo treo bao nhiêu, ông cho nhân viên RU biết. Nhân viên này thản nhiên ra phòng gửi áo, tìm ba đờ suy của Wennerstrom, lấy

gói tài liệu, bỏ vào túi áo mình.

Nếu là gói công kênh, bỏ không lọt túi ba đờ suy, Wennerstrom thường nhét dưới túi bằng giấy mà các nhà hàng bách hóa thường dùng để đựng đồ cho khách hàng. Bên trên, ông để vài ba đồ vật linh tinh. Nhân viên RU tới cuộc tiếp tân thường mang sẵn kim băng. Bắt tay nhận tài liệu xong, cất vào túi, phải dùng kim băng gói mép lại cho kín, vì có thể vì phim rơi ra ngoài, đôi khi gian phi trà trộn vào (có thể là nhân viên Phản gián) móc túi.

Mọi tài liệu gửi cho Nga xô, ông đều chụp thành vi phim. Phim nhựa này do RU cung cấp, và được chế tạo riêng, người ngoài không thể rửa ra ảnh. Trong thời gian ở Mỹ, ông lãnh hàng tháng của RU 750 đô la.

29) Phương Pháp Giao Liên Của Đại Tá Penkovskiy

Mọi thủ đoạn của Wennerstrom đã được đại tá Penkovskiy áp dụng để gửi tin cho tình báo Tây phương, tuy nhiên phương pháp của Penkovskiy cao hơn Wennerstrom một bậc, và nhiều khi người ta có cảm tưởng Penkovskiy là nhân vật tiểu thuyết. Vì 2 năm hoạt động cho Anh - Mỹ của viên đại tá RU Sô viết này chứa đựng nhiều tình tiết ly kỳ như trong bộ truyện gián điệp.

Tháng 9-1961, bà Ann Chisholm, vợ một viên tùy viên sứ quán Anh tại Mạc tư khoa, ngồi trên ghế đá ở đại lộ Tsvetnoy, nhìn 3 con nô đùa vui vẻ dưới nắng chiều. Penkovskiy mặc thường phục đi qua. Bọn trẻ mỉm cười chào hỏi. Bản chất thiếu nhi Tây phương vẫn niềm nở và lễ phép. Peakovskiy dừng lại trò chuyện với chúng và biếu chúng gói kẹo, loại kẹo cam, chanh của hãng Drazhe. Một đứa trẻ ngoan ngoãn chìa tay nhận, rồi cảm ơn.

Trong hộp kẹo này có một cuộn phim nhựa quan trọng, liên quan đến kế hoạch phòng thủ của Nga sô. Bà Ann Chisholm là nữ điệp viên 1S. Đây là một trong hàng chục cuộc gặp gỡ trao tài liệu của Penkovskiy với

đại diện tình báo Anh-Mỹ tại thủ đô Nga sô trước mũi mật vụ KGB.

9 giờ tối, Penkovskiy tản bộ trên đường Sador nicheskaya, phì phèo thuốc lá, cầm trong tay một cái gói bọc giấy trắng. Một người đàn ông tiến lại, mặc áo toi không gài nút, cũng hút thuốc lá, và nói bằng tiếng Anh:

- Ông Alex, hai bạn ông nhờ tôi đến đây, và chào ông, chân thành chào ông.

Alex là bí danh của Penkovskiy. Gói trong tay ông được trao cho nhân viên tình báo IS.

Ngày 26-3-1962, tại một cuộc tiếp tân của tòa đại sứ Anh quốc (Penkovskiy là đại tá RU phụ trách ngoại vụ nên có bốn phận tham dự mọi hoạt động của các nhà ngoại giao ngoại quốc, ông lại chuyển cho bà Chisholm một bản phúc trình và 6 cuộn phim Minox). Ngày 31-3-1962, trong buổi tiếp tân nhân ngày sinh nhật của nữ hoàng Anh, bà Chisholm trao cho ông một mật thư. Trong buổi tiếp tân 4-7, độc lập Hoa kỳ, ông cũng đưa lại liệu cho nhân viên CIA bằng cách bắt tay.

Tình báo Anh-Mỹ đưa cho ông một số bưu thiếp in thẳng cảnh Mạc tư khoa, đề sẵn địa chỉ ma ở Anh quốc.

Mỗi bưu thiếp là một ám hiệu riêng. Trong trường hợp ông thay đổi công tác, ông gửi bưu thiếp chụp con dê Kotelnicheskiy cho bà N. Nixon ở Berks, Anh quốc, kèm theo giòng chữ sau :

«Anh rất vui thích và bắt đầu ưa rượu vốt ka. Trên thực tế, Mạc tư khoa giống như hình này, và em cũng đã nhận thấy đường phố rộng rãi. Anh sẽ kể em biết thêm khi anh về. Thân yêu. Dick».

Dĩ nhiên, bưu thiếp mang tên du khách người Anh này đã thoát khỏi sự theo dõi của sở Kiểm duyệt KGB.

Nếu bất thần được phép xuất ngoại (KGB đã cho ông xuất ngoại 2 lần để tiến hành công tác do thám ở Luân đôn và Ba lê), ông phải gửi cho cô R. Cook ở Luân đôn bưu thiếp như sau :

Tôi đang sống những ngày thích thú ở đây. Có nhiều chuyện thích thú đến nỗi tôi không biết nên kể chuyện nào trước, chuyện nào sau. Tôi sắp về và sẽ gặp nhau một ngày gần đây. John.

Theo chỉ thị, Penkovskiy chỉ bỏ tài liệu vào «hộp thư chết» nhiều nhất mỗi tháng một lần, mỗi hộp thư chết chỉ được dùng một lần rồi bỏ. Sau khi bỏ tài liệu vào hộp thư chết, ông lại điện thoại cho số K-4.89.73 của một

nhân viên sứ quán Anh, ngày thứ hai trong tuần, đúng 21g10. Gọi 2 lần, cách nhau một phút, song không nói vì sợ bị ghi âm, mà chỉ thổi phù 3 lần vào máy, rồi cắt.

Từ Ba lê về, ông gọi số G-3.13.56, cũng của một nhân viên sứ quán Anh, thổi 3 lần : đó làm ám hiệu ông được bình yên. Ông còn có thể gọi 2 số điện thoại khác: sau khi bỏ tài liệu vào hộp thư chết ở lối vào nhà số 5/6 đường Pushkin, Mạc tư khoa, ông vẽ một vòng đen trên cột điện số 35 đường Kutuzov, rồi gọi 2 lần số điện thoại, G-3.26.87 và G-3.26.94 của nhân viên sứ quán Mỹ. Nghe trả lời thì đặt máy xuống. Số thứ nhất sẽ trả lời Jones, số thứ hai, Davidson. Như vậy có nghĩa là nhân viên CIA phải đến 5/6 đường Pushkin để lấy tài liệu.

Gặp trường hợp khó khăn, Penkovskiy sẽ vẽ vòng đen trên cột điện số 35 rồi gọi điện thoại, thổi 3 lần vào máy.

30) ... Và Cửa Giới Lầu Xanh Đông Kinh

Có lẽ được đọc nhiều tiểu thuyết gián điệp nên với tổ chức dạ lạc ở Đông kinh, thủ đô Nhật, đặt ra một phương pháp liên lạc với du khách ngoại quốc thần tình không kém phương pháp chuyên nghiệp của đại tá Penkovskiy và của trùm gián điệp Sô viết Abel.

Du khách tới xứ lạ thường thuê người hướng đạo để ngoạn cảnh. Ở Saigon, có một số thiếu nữ giỏi ngoại ngữ làm nghề này trong các văn phòng du lịch. Tại Nhật, nghề hướng đạo lại là bình phong cho hoạt động thanh lâu. Riêng Đông kinh có 34 «câu lạc bộ» nữ hướng đạo. Cảnh sát Nhật tìm đủ cách để chặn đứng hoạt động mãi dâm trá hình này, song đành thúc thủ trước kỹ thuật khôn ngoan của bọn cầm đầu câu lạc bộ.

William Fitzpatrick ¹³³ đã thuật lại đầy đủ những thú vui lạ lùng của Đông kinh ban đêm. trong số có thú hẹn hò với các nữ «hướng đạo» mà tiếng Nhật gọi là gai-dô.

133 Fitzpatrick tiết lộ những bí mật động trời này trong cuốn ký sự Tokyo After Dark (Đông kinh ban đêm) do Macfadden xuất bản tại Mỹ năm 1965. Cuốn sách dày 128, trang, chữ nhỏ, chỉ nói về những thú đặc biệt của Đông Kinh ban đêm. Sách này được bán tại Sài Gòn.

Muốn gặp người đẹp, khách phải lái xe đến đại lộ Ginza, ở trung tâm thành phố, cũng như đường Tự do ở Sài Gòn. Khách đậu xe bên lề, rồi vào bar uống rượu. Nửa giờ sau, quay ra xe, có thể khách sẽ thấy một tấm danh thiếp gài ở quạt nước, mời khách gia nhập một câu lạc bộ để được viếng thăm danh lam thắng cảnh. Trên danh thiếp được ghi một số điện thoại.

Gọi số điện thoại này, khách sẽ nghe một người đàn ông trả lời. Muốn gia nhập, khách phải trả 2.000 yên (chừng 6 đô la), tiền sơ kiến, và 1.000 yên (chừng 3 đô la), tiền nguyệt liễm. Tuy nhiên, câu lạc bộ không có địa chỉ nhất định : người đối thoại sẽ hẹn khách tới một quán rượu ở Ginza. Y sẽ dẫn khách đến quán rượu hồi mấy giờ, mấy phút, ngồi ở bàn nào, uống rượu gì, mặc áo màu nào, thắt cả vạt gì, vân vân... Ngược lại, khách không biết mặt người đối thoại.

Đến khi quan sát khách tường tận, biết rõ khách không phải là nhân viên công lực, người đối thoại mới xuất hiện. Y nhận tiền rồi lên xe, đưa khách tới một tiệm nước khác, ở gần ngoại ô. Tại đó, một thiếu nữ chờ sẵn. Y giới thiệu xong rồi biến mất. Giá biểu hướng đạo 300 yên một giờ. Những cô gái này phần nhiều là con nhà tử tế, làm thư ký song không đủ tiền ăn diện, hoặc đi học. Nếu khách thỏa thuận, họ sẽ làm thêm một việc

khác, với giá tiền đương đương từ 10 đô la trở lên.

Ngoài ra, còn có những cô gái liên lạc trực tiếp với du khách. Họ đến gặp khách tại phi trường và tự giới thiệu. Hoặc sắm xe riêng, lái cho du khách về lữ quán.

31) Hộp Thư Chết : Một Phương Pháp An Toàn

Một trong các nguyên tắc cơ bản của nghề do thám, là nhân viên gián điệp không nên gặp nhau tại nơi công cộng, ngoại trừ trường hợp, tối cần thiết. Đôi khi, để bảo vệ bí mật, một nhân viên trung gian được cử ra để gặp riêng các điệp viên, rồi chuyển giao giấy tờ giữa hai người. Tuy nhiên, hình thức này cũng chưa được an toàn. Phương pháp tương đối an toàn nhất là hộp thư chết ¹³⁴, nghĩa là một địa điểm để giấu tài liệu cho người khác đến lấy.

Đại tá Powel Monat thuật lại kinh nghiệm bản thân về hộp thư chết như sau :

Tôi được huấn luyện đặc biệt tại Varsovie về hộp thư chết. Với tư cách tùy viên quân sự, tôi có nhiệm vụ tìm hộp thư chết tại Mỹ. Trong hầu hết các trường hợp, tôi không biết các hộp thư chết này được dùng cho ai. Tìm một hộp thư chết thích hợp không phải dễ. Hộp thư chết có thể là cái hốc trong thân cây, hoặc kẽ hở trong tường sau cái giạt nước phòng tắm.

134 Tác giả đã mô tả đầy đủ kỹ thuật hộp thư chết trong cuốn Chiến sĩ điệp báo Penkovskiy, với đoạn trích dịch cảm nang Prikhodko.

Dầu lớn hay nhỏ, hộp thư chết phải tọa lạc ở một nơi mà điệp viên có thể đến không bị nghi ngờ. Chẳng hạn, không thể dùng kẽ nứt trên tường, cao hơn tầm tay. Cũng không thể chọn một nơi phiền phức, khiến phải mất trên một hay hai giây đồng hồ để giấu hay lấy tài liệu. Hộp thư chết phải ở nơi không bị mưa.

Tài liệu gián điệp không bao giờ nằm lâu trong hộp thư chết. Theo thủ tục thông thường, việc cất và lấy tài liệu phải diễn ra trong cùng một ngày, chậm nhất là ngày hôm sau. Chọn được hộp thư chết xong, tôi phải báo cáo tỉ mỉ về Trung ương, nếu cần, kèm theo hình chụp để các chuyên viên nghiên cứu. Hộp thư chết phải ăn ý với hoàn cảnh xã hội của điệp viên, nghĩa là hộp thư chết của điệp viên công kỹ nghệ gia sung túc, hoặc giáo sư trung học không thể tọa lạc trong khu nhà lá. Điệp viên mặc đồ công nhân không thể léo hánh tới tiệm ăn sang trọng để giấu tài liệu. Cầu tiêu đàn ông không thể là nơi nữ điệp viên vào lấy tài liệu. Những chi tiết này do Trung ương quyết định. Sau khi Trung ương chấp thuận, chỉ thị được gửi tới cho điệp viên ở hải ngoại, kèm theo hình vẽ. Tìm được một hộp thư chết phải mất nhiều ngày giờ. Trung ương còn mất nhiều ngày giờ để nghiên cứu và quyết định.

Bởi vậy, cần chọn những địa điểm không bị thay đổi trong vòng 3, 4 tháng.

Mỗi hộp thư chết được kèm theo một hộp thư chết thứ nhì, dự phòng vào giờ chót hộp thư chết thứ nhất không dùng được. Lộ trình dẫn tới hộp thư chết được bố trí một hệ thống thông tin tinh tế hầu điệp viên tới lấy tài liệu có thể biết là tài liệu đã có hay chưa, và tình hình an ninh hay không.

Lấy một ví dụ cụ thể : điệp viên A cần trao một cuộn phim vi ti quan trọng cho điệp viên B. Điệp viên B biết trước ngày giờ cuộn phim được bỏ vào hộp thư chết, song y không thể đến tận nơi xem xét nhiều lần. Vì có thể y chạm trán điệp viên A, điều tối kỵ trong nghề gián điệp, hoặc có thể y làm Phản gián nghi ngờ. Bởi vậy sau khi bỏ tài liệu vào hộp thư chết, điệp viên A phải báo tin cho B biết một cách gián tiếp. Chẳng hạn đóng một cây kim găm vào ghế gỗ ở công viên, điệp viên B sẽ giả vờ đến ngồi, rồi dùng bàn tay mò cây kim. Hoặc viết phấn trên tường, trên thân cây. Hoặc vào ca-bin điện thoại công cộng mở niên giám ra, gạch bút chì dưới một số điện thoại nào đó.

Thấy ám hiệu, điệp viên B phải đến ngay hộp thư chết. Rút tài liệu ra xong, điệp viên B phải báo tin cho điệp viên A biết, cũng theo thể thức tương tự. Trong

trường hợp điệp viên A không được B báo tin trong thời hạn đã định, có nghĩa là gặp bất trắc.

Tại phiên tòa xử đại tá Abel. Hayhanen đã tiết lộ là trước ngày y rời Mạc tư khoa, thượng cấp RU ra lệnh cho y liên lạc với Abel bằng 3 hộp thư chết tại Nữ ươc.

Muốn gửi tài liệu, Hayhanen vẽ một vạch phẩn ngang trên một cột đèn hoặc trên tường một ga xe buýt. Sau khi đã lấy tài liệu ở hộp thư chết. Hayhanen phải vẽ một vạch dọc.

Đại tá Abel đã giấu tài liệu dưới thảm trải chân trong đại hí viện Nữ ươc. Có lần y dán dưới ghế công viên...

Gián điệp RU và CIA thường bỏ tài liệu vào một loại hộp riêng có chất từ thạch, hễ đặt vào sắt là dính chặt. Abel đã dùng hộp từ thạch ở Mỹ. Đại tá Penkovskiy, điệp viên Anh-Mỹ, đặt hộp từ thạch ở lò sưởi một chung cư tại Mạc tư khoa. Một phần của một thi sĩ Sô viết hữu danh cũng được đại tá Penkovskiy chọn làm hộp thư chết để trao tài liệu cho điệp viên Tây phương.

32) Liên Lạc Bí Mật Bằng Phi Cơ

Trong thế chiến thứ hai, tình báo Anh Mỹ sử dụng phi cơ để liên lạc với kháng chiến trong các quốc gia bị phe Trục chiếm đóng. Phi cơ vận tải thả vũ khí xuống chiến khu cho du kích quân, còn phi cơ nhẹ Lysander được dùng để liên lạc hoặc tản cư những phần tử bị Đức lùng bắt.

Đại tá Rémy đã thuật lại nhiều chi tiết lý thú của phương pháp liên lạc bí mật bằng phi cơ. Sau đây là một trường hợp, mệnh danh là kế hoạch Pernod.

Khi muốn đáp phi cơ xuống đất Pháp, tình báo Anh-Mỹ bảo trước cho kháng chiến bằng đài bá âm BBC. Ví dụ phi cơ sẽ tới ngày 20 thì đài BBC nói là 10 (cộng thêm 10), đề phòng Phản gián Đức khám phá. Một đêm lễ Nô-en, bộ tham mưu kháng chiến tề tựu trong phòng, nghe đài Luân đôn. Người xướng ngôn viên đồng dục nói :

- Yêu cầu quý thính giả nghe tin tức riêng. Ngày 17, chúng tôi sẽ uống một ly rượu pernod để mừng sức khỏe của bạn. Tôi nhắc lại : Ngày 17, chúng tôi sẽ uống một ly rượu pernod để mừng sức khỏe của bạn.

Điều này có nghĩa là ngày 27 (17+10), phi cơ Anh sẽ bí mật đáp xuống chiến khu.

Kháng chiến cắm 3 cột sắt xuống đất thành hình tam giác, cho hoa tiêu biết phi đạo, đồng thời dùng đèn bấm để làm ám hiệu liên lạc với phi cơ. Tới nơi, phi cơ tắt hết đèn. Khi dưới đất bấm đèn lên, phi cơ mở đèn pha trả lời bằng mã tự ¹³⁵.

Nhà văn Pierre Nord mô tả một cuộc liên lạc hàng không như sau :

Sân đậu cho phi cơ nằm giữa một khu đất vuông, bề cạnh 5 cây số, chung quanh không có nhà ở. Tuy nhiên, nền đất toàn đá sỏi và có nhiều chỗ lồi lõm. Phi cơ chỉ có thể đáp xuống một giải đất rộng 50 thước, còn ngoài ra có thể bị sa hố. Nhân viên không chiến dùng đèn đỏ báo hiệu cho hoa tiêu biết hàm hố để tránh. 4 ngọn đèn trắng được thắp thành hàng một để hoa tiêu nhìn làm đích. Một máy phát tín hiệu ở dưới đất dẫn đường cho hoa tiêu. ¹³⁶

135 Đại tá Rémy thuật lại đoạn này trong cuốn *Comment Devenir Agent Secret* (Làm cách nào trở thành điệp viên ?), do Albin Michel xuất bản, 1963.

136 Pierre Nord (tức là đại tá Brouillard của kháng chiến Pháp) thuật lại đoạn này trong cuốn *(Mes Camarades Sont Morts* (Các chiến hữu của tôi đã chết), J'ai Lu xuất bản, 1947.

33) Tối Mật : Cách Làm Phim Vi Ti

Phim vi ti, hoặc vi phim, hoặc vi điểm ¹³⁷ là phương tiện liên lạc thông dụng nhất trong nghề điệp báo. Làm vi điểm, nghĩa là thu nhỏ một bức hình cỡ 20 X 25cm thành dấu chấm trên đầu chữ i.

Đại tá Sô viết Abel có cả một phòng rửa ảnh tân tiến tại Nữ ưốc để làm vi điểm. Vợ chồng Kroger ¹³⁸, nhân viên gián điệp RU tại Anh quốc, cũng có một phòng rửa ảnh tương tự. Phản gián Anh quốc tìm thấy trong nhà họ ở ngoại ô Luân đôn một tấm kính nhỏ bên trên được dán 3 vi điểm.

Làm vi điểm rất tiện lợi cho việc cất giấu tài liệu và di chuyển dễ dàng, song lại bất tiện và điệp viên phải có sẵn tiện nghi nhiếp ảnh đặc biệt khó cất giấu. Phản gián lục soát là tìm ra liền.

Đại tá Rémy mô tả kỹ thuật vi phim như sau :

137 Microfilm, micropoint, microdol.

138 Tên thật của cặp vợ chồng này là Moros và Lona Cohen, cựu nhân viên của Abel, trước khi sang Anh quốc hoạt động dưới quyền Lonsdale, tức thiếu tá RU Conon Mulody (zin đọc Gián điệp Quốc tế, đã xuất bản).

Nguyên tắc làm vi điểm rất giản dị. Đó là dùng một ống kính có khả năng chụp thật gần, để chụp âm bản (negatif) của phim 35 li - loại phim bán trên thị trường - trên âm-bản này đã có hình chụp tài liệu. Miếng phim này được đặt trong một cái hộp cạt-tông, dưới cái lỗ khoét sẵn, trong hộp có một ngọn đèn rất sáng. Người ta có thể mua loại phim quang phổ ¹³⁹ Kodak chụp rất rõ, có thể thu một ngàn giòng chữ trong một li. Tài liệu được thu vào phim âm bản, nên khi chụp lại để biến thành vi điểm, sẽ trở thành dương bản (positif).

Miếng phim lớn bằng lòng ngón tay được chụp lại nhiều lần, mỗi lần ống kính được để xa hơn cho phim được thu nhỏ lại. Rồi cứ chụp đi, chụp lại cho đến sai nào tám hình chỉ còn là cái dấu chấm.

Xong vi điểm, người ta hót lên bằng lưỡi dao cạo rồi giấu vào gáy sách, hoặc cho vào ống xơ ranh tiêm thuốc, tiêm vào bất cứ chỗ nào cứng. Mật vụ KGB thường dặn điệp viên dán vi điểm vào dưới con tem thư.

Phim làm vi điểm được chế bằng chất nhựa nhân tạo rất dai, gọi là mylar và terphène. Nhà máy chế tạo vi điểm tốt nhất ở Riga (Nga xô). Trung cộng cũng đã chế tạo được phim vi điểm.

139 Pellicule spectroscopique.

Còn một phương pháp làm vi điểm tinh vi hơn : phương pháp chụp chậu (superposition).

Việc đầu tiên là chọn một số bưu ảnh (carte postale) in hình thắng cảnh được bày bán trên thị trường.

Phải chọn hình nào gồm nhiều khoảng đen, như cây cối, quần áo. Hình này được mang vào phòng tối, ngâm trong nước pha 2% bichromate de potassium và 2% ammonium.

Sau đó được treo cho khô, rồi đặt vi điểm âm bản vào khoảng đen của ảnh. Vi điểm phải được bọc giấy đen chung quanh, vì sợ sau khi in lên, để lại vết, Phản gián có thể tìm ra bằng đèn cực tím. Để một ngọn đèn từ 40 đến 60 w cách xa 50 cm, chiếu vào vi điểm. Vi điểm sẽ được in chậu lên bưu ảnh. Thời gian in chậu này từ 20 đến 25 phút.

Bưu ảnh được đem ra rửa. Việc rửa rất quan trọng, vì phải rửa cho hết chất bichromate còn đọng lại. Bichromate là hóa chất được dùng để làm hình nhật thành đậm mà phòng ảnh nào cũng có. Phải ngâm rửa ít nhất trong 2 giờ đồng hồ. Tiếp theo là rửa bằng nước bisulfite de soude.

Rồi đặt bưu ảnh lên trên một tấm kính được rắc bột tale. Đợi cho khô, bưu ảnh đã biến thành vật mang vi điểm.

Người ta chỉ cần dán tem rồi bỏ vào thùng thư bưu điện. Ngoại trừ trường hợp bị Phản gián nghi ngờ, phương pháp in chận này có nhiều hy vọng an toàn.

34) Tối Mật : Kỹ Thuật Mật Mã Và Mật Tự

Mật mã và mật tự là phần quan trọng nhất của Nghề điệp báo. Dư luận thường gọi chung là mật mã, thật ra mật mã và mật tự là hai bộ môn khác nhau ¹⁴⁰. Mật tự là những chữ bí mật được dùng trong thư, trong điện thoại, trong vô tuyến điện, trên đài bá âm, chỉ những người trong cuộc mới biết.

Chẳng hạn, nhân viên điệp báo thuộc quyền đại tá Rémy mới hiểu được «uống ly rượu pernod» là phi cơ sắp hạ cánh, còn ngày 17 tức là 27. Đại tá Rémy kể lại là Phản gián Đức hiểu lầm rằng «uống ly rượu pernod» là lệnh của Luân đôn về việc hạ sát các sĩ quan quốc xã ở Ba lê.

Có hàng trăm phương pháp dùng mật tự khác nhau. Gửi thư về Trung ương, điệp viên có thể báo tin bằng cách dán tem (dán ở góc trên phong bì, bên trái, hoặc bên mặt, dán ở góc dưới, dán ở sau lưng, dán nhiều tem ít tiền, dán lộn đầu, dán lệch vân vân...) cách ghi địa chỉ (chữ viết hoa, chữ viết thường, chữ nghiêng, chữ thẳng, nét chữ đi lên, đi xuống, chữ i hai dấu chấm, hoặc quên dấu nặng quên dấu huyền, vân vân...) cách chọn giấy (vuông chữ nhật, giấy kẻ giấy trơn, giấy nhám, giấy

140 Mật mã : chiffre, mật tự : code.

bóng vân vân...) cách chọn màu giấy (xanh, đỏ, trắng tím, vàng...)

Thư viết tay hoặc thư đánh máy cũng là một phương pháp thiên biến vạn hóa. Riêng thư đánh máy cũng có nhiều thủ đoạn : chữ nhỏ, hoặc chữ lớn, ruy-băng đen hoặc xanh, đánh giòng một hoặc giòng đôi, để mác bao nhiêu phân, cố tình đánh sai một vài chữ, hoặc dùng một danh từ riêng... Đôi khi chỉ cần gửi một tờ báo (như gián điệp RU tại Anh quốc) hoặc gửi bưu ảnh (như đại tá Penkovskiy)...

Bất lợi của mật mã là chỉ thông tin được ít. Với mật mã, bản tin có thể kéo dài hàng trăm chữ. Mật mã phương pháp đảo lộn chữ và con số biến bức thư thành một bản văn vô nghĩa, người ngoài không thể hiểu nổi.

Muốn hiểu người ta phải có chìa khóa. Chìa khóa của một bản mật mã thường là một số chữ rút trong sách. Những chữ này được thay đổi vị trí theo nhiều thể thức riêng.

Sau đây là một thí dụ cụ thể.

Một điệp viên đánh đi một bức điện, báo cáo rằng địch đã bắt Minh và Ngọc còn y trốn thoát. Bức điện như sau :

Minh và Ngọc đã bị địch bắt vì nội tuyến stop Lê trốn thoát stop Chưa dám hoạt động lại stop Yêu cầu Trung ương cho chỉ thị stop Lê »

Chuyển sang chữ quốc ngữ không dấu, bức điện này sẽ biến thành : Minh vaj Ngocz đaw biz dichz baalf vij nooiz tuyeenf stop Lee troonf thoatf stop Yecu caauj Trung uuoong cho chiw thiz stop Lee.

(Bị chú : tác giả mạn phép dùng các chữ f, j, w và z để thay cho dấu sắc, huyền, hỏi, và nặng. Dấu hỏi và dấu ngã đều dùng chung chữ w. Chữ ô là oo, ư là uu, ê là ee, ở cũng là oo),

Trước hết, ta cần đặt chìa khóa. Cuốn Gián điệp Quốc tế của Người Thứ Tám, đã xuất bản, được dùng làm chìa khóa. Theo quy ước, ta lấy giòng thứ 5 trong trang 208 của cuốn sách này làm chìa khóa. Giòng thứ 5, trang 208 gồm những chữ như sau :

Hoạt động trong vùng địch dùng tự vị mật.

Chuyển sang quốc ngữ mới, thành ra :

Hoatz đoongz trong vungj dichz dung thuz viz maatz.

Giòng chữ này gồm 43 chữ. Theo quy ước, ta chỉ dùng 18 chữ (không nên dùng chìa khoa dưới 15 chữ,

và không nên đánh điện quá ngắn, vì bạn chuyên môn của Phản gián có thể khám phá ra). 18 chữ này là :

HOATZDOONGZTRONGVU

Giai đoạn thứ nhì là đánh số. 18 chữ này sẽ được đánh số từ 1 đến 18, theo thứ tự a, b, c, chẳng hạn a là 1, b là 2, c là 3, hoặc nếu không có b thì a là 1, c là 2, vân vân... Đánh số từ trái sang phải (hoặc từ phải sang trái, tùy theo quy tróc), nếu có 2 chữ giống nhau (trong 18 chữ kể trên có 4 chữ 0) thì chữ thứ nhất bên trái mang số nhỏ nhất (hoặc chữ thứ nhất bên phải..) 18 chữ đánh số trở thành :

H O A T Z D O O N G Z T R O N G V U

5 8 1 13 17 2 9 10 6 3 18 14 12 11 7 4 16 15

Đánh số xong, ta cần kiểm soát lại lần nữa, vì nếu làm sai, bức điện sẽ vô nghĩa. Mỗi bức điện đều ghi ngày ở đầu hoặc cuối. Chuyên viên Phản gián thường căn cứ vào chi tiết này để mò ra chìa khóa mật mã. Vì vậy, người ta thường dùng một số tử-tự¹⁴¹. Mỗi ngoại ngữ thường dùng một số chữ, như tiếng Pháp thường dùng các chữ E S A R I N T U L O. Căn cứ vào đặc điểm của từng ngoại ngữ, chuyên viên Phản gián có thể chọn

141 Tử tự, tiếng Pháp là lettre-morte. An-tự, tiếng Pháp là lettre de sécurité.

thùng được mật mã của đối phương. Việc dùng tử-tự sẽ làm Phản gián gặp nhiều trở ngại,

Tử-tự là những chữ thêm vào bức điện làm vì. Chẳng hạn, ta thêm vào 5 chữ MSOLB (nên nhớ, mật điện gồm 5 chữ một, hoặc 5 số một). Bức điện kể trên được chép vào giấy kẻ ô vuông sẽ như sau :

5 8 1 13 17 2 9 10 6 3 18 14 12 11 7 4 16 15 MSOLB
 MINI VA JN GOCZ D AWBIZ DI CH ZBAAT.FV DJ
 NOOIZ TU YE ENFS TO PLE E T RO 0 NF T H 0 A T.
 F S TOPY EE UCA AU J T RUNGUU OON GRACH
 IW T H IZST O PLEE

Ta có thể thêm vào cuối bức điện 1 tử-tự khác như RDZS chẳng hạn. Trên nguyên tắc, không nên ký tên, dầu là tên giả được dùng trong Tổ chức. Vì phản gián có thể truy nguyên được. Nếu cần kỳ, thì ký bằng một tên giả khác ; chỉ Trung ương biết, và tên giả này được thay đổi luôn, tùy theo ngày chẵn, ngày lẻ, hoặc tùy theo tháng, vùn, vùn...

Bức điện kể trên gồm 103 chữ. Dem chia cho 5 còn lẻ 3, vậy phải thêm vào 2 chữ cho chẵn 110, đủ chia cho 5. Tử tự định dùng ở cuối bức điện là RDZS, tuy nhiên ta có thể viết là RD. Như vậy, bức điện đã gồm đủ 110 chữ

Ngoài tử tự, người ta còn dùng an tự, hoặc chữ an ninh, để đề phòng trường hợp nhân viên vô tuyến rơi vào tay Phán gián và bị Phản gián bắt đánh điện giả mạo. Tử tự được dùng ở đầu bức điện là MSOLB : ta có thể dùng chữ Z làm an tự. Nếu điệp viên mở đầu bằng MSOLZ, điều này có nghĩa là bức điện bị làm giả. Giai đoạn thứ 3 là chép bức điện trên một tờ giấy kẻ ô vuông khác, theo thứ tự từ số 1 đến số 18, và chuyển hàng dọc thành hàng ngang. Nói rõ hơn, dưới số 1 là giòng chữ O B O R U A. Giòng chữ này sẽ được viết thành hàng ngang. Lúc diễn được chuyển lại như sau :

5 S 1 13 17 2 9 10 6 3 18 14 12 11 7 4 16 15 OB OR
U A MDT NAIVZE ORI CV POOL MANE EGHHEH
TH OF OT UP SWOT ERI IUFUW NC Y TJ TGTT
SUONAS FGT LIIO C C JAFT NSAJE Y NE ZIL POE
BZZO A HABNA UZ

Giai đoạn thứ 4 là chép lại bức điện, thành từng nhóm 5 chữ, cũng theo thứ tự từ số 1 đến số 18, và cũng chuyển hàng dọc thành hàng ngang. Nói rõ hơn, bắt đầu bằng OPOY... Bức điện sẽ biến thành : OPOYI LALPT
CENET STOOH IFY10 CONLZ TNOTF ZEEUS
ENBVE CIIMM SGJBJ AWTAZ ZHIAJ BVHIN
DAROT TOPIG ROSHI HWTEZ RTUGN UUOUJ
COAEE UNN

UNN thêm 2 tử-tự RD thành UNNRD.

Muốn cho người nhận điện hiểu được nội dung bức điện, ta phải ghi rõ số chìa khóa. Ta đã dùng trang 208, giòng 5 cuốn Giám điệp Quốc tế, làm chìa khóa, vậy ta phải ghi con số 20805. Tuy nhiên, ta chỉ lấy 18 chữ trong giòng 5. Bức điện lại gồm 22 nhóm 5 chữ. Vậy, ta phải ghi 01822 (hoặc 18022). Đề phòng Phản gián đối phương tìm ra chìa khóa, ta cần biến hóa như sau :

Thứ nhất, đổi con số thành chữ, theo một thể thức riêng. Thể thức này biến chuyển vô tận. Chẳng hạn :

1	A	K
2	B	L
3	C	M
4	D	N
5	E	O
6	F	P
7	G	Q
8	H	R
9	I	S
0	J	T

Con số dêrô 0 có thể là J hoặc T, hoặc những chữ U, V, W, X, Y, Z. Con số 20805 có thể được đổi thành BJHJE. Hoặc LTRTO, hoặc BUHUE, vân vân... Sự chuyển hoán này sẽ làm nỗ lực khám phá của Phản gián

khó khăn thêm. Tuy nhiên, muốn an toàn hơn, ta còn phải cộng một con số bí mật vào (có thể cộng hoặc trừ). Chẳng hạn cộng với số 78643.

20805	01822
+ 78643	+ 78643
98418	79465 (cộng không nhớ)

Con số 98448 và 794 5 sẽ biến thành HDDH và GIDFE..

Phương pháp vừa được mô tả gọi là lưỡng hoán ¹⁴². Tổ chức tình báo của đại tá Rémy dùng phương pháp lưỡng hoán trong những ngày đầu tiên của cuộc kháng chiến trên đất Pháp. Phương pháp này vấp phải 2 bất lợi lớn : thứ nhất nếu phạm một lầm lẫn nhỏ, như viết sai số, chuyển sai số, người nhận sẽ không hiểu nghĩa ; thứ hai, trong trường hợp một điệp viên biết chìa khóa mật mã, hoặc biết tên cuốn sách được dùng làm chìa khóa, bị Phản gián địch bắt, toàn thể tổ chức sẽ bại lộ.

Tổ chức của đại tá Rémy dùng trên đất Pháp bộ mật mã RD. Một nhân viên vô tuyến tên là Bob bị bắt, và dưới sự tra tấn tàn bạo đã tiết lộ bí mật của mật mã RD. Thường lệ, Phản gián quốc xã (cũng như Phản gián của mọi quốc gia trên thế giới) ghi âm mọi bức mật điện.

142 Tiếng Pháp là double transposition.

Nắm được chìa khóa, Phản gián hiểu được ý nghĩa của các bức điện do tổ chức của Rémy trao đổi với Luân đôn. Kết quả là 12 nhân viên của Rémy bị xử bắn.

35) Bảng Mật Mã

John Eppler, điệp viên quốc xã Đức, bị bắt tại Ai Cập trong thế chiến thứ hai với một số bảng mật mã chưa kịp thiêu hủy. Cảnh sát FBI cũng tìm thấy trong phòng riêng đại tá Abel nhiều bảng mật mã. Bảng mật mã, danh từ Anh ngữ chuyên môn gọi là Pad, là những bảng số - tương tự như bảng Logarit của học sinh Tú tài - do một máy riêng chế ra, để dùng vào việc làm mật điện. Mỗi bảng mang một con số. Mỗi bảng gồm chừng 100 trang, trang nào cũng được đánh số.

Đại tá Rémy dùng chữ để viết mật điện. Phương pháp Pad lại dùng số. Có nhiều thể thức dùng số khác nhau, thể thức giản dị nhất (song cũng khá an toàn) là như sau:

Mở đầu bức điện, ta ghi số Pad, và số trang của Pad ấy. Bức điện bằng chữ được chuyển thành con số, chẳng hạn Minh vaj Ngocz daw biz dichz baatf được chuyển thành 3542 875 9647394324 21376 9652 (đây là thí dụ). Những con số này được viết 5 số một, thành 3428 75964 73294 32124 37696...

Bức điện kể trên gồm 22 nhóm 5 số. Ta tìm trong bảng mật mã, lấy bất cứ trang nào có trên 22 nhóm 5 số, rồi cộng vào với những nhóm số đã có. Chẳng hạn:

$$\begin{array}{r}
 35428 \\
 + 97541 \\
 \hline
 132969
 \end{array}
 \quad
 \begin{array}{r}
 75964 \\
 + 95432 \\
 \hline
 171396
 \end{array}
 \quad
 \begin{array}{r}
 73294 \\
 + 43287 \\
 \hline
 116581
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r}
 32414 \\
 + 95426 \\
 \hline
 127840
 \end{array}
 \quad
 \begin{array}{r}
 37696 \\
 + 56432 \\
 \hline
 94128
 \end{array}
 \quad
 \text{(cộng không nhớ)}$$

Trước phương pháp này, Phản gián thường phải thúc thủ, vì lẽ những nhóm số trong bản mật mã được chọn lung tung, không tuân theo một định lệ nào.

Cộng xong, điệp viên xé tờ giấy ra khỏi bảng mật mã mà đốt liền thành than. Phản gián bắt được điệp viên cũng vô ích vì điệp viên không thể nhớ các con số đã dùng. Đại tá Sô viết Abel dùng phương pháp này tại Mỹ bởi vậy cảnh sát FBI bắt được một cuộn phim vi-ti giấu trong đồng xu kền của Abel mà trong 4 năm không thể nào hiểu nghĩa.

36) 7 Kỳ Quan Của Mật Mã RU

Ngày xưa Jules César dùng phương pháp chuyển-tự để gửi thư từ bí mật. Phương pháp chuyển-tự này vẫn còn được áp dụng ngày nay. Chuyển-tự nghĩa là chữ a được đổi thành chữ khác như thành h, thành c, vân vân... Sự chuyển-tự thay đổi không cùng, tùy theo chìa khóa.

Lấy chữ Linh làm thí dụ. Nếu chìa khóa là 1423 thì chữ Linh trở thành:

$$L = L + 1 = M$$

$$I = 1 + 4 = M$$

$$N = N + 2 = P$$

$$H = H + 3 = K$$

Gián điệp RU đặc biệt quan tâm đến an ninh mật mã. Các nhân viên hoạt động ở nước ngoài thường dùng một bộ mật mã gồm 7 loại, mỗi loại mang một tên riêng¹⁴³. 7 loại này được dùng theo một chương trình định trước, không nhất thiết phải theo thứ tự.

¹⁴³ 7 loại này là Alma, Kiel, Martyn, Nord, Oslo Skene và Venus.

Trong quá khứ, nhà cầm quyền từ đông sang tây chưa có quan niệm đúng mức về mật mã. Năm 1877, trong cuộc chiến tranh giữa Nga la tư và Thổ nhĩ kỳ, viên tham mưu trưởng của Osman Pacha, tổng tư lệnh quân lực Thổ, lên đường kinh lý. Viên tham mưu trưởng đăng trí đã mang luôn bộ mật tự theo mình. Hồi ấy, Thổ còn dùng mật tự soạn lại thành cuốn sách dày cộm. Kết quả của sự đăng trí này là Osman Pacha bó tay, không hiểu nổi các báo cáo từ mặt trận gửi về. Suýt nữa đế quốc Thổ bị thất trận.

Ông Allen Dulles thuật lại một giai thoại đáng nhớ về mật tự. Năm 1914, Âu châu đang thanh bình, một chính khách Mỹ lỗi lạc được làm đại sứ tại Bucharest, thủ đô Bảo gia Lợi. Trong thời gian này, Hoa kỳ dùng mật tự, gọi là mật tự Hồng, được in thành sách, và gửi tới các sứ quán trên khắp thế giới (không như ngày nay, bộ Ngoại giao Mỹ dùng mật mã, và mỗi sứ quán ở nước ngoài, dùng mật mã riêng). Trên nguyên tắc, ông đại sứ Mỹ tại Bucharest phải cất bộ mật tự trong tủ sắt, song lại giấu dưới đệm giường. Mấy tháng sau, gián điệp Nga đánh cắp bộ mật mã.

Ông đại sứ không báo cáo với Hoa thịnh đôn. Khi nhận được mật điện và cần trả lời, ông đáp xe hỏa qua Vienne, thủ đô Áo quốc, đến sứ quán Mỹ mượn bộ mã

tự Hồng để tham khảo. Mãi đến những ngày đầu tiên của thế chiến thứ nhất, vụ mất mã tự này mới đổ bể.

Ghét của nào, trời trao của ấy, nước Nga ngày nay tiêu hàng trăm triệu rúp để bảo vệ mật mã và ăn cắp mật mã của các nước khác lại bị Igor Gouzenko, nhân viên mật mã tại sứ quán Sô viết ở Gia nã đại bỏ trốn, mang hết bí mật cho Tây phương. Đại tá Penkovskiy cũng mang hết bí mật về mật mã RU cho tình báo Anh Mỹ.

Năm 1914 Cộng sản chưa nắm chính quyền - quân đội Đức, gồm 8 sư đoàn, bị nghẹt thở giữa gọng kềm của tướng lãnh Nga. Hoảng hốt, bộ tổng tư lệnh cử tướng von Hindenburg với chỉ huy 8 sư đoàn để đảo ngược tình thế.

Nếu quân đội Nga có ý thức đúng mức về mật mã, Đức đã bại trận từ năm 1917, tiết kiệm được 3 năm thế chiến thứ nhất, và hàng chục vạn sinh mạng. Hồi ấy, bộ tổng tư lệnh Nga mới đặt ra một bộ mật mã riêng cho quân đội ở tiền tuyến, và ra lệnh cho hai tướng Rennenkamf và Samsonov hủy bộ cũ. Rennenkamf nhận được bộ mới nên đánh điện cho Samsonov bằng mật mã mới. Samsonov chưa tiếp nhận được nên chẳng hiểu gì hết và đành phải dùng mật mã cũ lên lạc với Rennenkamf. Khốn nỗi vị tướng này đã tiêu hủy bộ cũ. Tình trạng ông nói gà, bà nói vịt kéo dài. Miễn cưỡng

hai bên phải liên lạc vô tuyến điện với nhau không dùng mật mã.

Tướng Hindenburg nghe lỏm được cuộc đối thoại giữa 2 viên tư lệnh Nga. Biết rõ kế hoạch dàn quân của địch, quân Đức cả thắng dễ dàng tuy sức yếu. Sự thắng trận này không phải do tài quân sự của Hindenburg mà ra. Mà chính vì sự bê bối của Nga về mật mã.

37) Tội Mật : Một Bộ Mật Tự Kinh Khủng

Tuy kỹ thuật mật mã đã tiến bộ ghê gớm, sự kiện này không có nghĩa là phương pháp cũ bị xếp xó. Bằng chứng là nhiều sở điệp báo ngày nay còn dùng bộ mật tự Kiel cổ xưa. Ngày nay, các cơ quan Phản gián vẫn lắc đầu le lưỡi khi phải khám phá chìa khóa của bộ mật tự Kiel. Trên thực tế, không nắm được sách mật tự thì không tài nào tìm ra.

Điều đáng nói là nguyên tắc của mật tự Kiel rất giản dị. Chìa khóa của nó là một trang chữ in, hoặc là tiểu thuyết tạp chí... Muốn gửi mật điện, điệp viên chọn chữ thứ nhất của mật điện trong giòng thứ nhất của trang in, chữ thứ hai trong giòng thứ hai, và cứ tiếp tục đến khi xong. Chọn được chữ nào, thì ghi bằng con số, chẳng hạn chữ thứ 5 thì đề số 5, chữ thứ 25 thì đề số 25, vân vân... Giòng nào không có chữ mình cần thì ghi số dêrô, và xuống giòng dưới.

Biết chìa khóa nghĩa là biết trang giấy in được dùng - thì đọc dễ như chơi. Còn không biết thì... đừng ráng sức vô ích.

Sau đây là một thí dụ cụ thể.

Điện viên gửi về Trung ương một bức điện gồm những chữ số 15-5-11-0-0-32-2-16-0-2-0-0-0-4-7. Chìa khóa là trang 175, cuốn Núi đá Tiên tri của Người thứ Tám.

«...nữa, cổ áo mở xuống thật sâu, thành hình chữ V mỗi khi muốn thu hồn ai giả vờ đánh rơi mù soa xuống đất, cúi xuống nhặt, thiên hạ tha hồ chiêm ngưỡng. Văn Bình ôm Katy, hôn lấy hôn để.

- Thảo nào Lý Dĩ chả mê mệt !

«Katy nhoẻn miệng cười. Văn Bình bỗng tiếc muối một cái gì sắp mất. Chàng nhìn ra ngoài. Bầu trời ở quần đảo Tai-mia lúc nào cũng đùng đục, buồn rầu. Katy đi, chàng bắt đầu thấy trống trải, Romanốp mở cửa vào trước. Gặp hần, Katy giả vờ mừng rú :

«- Kìa, không ngờ được gặp lại đại tá.

«Romanốp bắt tay Katy :

«- Quả đất tròn, thừa bà. Trời, bà đẹp quá. Cả đất Nga này có lẽ chưa có người nào đẹp bằng bà.

«Kôrênin nghiêm trang : »

Áp dụng nguyên tắc kể trên, ta sẽ tìm ra 2 tiếng «thiếu tiền». Điện viên thiếu tiền, yêu cầu Trung ương gửi tới.

38) Mật Tự Calloway

H. B. Calloway là thông tin viên chiến tranh Mỹ. Trong cuộc chiến tranh Nga-Nhật hồi đầu thế kỷ, nhà báo khôn ngoan này đã đặt ra một mật tự lạ lùng để gửi tin về nước, qua nhát kéo kiểm duyệt. Ly kỳ nhất, là vì trước ngày lên đường, Calloway không định gửi tin bằng mật tự vì ông là ký giả, không phải là nhân viên gián điệp. Sáng kiến của ông hiện được sinh viên các trường điệp báo học hỏi. Thiết tưởng nhắc lại không phải là vô ích.

Trong 2 tháng giòng dãi, ông lang thang từ Hoàn Tân đến Đông kinh, đánh phé với các bạn đồng nghiệp và uống rượu say mềm. Nghĩa là ông chỉ ăn chơi, chẳng làm gì cả. Thật ra, sự bê tha này không phải lỗi của ông. Chẳng qua sở Kiểm duyệt Nhật rất khắc nghiệt, tin nào cũng bỏ.

Khi y quân đoàn 1 kéo qua sông Hoàng hà với các ký giả đi theo. Tờ Enterprise do Calloway đại diện đã đăng một bài tường thuật sôi nổi - có thể gọi là sôi nổi nhất trong trận chiến tranh Nga Nhật - về cuộc đụng độ. Báo này đăng độc quyền, kèm theo chi tiết đầy đủ ngay sau trận giao phong xảy ra, trong khi báo chí thế giới tường thuật chậm một, hai ngày sau.

Cũng như Calloway, nhiều thông tin viên khác đã nghe phong phanh tướng Nhật Kuroki sửa soạn giáp chiến, song không ai gửi tin về được vì sở Kiểm duyệt luôn luôn gắt gao. Thông tin viên một tờ báo ở Luân đôn gửi bài về trận đánh được sở Kiểm duyệt cho phép vì bài này hoàn toàn sai. Những bài đúng đều bị giữ lại. Calloway đã qua mặt nhân viên Kiểm duyệt bằng mật tự riêng do ông đột ngột nghĩ ra.

Nguyên tắc của mật tự rất giản dị : nghề làm báo vốn có một số danh từ thông dụng, nôm luôn đi liền nhau, chẳng hạn «trường hợp giảm khinh» hễ nói đến tiếng giảm khinh, người ký giả phải liên tưởng tới tiếng trường hợp, Calloway viết sức điện gửi về tòa báo theo lối hành văn úp mở này ¹⁴⁴. Sở kiểm duyệt Nhật không lưu ý đến. Tại tòa soạn, một nhân viên nhanh trí đã tìm ra thâm ý của Calloway. Và tên tuổi của báo Enterprise, của thông tin viên Caloway, cũng như của ký giả trẻ tuổi Vesey, người đọc được bức điện ồm ồm này nổi như sóng cồn.

144 Lẽ ra tác giả đăng nguyên văn bản điện của Calloway song vì bức điện này gồm nhiều đặc điểm về ngoại ngữ, dịch không thoát ý.

39) Tội Mật : Liên Lạc Điện Đài

Phương pháp liên lạc thông dụng nhất trong thế chiến thứ hai của giới gián điệp hoạt động trong hậu địch là vô tuyến điện. Khi thế chiến bắt đầu điện đài của điệp viên Anh-Mỹ lớn bằng cái máy đánh chữ xách tay công kênh. Tuy vậy, loại máy này hoạt động trên làn sóng ngắn, có thể liên lạc với mọi nơi trên thế giới. Đề phòng bị Phán gián tìm ra, điện đài được gửi vào lãnh thổ địch bằng mảnh tháo rời, rồi được điệp viên ráp lại.

Sau thế chiến, nhờ sự phát triển của kỹ thuật transistor, người ta đã chế ra những điện đài nhỏ xíu bằng hộp diêm, chạy bằng pin. Chạy pin có lợi ở điểm Phán gián không thể cất hơi điện lần lượt ở từng khu trong thành phố để tìm ra nơi giấu điện đài, như Phán gián Anh, và Đức đã làm trong thế chiến. Loại điện đài tí hon này cần một hay nhiều trạm tiếp vận ở ngoài biên giới hoặc trên hải phận quốc tế.

Gần đây, các sở điệp báo đã phát minh 2 loại điện đài tân tiến. Cái thứ nhất có thể chuyển đi trong vùng 3/5 giây đồng hồ một mật điện đài. Sở tầm đài của Phán gián phải mất từ 2 đến 3 phút mới có thể tìm ra địa điểm. Với khoảng thời gian 3/5 giây, Phán gián phải

bó tay. Dầu Phản gián ghi âm cũng vô ích, vì bức điện được thu vào băng kim khí đặc biệt, phát ra nhanh hơn tiếng nói, gây ra những âm thanh khó hiểu. Loại điện đài thứ hai phát ra làn sóng lên thẳng, bắn lên vệ tinh nhân tạo. Phản gián chưa có cách nào khám phá ra loại điện đài chuyển tin lên thẳng này. Trong thế chiến, nhân viên điện đài thay đổi tần số nhiều lần trong một bức điện để tránh lưới Phản gián. Sự thay đổi tần số được thực hiện bằng thạch anh (quartz). Mỗi thạch anh tạo ra một tần số (fréquence) riêng.

Đặc điểm khác của hoạt động điện đài là nhân viên vô tuyến không được hiểu nội dung của các mật điện gửi đi. Họ chỉ có nhiệm vụ tiếp nhận những bản điện đã được mật mã hóa từ trước rồi truyền đi bằng vô tuyến.

Hai người cùng dùng một cái máy chữ mà bản đánh của mỗi người một khác, khác về đập nhẹ, đập mạnh, khác về cách trình bày... Vô tuyến điện cũng vậy, mỗi nhân viên điện đài đánh mã tự một khác. Trước khi lên đường ra nước ngoài, nhân viên điện đài phải tập thành thạo một lối đánh riêng. Nhờ đặc điểm này, Trung ương sẽ biết là điện gửi về thật hay giả.

Như trên đã trình bày, mỗi bức điện đều có một hay nhiều chữ riêng gọi là an-tự. An-tự cũng là một phương pháp quan trọng để kiểm soát mật điện do điệp viên

ở hải ngoại đánh về. Sau đây là một mẩu chuyện về phương pháp an tự.

40) Kế Hoạch Otarie

Năm 1944, Hòa lan lâm vào hoàn cảnh nguy khốn. Phong trào kháng chiến bị tắc nghẽn vì nội tuyến. Nhân viên nội tuyến nguy hiểm nhất là Bill Overveen, cựu điệp viên Anh quốc, bị Phản gián Đức mua chuộc. Bill đi khắp Hòa lan, tự nhận là sĩ quan đồng minh từ Luân đôn tới, yêu cầu được móc nối với kháng chiến. Hễ Bill liên lạc với ai là người ấy bị bắt.

Tình báo Mỹ thả dù đêm 10-11-1944 xuống Hòa lan một điệp viên có nhiệm vụ thực hiện kế hoạch Otarie. Bí danh của điệp viên này là Billy. Hai lần trong 10 ngày tiếp theo vụ nhảy dù, một phi cơ của OSS bay trên vùng Billy đáp xuống, và đánh điện hỏi tin tức, tuy nhiên Billy không trả lại.

Một thời gian sau Billy mới lên tiếng. Tình báo Mỹ gửi vật dụng tới cho Billy, ngược lại Billy cung cấp nhiều tin tức quan trọng bằng điện đài. Đột nhiên, Billy hoạt động kém tích cực. Đêm 28-2-1945, phi cơ OSS gửi bức điện sau đây cho Billy : «Chúng tôi nghe anh rất rõ. Chúng tôi rất tiếc là không mang được đồ tiếp tế theo, vì trời quá xấu». Từ dưới đất, Billy trả lời :

«Tôi biết là thời tiết không được tốt, tuy nhiên đợi trong gió lạnh thật mệt quá xá. Các anh đừng hoãn đến lần thứ bảy. Thật nguy hiểm quá xá cho chúng tôi».

OSS cho một phi cơ bay trên khu vực y hoạt động. Sợ Phản gián nghi ngờ, OSS làm đúng theo lời Billy. Nhân viên OSS trên phi cơ nghe được tín hiệu radar của Đức. Đề phòng bị phục kích, phi cơ bèn quay về căn cứ. Và đó là lần cuối liên lạc với Billy.

Ngày 19-4, tình báo Anh ngoài mặt trận được tin là một nhân viên giao liên Đức bị bắt với nhiều tài liệu, trong số có bản phúc trình đầy đủ về cuộc thẩm vấn Billy. Theo bản phúc trình này, Billy đã khai hết với Phản gián quốc xã.

Sự thật lại khác hẳn. Billy chỉ giả đầu hàng. Và Billy đã đánh lừa Gestapo từ đầu đến cuối. Billy chỉ cung khai những điều Gestapo đã biết. Còn những điều Gestapo chưa biết thì Billy hoàn toàn bịa đặt. Billy đóng trò giỏi đến nỗi Phản gián tín nhiệm. Được hỏi về kế hoạch đổ bộ tương lai của đồng minh. Billy tiết lộ là binh sĩ Anh Mỹ sẽ tới...

(thiếu mấy giòng)

về Nhật, giúp cho Hoa Kỳ đẩy mạnh cuộc chiến tranh ở Viễn đông, mặc dầu Đức là đồng minh của Nhật trong phe Trục. Ngược lại, OSS phải tìm cách kéo dài chiến cuộc ở Âu châu hầu Đức quốc xã có thời giờ thương thuyết với Nga xô.

Ngày 3-5-1945, Billy vượt phòng tuyến Đức với giấy tờ đặc biệt của Gestapo, và trở về Luân đôn. Kế hoạch Otarie của OSS đã thành công. Công tác phỉnh gạt của Billy có thể được coi là một trong những thành công vô danh kỳ quặc nhất trong thế chiến thứ hai ở Âu châu.

41) Vấn Đề Xử Dụng Tin Tức Tình Báo

Từ khi huấn luyện được một điệp viên đến khi những tin tức đầu tiên được gửi về phải qua một chặng đường dài, đầy gai góc và hiểm hóc. Tính mạng của nhân viên gián điệp như sợi chỉ mảnh treo chuông, bị giết hoặc bị bắt là thường. Tuy nhiên, nghề nghiệp điệp báo không phải chỉ gồm việc lấy tin. Lấy tin là một trong 3 phần việc quan trọng. 2 phần việc quan trọng khác là định mức giá trị và xử dụng tin tức.

Tướng Doolittle, một yếu nhân tình báo Mỹ, tuyên bố rằng «lấy tin tức là một việc, định mức giá trị tin tức là việc khác, xử dụng tin tức còn là việc khác nữa». Ông Allen Dulles, cựu tổng giám đốc CIA từng nói như sau :

«Nhiều khi, xử dụng tin tức lại khó hơn là thu thập tin tức. Nói chung, hễ nhận được tin tức đặc biệt, người ta thường có định kiến và sai lầm hoặc quá đáng. Nếu khắc phục được định kiến này, người ta lại bác bỏ những cái không thích và nhất quyết không tin là đúng. Sau cùng, nếu nhận được một tin tức hợp ý, và tin là đúng người ta lại không biết cách xử dụng».

Ngày 7-8-1914, tướng Fournier, thống đốc Mauleuge, báo cáo với bộ tổng tư lệnh Pháp rằng kỵ binh Đức

đang tiến trên sông Meuse, mở đường cho 6 quân đoàn. Mặc dầu tin này đúng, tướng Fournier đã bị coi là chủ bại, và bị thuyên chuyển.

Ngày 8-8, tướng Lanrezac, tư lệnh quân đoàn 5, được thống chế Joffre coi là một tướng lãnh xuất sắc, tường trình rằng quân Đức sửa soạn đánh ngang hông. Song bộ tổng tư lệnh đáp lại rằng Lanvezac trông gà hóa cáo vì lực lượng địch còn yếu, chưa đủ khả năng tấn công vũ bão. 48 giờ sau bộ tổng tư lệnh Pháp xác định rằng quân Đức không dễ kéo vào Bỉ. Gần 2 tuần sau, quân Pháp bị thảm bại. Hàng chục sư đoàn Đức đốc toàn lực đánh Bỉ.

Thái độ của bộ Tổng tư lệnh Pháp trong thế chiến thứ nhất chứng tỏ một cách hùng hồn rằng tin tức đúng cũng chưa đủ, còn phải biết định mức giá trị và xử dụng đúng tin nữa.

Năm 1939, bước vào thế chiến thứ hai, người Pháp phạm lại lỗi lầm tai hại của năm 1914. Một phi cơ Đức hồng máy phải đáp xuống đất Bỉ. Nhân viên phi hành mang theo kế hoạch hành quân của bộ chỉ huy Đức quốc xã. Với mục đích xâm chiếm Pháp và Bỉ. 3 ngày sau 12-1-1939 tin này được trình lên tướng Gamelin cùng với tài liệu. Tướng Gamelin bỏ ngoài tai. Kết quả là nước Pháp bị quân Đức đánh tan không còn mạnh

giáp.

Năm 1940, Thủ tướng Anh Churchill thông báo cho Sit ta Lin biết là Hitler sửa soạn tiến quân vào Nga xô. Song Sit ta Lin một mực không nghe.

Và không riêng Churchill, nhiều nguồn tin chính xác khác đã nói rõ là ngày 22-6, Hitler tấn công. Richard Sorge, điệp viên số 1 của GRU ở Đông kinh, đã nhắc đến ngày 22-6 trong mật điện gửi về Mạc tư khoa. Ngoại trưởng Hoa kỳ Cordell Hall cũng đã báo tin cho đại sứ Xô viết Constantin Oumansky tại Hoa thịnh đốn. Hệ thống do thám GRU ở Thụy sĩ do Rudolf Roesster điều khiển cũng đánh về tin tức tương tự.

Trước đó 2 tháng, 20 phi cơ trinh sát quốc xã đã bay sâu vào vùng trời Xô viết, và một chiếc bị rơi. Người ta tìm thấy máy chụp hình và phim nhựa đã chụp các vị trí quân sự. Hơn thế nữa, các thông tin viên báo chí đã loan hàng ngày rằng hàng chục sư đoàn ưu tú quốc xã tập trung dọc biên giới Xô viết.

Vậy mà Sit ta Lin không tin. Mãi đến ngày 21-6-1941, đại sứ Đức gửi tới hậu thư của Hitler cho ngoại trưởng Môlô tôp, chính phủ Xô viết mới tin. Thật là lạ lùng. Tướng Dewhurst, cựu tùy viên quân sự Anh quốc tại Belgrade (Nam Tư) nhận định rằng điệp viên Xô

viết không giỏi như người ta tưởng. Gorge Kennan viết trong cuốn «Nga xô, Nguyên tử và Tây phương» như sau :

«Từ 40 năm nay, dưới áp lực của đảng Cộng sản, nhân viên điệp báo Xô viết đã mất hẳn khả năng phân tích thật sự khách quan bản chất của xã hội Tây phương».

Mỹ, Anh, Đức quốc xã cũng làm như Nga xô. Ông Allen Dulles đã viết trong bản phúc trình gửi Quốc hội Mỹ 1947 rằng : «những nhân vật được sở tình báo cho biết tin Nhật bản sắp tấn công Trân châu cảng đều hoài nghi, và quan niệm là cuộc tấn công sẽ diễn ra nơi khác». Cuối năm 1943, đồng minh bí mật chuẩn bị kế hoạch đổ bộ lên đất Pháp. Nhiều văn kiện liên quan đến kế hoạch này được đặt trên bàn giấy của Hitler do Cicéron cung cấp cho sứ quán quốc xã ở Thổ Nhĩ Kỳ. Hitler lại cho là tài liệu giả. Nếu Hitler biết xử dụng tin tức của gã bồi phòng Cicéron, không hiểu chung cuộc của thế chiến thứ hai ra sao.

Năm 1949, điệp viên lỗi lạc của Anh quốc George Blake phúc trình cho MI-6 rằng quân đội cộng sản Bắc Cao đang sửa soạn kéo qua vĩ tuyến 38, tấn công cộng hòa Đại Hàn. Bản tin Blake được chuyển qua Hoa thịnh đốn, và các chuyên viên CIA công nhận là đúng. Tuy nhiên, Hoa kỳ không nghĩ cách đối phó, và ngày 24-6-

1950 chiến tranh xảy ra Bạch Cung và Ngũ giác đài lại hoàn toàn kinh ngạc.

Đôi khi, sự kinh ngạc này là một thủ đoạn ngoại giao. Năm 1956, liên quân Anh-Pháp hành động trong kinh đào - Suez, bênh vực Do Thái, chống lại chế độ Nát xe ở Ai Cập. Sau khi chiến tranh xảy ra, chính phủ Mỹ tuyên bố rằng Anh-Pháp đơn phương hành động, không thông báo trước. Dư luận Mỹ cho rằng tình báo CIA mıt đặc. Sự thật - như ông Allen Dulles công nhận bằng giấy mực - là CIA đã biết trước, và trình cho tòa Bạch Ốc, và chính phủ Mỹ chỉ phàn nàn là Anh-Pháp không thông báo trước, chứ không nói là không biết. Vẫn theo ông Allen Dulles, tình báo CIA cũng biết trước vụ phóng vệ tinh Sputnik đầu tiên của Nga sô lên quỹ đạo. Tuy báo chí và dư luận nói rằng CIA không hay biết gì hết, sự thật là CIA đã báo cáo từ trước với tòa Bạch Ốc.

42) Vấn Đề Định Giá Tin Tức Tình Báo

Ellis Zacharias, một điệp viên lỗi lạc, nhận định rằng «hàng ngày, cả triệu báo cáo tin tức ngập tràn văn phòng các trụ sở điệp báo trên thế giới, chứa toàn tin tức mật, tuy nhiên, phân biệt được chân giả không phải dễ dàng».

Để tiết kiệm thời giờ, cơ quan điệp báo thường gồm 2 phần việc : thu thập tin tức và định giá trị tin tức. Việc định giá tùy thuộc 2 yếu tố : xuất xứ, nghĩa là người cung cấp đáng tin hay không, và đáng tin đến đâu ; và tin tức quan trọng hay không. Người ta thường dùng các chữ A, B C, D để chỉ xuất xứ. A nghĩa là xuất xứ hoàn toàn tin cậy, còn D nghĩa là không đáng tin cậy lắm, hoặc từ xưa đến nay chưa có dịp phối kiểm. Mức quan trọng của tin tức được cụ thể hóa bằng các con số 1, 2, 3, 4. Con số 1 nghĩa là tin rất đúng, đã được phối kiểm. Con số 4 nghĩa là tin không đúng, hoặc chứa nhiều nghi vấn.

Trên thực tế, thỉnh thoảng mới có tin A-1. Tin B-2 hoặc C-3 đã là tin đáng lưu ý. Đôi khi tin D-4 lại giúp được nhiều chi tiết quan trọng. Bởi vậy, tại cơ quan Trung ương, mọi tin tức đều được sắp xếp, đáng tin cậy và quan trọng thì xử dụng, nhược bằng đáng nghi ngờ

và không quan trọng thì lưu trữ trong hồ sơ.

Định giá xong, tin tức được tập trung lại để phổ biến. Có 3 loại tin tức : tin tức riêng, tin tức mật, và tin tức tối mật. Tài liệu mật thường chỉ được phổ biến cho vài ba trăm người, còn tài liệu tối mật thì được thu hẹp vào một số rất ít, đôi khi chỉ 2 hoặc 3 người. Việc chuyển giao được thực hiện trong hoàn cảnh an ninh tuyệt đối. Trong thời chiến, thường là sĩ quan cấp tướng phụ trách việc phân phối. Nhiều khi, tài liệu tối mật chỉ được in thành 4, 5 bản mà thôi. Mỗi bản được đánh số, và mỗi bản được viết một cách khác, để phòng bị lọt vào tay địch sẽ không tìm ra xuất xứ.

Kính Mời Các Bạn...

G ián điệp, bạn là ai ? Gián điệp, bạn làm gì ? Trong gần 300 trang sách, các bạn đã theo dõi những giai đoạn nghề nghiệp. Nhiều bạn sẽ cho là thiếu sót. Bản tâm của người viết là không muốn đề cập tới những chi tiết chưa thuận tiện. Tuy nhiên, có những chi tiết khác muốn đề cập tới mà phải thúc thủ. Vì nghề điệp báo là nghề của bóng tối. Bóng tối rộng bao la, đèn chiếu đến đâu thì sáng đến đấy, và còn hàng trăm, hàng ngàn khoảng tối khác chưa rọi đến. Để kết luận cuốn sách này, thiết tưởng không có câu nói nào ý nghĩa bằng lời tuyên bố của cựu tổng giám đốc CIA, Allen Dulles : «Tôi chỉ huy một cơ quan thăm lặn, và tôi không thể làm quảng cáo».

Tại Sao Có Cuốn Sách Này ?

Các bạn thân của tác giả cho rằng sở dĩ có cuốn **Bạn Muốn Thành Gián Điệp** là vì cuốn **Gián Điệp Quốc Tế** xuất bản cuối năm 1965 đã mang lại những kết quả vật chất ngoài dự đoán. Nhận định này rất đúng, vì ấn bản thứ nhất được bán hết trong vòng một tháng, một kỷ lục đáng kể ở nước nhà.

Tuy nhiên, sự thành công vật chất không phải là lý do chính. Viết tiểu thuyết - như trên 10 bộ của Người Thứ Tám trong Tủ sách Gián điệp Z.28 đã xuất bản - mất ít thì giờ hơn soạn sách tài liệu nhất là tài liệu điệp báo, một bộ môn mới lạ đối với nền văn học nước nhà. Lý do chính là mối ưu tư và hoài bão của tác giả từ hơn 20 năm nay, từ ngày còn đi học mê say sách gián điệp, đặc biệt là các tác phẩm cổ điển của đầu thế kỷ 19, như cuốn **Người Điệp viên** (1822), và đầu thế kỷ 20, với «**Những cuộc phiêu lưu của tôi trong nghề gián điệp**» (1915), «**Những tiết lộ về sở Mật vụ**» (1911) «**Hồi ký của một điệp viên Anh quốc**» (1932) **Gián điệp** (1930)¹⁴⁵.

145 Đó là : **The Spy** (Whitaker xuất bản) của Fenimore Cooper - **My Adventures as a Spy**, của Baden Powell Arthur Pearson xuất bản - **Revelations of the Secret Service**, của Willian Le Quena, White xuất bản - **Memoirs of a British Agent** của RM Brice Lockhart, Patman xuất bản - **Espionage** của H.R. Bern-

Sự thành công phi thường của văn sĩ Peter Cheyney với loại tiểu thuyết gián điệp sau thế chiến thứ hai đã thúc giục tác giả đưa bộ môn này vào Việt Nam. Sự thúc giục đã trở thành ám ảnh sau khi Jean Bruce ở Pháp, Ian Fleming ở Anh quốc đẩy trên toàn thế giới một cao trào sản xuất và hưởng ứng tiểu thuyết gián điệp.

Tác giả bắt đầu đăng báo những bộ truyện đầu tiên từ năm 1957. Song mãi đến 1965 - nghĩa là 8 năm sau - mới in thành sách. Những tài liệu được dùng để soạn cuốn Gián điệp Quốc tế được chuẩn bị từ năm 1960, tuy nhiên đến năm 1964 mới lên mặt báo. Sự trì chậm này nói lên hoàn cảnh khó khăn của người cầm bút trong một nước bị chiến tranh liên tục. Tác giả lấy làm mừng là từ 15 tháng nay, sau khi loại sách Z.28 được độc giả có cảm tình nồng hậu, hàng chục nhà xuất bản và tác giả khác đã góp mặt trên văn đàn, tuy vậy có điều đáng buồn là hầu hết các truyện gián điệp được xuất bản trong năm qua đều là phóng tác, mặc dầu người viết đã cố gắng Việt hóa.

Tiểu thuyết gián điệp là món giải trí tinh thần thích hợp với nếp sống vội vàng và xáo động hiện tại. Mặt khác, tiểu thuyết gián điệp lại làm quen bạn đọc với những tiến bộ khoa học mới mẻ, và giúp vào việc phát

triển trí óc tưởng tượng, điều kiện cần thiết để sinh tồn trong thế kỷ nguyên tử.

Tuy nhiên, hoài bão của tác giả không chỉ đóng khung trong việc viết truyện. Mà là nương theo sự thành công của tiểu thuyết để giới thiệu với đồng bào một hoạt động ít hoặc chưa được biết tới : kỹ thuật điệp báo. Với sự lan tràn của vũ khí nguyên tử, hiểm họa đại chiến nhật dần. Vì quốc gia nào cũng sợ. Song mỗi lo tận diệt này không có nghĩa là thế giới được sống vĩnh viễn trong hòa bình. Chủ nghĩa mác-xít đã tìm ra một phương pháp gây chiến mới : xâm lược bí mật dưới chiêu bài chiến tranh giải phóng tại các nước chậm tiến, và chiến tranh điệp báo ở Tây phương. Thật ra, những cuộc nội chiến đang diễn ra ở Việt nam, phần nào ở Ai-Lao, Thái Lan và Phi luật tân, Phi châu, chỉ là một hình thái của chiến tranh lạnh, mà chiến tranh lạnh là gì, nếu không là chiến tranh điệp báo.

Dân tộc ta có khiếu về điệp báo. Trong thế chiến thứ hai, các giáo sư huấn luyện của OSS nhìn nhận rằng người phương đông hấp thụ kỹ thuật nghề nghiệp mau chóng hơn người phương Tây. Muốn chế tạo vũ khí phải đặt kỹ nghệ nặng. Nghĩa là phải giàu. Phải có nhiều tiền. Vì chiến tranh kỹ thuật là đặc quyền của nhà giàu. Song muốn hoạt động điệp báo chỉ cần bộ óc. Phải thành thật

nhìn nhận rằng chúng ta có sẵn vốn liếng, mà chưa chịu vận dụng. Lỗi tại ai ?

Biết mình, biết người, trăm trận đánh, trăm trận thắng. Trọng hiện tình, nước ta rất cần một thư viện điệp báo, một khối chuyên gia điệp báo, một đạo quân điệp báo được huấn luyện đầy đủ. Thế mà chúng ta chưa có gì hết.

Nhà cầm quyền Bắc Việt khoe khoang rằng họ dựa vào biện chứng pháp mác-xít và phát minh ra một nền điệp báo mới, điệp báo nhân dân. Sự thật điệp báo nhân dân chẳng phải là điều mới lạ. Đó là một trong nhiều kỹ thuật đã được áp dụng. Trong thế chiến thứ hai, binh sĩ đồng minh đổ bộ lên đảo Sicile và Ý đại lợi đã vận dụng triệt để điệp báo nhân dân. Bất cứ người lính Mỹ nào cũng biết đặt câu hỏi bằng tiếng địa phương Dove mini (Nơi nào gài mìn) ? Dove tedeschi (Quân Đức ở đâu) ?

Nửa triệu binh sĩ Đức đồn trú ở Pháp được võ trang đầy đủ mà vẫn thảm bại. Thảm bại vì đồng minh tung vào một lực lượng phản công mãnh liệt. Song lực lượng phản công này đã dựa vào một lực lượng điệp báo hữu hiệu, được phần lớn của 40 triệu người Pháp hậu thuẫn. Như vậy là điệp báo nhân dân. Tại Ý, quân đội Đức chỉ kiểm soát nổi các thị trấn lớn trong khi nông thôn hoàn toàn do du kích thân đồng minh kiểm soát. Đó cũng là

kết quả của điệp báo nhân dân.

Dĩ nhiên, những người tự do hoặc cộng sản không hoạt động giống nhau trên lãnh vực điệp báo. Nhưng kỹ thuật điệp báo chỉ có một. Chủ trương căn bản của Cộng sản là chính trị hóa mọi ngành sinh hoạt, song từ sau thế chiến chủ trương này đã cáo chung. Đại tá Abel không phải là đảng viên cộng sản trung kiên. Trung ương GRU đã ra chỉ thị gạt bỏ đảng viên không chuyên nghiệp ra khỏi tổ chức. Trong thế chiến, sự thất bại của các đảng viên quốc xã về điệp báo đã khiến Hitler nộ khí xung thiên, bắt đô đốc Canaris chuyên nghiệp hóa Abwehr. Những dẫn chứng cụ thể đã vạch trần một sự thật tối hậu: đó là điệp báo phải là cơ quan chuyên nghiệp thuần túy, không liên quan đến thăng trầm chính trị.

Abel lên vào Hoa kỳ bằng giấy tờ giả. Năm 1960, một du khách Mỹ, lên là Fielding cũng dùng giấy tờ giả tới Nga xô, và biến thành Vassili Ostrovsky, cũng như Alel đã biến thành Goldfus và Mark... Abel đội lốt thợ ảnh, Fielding đội lốt viên chức Xô viết cao cấp. Fielding còn mở một câu lạc bộ nhạc Jazz ở Mạc tư khoa, giao du với con ông cháu cha. Hơn thế nữa, Fielding còn giao du với một số anh chị cừ khôi ở thủ đô Nga xô, tổ chức bẻ khóa các cơ sở quốc phòng, mở két sắt để trộm tài liệu mật. 5.000 nhân viên Phản gián Xô viết lùng

bắt Fielding mà không tìm ra tung tích. Từ Abel đến Fielding, người ta thấy rằng kỹ thuật điệp báo của Nga, và Mỹ, hoặc của mọi nước trên thế giới đều giống nhau.

Vì vậy, việc chúng ta cần làm trong lúc này là tìm hiểu, tìm hiểu và rút tĩa kinh nghiệm. Nguyễn văn Kiều, nhân viên tổ ám sát T-7 của cộng sản ở Sài Gòn, bị bắt khai rằng y liên lạc với nhân viên trong Tổ bằng ám hiệu đồng hồ đeo tay Hodna và bật lửa đặc biệt. Lờì khai của Nguyễn văn Kiều là một cơ hội nữa cho chúng ta hiểu rõ sự cần thiết của kiến thức điệp báo.

Kiến thức điệp báo này sẽ giúp chúng ta khỏi lâm lẫ như trong vụ một viên thư ký hăng tư mạo nhận nhân viên CIA lương tháng 18 ngàn để lường gạt. Tin này được báo chí Sài Gòn loan đầy đủ ngày 15.12 vừa qua. Ở Âu châu - hoặc gần hơn là Phi luật lẫ, hoặc Nhật bản - tình trạng này khó thể xảy ra vì đa số dân chúng đã có một kiến thức điệp báo khả quan.

Tha thiết với hoài bão này, tác giả đã cố gắng tiến thêm bước nữa trong rừng lý thuyết điệp báo. Cuốn Chiến sĩ Điệp báo Penkoskiy là nỗ lực của tác giả trong việc du nhập một tài liệu hoàn toàn khô khan. Mãi đến trung tuần tháng 12-1966, cuốn sách dịch bằng tiếng Pháp về Peikovskiy mới được bày bán ở Sài Gòn giá gần (700\$), trong khi bản Việt ngữ của Người Thứ Tám đã

tới các hiệu sách ở Việt nam từ tháng 8-1966 (giá 100\$) nghĩa là trước khi ấn bản Pháp ngữ được hoàn thành ở Ba lê. Mặc dầu cuốn Chiến sĩ Điệp báo được bán hết cho nhà phát hành, tác giả không còn giữ quyền nào, tiền vốn để thuê in vẫn chưa thu hồi đủ. Vì lẽ tác giả đã bán dưới giá vốn, với mục đích phổ biến rộng rãi.

Cuốn Bạn muốn thành gián điệp, sẽ có nhiều bạn đọc hơn, vì được viết theo thể văn ướm át của cuốn Gián điệp Quốc tế. Trong tương lai, tác giả sẽ đền đáp thịnh tình của bạn đọc bằng cách xuất bản cuốn Phản gián điệp, cuốn Tuyên Truyền Đen và cuốn Kỹ thuật Phá hoại và Chống Phá hoại.

Tác giả là cây bút đầu tiên lạc vào mê hồn trận điệp báo. Bởi vậy, khuyết điểm chắc xảy ra nhiều. Bởi vậy, tác giả xin chân thành tạ lỗi.

Người Thứ Tám